

Sổ Tay Những thông tin cần biết về tuyển sinh **ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG** *Hương Nghiệp 2024*

Sổ tay tặng học sinh lớp 12

Truy cập Website: huongnghiep.online để có thông tin tuyển sinh của các trường ĐH, CĐ trên cả nước.



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã trường
DKC



TUYỂN SINH 2024
04 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

- 1** Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024
- 2** Kết quả thi ĐGNL của ĐH Quốc gia TP.HCM
- 3** Xét học bạ lớp 12, tổng điểm 3 môn ≥ 18
- 4** Xét học bạ tổng điểm 3 học kỳ (lớp 11, HK1 lớp 12) ≥ 18

63 **NGÀNH**
đào tạo

Nhận hồ sơ học bạ: Từ **08/01/2024**

- | | | |
|--|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> Công nghệ thông tin An toàn thông tin Khoa học máy tính Khoa học dữ liệu (Data Science) Hệ thống thông tin quản lý Trí tuệ nhân tạo Robot và trí tuệ nhân tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô Công nghệ ô tô điện Kỹ thuật máy tính Kỹ thuật cơ khí Kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật điện Kỹ thuật nhiệt Kỹ thuật điện tử - viễn thông Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Tài chính - Ngân hàng Kế toán Quản trị kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> Digital Marketing Marketing Kinh doanh thương mại Kinh doanh quốc tế Kinh tế quốc tế Kinh tế số Thương mại điện tử Bất động sản Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Tâm lý học Quan hệ công chúng Quản trị nhân lực Quản trị khách sạn Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Quản trị sự kiện Quản lý thể dục thể thao Luật thương mại quốc tế Luật kinh tế Luật Kiến trúc | <ul style="list-style-type: none"> Thiết kế nội thất Thiết kế thời trang Thiết kế đồ họa Digital Art (Nghệ thuật số) Công nghệ tài chính Công nghệ thẩm mỹ Công nghệ điện ảnh, truyền hình Thanh nhạc Truyền thông đa phương tiện Đồng phương học Ngôn ngữ Hàn Quốc Ngôn ngữ Trung Quốc Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Nhật Dược học Điều dưỡng Kỹ thuật xét nghiệm y học Thú y Công nghệ thực phẩm Quản lý tài nguyên và môi trường Công nghệ sinh học |
|--|---|---|

5 LÝ DO CHỌN ĐẠI HỌC HUTECH



Môi trường năng động
ngay trung tâm TP.HCM



Đào tạo thực tế theo
nhu cầu doanh nghiệp



Chú trọng tiếng Anh
và kỹ năng mềm



Trải nghiệm Học kỳ
Doanh nghiệp từ năm 2



Thực tập, làm việc tại
doanh nghiệp uy tín

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP.HCM - HUTECH



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TOÀN DIỆN

SÁNG TẠO

PHỤNG SỰ

Mã trường
QSC

Chỉ tiêu 2024
2000 (chủ kiến) | 100% sinh viên
có việc làm

“Sinh viên ra trường có **VIỆC LÀM TỐT**,
THU NHẬP CAO và **THÀNH ĐẠT** chính là
thương hiệu của Trường Đại học
Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM”.

Môi trường đại học đáng mơ ước

Trường Đại học danh tiếng

UIT là trường **Đại học công lập** đầu tiên và uy tín của Việt Nam chuyên đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

Là thành viên của Đại học Quốc gia TP.HCM - đứng vị trí thứ 951-1000 các đại học tốt nhất thế giới theo Bảng xếp hạng QS World 2024, vị trí 167 các đại học xuất sắc nhất châu Á năm 2023.

Trường Đại học hiện đại

UIT luôn **đi đầu** trong việc ứng dụng **khoa học công nghệ** và đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất để sinh viên được học tập trong **môi trường tốt nhất**.

Chương trình đào tạo tiên tiến chuẩn quốc tế

Chương trình đào tạo luôn **cập nhật, bám sát thực tiễn**, lấy người học làm trung tâm hướng tới **các tiêu chuẩn quốc tế**.

Bề dày thành tích dạy và học

UIT đã có thể tự tin **khẳng định vị thế** của mình trong lĩnh vực đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông với **bề dày thành tích** đạt được của giảng viên và sinh viên trong cuộc thi trong nước và quốc tế.

Đội ngũ chuyên gia dầu ngành

UIT có đội ngũ giảng viên với trình độ **chuyên môn cao** tốt nghiệp từ các Trường, Viện uy tín trong và ngoài nước; đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, **có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ** trong các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Môi trường học tập lý tưởng

UIT có đội ngũ giảng viên với trình độ **chuyên môn cao** tốt nghiệp từ các Trường, Viện uy tín trong và ngoài nước; đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, **có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ** trong các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh
**Trường Đại học
Công nghệ Thông tin**

Khu phố 6, phường Linh Trung,
thành phố Thủ Đức, TP.HCM

Hotline tuyển sinh:
0908 831 246
0971 203 246

📧 tuyensinh.uit.edu.vn
📧 tuyensinh@uit.edu.vn
📌 fb.com/TuyenSinh.UIT



Quét mã QR
đăng ký xét tuyển trực tuyến



Uelity **E**xcellence **L**eadership
Thống nhất - Tự tại - Tiến phong

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

★ *Lựa chọn đúng - Tương lai sáng*



01

CHẤT LƯỢNG TRONG ĐÀO TẠO

- Chương trình tiếng Việt: 60 SV/lớp; Chương trình tiếng Anh: 40 SV/lớp
- Cơ sở vật chất: Phòng học máy lạnh, khu tập luyện TDTT hiện đại, KTX sức chứa 40.000 chỗ
- Đội ngũ giảng viên trình độ cao, tâm huyết trong giảng dạy
- Đa dạng các chương trình đào tạo: Cử nhân tài năng, Song ngành, Song bằng giữa các trường ĐHQG-HCM; Liên kết quốc tế 2+2, 3+1 với các trường đại học Anh Quốc; Trao đổi sinh viên tại các trường đối tác

02

HIỆU QUẢ TRONG NGHIÊN CỨU

- Phòng Mô phỏng thị trường tài chính đầu tiên tại Việt Nam
- Phòng Nghiên cứu và kinh doanh thông minh (BI Lab), phòng dạy học số, phòng thực hành....
- Viện Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Ngân hàng ĐHQG-HCM, Viện Phát triển chính sách ĐHQG-HCM, Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh, ...
- Hoạt động Nghiên cứu khoa học sinh viên trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và luật đạt nhiều thành tích cao

03

UY TÍN VỚI NHÀ TUYỂN DỤNG

- 97% sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp
- Đa dạng các hoạt động thực tế doanh nghiệp như: talkshow, workshop, kiến tập, thực tập
- Danh tiếng với nhà tuyển dụng của ĐHQG-HCM giữ vị trí 366 toàn cầu (QS World 2024)

04

ĐA DẠNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

- Phong trào Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên nhiều năm liền đạt lá cờ đầu trong thi đua tại TP.HCM
- Các hoạt động ngoại khóa nổi bật: văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, công tác xã hội phục vụ cộng đồng...
- Hơn 50 Câu lạc bộ gắn liền với chuyên ngành, kỹ năng, sở thích, tình nguyện....
- Cơ hội tham gia các chương trình trao đổi sinh viên trong và ngoài nước, các khóa tập huấn phát triển kỹ năng

KIẾN THỨC

KỸ NĂNG

THÁI ĐỘ

KINH TẾ

Kinh tế học
Kinh tế đối ngoại
Kinh tế và Quản lý công
Toán Kinh tế



XẾP HẠNG NĂM 2023
TOP 801+
LĨNH VỰC KINH DOANH - KINH TẾ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
WORLD UNIVERSITY RANKINGS 2024
#366
DANH TIẾNG VỚI NHÀ TUYỂN DỤNG

KINH DOANH

Tài chính - Ngân hàng
Công nghệ tài chính
Kế toán
Kiểm toán
Kinh doanh quốc tế
Marketing
Digital Marketing
Quản trị kinh doanh
Quản trị du lịch và lữ hành
Quản lý công
Hệ thống thông tin quản lý
Thương mại điện tử
Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo

LUẬT

Luật Kinh doanh
Luật Thương mại quốc tế
Luật Dân sự
Luật Tài chính - Ngân hàng
Luật và Chính sách công



THÔNG TIN TUYỂN SINH VĂN BẰNG HAI, VỪA LÀM VỪA HỌC

- Thời gian tuyển sinh: đợt 1 tháng 2/2024, đợt 2 tháng 6/2024
- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển (không thi tuyển)
- Chuyên ngành tuyển sinh: Luật Kinh tế, Luật Dân sự, Luật Kinh doanh, Quản trị kinh doanh, Kế toán, ...
- Địa điểm tuyển sinh: TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Thuận, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu
- Chi tiết xem thông tin tại: <http://dkxt.uel.edu.vn>
- Hotline: 0708.247.669

THÔNG TIN LIÊN HỆ

ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

669, Quốc lộ 1, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP.HCM
tuyensinh.uel.edu.vn
tuvantuyensinh@uel.edu.vn
(028) 37244 550 | 0888 247 669

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ

international.uel.edu.vn
0933.627.617
international@uel.edu.vn



THÔNG TIN TUYỂN SINH



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING



TUYỂN SINH 2024

DMS

MÃ TRƯỜNG

**A00, A01, D01
D72, D78, D96**

TỔ HỢP XÉT TUYỂN

4300

CHỈ TIÊU (Dự kiến)

CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC THÙ

CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG

CHƯƠNG TRÌNH
TÍCH HỢP

CHƯƠNG TRÌNH
TIẾNG ANH TOÀN PHẦN

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

XÉT TUYỂN THẲNG

XÉT TUYỂN KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT

XÉT TUYỂN KẾT QUẢ KỶ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NĂM 2024

XÉT TUYỂN KẾT QUẢ
KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

NGÀNH TUYỂN SINH

- Quản trị kinh doanh
- Marketing
- Bất động sản
- Kế toán
- Công nghệ tài chính
- Kinh doanh quốc tế
- Ngôn ngữ Anh
- Tài chính - Ngân hàng
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Quản trị khách sạn
- Kinh tế
- Luật kinh tế
- Toán kinh tế
- Hệ thống thông tin quản lý
- Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống



QUÉT MÃ QR CODE
ĐỂ CẬP NHẬT THÊM THÔNG TIN



<https://tuyensinh.ufm.edu.vn>



[/tuyensinhufm](https://www.facebook.com/tuyensinhufm)



[/ufmhcm](https://www.zalo.me/ufmhcm)



[@ufm.official](https://www.tiktok.com/@ufm.official)

Hotline: 0283.772.0404 | 0283.772.0406 | 0283.772.0407



BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

(TRƯỜNG CÔNG LẬP - TRƯỜNG ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2020)

HOTLINE:

☎ 028 38 446 320 - 091 818 2270

📍 287 Phan Đình Phùng, P.15,
Q. Phú Nhuận, TP.HCM

WWW.COFER.EDU.VN



TUYỂN SINH CAO ĐẲNG 2024

XÉT TUYỂN THEO 2 PHƯƠNG THỨC:

- Phương thức 1: Xét học bạ THPT gồm 3 học kỳ
(Học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11; Học kỳ 1 lớp 12)
- Phương thức 2: Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

100%

- HỌC BỔNG TOÀN KHÓA DÀNH CHO THỦ KHOA & 2 Á KHOA
(dành cho cả 2 phương thức xét tuyển học bạ THPT và điểm thi tốt nghiệp)
- HỌC BỔNG TOÀN KHÓA CHO THÍ SINH CÓ CHỨNG CHỈ IELTS
6.0 TRỞ LÊN
- HỌC BỔNG NĂM 1 CHO THÍ SINH CÓ CHỨNG CHỈ IELTS 5.5

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN GỒM:

1. Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu), thí sinh tải mẫu từ website của Trường.
2. Bản photo bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.
3. Bản photo CCCD.
4. Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo hình thức sau:
 - Đăng ký xét tuyển theo học bạ: Nộp bản photo học bạ THPT hoặc phiếu điểm có xác nhận của Trường trong 3 học kỳ (HK 1 và HK 2 lớp 11; HK 1 lớp 12);
 - Đăng ký xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: Nộp bản photo giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT.
5. Bản photo giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
6. Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/nguyên vọng + 15.000đ phí phát giấy báo (nộp trực tiếp tại Trường hoặc qua hình thức chuyển khoản).

*Lưu ý đối với thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển nhập học tại Cơ sở Cần Thơ:
- Thí sinh trúng tuyển tại cơ sở Cần Thơ sẽ học năm 1 tại Cs. Cần Thơ, từ năm 2 học tại cơ sở TP. HCM.
- Miễn phí học kỳ 1 năm nhất cho thí sinh đăng ký học tại cơ sở Cần Thơ.
- Cơ sở Cần Thơ: Số 08 đường Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ

TÊN NGÀNH NGHỀ

1. KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
2. LOGISTICS
3. THU MUA
4. QUẢN TRỊ KINH DOANH
5. MARKETING THƯƠNG MẠI
6. QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
7. QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH
8. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
9. QUẢN LÝ SIÊU THỊ
10. QUẢN TRỊ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
11. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
12. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
13. KẾ TOÁN SỔ
14. TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI
15. TIẾNG ANH DU LỊCH

THỜI GIAN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN:

- Đăng ký online trên Website:
WWW.COFER.EDU.VN
Từ ngày **01/3/2024**
- Phương thức xét tuyển học bạ:
Từ ngày **01/3/2024**
- Phương thức xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT:
Sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT.
Lưu ý: Thí sinh gửi hồ sơ theo đường bưu điện sẽ tính thời gian đăng ký xét tuyển theo dấu bưu điện.

TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

A00: Toán, Vật lý, Hóa học

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

Đối với ngành Tiếng Anh Thương mại và
Tiếng Anh Du lịch xét tuyển theo tổ hợp
môn sau:

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh



Quét mã QR
để đăng ký xét tuyển Online



Quét mã QR
để xem chi tiết thông tin



TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG

THÀNH LẬP NĂM 1906
TRƯỜNG CÔNG LẬP - TRỰC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2024

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY các ngành, nghề

SINH VIÊN TỐT NGHIỆP:

- Được cấp bằng Cao đẳng (danh hiệu Kỹ sư thực hành hoặc Cử nhân thực hành)
- Được liên thông đại học:
 - + ĐH Bách Khoa TP. HCM; ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM; ĐH Jeonju - Hàn Quốc; ...
 - + Các chương trình đạt chuẩn kiểm định ABET có thể học liên thông tại Mỹ, Úc, Canada hoặc các nước phát triển khác.

Ngành đào tạo

Chương trình đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành, chú trọng về kỹ năng nghề, khả năng tính toán, thiết kế và giải quyết các vấn đề trong thực tế sản xuất

Mã
ngành,
nghề

- | | |
|--|---------|
| 1. Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử | 6510303 |
| - Chuyên ngành CNKT Điện công nghiệp | |
| - Chuyên ngành CNKT Điện tử công nghiệp | |
| 2. Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (Điện tử, Truyền thông) | 6510312 |
| - Chuyên ngành CNKT Điện tử viễn thông | |
| - Chuyên ngành CNKT Viễn thông và Mạng máy tính | |
| 3. Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí | 6510201 |
| 4. Công nghệ Kỹ thuật Ô tô | 6510202 |
| 5. Công nghệ Thông tin | 6480201 |
| - Chuyên ngành Công nghệ lập trình ứng dụng web | |
| - Chuyên ngành Công nghệ lập trình ứng dụng di động | |
| - Chuyên ngành Mạng máy tính | |
| 6. Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt (Cơ điện lạnh) | 6510211 |
| 7. Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | 6510304 |
| 8. Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa | 6510305 |
| 9. Kế toán doanh nghiệp (Kế toán tin học - 2,5 năm) | 6340302 |

Ký hiệu trường: CKC

Thời gian đào tạo: 3 năm

Chỉ tiêu: 4.500 (dự kiến)

Vùng tuyển sinh: Cả nước

Phương thức xét tuyển tất cả ngành, nghề:

- Học bạ THPT - 3 học kỳ (HK 1, 2 lớp 11; HK 1 lớp 12)
- Kết quả tốt nghiệp của kỳ thi THPT Quốc gia năm 2024
- Kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2024 của Đại học Quốc gia TP. HCM

Tổ hợp xét tuyển:

- + A00 (Toán - Lý - Hóa)
- + A01 (Toán - Lý - Anh)
- + D01 (Toán - Văn - Anh)

Tất cả các tổ hợp: môn Toán hệ số 2

Điểm trúng tuyển: Theo ngành, nghề

Đăng ký xét tuyển (ĐKXT):

Từ 01/01/2024, theo một trong các hình thức:

- + Đăng ký online trên website trường
- + Nộp phiếu ĐKXT trực tiếp tại trường
- + Nộp phiếu ĐKXT qua đường bưu điện

Hạn cuối đăng ký xét tuyển (dự kiến):

- + Học bạ THPT: 30/5/2024
- + Kết quả thi THPT QG: 30/7/2024
- + Kết quả thi ĐGNL ĐHQG-HCM: 10/7/2024

Nộp hồ sơ online tại:
tuyensinh.caothang.edu.vn



Nghề đào tạo

Chương trình đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành, chú trọng về kỹ năng nghề và khả năng giải quyết các vấn đề trong thực tế sản xuất

Mã
ngành,
nghề

- | | |
|--|---------|
| 10. Cơ khí chế tạo (Cắt gọt kim loại) | 6520121 |
| 11. Sửa chữa cơ khí (Nguội sửa chữa máy công cụ) | 6520126 |
| 12. Hàn (Công nghệ cao - 2,5 năm) | 6520123 |
| 13. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 6520205 |
| 14. Bảo trì, sửa chữa Ô tô (Công nghệ Ô tô) | 6510216 |
| 15. Điện công nghiệp | 6520227 |
| 16. Điện tử công nghiệp | 6520225 |
| 17. Quản trị mạng máy tính | 6480209 |
| 18. Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 6480102 |

Thông tin chi tiết tại: www.caothang.edu.vn

Phòng Đào tạo (lầu 1, nhà E) - Địa chỉ: 65 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 38.212.868; 0813.813.222 - Email: tuyensinh@caothang.edu.vn

Facebook tư vấn tuyển sinh: www.facebook.com/caothang.edu.vn

Trường Cao đẳng đầu tiên tại Việt Nam
được tổ chức ABET (Hoa Kỳ) công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG ĐẠT CHUẨN QS STARS ★★★★★

QS - Quacquarelli Symonds (Anh Quốc) là tổ chức xếp hạng giáo dục uy tín hàng đầu thế giới. Bên cạnh xếp hạng, QS còn cung cấp hệ thống xếp loại sao (QS Stars) cho các đại học trên thế giới, với quá trình đánh giá khách quan, nghiêm ngặt và chất chẽ theo 8 tiêu chuẩn, đánh giá tổng thể các mặt hoạt động của một trường đại học.



**VLU XẾP HẠNG 117 TẠI ĐÔNG NAM Á
TOP 701 - 750 TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỐT
NHẤT CHÂU Á NĂM 2024**

HƠN 100 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC

Chương trình đối sánh với các đại học top 100-300 của thế giới

**16 Chương trình đào tạo
đạt chuẩn chất lượng quốc gia**

Quản trị Khách sạn, Ngôn ngữ Anh, Kế toán, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Kiến trúc, Tài chính - Ngân hàng, Kỹ thuật, Xây dựng, Quản trị Kinh doanh, Kinh doanh Thương mại, Công nghệ Sinh học, Luật Kinh tế, Tâm lý học, Quan hệ Công chúng, Đồng phương học, Văn học ứng dụng, Kỹ thuật Phần mềm.

**04 Chương trình đào tạo đạt chuẩn
đánh giá chất lượng AUN-QA**

(Tổ chức bảo đảm chất lượng của mạng lưới các Trường đại học Đông Nam Á)

Kế toán; Công nghệ Kỹ thuật Môi trường;
Thiết kế Đồ họa; Quản trị Khách sạn.

HƠN 30 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT QUỐC TẾ

Chương trình liên kết đào tạo, giúp sinh viên học và nhận bằng từ các Đại học quốc tế danh tiếng

VLU đào tạo sinh viên đáp ứng sự chuyển mình của thị trường lao động toàn cầu. 95% sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp. 81% sinh viên có việc từ khi chưa tốt nghiệp cho đến 3 tháng sau tốt nghiệp.

CƠ SỞ CHÍNH

69/68 Đặng Thùy Trâm, P.13, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

CƠ SỞ 1

45 Nguyễn Khắc Nhu, P. Cờ Giàng, Q.1, TP.HCM

CƠ SỞ 2

233A Phan Văn Trị, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

f Van Lang University

f Tuyển sinh - Trường Đại học Văn Lang

e tuyensinh.vlu.edu.vn

📞 028 7105 9999

📍 Trường Đại học Văn Lang



Sứ mệnh của Trường Đại học Văn Lang là đào tạo những con người mang lại tác động tích cực, truyền cảm hứng cho xã hội.

Bằng cách xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cho người học, nhà khoa học và doanh nghiệp, Trường Đại học Văn Lang tạo điều kiện để tất cả các thành viên kết nối, học tập và phát triển những giải pháp đột phá cho một tương lai tốt đẹp hơn.

Tương lai không dễ dự đoán nhưng vai trò của một tổ chức giáo dục đại học là đóng góp vào nghiên cứu, dự báo, tham vấn và định hướng cho tương lai. Để học sinh, sinh viên Việt Nam sẵn sàng với những biến đổi và tự tin gia nhập thị trường lao động thế giới, Trường Đại học Văn Lang nỗ lực cung cấp giá trị vượt trội cho người học, góp phần kiến tạo những thế hệ sinh viên mới, xóa khoảng cách giữa nhân lực Việt Nam và thế giới, mở ra cơ hội cho lực lượng lao động tương lai.



DANH MỤC

60 NGÀNH XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2024

Khối ngành	Mã ngành	Tên ngành đăng ký xét tuyển	Chương trình tiêu chuẩn	Chương trình đặc biệt	Tham khảo điểm chuẩn trúng tuyển năm 2023		
					Xét kết quả học tập THPT (Học bạ)	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét điểm thi Đánh giá năng lực ĐHQG
KHỐI NGÀNH NGHỆ THUẬT - THIẾT KẾ	7210205	Thanh nhạc (*)	x		24	16	650
	7210208	Piano (*)	x		24	16	650
	7210234	Diễn viên Kịch, Điện ảnh - Truyền hình (*)	x		24	16	650
	7210235	Đạo diễn Điện ảnh, Truyền hình (*)	x		24	16	650
	7210402	Thiết kế Công nghiệp (*)	x		24	16	650
	7210403	Thiết kế Đồ họa (*)	x	x	24	16	650
	7580108	Thiết kế Nội thất (*)	x		24	16	650
	7210404	Thiết kế Thời trang (*)	x		24	16	650
KHỐI NGÀNH LUẬT - XÃ HỘI NHÂN VĂN - TRUYỀN THÔNG	7210409	Thiết kế Mỹ thuật số (*)	x		24	16	650
	7220201	Ngôn ngữ Anh (*)	x	x	24	16	650
	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	x		18	16	650
	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	x		18	16	650
	7229030	Văn học	x		18	16	650
	7310401	Tâm lý học	x	X	18	17	650
	7310608	Đồng phương học	x		18	16	650
	7320104	Truyền thông Đa phương tiện	x		20	18	650
KHỐI NGÀNH KINH DOANH - QUẢN LÝ	7380101	Luật	x		18	16	650
	7380107	Luật Kinh tế	x		18	16	650
	7320108	Quan hệ Công chúng	x	x	20	18	650
	7310106	Kinh tế Quốc tế	x		18	16	650
	7340101	Quản trị Kinh doanh	x	x	18	17	650
	7340115	Marketing	x	x	19	17	650
	7340116	Bất động sản	x		18	16	650
	7340120	Kinh doanh Quốc tế	x		18	17	650
KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ	7340121	Kinh doanh Thương mại	x		18	16	650
	7340122	Thương mại Điện tử	x		18	16	650
	7340201	Tài chính - Ngân hàng	x	x	18	16	650
	7340301	Kế toán	x	x	18	16	650
	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	x	x	18	16	650
	7340205	Công nghệ Tài chính	x		18	16	650
	7420201	Công nghệ Sinh học	x		18	16	650
	7420205	Công nghệ Sinh học Y dược	x		18	16	650
KHỐI NGÀNH KIẾN TRÚC	7420207	Công nghệ Thẩm mỹ	x		18	16	650
	7460108	Khoa học Dữ liệu	x		18	16	650
	7480103	Kỹ thuật Phần mềm	x		18	16	650
	7480201	Công nghệ Thông tin	x	x	18	16	650
	7510205	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	x		18	16	650
	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	x		18	16	650
	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	x		18	16	650
	7320106	Công nghệ Truyền thông	x		18	16	650
KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE	7480104	Hệ thống Thông tin	x		18	16	650
	7480102	Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	x		18	16	650
	7210302	Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (*)	x		18	16	650
	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	x		18	16	650
	7520115	Kỹ thuật Nhiệt	x		18	16	650
	7580201	Kỹ thuật Xây dựng	x		18	16	650
	7580302	Quản lý Xây dựng	x		18	16	650
	7620118	Nông nghiệp Công nghệ cao	x		18	16	650
KHỐI NGÀNH DU LỊCH	7520120	Kỹ thuật Hàng không	x		18	16	650
	7540101	Công nghệ Thực phẩm	x		18	16	650
	7580101	Kiến trúc (*)	x	x	24	16	650
	7720201	Được học	x		24	21	750
	7720301	Điều dưỡng	x		19,5	19,5	700
	7720501	Răng - Hàm - Mặt	x		24	23,5	750
	7720101	Y Khoa	x		24	22,5	750
	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	x		19,5	19,5	700
	7810101	Du lịch	x		18	16	650
	7810103	Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành	x	x	18	16	650
	7810201	Quản trị Khách sạn	x	x	18	16	650
	7810202	Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ Ăn uống	x		18	16	650

(*) Các ngành có môn thi chính nhân hệ số 2

H01 (Toán, Văn, Văn)

H02 (Toán, Anh, Văn, Mỹ thuật)

H03 (Toán, Khoa học Tự nhiên, Văn)

H04 (Toán, Anh, Văn)

H05 (Văn, Khoa học Xã hội, Văn)

H08 (Văn, Anh, Văn)

N00 (Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2)

S00 (Văn, NK SKĐA 1, NK SKĐA 2)

V00 (Toán, Lý, Văn, Mỹ thuật)

V01 (Toán, Văn, Văn, Mỹ thuật)

A00 (Toán, Lý, Hóa)

A01 (Toán, Lý, Anh)

A02 (Toán, Lý, Sinh)

B00 (Toán, Hóa, Sinh)

B03 (Toán, Sinh, Văn)

C00 (Văn, Sử, Địa)

C01 (Toán, Văn, Lý)

C02 (Toán, Văn, Hóa)

C04 (Toán, Văn, Địa)

C08 (Văn, Hóa, Sinh)

C20 (Văn, Địa, GDCCD)

D01 (Toán, Văn, Anh)

D03 (Toán, Văn, Pháp)

D04 (Toán, Văn, Trung)

D07 (Toán, Hóa, Anh)

D08 (Toán, Sinh, Anh)

D10 (Toán, Địa, Anh)

D12 (Văn, Hóa, Anh)

D14 (Văn, Sử, Anh)

D66 (Văn, GDCCD, Anh)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

MÃ TRƯỜNG: **QST**

■ ĐIỂM CHUẨN

Mã ngành	Ngành, nhóm ngành	Điểm chuẩn kỳ thi Tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn kỳ thi Đánh giá năng lực	
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023

LĨNH VỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học	20.00	22.00	670	720
7440228	Hải dương học	17.00	19.00	610	600
7440112	Hóa học	24.20	24.50	820	845
7440112_DKD	Hóa học (CT tăng cường tiếng Anh)	23.60	24.20	770	830
7440122	Khoa học Vật liệu	17.00	17.00	620	650
7440201	Địa chất học	17.00	17.00	610	600
7440301	Khoa học Môi trường	17.00	17.00	610	600
7440301_DKD	Khoa học Môi trường (CT tăng cường tiếng Anh)	17.00	17.00	610	600

LĨNH VỰC KHOA HỌC SỐNG, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

7420101	Sinh học	17.00	21.50	630	650
7420101_DKD	Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh)	17.00	21.50	630	650
7420201	Công nghệ Sinh học	23.75	24.68	815	830
7420201_DKD	Công nghệ Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh)	24.00	24.68	815	830
7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	17.00	18.50	620	650

LĨNH VỰC TOÁN, MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

7460101_NN	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	24.75	25.30	780	830
7460108	Khoa học Dữ liệu	26.70	26.40	912	950
7480201_NN	Nhóm ngành Máy tính và Công nghệ Thông tin	27.20	26.50	935	940
7480201_DKD	Công nghệ Thông tin (CT tăng cường tiếng Anh)	27.20	26.00	880	925
7480101_TT	Khoa học Máy tính (CT Tiên tiến)	28.20	28.05	1001	1035
7480107	Trí tuệ nhân tạo	27.20	27.00	935	1001

LĨNH VỰC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT

7520402	Kỹ thuật Hạt nhân	17.00	17.00	620	700
7520403	Vật lý Y khoa	24.00	24.00	806	860
7510401_DKD	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học (CT tăng cường tiếng Anh)	24.65	24.70	770	845
7510402	Công nghệ Vật liệu	23.00	23.00	650	730
7520501	Kỹ thuật Địa chất	17.00	17.00	610	600
7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	17.00	17.00	620	600
7520207	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	24.25	24.55	750	790
7520207_DKD	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CT tăng cường tiếng Anh)	24.25	23.25	680	750

■ CÁC THÔNG TIN LIÊN HỆ



Website tuyển sinh

<https://tuyensinh.hcmus.edu.vn/>



Fanpage

<www.facebook.com/tvts.hcmus/>



Thông tin

Cẩm nang tư vấn tuyển sinh

Địa điểm

- 227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Khu đô thị ĐHQG-HCM

Hotline: 1900.999.978

■ CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

PHƯƠNG THỨC 01

Tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT

PHƯƠNG THỨC 02

Ưu tiên xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

PHƯƠNG THỨC 03

Dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

PHƯƠNG THỨC 04

Dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

PHƯƠNG THỨC 05

Dựa trên kết quả chương trình đào tạo THPT quốc tế

PHƯƠNG THỨC 06

Dựa trên kết quả các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp với kết quả học tập THPT

■ NGÀNH MỚI DỰ KIẾN

Ngành: Thiết kế vi mạch

Ngành: Công nghệ giáo dục

Ngành: Khoa học công nghệ bán dẫn

Ngành: Khoa học quản lý và kinh tế đất đai



Yêu Khoa học Chọn Tự nhiên

Nơi nuôi dưỡng và chấp cánh niềm đam mê khoa học

LỜI NÓI ĐẦU!

Các em học sinh thân mến!

Năm 2024 là năm thứ 14 “*Sổ tay hướng nghiệp, những thông tin cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ 2024*” được phát hành. Sổ tay do Công ty Cổ phần Kết nối Văn hóa Việt phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ Học sinh, Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh cùng các trường ĐH, CĐ tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khu vực phía nam biên soạn và phát hành, dành tặng trực tiếp cho các em học sinh lớp 12 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh từ Đà Nẵng đến Cà Mau và phát hành trên trang điện tử: **www.huongnghiep.online**. Đây là món quà ý nghĩa mà chúng tôi đã thực hiện và trao tặng cho hàng triệu học sinh trong nhiều năm qua.

Năm 2024, Kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển ĐH, CĐ giống như năm 2023. Các trường ĐH, CĐ đã chủ động đưa ra nhiều phương thức xét tuyển để phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với kiến thức đã học của các em trong năm nay.

Nội dung Sổ tay năm nay cung cấp thông tin về Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, thông tin tuyển sinh ĐH, CĐ, ngành nghề “hot” trong thời gian tới, chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam trong những năm tới, thị trường lao động và nguồn nhân lực, giáo dục quốc tế, sức khỏe dinh dưỡng mùa thi, danh bạ ĐH, CĐ...

“*Sổ tay hướng nghiệp, những thông tin cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ 2024*” là kênh tham khảo quan trọng để giúp các em có nhiều thông tin liên quan đến việc xét tuyển ĐH, CĐ năm 2024. Hy vọng Sổ tay sẽ giúp các em đưa ra quyết định đúng đắn để chọn một ngành học, một trường phù hợp với bản thân và điều kiện tài chính gia đình.

Chúc các em thành công!

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

Lời nói đầu và Mục lục	11
Thông tin kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024	12
Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	18
Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035	21
Ngành nghề “hot” năm 2024	30
Thông tin tuyển sinh năm 2024 của một số trường ĐH, CĐ từ Đà Nẵng trở vào	35
Tâm lý mùa thi	152
Sức khỏe mùa thi	154
Danh bạ các Học viện, trường ĐH, CĐ từ Đà Nẵng đến Cà Mau	158

Hãy truy cập: www.huongnghiep.online để xem thông tin mới nhất về tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2024 của các trường ĐH, CĐ trên cả nước.

THÔNG TIN KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

(Trích một số nội dung của Thông tư số: 02/2024/TT-BGDĐT và sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số: 15/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số: 05/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số: 06/2023/TT-BGDĐT)

I. KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

1. Mục đích, yêu cầu:

1.1. Thi tốt nghiệp THPT nhằm mục đích:

- Đánh giá kết quả học tập của người học theo mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT, chương trình GDTX cấp THPT (gọi chung là chương trình THPT).
- Lấy kết quả thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT làm cơ sở đánh giá chất lượng dạy, học của trường phổ thông và công tác chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục.
- Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp có thể sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để tuyển sinh.

1.2. Yêu cầu: Kỳ thi tốt nghiệp THPT (gọi tắt là kỳ thi) phải bảo đảm yêu cầu nghiêm túc, trung thực, khách quan, công bằng.

2. Nơi đăng ký dự thi, Thời gian đăng ký dự thi:

2.1. Nơi đăng ký dự thi: Thí sinh đang học lớp 12 năm học 2023-2024 thực hiện ĐKDT trực tuyến.

2.2. Thời gian đăng ký dự thi: Từ ngày 02/5/2024 đến 17 giờ 00 ngày 10/5/2024

3. Lịch thi tốt nghiệp THPT năm 2024:

Ngày thi	Buổi thi	Bài thi		Thời gian làm bài	Thời gian phát đề	Thời gian bắt đầu làm bài
26/6	Sáng	8h00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi				
	Chiều	14h00: Phổ biến Quy chế thi, lịch thi. Thí sinh đến phòng thi, làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có)				
27/6	Sáng	Ngữ văn		120 phút	7h30	7h35
	Chiều	Toán		90 phút	14h20	14h30
28/6	Sáng	Bài thi KHTN	Vật lí	50 phút	7h30	7h35
			Hoá học	50 phút	8h30	8h35
			Sinh học	50 phút	9h30	9h35
		Bài thi KHXH	Lịch sử	50 phút	7h30	7h35
			Địa lí	50 phút	8h30	8h35
			GDCD	50 phút	9h30	9h35
	Chiều	Ngoại ngữ		60 phút	14h20	14h30
29/6	Sáng	Dự phòng				

4. Đối tượng, Điều kiện dự thi, Đăng ký bài thi:

4.1. Đối tượng dự thi gồm:

- a) Người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi;
- b) Người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
- c) Người đã có Bằng tốt nghiệp THPT, người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh;
- d) Một số trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định.

4.2. Điều kiện dự thi:

- a) Người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi phải bảo đảm được đánh giá ở lớp 12 đạt hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên và học lực không bị xếp loại kém; riêng đối với người học thuộc diện không phải xếp loại hạnh kiểm và người học theo hình thức tự học có hướng dẫn thuộc chương trình GDTX thì không yêu cầu xếp loại hạnh kiểm;
- b) Người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải có Bằng tốt nghiệp THCS và không xếp loại học lực kém ở lớp 12; trường hợp không đủ điều kiện dự thi trong các năm trước do xếp loại học lực kém ở lớp 12, phải đăng ký và dự kỳ kiểm tra cuối năm học đối với một số môn học có điểm trung bình dưới 5,0 (năm) điểm (tại trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc trường phổ thông nơi ĐKDT), bảo đảm khi lấy điểm bài kiểm tra thay cho điểm trung bình môn học để tính lại điểm trung bình cả năm thì đủ điều kiện dự thi về xếp loại học lực theo quy định;
- c) Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh phải bảo đảm học và thi đạt yêu cầu đủ số lượng các môn văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT;
- d) Các đối tượng dự thi phải ĐKDT và nộp đầy đủ các giấy tờ đúng thời hạn.

4.3. Đăng ký bài thi:

- a) Để xét công nhận tốt nghiệp THPT: thí sinh giáo dục THPT trong năm tổ chức kỳ thi và đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 04 bài thi, gồm 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn;
- b) Thí sinh GDTX đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi hoặc đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 03 bài thi, gồm 02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn, có thể ĐKDT thêm bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh;
- c) Thí sinh đã có Bằng tốt nghiệp THPT, người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh được ĐKDT các bài thi

độc lập, bài thi tổ hợp hoặc các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp theo nguyện vọng.

4.4. Bài thi:

Tổ chức thi 05 bài thi, gồm: 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên (viết tắt là KHTN) gồm các môn thi thành phần Vật lí, Hóa học, Sinh học; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Xã hội (viết tắt là KHXH) gồm các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân đối với thí sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT hoặc các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí đối với thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT.

5. Nội dung thi, hình thức thi và thời gian làm bài thi/môn thi:

- 5.1. Nội dung thi: Nội dung thi nằm trong chương trình THPT, chủ yếu là chương trình lớp 12.
- 5.2. Hình thức thi: Các bài thi Toán, Ngoại ngữ, KHTN và KHXH thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan (gọi chung là bài thi trắc nghiệm); bài thi Ngữ văn thi theo hình thức tự luận (gọi chung là bài thi tự luận).

II. XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

1. Miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng miễn thi:

- a) Là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- b) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ GDĐT công nhận tương đương với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (đạt từ bậc 3 trở lên). Chứng chỉ ngoại ngữ phải có giá trị sử dụng đến ngày làm thủ tục dự thi.”

1.2. Thí sinh được miễn thi bài thi Ngoại ngữ được tính 10 điểm cho bài thi này để xét công nhận tốt nghiệp THPT.

1.3. Thí sinh không đăng ký sử dụng quyền được miễn thi bài thi Ngoại ngữ thì phải dự thi và xét công nhận tốt nghiệp THPT như thí sinh không được miễn thi.

2. Miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT

2.1. Người được triệu tập tham gia kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế hoặc Olympic khu vực các môn văn hóa được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;
- b) Xếp loại cả năm lớp 12 đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực từ loại khá trở lên;
- c) Có tên trong danh sách miễn thi của Bộ GDĐT.

2.2. Người trong đội tuyển tham gia các cuộc thi Olympic quốc tế hoặc Olympic khu vực về khoa học kỹ thuật, văn hóa - văn nghệ được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;
- b) Xếp loại cả năm lớp 12 đạt hạnh kiểm và học lực từ loại trung bình trở lên;
- c) Có tên trong công văn đề nghị miễn thi và xác nhận tham dự tập huấn và dự thi đúng quy định của cơ quan tuyển chọn gửi đến sở GDĐT trước ngày thi tốt nghiệp THPT.

2.3. Người khuyết tật đặc biệt nặng và người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, bản thân bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung: Học hết chương trình THPT; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 4.2 điều kiện dự thi phần I; có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- b) Đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung: Được Hiệu trưởng trường phổ thông nơi đăng ký học tập xác nhận kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân từng năm ở cấp THPT; có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- c) Đối với người hoạt động kháng chiến, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Học hết chương trình THPT; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 4.2 điều kiện dự thi phần I; có giấy xác nhận bị nhiễm chất độc hóa học và bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Đặc cách tốt nghiệp THPT

3.1. Người học thuộc các đối tượng quy định tại khoản 4.1 và 4.2 của phần I nếu đủ điều kiện dự thi được xét đặc cách tốt nghiệp THPT trong trường hợp bị tai nạn, bị ốm hoặc có việc đột xuất đặc biệt trước ngày thi không quá 10 ngày hoặc ngay trong buổi thi đầu tiên, không thể dự thi.

- a) Điều kiện: Xếp loại về học lực và hạnh kiểm cả năm ở lớp 12 đều từ khá trở lên;
- b) Hồ sơ gồm: Hồ sơ nhập viện, ra viện do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt); biên bản đề nghị xét đặc cách tốt nghiệp THPT của trường phổ thông nơi ĐKDT và hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12.

3.2. Người học thuộc các đối tượng quy định tại khoản 4.1 và 4.2 của phần I nếu đủ điều kiện dự thi được xét đặc cách tốt nghiệp THPT trong trường hợp bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt sau khi đã thi ít nhất một bài thi

và không thể tiếp tục dự thi hoặc sau khi bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt tự nguyện dự thi số bài thi còn lại.

- a) Điều kiện: Điểm của những bài đã thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT đều đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên; xếp loại ở lớp 12 có học lực từ trung bình trở lên, hạnh kiểm từ khá trở lên;
 - b) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị xét đặc cách của thí sinh; hồ sơ nhập viện, ra viện của bệnh viện từ cấp huyện trở lên (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt) và hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12.
- 3.3. Các đối tượng là vận động viên đủ điều kiện được xét đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.
- 3.4. Thủ tục:
- a) Chậm nhất 07 ngày sau buổi thi cuối cùng của kỳ thi, thí sinh phải nộp hồ sơ đặc cách cho Thủ trưởng đơn vị nơi thí sinh ĐKDT. Thủ trưởng đơn vị nơi thí sinh ĐKDT chịu trách nhiệm thu nhận và chuyển giao hồ sơ đặc cách cho Sở GDĐT;
 - b) Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THPT xem xét, quyết định đặc cách cho thí sinh căn cứ hồ sơ và các quy định tại khoản 1 và 2 phần II này.

4. Miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT

4.1. Đối tượng miễn thi:

- a) Là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
 - b) Có một trong các chứng chỉ được quy định trong hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ GDĐT.
- 4.2. Thí sinh được miễn thi bài thi Ngoại ngữ được tính 10 điểm cho bài thi này để xét công nhận tốt nghiệp THPT.
- 4.3. Thí sinh không đăng ký sử dụng quyền được miễn thi bài thi Ngoại ngữ thì phải dự thi và xét công nhận tốt nghiệp THPT như thí sinh không được miễn thi.

5. Điểm xét tốt nghiệp THPT

5.1. Điểm xét tốt nghiệp THPT(ĐXTN):

- a) Thí sinh đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi; đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 04 bài thi, gồm 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn;
- b) Thí sinh GDTX đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi; đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 03 bài thi, gồm

02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn, có thể ĐKDT thêm bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh;

- c) Điểm xét công nhận tốt nghiệp THPT gồm điểm các bài thi thí sinh dự thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT theo quy định tại điểm a, b khoản 5.1 này, điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có) và điểm trung bình cả năm lớp 12; điểm của từng bài thi được quy về thang điểm 10 để tính ĐXTN.
- d) Điểm xét tốt nghiệp đối với học sinh giáo dục THPT được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left(\frac{\text{Tổng điểm 4 bài thi} + \text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4} \right) \times 7 + \frac{\text{(Điểm trung bình cả năm lớp 12)} \times 3}{10} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

đ) Điểm xét tốt nghiệp đối với học viên GDTX được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left(\frac{\text{Tổng điểm 3 bài thi}}{3} + \frac{\text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4} \right) \times 7 + \frac{\text{(Điểm trung bình cả năm lớp 12)} \times 3}{10} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

5.2. ĐXTN được lấy đến hai chữ số thập phân, do phần mềm máy tính tự động thực hiện.

6. Công nhận tốt nghiệp THPT

6.1. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật hủy kết quả thi, tất cả các bài thi và các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp ĐKDT để xét công nhận tốt nghiệp đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10 và có ĐXTN từ 5,0 (năm) điểm trở lên được công nhận tốt nghiệp THPT.

6.2. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, được miễn thi tất cả các bài thi trong xét tốt nghiệp THPT theo quy định tại khoản 2 phần II này được công nhận tốt nghiệp THPT.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

(Trích một phần nội dung Quyết định Số: 879/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)



1. Chiến lược phát triển công nghiệp

Huy động hiệu quả mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và từ bên ngoài để phát triển, tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại; Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp có kỹ năng, có kỷ luật, có năng lực sáng tạo; Ưu tiên phát triển và chuyển giao công nghệ đối với các ngành, các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến ở một số lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, điện tử, viễn thông, năng lượng mới và tái tạo, cơ khí chế tạo và hóa dược; Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp hợp lý nhằm phát huy sức mạnh liên kết giữa các ngành, vùng, địa phương để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Các nhóm ngành công nghiệp lựa chọn ưu tiên phát triển

a) Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo - Nhóm ngành Cơ khí và Luyện kim

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, ô tô và phụ tùng cơ khí, thép chế tạo. Sau năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: đóng tàu, kim loại màu và vật liệu mới.



- Nhóm ngành Hóa chất

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên hóa chất cơ bản, hóa dầu và sản xuất linh kiện nhựa - cao su kỹ thuật; Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển nhóm ngành hóa dược.

- Nhóm ngành Chế biến nông, lâm, thủy sản

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên nâng cao tỷ lệ chế biến các sản phẩm nông sản, thủy hải sản chủ lực và chế biến gỗ phù hợp với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình sản xuất, chế biến nông sản, xây dựng thương hiệu và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam.

- Nhóm ngành Dệt may, Da giày

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên sản xuất nguyên, phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu; Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp.

b) Ngành Điện tử và Viễn thông

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên phát triển sản phẩm thiết bị máy tính, điện thoại và linh kiện.

Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển phần mềm, nội dung số, dịch vụ công nghệ thông tin và điện tử y tế.



c) Ngành Năng lượng mới và năng lượng tái tạo

Giai đoạn đến năm 2025 thúc đẩy phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo như gió, mặt trời, biomass; Giai đoạn sau năm 2025 phát triển năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, ưu tiên phát triển các dạng năng lượng tái tạo như địa nhiệt, sóng biển...



3. Giải pháp phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

a) Ngành Chế biến, chế tạo

- Nhóm ngành Cơ khí và Luyện kim

+ Lựa chọn và tập trung đầu tư có trọng điểm cho một số đơn vị nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực thiết kế đáp ứng yêu cầu phát triển.

+ Đầu tư phát triển sản xuất thép chế tạo cho ngành cơ khí: thép tấm, thép hình, thép hợp kim.

- Nhóm ngành Hóa chất

+ Đầu tư tập trung cho những công trình trọng điểm, ưu tiên nhóm sản phẩm hóa dầu.

+ Đối với lĩnh vực hóa dược tập trung nghiên cứu các loại dược liệu từ thiên nhiên để sản xuất các loại tá dược và vitamin phục vụ nhu cầu chữa bệnh trong nước, tiến tới xuất khẩu ở giai đoạn sau.



- Nhóm ngành Chế biến nông, lâm thủy sản.



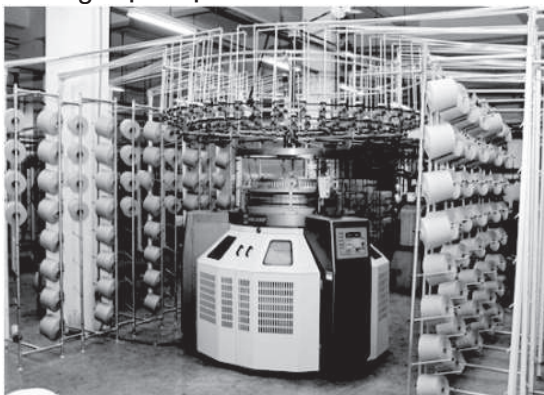
+ Khuyến khích đầu tư phát triển vùng nguyên liệu nuôi trồng quy mô lớn, bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào đủ tiêu chuẩn cho công nghiệp chế biến.

+ Ưu tiên sản phẩm chế biến xuất khẩu có tính cạnh tranh cao, kết hợp với xây dựng và phát triển thương hiệu đặc trưng cho nông, lâm, thủy sản Việt Nam.

- Nhóm ngành Dệt may, Da giày

+ Thực hiện đa dạng hóa sản xuất sản phẩm và chủ động phát triển nguồn nguyên phụ liệu.

+ Đẩy mạnh khai thác các thị trường xuất khẩu truyền thống; phát huy tối đa các lợi thế của Việt Nam khi tham gia các hiệp định thương mại song phương và đa phương; thúc đẩy các thị trường tiềm năng như Nga, Trung Đông, Đông Âu, châu Phi; xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ mang thương hiệu Việt Nam.



b) Ngành Điện tử và Viễn thông

+ Khuyến khích phát triển các phần mềm, đặc biệt là phần mềm nhúng trong các thiết bị phần cứng, điện tử, viễn thông, đáp ứng nhu cầu nội địa.

+ Phát triển các lĩnh vực mang tính lưỡng dụng phục vụ quốc phòng như điện tử điều khiển tên lửa hành trình, điện tử viễn thông do thám, tìm kiếm; điện tử trong các thiết bị bay không người lái...



c) Ngành Năng lượng mới và năng lượng tái tạo

+ Tăng cường phối hợp với các quốc gia và các tổ chức quốc tế để phát triển và sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, từng bước làm chủ công nghệ.

+ Tập trung ứng dụng công nghệ cao cho nguồn phát điện năng lượng mặt trời, gió, biogas, biomass, địa nhiệt..., đối với năng lượng vì mục đích hòa bình tiếp tục nghiên cứu về an toàn hạt nhân và các công nghệ điện nguyên tử phổ biến hiện nay.



QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

(Trích một phần nội dung Quyết định số 880/QĐ-TTg “Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg”, ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Nội dung

a) Ngành cơ khí - luyện kim



- Đầu tư phát triển một số chuyên ngành và sản phẩm cơ khí trọng điểm để đáp ứng về cơ bản nhu cầu của nền kinh tế như: Máy động lực, cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, máy công cụ, cơ khí xây dựng, cơ khí đóng tàu, thiết bị điện - điện tử, cơ khí ô tô - cơ khí giao thông vận tải. Hình thành một số Tập đoàn cơ khí chế tạo chủ đạo đi đầu để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và khu vực.

- Phát triển ngành luyện kim theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, thiết bị đồng bộ có tính liên hợp cao và suất tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng thấp; từng bước đáp ứng nhu cầu về các chủng loại thép chế tạo, thép hợp kim, một số kim loại màu; tập trung giải quyết những khâu cơ bản như đúc, rèn phôi, nhiệt luyện, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- Kết hợp với công nghiệp quốc phòng, xây dựng các chương trình dự án sản phẩm có tính lưỡng dụng cao để phát huy hiệu quả các nguồn lực và nâng cao khả năng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu an ninh quốc gia khi cần thiết.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành cơ khí - luyện kim giai đoạn đến năm 2020 đạt 15 - 16%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 14 - 15%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành cơ khí - luyện kim chiếm 20 - 21% và năm 2030 chiếm 22 - 24% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

- Năm 2020 ngành cơ khí - luyện kim đáp ứng 45 - 50% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2030 đáp ứng đến 60%.

- Đến năm 2020 tập trung phát triển các nhóm sản phẩm sau:

+ Nhóm máy móc, thiết bị kỹ thuật điện: Sản xuất, lắp ráp máy phát điện đến 600MW; máy phát điện

gió, pin mặt trời; nghiên cứu chế tạo máy biến áp 500KV; chế tạo động cơ điện mini.

+ Nhóm máy công cụ và dụng cụ: Sản xuất khuôn mẫu; chế tạo thiết bị tiêu chuẩn; Phát triển hệ thống điều khiển tự động công nghệ cao, cơ khí chính xác.

+ Nhóm máy móc, thiết bị nâng hạ: Sản xuất xe nâng hàng, thiết bị áp lực lớn dành cho tàu thủy.

+ Nhóm máy móc chuyên dùng: Sản xuất thiết bị chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, thiết bị bao gói, tạo nhân sản phẩm; thiết bị dầu khí; thiết bị y tế.

+ Nhóm chế tạo xe có động cơ: Chế tạo động cơ xăng, hộp số xe ô tô con; lắp ráp các loại xe du lịch, xe khách, xe tải nhẹ và xe nông vụ phục vụ nông thôn; sản xuất động cơ diesel.

+ Nhóm thiết bị thủy: Chế tạo động cơ thủy; đóng mới các tàu có tải trọng lớn.

+ Nhóm máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp: Sản xuất các loại động cơ diesel cỡ trung, cỡ nhỏ động cơ xăng công suất nhỏ, máy canh tác, thiết bị bảo quản, chế biến thực phẩm, đồ uống.

+ Nhóm thiết bị siêu trường, siêu trọng và giàn khoan dầu khí.

+ Nhóm công nghiệp thép: Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đẩy mạnh sản xuất thép tấm, thép hình khổ lớn và thép ống không hàn với công nghệ tiên tiến; thép đặc biệt phục vụ ngành chế tạo máy và công nghiệp quốc phòng.

- Đến năm 2030: Tiếp tục nghiên cứu đầu tư một số dự án với công nghệ cao, hiện đại để sản xuất các thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất xanh, sạch, tiêu tốn ít vật tư, năng lượng, có giá trị gia tăng cao, sử dụng vật liệu nhẹ; sản xuất thiết bị gia dụng chất lượng cao bằng vật liệu mới; sản xuất và lắp ráp thiết bị, phương tiện bay, thiết bị định vị kiểm soát không lưu, hải lưu; chế tạo các thiết bị đo kiểm, thiết bị y tế.

b) Ngành hóa chất

- Phát triển công nghiệp hóa chất theo hướng sử dụng công nghệ cao, hiện đại, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, giá thành cạnh tranh, giảm thiểu và hạn chế thải các hóa chất độc hại ra môi trường.

- Phát triển công nghiệp hóa dầu, hóa chất cơ bản, hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành hóa chất giai đoạn đến năm 2020 đạt 14 - 16%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 11 - 13%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành hóa chất chiếm 13 - 14% và năm 2030 chiếm 14 - 15% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

- Năm 2020 ngành hóa chất đáp ứng 75 - 80% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2030 đáp ứng 85 - 90%.

- Đến năm 2020.

+ Tiếp tục triển khai đầu tư các dự án sản xuất phân bón như DAP, đạm ure; sản xuất lớp ô tô radian; sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản như H_2SO_4 và H_3PO_4 ; sản xuất thuốc kháng sinh loại Cephalosporin, sản xuất Sorbitol; tá dược, vitamin các loại.

+ Phát triển ngành hóa dầu làm nguyên liệu cho ngành nhựa (đáp ứng 40 - 50% nhu cầu nội địa cho các ngành công nghiệp).

+ Tiếp tục triển khai các dự án mở rộng giai đoạn 2 và một số dự án mới theo Quy hoạch của ngành Hóa chất đã được phê duyệt.

- Đến năm 2030

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, xem xét mở rộng một số dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. Các dự án định hướng là: Sản xuất mỹ phẩm cao cấp; sản xuất ắc quy cho ô tô lai điện và ô tô điện. Tiếp tục phát triển ngành hóa dược (sản xuất vắc-xin).

c) Ngành điện tử, công nghệ thông tin

- Xây dựng ngành điện tử, công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp chủ lực để tạo cơ sở hỗ trợ cho các ngành khác phát triển.

- Tiếp tục phát triển phương thức lắp ráp các thiết bị điện tử, tin học để đáp ứng nhu cầu sản phẩm điện tử trong nước và tham gia xuất khẩu; tăng cường liên kết với các tập đoàn điện tử, tin học lớn trên thế giới để tiếp nhận công nghệ hiện đại và tăng năng lực sản xuất linh kiện trong nước.

- Khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm phần mềm tin học phục vụ cho các ngành công nghiệp và tham gia vào thị trường xuất khẩu.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành điện tử, công nghệ thông tin giai đoạn đến năm 2020 đạt 17 - 18%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 19 - 21%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành điện tử, công nghệ thông tin chiếm 9 - 10% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 65 - 70% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 12 - 13% và đáp ứng 75 - 80% nhu cầu.

- Đến năm 2020

Nghiên cứu thiết kế, sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện tử chuyên dụng, sản xuất robot công nghiệp,

sản xuất một số linh kiện, phụ kiện điện tử, cơ điện tử thông dụng. Tập trung vào các nhóm dự án và chương trình sau:

+ Nhóm máy tính và thiết bị văn phòng: Nghiên cứu công nghệ phát triển mạng tích hợp giữa các thiết bị công nghệ thông tin với công nghệ truyền thông (hữu tuyến và vô tuyến), tích hợp tính đa năng giữa chuyên dụng và dân dụng;

+ Nhóm thiết bị điện tử chuyên dụng: Từng bước làm chủ công nghệ sản xuất các thiết bị truyền dẫn, kết nối, chuyển mạch; sản xuất, lắp ráp thiết bị, bộ điều khiển công nghệ cao; sản xuất thiết bị đo lường, giám sát, cảnh báo điện tử; sản xuất màn hình chuyên dụng; sản xuất các thiết bị điện tử y tế thông dụng; sản xuất, lắp ráp thiết bị thu phát đa tần; sản xuất lắp ráp các thiết bị dò tìm, viễn thám, định vị qua vệ tinh.

+ Nhóm thiết bị điện tử dân dụng: Đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở liên doanh, hoặc sản xuất theo đơn hàng của các nhà cung cấp linh kiện với các dự án: Sản xuất lắp ráp các thiết bị truyền hình số đa năng; sản xuất lắp ráp máy ảnh số các loại; sản xuất, lắp ráp tivi internet; sản xuất thiết bị điện tử nghe nhìn phục vụ đào tạo.

+ Công nghiệp phần mềm: Bên cạnh việc phát triển một số chương trình, hệ điều hành dùng riêng, tập trung phát triển phần mềm ứng dụng và dịch vụ trên nền các hệ điều hành đã phổ biến. Phát triển phần mềm nhúng và phần mềm thiết kế mẫu.

+ Tiếp nhận và làm chủ các công nghệ mới trong sản xuất các lĩnh vực: Máy tính chủ và thiết bị ngoại vi phù hợp với internet thế hệ mới; các loại thiết bị công nghệ thông tin không dây; thiết bị điện tử gia dụng chất lượng tiêu chuẩn cao; linh kiện lắp ráp đồng bộ, trong đó có flash RAM (bộ nhớ nhanh); một số thiết bị cơ điện tử, tự động hóa điều khiển; công nghệ hỗ trợ sản xuất mạch in nhiều lớp, khuôn mẫu có độ chính xác cao; công nghiệp điện tử y tế.

- Đến năm 2030

+ Phần đầu tư cung cấp 80% nhu cầu phần mềm cho cả nước.

+ Đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã các thiết bị phần cứng đáp ứng trên 70% nhu cầu trong nước, tăng tỷ trọng thiết bị không dây theo nhu cầu.

+ Thiết bị, công nghệ hoàn toàn chuyển sang kỹ thuật số.

d) Ngành dệt may - da giày

- Phát triển ngành dệt may - da giày theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, nhằm tạo ra bước nhảy vọt về chất và lượng sản phẩm.

- Lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa. Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành dệt may - da giày giai đoạn đến năm 2020 đạt 10 - 12%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 8 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành dệt may - da giày chiếm 10 - 12% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 90 - 95% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 7 - 8% và đáp ứng 100% nhu cầu.

- Đến năm 2020

+ Tiếp tục phát triển sản xuất các sản phẩm ngành dệt may, da giày theo hướng phục vụ xuất khẩu, kết hợp đáp ứng nhu cầu trong nước với mẫu mã, chất lượng, giá cả phù hợp sức mua của người tiêu dùng các vùng miền, chú trọng các vùng nông thôn, miền núi;

+ Đầu tư nâng cấp kết hợp đầu tư mới các dây chuyền sản xuất sản phẩm thời trang cao cấp; xây dựng các trung tâm thiết kế mẫu mới có quy mô hiện đại; tiếp tục triển khai chương trình 5 tỷ mét vải. Hợp tác với ngành dầu khí trong đầu tư một số dự án xơ sợi tổng hợp.

+ Nghiên cứu xây dựng trung tâm xúc tiến thương mại chuyên ngành. Tập trung đáp ứng nhu cầu các phụ liệu ngành may và da giày; khai thác có hiệu quả các dự án xơ sợi tổng hợp.

- Đến năm 2030

+ Tập trung phát triển vùng nguyên liệu bông, vùng chăn nuôi gia súc để chủ động một phần nguyên liệu bông, da cho ngành.

+ Tiếp tục nghiên cứu phát triển các loại quần áo thời trang, giày cao cấp phục vụ các thị trường đòi hỏi chất lượng cao

đ) Ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống



- Phát triển ngành theo hướng hiện đại, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh để chủ động hội nhập với khu vực và thế giới. Chú trọng xây dựng và phát triển thương hiệu trên các thị trường trong nước và xuất khẩu;



- Tập trung phát triển vùng nguyên liệu quy mô lớn phục vụ cho chế biến, trên cơ sở áp dụng rộng rãi các loại giống mới có năng suất và chất lượng cao, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong gieo trồng và bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống giai đoạn đến năm 2020 đạt 9 - 10%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 8 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống chiếm 25 - 27% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 80 - 85% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 21 - 23% và đáp ứng 90 - 95% nhu cầu.

- Đến năm 2020.

+ Đối với ngành bia rượu nước giải khát và dầu thực vật: Thực hiện theo Quy hoạch phát triển ngành đã được phê duyệt.

+ Xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm, thủy hải sản với công nghệ tiên tiến tại các vùng thuận lợi về nguyên liệu; đầu tư nâng cấp các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi.

+ Sản xuất thực phẩm chức năng và chế biến thủy, hải sản ứng dụng phương pháp công nghệ sinh học.

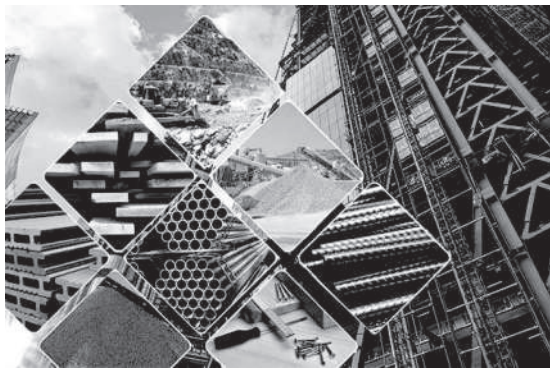
+ Phát triển công nghiệp sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu.

- Đến năm 2030

Tiếp tục phát huy lợi thế về tiềm năng, hiện đại hóa các công nghệ nuôi trồng vùng nguyên

liệu, chế biến sản phẩm để phát triển các vùng sản xuất tập trung từ nguyên liệu tới chế biến, chế biến sâu các sản phẩm ngành thực phẩm, đồ uống bảo đảm đáp ứng các yêu cầu vệ sinh thực phẩm, các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

e) Ngành sản xuất vật liệu xây dựng



- Phát triển khoa học công nghệ, đưa công nghệ mới và thiết bị hiện đại vào sản xuất vật liệu xây dựng nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Lựa chọn quy mô đầu tư hợp lý, tiếp tục phát triển sản xuất các sản phẩm có khả năng cạnh tranh ở thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành sản xuất vật liệu xây dựng giai đoạn đến năm 2020 đạt 8 - 9% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 6 - 7%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 5 - 6% và năm 2030 chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp; đáp ứng khoảng 90% nhu cầu thị trường trong nước về các sản phẩm xây dựng thông thường; năm 2030 đáp ứng 95 - 100%.

- Đến năm 2020

- + Đẩy mạnh phát triển các nhà máy sản xuất vật liệu không nung.

- + Hoàn thành việc chuyển đổi công nghệ các nhà máy sản xuất xi măng lò đứng sang lò quay trước năm 2016. Cân đối năng lực đồng bộ giữa nghiền xi măng với sản xuất clinker, giữa các vùng với mức cao nhất.

- + Nâng công suất sản xuất gạch ốp lát, sứ vệ sinh đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và một phần cho xuất khẩu.

- + Tạm dừng đầu tư xây dựng mới các nhà máy sản xuất kính xây dựng thông thường, tập trung vào nghiên cứu sản xuất các sản phẩm

kính đặc biệt, có giá trị sử dụng cao, đáp ứng nhu cầu cho các công trình kiến trúc hiện đại.

- + Tiếp tục triển khai các dự án mở rộng giai đoạn 2 và một số dự án mới theo Quy hoạch của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đã được phê duyệt.

- Đến năm 2030.

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, khuyến khích đầu tư và mở rộng các dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường: Sản xuất các loại kính tiết kiệm năng lượng, vật liệu ốp lát nội thất có khả năng ngăn ngừa sự ngưng tụ hơi nước, ngăn ngừa sự bám bẩn, có khả năng hút mùi hôi; sản xuất các loại vật liệu ốp lát ngoại thất có bề mặt chống thấm cao, chống bám dính, có khả năng tự làm sạch, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc.

g) Ngành khai thác và chế biến khoáng sản

- Phát triển ngành khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tiềm năng trong nước, kết hợp với nhập khẩu; đầu tư khai thác với quy mô kinh tế, tăng cường chế biến sâu, bảo đảm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng khoáng sản; làm tốt công tác phục hồi, tái tạo môi trường;

- Tăng cường công tác điều tra, đánh giá trữ lượng, chuẩn bị tài nguyên cho khai thác, chế biến theo quy hoạch chuyên ngành được phê duyệt.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành khai thác và chế biến khoáng sản giai đoạn đến năm 2020 đạt 7 - 8%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 6 - 7%.



- Năm 2020 tỷ trọng ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm 1 - 2% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 65 - 70% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 0,5 - 1,0% và đáp ứng 75 - 80% nhu cầu.

- Đến năm 2020.

Tiếp tục đầu tư thăm dò các mỏ bôxit, quặng sắt, titan, chì, kẽm, quặng thiếc, vàng, đồng, niken, molipden, serpentinit, barit, grafit, fluorit, bentonit talc, diatomit,... ở các nơi có triển vọng làm cơ sở cho công tác khai thác và chế biến phục vụ cho các ngành công nghiệp trong nước và một phần xuất khẩu.

+ Nhóm công nghiệp nhôm - nhôm: Triển khai các dự án sản xuất nhôm đã được phê duyệt; nghiên cứu xây dựng nhà máy điện phân nhôm.

+ Các kim loại khác: Căn cứ vào khả năng nguồn nguyên liệu và thị trường, lựa chọn đầu tư một số nhà máy luyện thiếc, chế biến quặng vonfram đa kim; hợp kim vonfram xuất khẩu; luyện antimon; sản xuất niken kim loại và các sản phẩm đi kèm.

- Đến năm 2030.

Tùy thuộc vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, có thể xem xét mở rộng một số dự án khai thác trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.

h) Ngành điện



- Sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước cho phát triển điện, kết hợp với việc nhập khẩu điện, nhập khẩu nhiên liệu hợp lý, đa dạng hóa các nguồn năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện, bảo tồn nhiên liệu và bảo đảm an ninh năng lượng cho tương lai.

- Từng bước hình thành, phát triển thị trường điện cạnh tranh, đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện. Nhà nước chỉ giữ độc quyền lưới điện truyền tải để đảm bảo an ninh hệ thống năng lượng quốc gia.

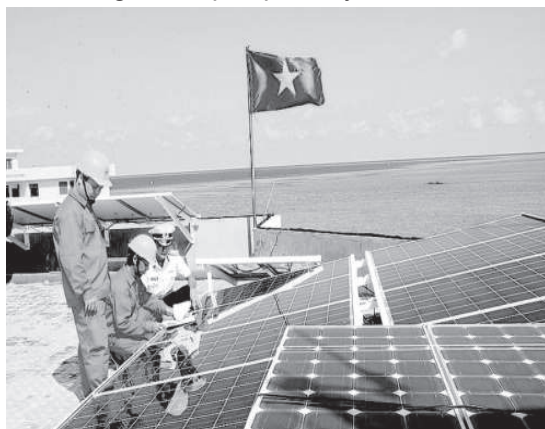
- Phát triển ngành điện dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng sơ cấp của mỗi miền; đảm bảo cung cấp đầy đủ, liên tục, an toàn cho nhu cầu điện tất cả các vùng trong toàn quốc.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành điện giai đoạn đến năm 2020 đạt 13 - 14% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 10 - 12%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành điện chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 85 - 90% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 5 - 6% và đáp ứng 95 - 100% nhu cầu.

- Đến năm 2020

+ Hoàn thành các dự án nguồn điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.



+ Phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo theo Quy hoạch phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa các nguồn năng lượng (gió, mặt trời, biomass,...). Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn nhiên liệu cho sản xuất điện, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Tăng cường trao đổi, mua bán điện với các nước láng giềng, nhằm tăng cường khả năng cấp điện mùa khô cho khu vực miền Bắc.

+ Phát triển lưới điện ở các cấp điện áp, đảm bảo đồng bộ với các dự án nguồn điện.

- Đến năm 2030

Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện khoảng 146.800MW, trong đó thủy điện chiếm 11,8%; thủy điện tích năng 3,9%; nhiệt điện than 51,6%; nhiệt điện khí đốt 11,8% (bao gồm 4,1% sử dụng LNG); nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo 9,4%; điện hạt nhân 6,6% và điện nhập khẩu 4,9%.

Điện năng sản xuất năm 2030 là 695 tỷ kWh, trong đó thủy điện chiếm 9,3%; nhiệt điện than 56,4%; nhiệt điện khí đốt 14,4% (bao gồm 3,9% sử dụng LNG); nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo 6,0%; điện hạt nhân 10,1% và điện nhập khẩu 3,8%.

i) Ngành than

- Phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước, nhằm phục vụ nhu cầu trong nước là chủ yếu; đóng góp tích cực, hiệu quả vào việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng tối đa nhu cầu than phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm việc xuất, nhập khẩu hợp lý theo hướng giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng thông qua biện pháp quản lý bằng kế hoạch và các biện pháp điều tiết khác phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và các cam kết quốc tế đối với Việt Nam.



- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành than giai đoạn đến năm 2020 đạt 9 - 10% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 7 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành than trong cơ cấu ngành công nghiệp từ 1 - 2%, đáp ứng 80 - 85% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng từ 0,5 - 1,5% trong cơ cấu ngành công nghiệp, đáp ứng 75 - 80% thị trường.

- Đến năm 2020:

+ Triển khai thăm dò, khai thác tại các vùng mỏ theo Quy hoạch ngành than đã được phê duyệt.

+ Thăm dò đánh giá xong phần tài nguyên dưới mức -300 m đến đáy tầng than ở bể than Quảng Ninh, đồng thời thăm dò tỉ mỉ một phần bể than Đồng bằng sông Hồng.

+ Phát triển ngành than kết hợp với phát triển các dự án nhiệt điện than phù hợp quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

+ Đầu tư chế biến than theo hướng đa dạng hóa sản phẩm (nhiên liệu đốt trực tiếp, than dùng cho luyện kim, khí hóa than, nhiên liệu lỏng từ than, nhiên liệu cho công nghiệp hóa chất).

+ Từng bước đầu tư ra nước ngoài thông qua các hoạt động hợp tác thăm dò, khai thác, chế biến than.

- Đến năm 2030

Tranh thủ các nguồn vốn để thăm dò nâng cấp và gia tăng trữ lượng than; xác minh nghiên cứu công nghệ khai thác than hầm lò dưới mức -300 m ở bể than Quảng Ninh; triển khai khai thác than vùng Đồng bằng sông Hồng ở mức độ phù hợp; ứng dụng một số công nghệ mới để sản xuất than cho các nhu cầu đặc biệt.

k) Ngành dầu khí

- Phát triển ngành dầu khí đồng bộ, đa ngành và liên ngành để trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của đất nước; sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí trong nước, đồng thời đẩy mạnh đầu tư tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài, kết hợp xuất, nhập khẩu làm cơ sở để phát triển ngành Dầu khí bền vững, đóng vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo an ninh năng lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của đất nước.

- Phát huy nội lực, kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò, gia tăng nhanh trữ lượng xác minh góp phần ổn định và gia tăng sản lượng khai thác; ưu tiên tìm kiếm, thăm dò, khai thác những vùng nước sâu, xa bờ, chông lán và nhạy cảm. Khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực chế biến, phân phối sản phẩm, dịch vụ,...



- Phát triển ngành dầu khí đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái, đảm bảo an ninh, quốc phòng, tăng cường sức mạnh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, hải đảo và trên đất liền.

- Giai đoạn đến năm 2015, phần đầu doanh thu dịch vụ kỹ thuật dầu khí đạt tốc độ tăng trưởng 15 - 20%/năm; giai đoạn 2016 - 2025 đạt tốc độ tăng trưởng 20 - 25%/năm.

- Năm 2020 tỷ trọng khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 70 - 80% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 5 - 6% và đáp ứng 80 - 90% nhu cầu. Đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 phát triển ngành dầu khí đồng bộ, bao gồm các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất, nhập khẩu, cụ thể:

Về tìm kiếm, thăm dò dầu khí: đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò, gia tăng trữ lượng dầu khí xác minh; ưu tiên triển khai ở những vùng nước sâu, xa bờ, chông lán và nhạy cảm; tích cực triển khai đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí. Phần đầu gia tăng trữ lượng dầu khí xác minh đạt 35 - 45 triệu tấn dầu/năm.

Về khai thác dầu khí: Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hệ số thu hồi dầu và duy trì mức sản lượng khai thác dầu khí tối ưu, đảm bảo an toàn và hạn chế nguy cơ bị ngập nước của các mỏ đang khai thác; tích cực mở rộng hoạt động đầu tư khai thác dầu khí ra nước ngoài.



Phần đầu khai thác 25 - 38 triệu tấn quy dầu/năm, trong đó: khai thác dầu thô giữ ổn định ở mức 18 - 20 triệu tấn/năm và khai thác khí 8 - 19 tỷ m³/năm.

Về phát triển công nghiệp khí: Tích cực phát triển theo hướng đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, khí sẽ được cung cấp cho các ngành: sản xuất điện, phân bón, hóa chất, các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và dân dụng với quy mô sản lượng khoảng 19 tỷ m³/năm vào năm 2025. Nghiên cứu kết nối hệ thống đường ống Đông - Tây Nam Bộ, đường ống dẫn khí xuyên quốc gia làm cơ sở kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á. Nghiên cứu các giải pháp công nghệ phù hợp để thu gom và sử dụng có hiệu quả nguồn khí từ các mỏ nhỏ, mỏ biên phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước.



Về công nghiệp chế biến dầu khí: dự kiến đến năm 2020 hoàn thành xây dựng 3 - 5 nhà máy lọc hóa dầu với tổng công suất khoảng 26 - 32 triệu tấn/năm, xây dựng và đưa vào vận hành từ 1 - 2 tổ hợp hóa dầu. Đến năm 2025 tiếp tục mở rộng và xây dựng 6 - 7 nhà máy lọc hóa dầu nâng tổng công suất lọc dầu 45 - 60 triệu tấn/năm, đáp ứng khoảng 50% nhu cầu sản phẩm hóa dầu cơ bản. Về phát triển dịch vụ dầu khí: Tăng cường đầu tư chiều sâu chiếm lĩnh thị trường dịch vụ công nghệ cao như thu nổ địa chấn; khoan thăm dò, khai thác tại các vùng nước sâu, xa bờ, có điều kiện địa chất phức tạp; tư vấn, quản lý dự án; thiết kế, chế tạo thiết bị dầu khí; vận chuyển dầu thô; khí thiên nhiên, khí hóa lỏng, khí nén, v.v.

I) Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Ngành cơ khí - luyện kim



+ Tập trung sản xuất các chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp thiết bị toàn bộ như: Sản xuất thiết bị tiêu chuẩn, các loại dây dẫn, bu lông, đai ốc, hệ thống điều khiển, máy tính công nghiệp dùng chung; sản xuất máy động lực, các máy điện quay và tĩnh, động cơ diesel, động cơ xăng các loại và các phụ kiện truyền động, dẫn động; sản xuất thiết bị, phụ tùng cho phương tiện vận tải đường bộ; đường thủy; thiết bị, phụ tùng cho ngành chế biến nông lâm, thủy sản.

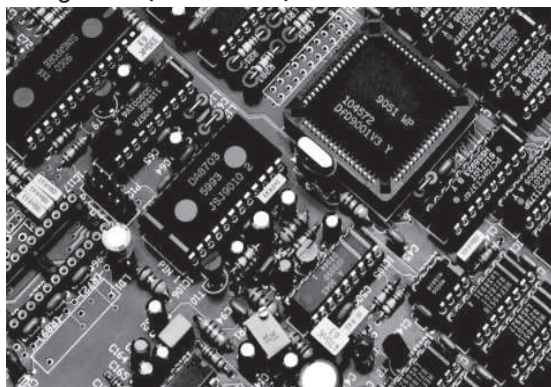
+ Tăng cường đầu tư chiều sâu tại các cơ sở cơ khí chế tạo hiện có để nâng cao năng lực đúc, rèn, tạo phôi lớn, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm tiêu chuẩn để chế tạo chi tiết, phụ tùng cho sản xuất 3 nhóm sản phẩm cơ khí chính là thiết bị đồng bộ, máy công cụ, máy móc xây dựng, tích cực thu hút đầu tư nước ngoài vào các quá trình sản xuất công nghệ cao và những khâu cơ bản mà Việt Nam còn yếu kém.

+ Đối với ngành công nghiệp ô tô: tập trung phát triển sản xuất theo cụm công nghệ gồm cabin, khung, vỏ, hệ thống treo, động cơ, hộp số, các đăng, hệ thống lái cho các loại xe tải, xe khách và xe chuyên dụng. Phát triển có chọn lựa một số loại động cơ, hộp số, bộ truyền động và phụ tùng với số lượng lớn phục vụ lắp ráp ô tô trong nước và xuất khẩu.



+ Xây dựng các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ cơ khí tại Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh và Đà Nẵng.

- Ngành điện tử - tin học.



Tập trung vào các dịch vụ cung ứng giải pháp, thiết kế, trong đó đầu tư vào các dịch vụ cao cấp để hỗ trợ cho sản xuất phần mềm, phần cứng chuyên dụng; nghiên cứu thiết kế, phát triển sản phẩm mới, trong đó tập trung xây dựng các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, giải mã công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp cho công nghiệp điện tử: cung ứng linh phụ kiện, logistics, cung ứng hạ tầng, bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ có chất lượng cao.



- Ngành dệt may - da giày

Đến năm 2020 đạt khoảng 40% nhu cầu vải dệt thoi; sản xuất trong nước từ 40 - 100% phụ tùng cơ khí dệt may; đáp ứng 80% nhu cầu nội địa về các sản phẩm xơ, sợi tổng hợp và tiến tới xuất khẩu từ sau năm 2020. Ngành công nghiệp hỗ trợ da giày phối hợp với ngành dệt may, đẩy nhanh khả năng cung ứng các loại vải dệt để sản xuất giày dép, đặc biệt là giày dép vải xuất khẩu.



2. Quy hoạch phân bố không gian theo các vùng lãnh thổ

a) Vùng Trung du miền núi phía Bắc

- Tập trung phát triển các ngành khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm sản, công nghiệp thủy điện, một số dự án luyện kim.

- Tại các tỉnh dọc tuyến hành lang Lào Cai - Hà Nội sẽ phát triển công nghiệp lắp ráp linh kiện, công nghiệp hỗ trợ theo hướng hợp tác và khai thác thị trường Trung Quốc (thông qua cửa khẩu Lào Cai), thúc đẩy phát triển toàn tuyến hành lang.

- Xem xét tình hình phát triển một số dự án có quy mô lớn trong Vùng, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển công nghiệp cả Vùng.

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ)

- Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim, hóa chất, nhiệt điện, công nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển có chọn lọc công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện cơ khí, ô tô, xe máy, linh kiện điện tử xung quanh thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh.

c) Vùng Duyên hải miền Trung (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung)

- Phát triển các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến hải sản, cơ khí đóng tàu, luyện kim và các ngành công nghiệp gắn với lợi thế vận tải biển.

- Kêu gọi đầu tư các ngành công nghiệp gắn với phát triển của hệ thống cảng biển; với trục hành lang Đông - Tây; Nghiên cứu phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nhu cầu tuyến đường Hồ Chí Minh.

d) Vùng Tây Nguyên

- Phát triển công nghiệp chế biến cây công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Phát triển công nghiệp tại các khu vực có 29

điều kiện thuận lợi về hạ tầng và gắn kết với hệ thống giao thông.

đ) Vùng Đông Nam Bộ (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam)

- Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, dầu khí và các chế phẩm hóa dầu, hóa chất, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao; nghiên cứu phát triển công nghiệp phụ trợ.

- Căn cứ tình hình phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng thuộc tuyến hành lang Đông - Tây, nghiên cứu hình thành một số ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu của các tỉnh trong Vùng.

- Đầu tư phát triển đồng bộ các ngành công nghiệp gắn với tổ hợp khí - điện - đạm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Đồng Nai; phát triển công nghiệp công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long)

Tập trung phát triển các ngành chế biến nông sản, thủy hải sản xuất khẩu, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, đóng và sửa chữa các loại phương tiện đánh bắt xa bờ.

- Đầu tư hoàn chỉnh cụm khí - điện - đạm Cà Mau theo hướng hình thành một khu liên hợp công nghiệp lớn của Vùng.

- Xem xét bố trí một số dự án công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu thuyền gắn với mạng lưới cảng biển và cảng sông.



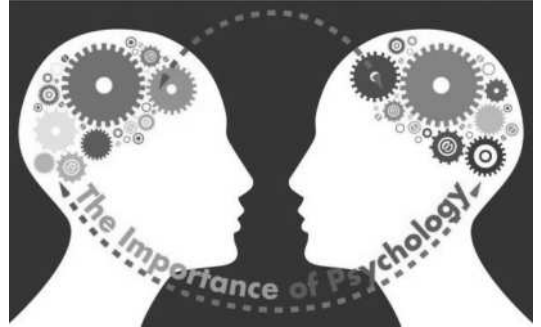
NGÀNH NGHỀ "HOT" NĂM 2024

1. LĨNH VỰC TÂM LÝ

Với những áp lực của cuộc sống hiện đại, theo khảo sát thì trung bình trên thế giới cứ 4 người thì có 1 người gặp vấn đề về tâm lý. Xã hội dần có cái nhìn thoáng hơn và khuyến khích tìm kiếm sự giúp đỡ về sức khỏe tâm lý khi cần, đặc biệt là khi cuộc sống trở nên âm ảm bởi đại dịch. Vì thế, dịch vụ sức khỏe tâm lý đang dần trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Hơn nữa, đây không phải là ngành nghề có thể tự động hóa. Tưởng tượng xem, bạn sẽ thấy khó tìm được sự đồng cảm thật sự từ robot. Đó là lý do theo dự đoán từ năm 2018 đến năm 2028, tỷ lệ tăng trưởng dự kiến của ngành này là 22%, tập trung vào các mảng lạm dụng chất kích thích, rối loạn hành vi lo âu và tư vấn sức khỏe tâm thần.

Tâm lý học là ngành khoa học nghiên cứu về hành vi con người. Nó bao gồm hiểu biết về cách chúng ta suy nghĩ, cảm nhận và hành động trong bối cảnh của mỗi cá nhân, xã hội hay các nền văn hóa qua thời gian, thông qua các nghiên cứu khoa học về quá trình tư duy và các quá trình sinh lý. Trong thực tế, tâm lý học hỗ trợ cho giáo dục, chữa các bệnh thần kinh, nâng cao khả năng làm việc, bán hàng...



2. NGÔN NGỮ

Trong thời kỳ hội nhập hiện nay, ngôn ngữ là ngành không thể không nhắc tới. Để mở cửa kinh tế, thu hút vốn đầu tư ngoài nước, có thể nói, ngôn ngữ là một vũ khí lợi hại. Thành thạo nhiều ngôn ngữ sẽ giúp các quốc gia phá bỏ mọi rào cản, mang đến nhiều cơ hội hợp tác hơn.

Ngoài tiếng Anh, hiện nay, các ngôn ngữ có sức hút không kém đó là: tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, Đức,... Bạn có thể trở thành phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch cho người nước ngoài, dịch tài liệu cho các doanh nghiệp.

3. KHOA HỌC DỮ LIỆU

Khoa học Dữ liệu là "Nghề nghiệp hấp dẫn nhất thế kỷ 21". Thuật ngữ "Khoa học Dữ liệu" đã trở thành một từ khóa phổ biến trên các phương tiện truyền thông, nhất là trên các diễn đàn về việc làm. Tại Hoa Kỳ, Khoa học Dữ liệu đứng đầu trong số 25 nghề tốt nhất, đứng thứ 16 về mức lương và đứng đầu trong số 10 ngành nghề được tuyển dụng nhiều nhất hiện nay. Các vị trí nghề nghiệp đòi hỏi các năng lực về phân tích dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn đang gia tăng nhanh chóng ở rất nhiều quốc gia trên thế giới.

Ở Việt Nam, nhu cầu tuyển dụng các chức danh nghề nghiệp liên quan đến khoa học dữ liệu trong các doanh nghiệp đang tăng lên nhanh chóng và dự báo sẽ trở nên cấp thiết trong các năm sắp tới. Trong xu hướng của cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là giai đoạn chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam hiện nay, các doanh nghiệp ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng của dữ liệu trong hoạt động tác nghiệp và điều hành, nhất là đối với việc ra quyết định kinh doanh thông minh. Việc này đòi hỏi cần có đội ngũ nhân lực có khả năng phân tích và khai thác được sức mạnh của dữ liệu, giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động tác nghiệp và hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp, cũng như các tổ chức kinh tế - xã hội.





4. NGÀNH AN NINH MẠNG

Xã hội ngày càng phát triển, thông tin công nghệ ngày càng trở nên phổ biến, và là thành phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Tuy nhiên, điều đó cũng khiến thông tin trên internet trở nên tràn lan, dễ dàng đánh cắp, thậm chí có thể đưa ra các thông tin sai lệch để làm những nhiễu loạn xã hội.

Theo nghiên cứu, số liệu thực tế cho thấy, ngành An ninh mạng đang thực sự khan hiếm nguồn nhân lực đảm bảo đủ trình độ, kỹ năng. Nếu bạn lựa chọn phát triển bản thân theo ngành này, hoàn toàn có thể sẽ được làm việc trong các tổ chức chính phủ, hoặc các tập đoàn lớn, đòi hỏi tính bảo mật thông tin cao.

5. KINH DOANH QUỐC TẾ

Trong giai đoạn đang hội nhập quốc tế mạnh mẽ, Việt Nam đã ký kết hợp tác với nhiều nước trên thế giới thông qua các Hiệp định như: Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Ấn Độ, Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản,... việc gặp gỡ, giao thương giữa các nền kinh tế của các quốc gia sẽ diễn ra ngày càng sâu rộng. Học ngành này các bạn có rất nhiều sự lựa chọn về việc làm, đảm nhận rất nhiều vị trí khác nhau như: Chuyên gia nghiên cứu thị trường; Chuyên gia marketing quốc tế; Chuyên gia quản trị chuỗi cung ứng; Nhân viên xuất nhập khẩu; Chuyên gia hoạch định tài chính quốc tế; Chuyên gia tư vấn đầu tư quốc tế; Chuyên gia xúc tiến thương mại; Nhà tư vấn quản trị kinh doanh quốc tế; Chuyên gia nghiên cứu và giảng dạy về kinh doanh quốc tế... ở các công ty hay tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước. Một yếu tố quan trọng của ngành này là phải giỏi ngoại ngữ thì cơ hội việc làm sẽ rộng mở hơn.



6. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thương mại điện tử là một lĩnh vực mới, dựa trên sự giao thoa và tương tác của nhiều ngành khoa học khác nhau, đó là: kinh tế, kinh doanh, quản trị, marketing, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, luật... Do vậy, nguồn nhân lực ngành thương mại điện tử thường đòi hỏi kiến thức rộng trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, công nghệ thông tin, quản trị và ngoại ngữ.... Bên cạnh đó, thương mại điện tử là lĩnh vực có hàm lượng ứng dụng công nghệ cao, tốc độ phát triển nhanh. Vì thế hiện đang cần nguồn lao động có trình độ về thương mại điện tử, bởi kinh doanh trên mạng xã hội và sàn giao dịch thương mại điện tử đang đem lại hiệu quả kinh tế cao.

7. DIGITAL MARKETING

Trong thời kỳ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành Digital Marketing đang chuyển biến mạnh mẽ với các nền tảng kỹ thuật số được ứng dụng các công nghệ mới nhất. Chính vì vậy, lĩnh vực này đang được săn đón hơn bao giờ hết. Cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Digital Marketing sau khi tốt nghiệp rất đa dạng.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Digital Marketing có thể tìm kiếm cơ hội việc làm ở rất nhiều lĩnh vực và vị trí khác nhau. Các vị trí có thể kể đến như quản lý, tiếp thị hoặc quan hệ công chúng, copywriter, marketing online, trợ lý truyền thông, quản lý thương hiệu, quan hệ khách hàng, kế toán, phân tích kinh doanh, luật thương mại, quản lý sự kiện, khởi nghiệp, tài chính, nhân sự và kinh doanh quốc tế...





8. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA – DỰNG PHIM

Ngành thiết kế đồ họa là một trong những ngành có nhiều cơ hội việc làm nhất hiện nay. Nhân viên thiết kế đồ họa luôn được nhiều nhà tuyển dụng săn đón tại rất nhiều lĩnh vực ngay khi mới tốt nghiệp.

Đây là ngành dễ xin việc trong tương lai. Thiết bị truyền thông, điện thoại thông minh ngày càng phát triển, nhu cầu xem hình ảnh và video của người dùng ngày càng nhiều, tất cả ngành nghề hay lĩnh vực kinh doanh đều cần đến thiết kế và dựng video, thế nên đây là ngành “hot” và rất dễ tìm kiếm được việc làm trong tương lai.

9. KỸ THUẬT VẬT LIỆU

Ngày nay, cùng với sự phát triển của rất nhiều ngành kỹ thuật như công nghệ cơ khí, công nghệ hóa học, điện tử, công nghệ giao thông vận tải, kỹ thuật hàng không,... ngày càng đòi hỏi ngành công nghệ vật liệu cũng phải phát triển nhằm đáp ứng phù hợp với sự phát triển chung của ngành công nghiệp. Ngành Kỹ thuật Vật liệu là ngành nghiên cứu và triển khai các phương pháp chế tạo, xử lý vật liệu nhằm mục đích thu được vật liệu mới có đặc tính ưu việt hơn, thân thiện môi trường và kinh tế, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của con người. Kỹ thuật vật liệu đang là một trong bốn mũi nhọn khoa học công nghệ của thế giới.



10. CÔNG NGHỆ MỚI, VẬT LIỆU MỚI, NĂNG LƯỢNG MỚI

Kinh tế thế giới phát triển, môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm và bị tàn phá nặng nề, dẫn đến nhu cầu tìm kiếm các nguồn vật liệu mới thân thiện với môi trường ngày càng cao. Chính vì vậy, ngành này có xu hướng phát triển nhanh không chỉ tại Việt Nam mà trên toàn thế giới.



11. DU LỊCH, NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN

"Công nghiệp không khói" (tên gọi không chính thức của ngành du lịch) đang nắm giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam cũng nằm trong quỹ đạo đó. Là điểm đến mới với nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa khá phong phú cùng nhiều khách sạn, resort... do các tập đoàn nước ngoài đầu tư, ngành du lịch Việt Nam phát triển khá nhanh trong thập niên qua và có tiềm năng tiến xa hơn trong thời gian tới. Cùng với sự tăng trưởng của ngành công nghiệp du lịch, các nhà doanh nghiệp trong nhóm ngành dịch vụ, bao gồm các ngành du lịch lữ hành, nhà hàng khách sạn, dịch vụ ăn uống đang ráo riết tuyển dụng nguồn nhân lực trẻ và chất lượng.

12. NGÀNH DỊCH VỤ LÀM ĐẸP, THẨM MỸ, SỨC KHỎE

Bên cạnh việc du lịch và nghỉ dưỡng, các ngành liên quan đến làm đẹp, thẩm mỹ, sức khỏe cũng trở thành nhu cầu thiết yếu của hầu hết người dân Việt Nam và thế giới. Ngành này sẽ yêu cầu bạn thực sự yêu thích và có một chút tố chất để phát huy hết năng lực bản thân để phát triển sự nghiệp.

Sức khỏe luôn được con người quan tâm hàng đầu. Ở Việt Nam, sự gia tăng dân số mạnh mẽ trong những năm qua đã kéo theo sự phát triển của hệ thống chăm sóc sức khỏe con người. Vì vậy, những ngành nghề này được nhiều học sinh lựa chọn.





13. BẤT ĐỘNG SẢN

Bất động sản là một ngành mới ra đời và đang phát triển mạnh, đang có nhu cầu thu hút rất lớn nguồn nhân lực, đặc biệt là lực lượng lao động đã qua đào tạo đáp ứng các yêu cầu hoạt động kinh doanh bất động sản. Để vận hành thị trường bất động sản phát triển, cần có một đội ngũ những chuyên gia được đào tạo và trang bị kiến thức, và có phương tiện chuyên nghiệp để giúp các chủ thể tham gia thị trường và phát triển các hoạt động kinh doanh bất động sản.

Nguồn nhân lực cần được đào tạo bao gồm: Các chuyên gia kỹ thuật thiết

kế, thi công... phục vụ quá trình sản xuất bất động sản, các chuyên gia kinh tế, những người đầu tư kinh doanh, định giá, môi giới, các chuyên gia quản lý vận hành bất động sản quản lý, khai thác kinh doanh và duy trì trạng thái kỹ thuật của công trình bất động sản. Trong nền kinh tế thị trường, để đáp ứng yêu cầu về tính đặc thù của hoạt động kinh doanh bất động sản, những người hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản phải có kiến thức đa ngành: kinh tế, kỹ thuật, tâm lý xã hội.

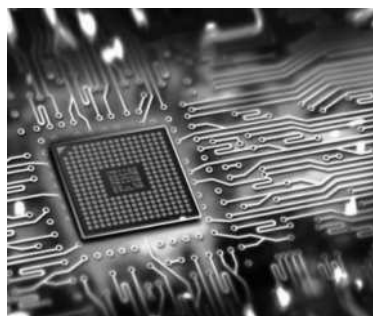
14. KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG

Đây là nghề chuyên thiết kế các công trình đô thị, nhà cửa... Kiến trúc sư là nghề liên quan đến cả nghệ thuật và kỹ thuật nên nó đòi hỏi bạn cần có lòng đam mê, một chuyên môn giỏi và một chút năng khiếu bẩm sinh thì mới mong trụ lại được với nghề. Vì thế, kiến trúc sư vẫn luôn là nghề được trọng dụng và có tiềm năng phát triển lớn. Mức thu nhập của ngành này khá cao, tuy nhiên cũng phụ thuộc vào năng lực mỗi người.



15. THIẾT KẾ VI MẠCH – CÔNG NGHỆ VI MẠCH BÁN DẪN

Ngành công nghiệp bán dẫn là một trong những ngành có tiềm năng phát triển mạnh mẽ nhất tại Việt Nam. Việc áp dụng các công nghệ mới như chuyển đổi số, IoT, AI và công nghệ xanh sẽ giúp ngành bán dẫn phát triển một cách bền vững hơn. Đồng thời, ngành này cũng đóng góp rất lớn cho nền kinh tế Việt Nam thông qua việc tạo ra việc làm, thu nhập xuất khẩu và tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, để phát triển ngành công nghiệp bán dẫn ở Việt Nam, cần phải tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào các cơ sở hạ tầng, đào tạo lao động có chất lượng, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển.



16. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Trí tuệ nhân tạo là một phần của khoa học máy tính tập trung vào việc tạo ra những cỗ máy thông minh hoạt động như con người. Chúng có thể thực hiện bất cứ hành động nào nếu được cung cấp đầy đủ những kiến thức cho chúng... Ngành này hiện nay có rất nhiều trường đào tạo và có nhiều học sinh quan tâm, vì vậy tỉ lệ chọi của ngành này cũng khá cao.



17. CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Việt Nam với số dân trên 96 triệu người nên nhu cầu về sử dụng thực phẩm chế biến ngày càng lớn và nhất là nhu cầu về thực phẩm sạch và an toàn cho sức khỏe. Cùng với quá trình hội nhập, nhóm ngành này càng được chú trọng và phát triển để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Đây là một mảnh đất màu mỡ cho những bạn trẻ, đang và sẽ theo ngành công nghệ thực phẩm.

Ngành này có tính ứng dụng cao trong cuộc sống con người và nó vô cùng quan trọng khi nhu cầu tiêu dùng thực phẩm sạch và an toàn được ưu tiên hàng đầu. Hiện nay có rất nhiều công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm đang thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, ngành công nghệ thực phẩm là một ngành được nhiều bạn trẻ đăng ký lựa chọn.



18. LOGISTICS

Logistics đang trở thành một trong những ngành nghề thu hút nguồn nhân lực rất lớn hiện nay. Ngành Logistics sẽ đào tạo ra một đội ngũ nhân lực có tay nghề cao, được cung cấp các kiến thức chuyên sâu về logistics/quản lý chuỗi cung ứng như: kinh tế logistics, luật vận tải, quản trị logistics, quản trị chuỗi cung ứng. Học ngành này sẽ giúp người học có khả năng lên kế hoạch, có khả năng điều phối, biết tính toán và nhạy bén. Hiện tại, ngành này đang có mức thu nhập cao và thiếu nguồn nhân lực.

19. CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Trong giai đoạn phát triển kinh tế mạnh mẽ như hiện nay, ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô sẽ rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu nhân lực trong tương lai, ngành học này tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực: cơ khí, tự động hóa, điện - điện tử và công nghệ chế tạo máy, chuyên về khai thác, sử dụng và quản lý dịch vụ kỹ thuật ô tô như điều hành sản xuất phụ tùng, lắp ráp, cải tiến, nâng cao hiệu quả sử dụng.



20. KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Trong giai đoạn công nghiệp 4.0, bất cứ ngành nghề kỹ thuật nào cũng cần đến tự động hóa. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa là ngành thuộc nhóm ngành điện - điện tử, chuyên nghiên cứu các thuật toán để điều khiển, sử dụng các thiết bị chấp hành nhằm mục đích tự động các quá trình công nghệ sản xuất, nơi các thao tác của con người được thay thế hoàn toàn bằng máy móc, robot và các thiết bị tự động khác. Đây là ngành học đòi hỏi người học phải năng động, đam mê, sáng tạo, kiên trì, ham học hỏi, có kỹ năng nghề nghiệp cao.

**THÔNG TIN TUYỂN SINH 2024 CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỪ ĐÀ NẴNG TRỞ VÀO**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: DDK

Chỉ tiêu và phương thức xét tuyển (Dự kiến)

TT	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	TỔNG CHỈ TIÊU	XÉT TUYỂN THANG THEO QUY CHẾ TUYỂN SINH	XÉT ĐIỂM THI THPT	XÉT HỌC BẠ	TUYỂN SINH RIÊNG	XÉT ĐIỂM THI KHÁC 1 (ĐGNL)	XÉT ĐIỂM THI KHÁC 2 (ĐGTD)
1	Công nghệ thông tin (Đặc thù - Hợp tác doanh nghiệp)	7480201	210	10	120	0	60	15	5
2	Công nghệ thông tin (ngoại ngữ Nhật)	7480201A	110	5	60	0	35	5	5
3	Công nghệ thông tin (Đặc thù - Hợp tác doanh nghiệp), chuyên ngành Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	7480201B	60	5	40	0	10	3	2
4	Kỹ thuật máy tính	7480106	100	4	60	5	26	3	2
5	Công nghệ sinh học	7420201	65	2	42	10	6	3	2
6	Công nghệ sinh học, chuyên ngành Công nghệ sinh học Y Dược	7420201A	45	1	30	5	5	2	2
7	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	7510105	45	1	26	13	3	2	0
8	Công nghệ chế tạo máy	7510202	180	5	125	15	20	10	5
9	Quản lý công nghiệp	7510601	120	1	89	20	5	5	0
10	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu	7510701	60	1	42	5	10	2	0
11	Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp (PFIEV), gồm 3 chuyên ngành: - Ngành Kỹ thuật cơ khí, chuyên ngành Sản xuất tự động; - Ngành Kỹ thuật điện, chuyên ngành Tin học công nghiệp; - Ngành Công nghệ thông tin, chuyên ngành Công nghệ phần mềm.	PFIEV	120	2	73	30	10	3	2
12	Kỹ thuật Cơ khí, chuyên ngành Cơ khí động lực	7520103A	120	2	78	20	15	3	2
13	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	180	4	131	15	25	3	2
14	Kỹ thuật nhiệt	7520115	120	2	80	25	10	3	0
15	Kỹ thuật Tàu thủy	7520122	45	1	19	20	3	2	0
16	Kỹ thuật Điện	7520201	240	5	165	30	30	5	5
17	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	200	2	144	24	20	5	5
18	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	7520216	150	2	88	20	30	5	5
19	Kỹ thuật hóa học	7520301	90	1	67	15	5	2	0
20	Kỹ thuật môi trường	7520320	45	1	19	20	3	2	0
21	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118	60	1	39	15	3	2	0
22	Kỹ thuật Cơ khí, chuyên ngành Cơ khí hàng không	7520103B	50	1	34	5	5	3	2
23	Kỹ thuật ô tô	7520130	100	2	80	0	10	5	3
24	Chương trình tiên tiến Việt - Mỹ ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207VM	45	2	18	15	5	3	2
25	Chương trình tiên tiến Việt - Mỹ ngành Hệ thống Nhúng và IoT	7480118VM	45	2	18	15	5	3	2
26	Công nghệ thực phẩm	7540101	140	1	101	20	15	3	0
27	Kiến trúc	7580101	100	2	70	14	14	0	0
28	Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp	7580201	200	2	138	35	15	5	5

29	Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành Tin học xây dựng	7580201A	80	1	49	23	5	2	0
30	Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành Kỹ thuật và quản lý xây dựng đô thị thông minh	7580201B	45	1	19	20	3	2	0
31	Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành Mô hình thông tin và trí tuệ nhân tạo trong xây dựng	7580201C	45	1	19	20	3	2	0
32	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	7580202	45	1	19	20	3	2	0
33	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	105	2	58	35	6	4	0
34	Kinh tế xây dựng	7580301	120	1	84	20	10	5	0
35	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	45	1	24	15	3	2	0
36	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	60	1	28	26	3	2	0
Dự kiến mở mới trong năm 2024									
37	Kỹ thuật điện tử - viễn thông, chuyên ngành vi điện tử - thiết kế vi mạch (Dự kiến)	7520207A	60	1	44	0	11	2	2
Tổng cộng:			3650	80	2340	590	450	130	60

Tên trường - Địa chỉ:	Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng 54 Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Website:	http://dut.udn.vn
Số điện thoại tuyển sinh:	0888 477 377 - 0888 377 177 - 0888 577 277 - 0236 36 20 999
Email tuyển sinh:	tuyensinhbkdn@dut.udn.vn
Facebook tuyển sinh:	https://www.facebook.com/DUTpage
Zalo tuyển sinh:	https://zalo.me/dhbkdn2022
Youtube DUT Media:	https://www.youtube.com/c/DUTMedia
Trang tin tuyển sinh 2024:	http://dut.udn.vn/TuyenSinh2024

Trích nguồn: <https://dut.udn.vn/Tuyensinh2024/Gioithieu/id/8917>

KHOA Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: DDY

- 1. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và các thí sinh tự do (đã tốt nghiệp THPT các năm trước)
- 2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước
- 3. Phương thức tuyển sinh:** (thí tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Năm 2024 Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng chọn 3 phương thức tuyển sinh gồm:
- Xét tuyển thẳng: Thí sinh tốt nghiệp THPT. Những thí sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia và những thí sinh đủ điều kiện khác theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT: Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Khoa Y - Dược phải có điểm xét tuyển quy về thang điểm 30. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Xét tuyển theo kết quả học tập THPT: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT dựa trên điểm học bạ THPT. Điểm học bạ THPT là tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (trong đó điểm môn học theo tổ hợp xét tuyển là trung bình cộng của điểm trung bình môn học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12). Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)			TỔ HỢP MÔN
			XÉT THEO KẾT QUẢ THI THPT	XÉT TUYỂN THĂNG	XÉT THEO KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT	
1	7720101	Y khoa	100	10	0	B00, B08
2	7720201	Dược học	40	05	0	B00, D07, A00
3	7720301	Điều dưỡng	25	05	20	B00, B08
4	7720501	Răng - Hàm - Mặt	40	05	0	B00, B08
5	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	25	05	20	B00, B08, A00
TỔNG			230	30	40	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: KHOA Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Khu Đô thị Đại học Đà Nẵng, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0236.7109.357 /0867.000.357
Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://smp.udn.vn/>
Facebook: <https://www.facebook.com/smp.udn.vn/>
Trích nguồn: <http://smp.udn.vn/khoa-y-duoc-dai-hoc-da-nang-cong-bo-de-an-tuyen-sinh-nam-2024-du-kien.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: DDQ

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế (Nhóm 1)
- **Phương thức 2:** Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT dựa trên thành tích học tập và năng lực ngoại ngữ
 - + Thí sinh tham gia cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia" trên Đài truyền hình Việt Nam (Nhóm 2)
 - + Thí sinh đoạt giải Khuyến khích kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Nhóm 3)
 - + Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có chứng chỉ IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL IBT từ 46 điểm trở lên (Nhóm 4)
 - + Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có kết quả xếp loại học lực cả năm đạt loại giỏi các năm học lớp 10, lớp 11 và kết quả xếp loại học lực đạt loại giỏi học kỳ 1 năm lớp 12 trong chương trình THPT (Nhóm 5)
- **Phương thức 3:** Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT dựa trên kết quả học tập THPT (học bạ) ba môn trong tổ hợp môn xét tuyển (Nhóm 6)
- **Phương thức 4:** Xét tuyển thí sinh dựa trên kết quả kì thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024 (Nhóm 7)
- **Phương thức 5:** Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT dựa trên kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (Nhóm 8)

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH CỤ THỂ CÁC NGÀNH

TT	MÃ ĐĂNG KÝ	TÊN NGÀNH	TÊN CHUYÊN NGÀNH	CHỈ TIÊU
1	7310101	KINH TẾ	- KINH TẾ PHÁT TRIỂN - KINH TẾ ĐẦU TƯ - KINH TẾ QUỐC TẾ	220
2	7310107	THỐNG KẾ KINH TẾ	- THỐNG KẾ KINH TẾ XÃ HỘI	50
3	7310205	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	- HÀNH CHÍNH CÔNG - KINH TẾ CHÍNH TRỊ	80
4	7340101	QUẢN TRỊ KINH DOANH	- QTKD TỔNG QUÁT - QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH - QT CHUỖI CUNG ỨNG & LOGISTICS - KINH DOANH SỐ	410
5	7340115	MARKETING	- QUẢN TRỊ MARKETING - TRUYỀN THÔNG MARKETING - MARKETING SỐ (*)	210
6	7340120	KINH DOANH QUỐC TẾ	- NGOẠI THƯƠNG (*)	265
7	7340121	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	- QUẢN TRỊ KINH DOANH THƯƠNG MẠI	115
8	7340122	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	- THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	145
9	7340201	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	- NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP - TÀI CHÍNH CÔNG	280
10	7340205	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	- CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	50
11	7340301	KẾ TOÁN	- KẾ TOÁN	295
12	7340302	KIỂM TOÁN	- KIỂM TOÁN	165
13	7340404	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	- QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	95
14	7340405	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	- QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN - TIN HỌC QUẢN LÝ	210
15	7380101	LUẬT	- LUẬT HỌC	80
16	7380107	LUẬT KINH TẾ	- LUẬT KINH DOANH	145
17	7460108	KHOA HỌC DỮ LIỆU		90
18	7810103	QUẢN TRỊ DV DU LỊCH & LỮ HÀNH	- QUẢN TRỊ KINH DOANH DU LỊCH - QUẢN TRỊ SỰ KIỆN	165
19	7810201	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	- QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	155
20	7340120QT	CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN CHÍNH QUY QUỐC TẾ		100
TỔNG CHỈ TIÊU DỰ KIẾN				3325

(*): Những ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh. (Chương trình này được dạy và học hoàn toàn bằng tiếng Anh (trừ các học phần Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh). Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và có đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng và phụ lục văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên Phụ lục văn bằng sẽ ghi rõ ngôn ngữ đào tạo là tiếng Anh)

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Đường dây nóng: 02363 522345-0911 223 777 - Website tư vấn tuyển sinh: <https://tuyensinh.due.udn.vn/>

Fanpage Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng: www.fb.com/FaceDUE

Group Tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng: <https://www.fb.com/groups/tuyensinhdddq>

Trích nguồn: <http://due.udn.vn/vi-vn/tuvantuyensinh2024/gt/cid/5420>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: VKU

1. Phạm vi tuyển sinh, chính sách ưu tiên:

- **Phạm vi:** tuyển sinh trong cả nước.
- **Chính sách ưu tiên:** theo quy chế tuyển sinh hiện hành và đề án tuyển sinh của trường đã công bố.

2. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024
- Xét tuyển theo hình thức xét điểm thi THPT năm 2024
- Xét tuyển theo hình thức xét kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024
- Xét tuyển theo hình thức xét học bạ
- Tuyển sinh riêng (xét tuyển thẳng theo quy định của Trường)

3. Ngành tuyển sinh

TT	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT
1	Quản trị kinh doanh	7340101
2	Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số	7340101EL
3	Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số	7340101ET
4	Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị tài chính số	7340101EF
5	Quản trị kinh doanh - Chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ thông tin	7340101IM
6	Marketing	7340115
7	Công nghệ kỹ thuật máy tính (kỹ sư)	7480108
8	Công nghệ kỹ thuật máy tính - Chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn (kỹ sư)	7480108IC
9	Công nghệ kỹ thuật máy tính (cử nhân)	7480108B
10	An toàn thông tin (kỹ sư)	7480202
11	Công nghệ thông tin (kỹ sư)	7480201
12	Công nghệ thông tin (cử nhân)	7480201B
13	Công nghệ thông tin (cử nhân - Hợp tác doanh nghiệp)	7480201DT
14	Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư)	7480107
15	Công nghệ truyền thông (cử nhân)	7320106
16	Công nghệ truyền thông - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số (cử nhân)	7320106DA

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 470 Trần Đại Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Hotline: 0236.6.552.688

Website: <http://vku.udn.vn/> - Website tuyển sinh: <http://tuyensinh.vku.udn.vn> Fanpage: <http://www.facebook.com/vku.udn.vn>

Group: <https://www.facebook.com/groups/tuyensinh.vku>

Trích nguồn: <https://tuyensinh.vku.udn.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: DSK

Phương thức tuyển sinh:

- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024
- Xét kết quả học tập cấp THPT (xét học bạ)
- Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh
- Xét tuyển thẳng theo Đề án của trường
- Xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM

Danh sách ngành đào tạo

TT	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	CHỈ TIÊU
1	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Công nghệ thông tin)	7140214	30
2	Công nghệ thông tin	7480201	150
3	Công nghệ kỹ thuật xây dựng (chuyên ngành Xây dựng dân dụng & Công nghiệp)	7510103	150
4	Công nghệ kỹ thuật giao thông (chuyên ngành Xây dựng cầu đường)	7510104	30
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (chuyên ngành Cơ khí chế tạo)	7510201	160
6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	170
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	120
8	Công nghệ kỹ thuật ô tô (chuyên ngành Ô tô điện)	7510205A	50
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô (đào tạo 2 năm đầu tại Kon Tum)	7510205KT	30

10	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (chuyên ngành Nhiệt - Điện lạnh)	7510206	90
11	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Kỹ thuật điện tử)	7510301A	80
12	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Kỹ thuật điện)	7510301B	80
13	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	70
14	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn)	7510302A	50
15	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	150
16	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (đào tạo 2 năm đầu tại Kon Tum)	7510303KT	30
17	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (chuyên ngành Xây dựng hạ tầng đô thị)	7580210	30
18	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	30
19	Kỹ thuật thực phẩm	7540102	40
20	Kỹ thuật thực phẩm (chuyên ngành Kỹ thuật sinh học thực phẩm)	7540102A	30
21	Công nghệ vật liệu (chuyên ngành Hóa học Vật liệu mới)	7510402	30
22	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	7510101	70
23	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	30
TỔNG			1700

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 48 Cao Thắng, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0236. 3530103 - 0236. 3835705 - Email: tuyensinh@ute.udn.vn
Thông tin tuyển sinh và kết quả được công bố trên website: <https://tuyensinh.ute.udn.vn>

Trích nguồn: https://tuyensinh.ute.udn.vn/ChuyenMucs/Thong-tin-tuyen-sinh_3.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: DDF

1. Phương thức xét tuyển:

- Tuyển thẳng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Tuyển sinh theo Đề án riêng của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
- Tuyển sinh theo kết quả học tập trung học phổ thông (Học bạ)
- Tuyển sinh theo kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM
- Tuyển sinh theo kết quả Kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2024

2. Danh mục các ngành đào tạo

TT	MÃ ĐKXT	TÊN NGÀNH NHÓM NGÀNH	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)	TT	MÃ ĐKXT	TÊN NGÀNH/ NHÓM NGÀNH	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)
1	7140231	Sư phạm tiếng Anh	45	7	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	170
2	7140233	Sư phạm tiếng Pháp	20			7.1. Tiếng Trung	100
3	7140234	Sư phạm tiếng Trung	20			7.2. Tiếng Trung TM	35
4	7220201	Ngôn ngữ Anh	949	8	7220209	7.3. Tiếng Trung DL	35
		4.1. Tiếng Anh	549			Ngôn ngữ Nhật	115
		4.2. Tiếng Anh TM	160			8.1. Tiếng Nhật	75
		4.3. Tiếng Anh DL	120	9	7220210	8.2. Tiếng Nhật TM	40
		4.4. Tiếng Anh truyền thông	80			Ngôn ngữ Hàn Quốc	115
		4.5. Tiếng Anh thương mại điện tử	40			9.1. Tiếng Hàn	75
5	7220202	Ngôn ngữ Nga	80	10	7220214	9.2. Tiếng Hàn truyền thông	40
		5.1. Tiếng Nga	40			Ngôn ngữ Thái Lan	25
		5.2. Tiếng Nga DL	40	11	7310601	Quốc tế học	126
6	7220203	Ngôn ngữ Pháp	90	12	7310608	Đông phương học	70
		6.1. Tiếng Pháp	30	13	7310614	Hàn Quốc học	40
		6.2. Tiếng Pháp DL	30	14	7220101	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	5
		6.3 Tiếng Pháp TTSK	30	15	7220201KT	Ngôn ngữ Anh (Đào tạo 2 năm đầu tại Kon Tum)	30

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

- Cơ sở 1: 131 Lương Nhữ Hộc, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: 02363.699324
- Cơ sở 2: 41 Lê Duẩn, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: 02363.834285
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://ufl.udn.vn>
- Địa chỉ mạng xã hội của trường: <https://facebook.com/fanpage.ud.ufls>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0236.3699335

Trích nguồn: <https://tuyensinh.ufl.udn.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: DDS

1. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT năm 2024.
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên học bạ THPT.
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024.
- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2024.
- Phương thức 5: Xét tuyển thẳng học sinh đạt giải quốc tế, quốc gia và các đối tượng khác theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Phương thức 6: Xét tuyển theo Đề án tuyển sinh riêng.

2. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): Tổng chỉ tiêu: 2800.

- Chỉ tiêu các ngành sư phạm: 1645
- Chỉ tiêu các ngành cử nhân: 1155

TT	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN
1	Giáo dục Tiểu học	7140202	380
2	Giáo dục Chính trị	7140205	40
3	Sư phạm Toán học	7140209	110
4	Sư phạm Tin học	7140210	40
5	Sư phạm Vật lý	7140211	40
6	Sư phạm Hoá học	7140212	40
7	Sư phạm Sinh học	7140213	40
8	Sư phạm Ngữ văn	7140217	110
9	Sư phạm Lịch sử	7140218	40
10	Sư phạm Địa lý	7140219	55
11	Giáo dục Mầm non	7140201	210
12	Sư phạm Âm nhạc	7140221	75
13	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	40
14	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	110
15	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	110
16	Giáo dục Công dân	7140204	55
17	Giáo dục thể chất	7140206	60
18	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	90
19	Khoa học Dữ liệu	7460108	45
20	Công nghệ Sinh học	7420201	50
21	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược 2. Hóa phân tích môi trường	7440112	50
22	Công nghệ thông tin	7480201	190
23	Văn học	7229030	90
24	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	60
25	Văn hoá học	7229040	60
26	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	70
27	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630	120
28	Tâm lý học	7310401	120
29	Công tác xã hội	7760101	65
30	Báo chí	7320101	110
31	Quan hệ Công chúng	7320108	45
32	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	40
33	Vật lý kỹ thuật	7520401	40

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: +84-236-3841323 - Fax: +84-236-3842953
Email: ued@ued.udn.vn - Website: http://ued.udn.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.ued.udn.vn/thong-tin-tuyen-sinh/chi-tieu-tuyen-sinh/thong-tin-tuyen-sinh-2024-174.html>

ĐẠI HỌC DUY TÂN

MÃ TRƯỜNG: DDT

- 1. VÙNG TUYỂN SINH:** Tuyển sinh trong nước và nước ngoài.
- 2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trong nước hoặc nước ngoài đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo qui chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của trường.
- 3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH:** Trường thực hiện 04 phương thức xét tuyển
- 1) Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của trường;
 - 2) Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
 - 3) Xét kết quả học tập (Học bạ) THPT theo một trong hai hình thức sau:
 - Dựa vào kết quả học tập năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12;
 - Dựa vào kết quả học tập năm lớp 12.
 - 4) Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức năm 2024 cho tất cả các ngành, ngoại trừ ngành Kiến trúc. Thí sinh tham gia xét tuyển ngành Kiến trúc sẽ tham dự thi môn Vẽ Mỹ thuật (Hình thức: Vẽ tĩnh vật) do Trường Đại học Duy Tân dự kiến tổ chức đợt 1 vào ngày 11/5/2024 hoặc thí sinh nộp kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật từ các trường khác để xét tuyển vào Trường Đại học Duy Tân.

4. TÊN NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ MÔN XÉT TUYỂN

ĐẠI HỌC DUY TÂN CÓ 7 TRƯỜNG ĐÀO TẠO THÀNH VIÊN VÀ 02 VIỆN ĐÀO TẠO					
TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	THÍ SINH CHỌN 1 TRONG 4 TỔ HỢP MÔN ĐỀ XÉT TUYỂN	
				XÉT KẾT QUẢ THI THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 100	XÉT HỌC BẠ THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 200
I. TRƯỜNG KHOA HỌC MÁY TÍNH (TOP 501 - 600 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2024) - https://scs.duytan.edu.vn					
01	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Phần mềm (Đạt kiểm định ABET)	102		
		Thiết kế Games và Multimedia	122		
02	7480202	Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành:			
		An toàn Thông tin	124		
03	7480101	Ngành Khoa học máy tính có chuyên ngành:			
		Khoa học Máy tính	130		
04	7480107	Ngành Trí tuệ Nhân tạo có chuyên ngành:			
		Trí tuệ Nhân tạo (HP)	121 (HP)		
05	7460108	Ngành Khoa học Dữ liệu có chuyên ngành:			
		Khoa học Dữ liệu	135		
		Big Data & Machine Learning (HP)	115 (HP)		
06	7480102	Ngành Mạng Máy tính và Truyền thông Dữ liệu có các chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Mạng (Đạt kiểm định ABET)	101		
		Mạng Máy tính & Truyền thông Dữ liệu	140		
07	7480106	Ngành Kỹ thuật Máy tính có chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Máy tính*	128		
II. TRƯỜNG CÔNG NGHỆ (TOP 401 - 500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2024) - https://set.duytan.edu.vn					
1	7510301	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử có các chuyên ngành (Đạt kiểm định ABET)		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Điện Tự động	110		
		Điện tử-Viễn thông	109		
		Điện-Điện tử chuẩn PNU	113 (PNU)		

		Thiết kế Vi mạch Bán dẫn*	127		
2	7510205	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có các chuyên ngành:			
		Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	117		
		Điện Cơ Ô tô	145		
3	7520216	Ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa có chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	118		
		Cơ điện tử chuẩn PNU	112 (PNU)		
4	7520201	Ngành Kỹ thuật Điện có chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Điện	150		
5	7210403	Ngành Thiết kế Đồ họa có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01)
6	7210404	Ngành Thiết kế Thời trang có chuyên ngành:		3.Toán, Văn, Vẽ (V01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Thiết kế Thời trang	119		
7	7580101	Ngành Kiến trúc có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01)
		Kiến trúc Công trình	107		
8	7580103	Ngành Kiến trúc Nội thất có chuyên ngành:		3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	3.Toán, Ngoại ngữ, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
		Thiết kế Nội thất	123		
9	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01)
		Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105		3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)
		Xây dựng Cầu đường	106		4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
10	7510102	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng có chuyên ngành:		3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Quản lý Xây dựng	206		
11	7510406	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01)
		Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường	301	3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
12	7540101	Ngành Công nghệ Thực phẩm có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01)
		Công nghệ Thực phẩm	306	3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Lý (C01)	3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
13	7850101	Ngành Quản lý Tài nguyên & Môi trường có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01)
		Quản lý Tài nguyên & Môi trường	307	3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, KHXH (C15)	3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
14	7510202	Ngành Công nghệ Chế tạo Máy có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01)
		Công nghệ Chế tạo Máy	125	3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
III. TRƯỜNG KINH TẾ (TOP 501 - 600 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2024) - https://sbe.duytan.edu.vn					
1	7340101	Ngành Quản trị Kinh doanh có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01)
		Quản trị Kinh doanh Tổng hợp	400		3.Văn, Toán, Hoá (C02)
		Quản trị Kinh doanh Bất động sản	415		4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Kinh doanh Quốc tế (Ngoại thương)	411		
		Phân tích Kinh doanh (Business Analytics)*	427		

2	7340122	Ngành Thương mại Điện tử có chuyên ngành:			
		Thương mại Điện tử	422		
3	7340404	Ngành Quản trị Nhân lực có chuyên ngành:			
		Quản trị Nhân lực	417		
4	7510605	Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng có chuyên ngành:			
		Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng	416		
5	7340115	Ngành Marketing có các chuyên ngành:			
		Quản trị Kinh doanh Marketing	401		
		Digital Marketing	402		
6	7340121	Ngành Kinh doanh Thương mại có chuyên ngành:			
		Kinh doanh Thương mại	412		
7	7340201	Ngành Tài chính-Ngân hàng có các chuyên ngành:			
		Tài chính Doanh nghiệp	403		
		Ngân hàng	404		
8	7310104	Ngành Kinh tế Đầu tư có chuyên ngành:			
		Đầu tư Tài chính	433		
09	7340301	Ngành Kế toán có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Kế toán Doanh nghiệp	406		
		Kế toán Quản trị (HP)	406(HP)		
10	7340302	Ngành Kiểm toán có chuyên ngành:			
		Kế toán Kiểm toán	405		
11	7340205	Ngành Công nghệ Tài chính có chuyên ngành:			
		Công nghệ Tài chính (Fintech)*	435		
IV. TRƯỜNG NGOẠI NGỮ & XÃ HỘI NHÂN VĂN (TOP 401 - 500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2024) - https://lhss.duytan.edu.vn					
01	7220201	Ngành Ngôn ngữ Anh có các chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Văn, Sử, Anh (D14) 3.Văn, Địa, Anh (D15) 4.Văn, KHTN, Anh (D72)	1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Văn, Sử, Anh (D14) 3.Văn, Địa, Anh (D15) 4.Toán, Lý, Anh (A01)
		Tiếng Anh Biên-Phiên dịch	701		
		Tiếng Anh Du lịch	702		
		Tiếng Anh Thương mại	801		
02	7220204	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có các chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 3.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15) 4.Văn, KHTN, Ngoại ngữ (D72)	1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Trung Biên-Phiên dịch	703		
		Tiếng Trung Du lịch	707		
		Tiếng Trung Thương mại	803		
03	7220210	Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc có các chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sinh, Ngoại ngữ (D13) 3.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 4.Toán, Địa, Ngoại ngữ (D10)	1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sinh, Ngoại ngữ (D13) 3.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 4.Toán, Địa, Ngoại ngữ (D10)
		Tiếng Hàn Biên-Phiên dịch	705		
		Tiếng Hàn Du lịch	706		
		Tiếng Hàn Thương mại	805		
04	7220209	Ngành Ngôn ngữ Nhật có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)	1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Nhật Biên-Phiên dịch	704		
		Tiếng Nhật Du lịch	708		
		Tiếng Nhật Thương mại	804		

05	7229030	Ngành Văn học có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Văn, Toán, Địa (C04)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Sử (C03) 4.Văn, Toán, Địa (C04)		
		Văn Báo chí	601				
06	7310630	Ngành Việt Nam học có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)		
		Việt Nam học	600				
07	7320104	Ngành Truyền thông Đa phương tiện có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)		
		Truyền thông Đa phương tiện	607				
8	7310206	Ngành Quan hệ Quốc tế có các chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)		
		Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Anh)	608				
		Quan hệ Quốc tế (HP)	608 (HP)				
9	7320108	Ngành Quan hệ Công chúng có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)		
		Quan hệ Công chúng	610				
10	7380107	Ngành Luật kinh tế có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)		
		Luật Kinh tế	609				
		Luật Kinh doanh (HP)	609 (HP)				
11	7380101	Ngành Luật có chuyên ngành:					
		Luật học	606				
V. TRƯỜNG DU LỊCH - ĐẠT KIỂM ĐỊNH QUỐC TẾ UNWTO.TEDQUAL (TOP 51 - 100 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2023) - http://dtu-hti.edu.vn							
01	7810201	Ngành Quản trị Khách sạn có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)		
		Quản trị Du lịch & Khách sạn	407				
		Quản trị Khách sạn Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.TedQual)	414 (PSU)				
02	7810103	Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành có các chuyên ngành:					
		Quản trị Du lịch & Dịch vụ Hàng không	444				
		Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Anh)	440				
		Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Hàn)	441				
		Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Trung)	442				
		Quản trị Du lịch & Lữ hành	408				
03	7340412	Ngành Quản trị Sự kiện có chuyên ngành:					
		Quản trị Sự kiện và Giải trí	413				
04	7810202	Ngành Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ Ẩn uống có chuyên ngành:					
		Quản trị Nhà hàng Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.TedQual)	425 (PSU)				
05	7810101	Ngành Du lịch có chuyên ngành:					
		Smart Tourism (Du lịch thông minh)	445				
06	7810501	Ngành Kinh tế Gia đình có chuyên ngành:					
		Quản lý & Khởi sự Doanh nghiệp Nhỏ & Vừa (SME)*	446				
VI. TRƯỜNG Y - DƯỢC (TOP 401 - 500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2024) - https://cmp.duytan.edu.vn							
01	7720301	Ngành Điều dưỡng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00)		
		Điều dưỡng Đa khoa	302				
02	7720201	Ngành Dược có chuyên ngành:					

		Dược sĩ (Đại học)	303	3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)
03	7720101	Ngành Y Khoa có chuyên ngành:		1.Toán, KHTN, Văn (A16) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, KHTN, Ngoại ngữ (D90) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Lý, Sinh (A02) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
		Bác sĩ Đa khoa	305		
04	7720501	Ngành RĂNG-HÀM-MẶT có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, KHTN, Ngoại ngữ (D90)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Lý, Sinh (A02) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
		Bác sĩ RĂNG-HÀM-MẶT	304		
05	7420201	Ngành Công nghệ Sinh học có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Toán, Hóa, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
		Công nghệ Sinh học	310		
06	7520212	Ngành Kỹ thuật Y sinh có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Toán, Hóa, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
		Kỹ thuật Y sinh	320		
07	7720601	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Hóa, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Toán, Hóa, Ngoại ngữ (D07)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)
		Xét nghiệm Y học*	330		

VII. TRƯỜNG ĐÀO TẠO QUỐC TẾ - ĐẠT KIỂM ĐỊNH ABET (MỸ) KHỎI NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- <https://is.duytan.edu.vn>

A. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN VÀ QUỐC TẾ

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	THÍ SINH CHỌN 1 TRONG 4 TỔ HỢP MÔN ĐỀ XÉT TUYỂN	
				XÉT KẾT QUẢ THI THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 100	XÉT HỌC BẠ THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 200
1	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Phần mềm chuẩn CMU (<i>Đạt kiểm định ABET</i>)	102 (CMU)		
2	7480202	Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành:			
		An ninh Mạng chuẩn CMU	116 (CMU)		
3	7340405	Ngành Hệ thống Thông tin Quản lý có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)

		Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU (<i>Đạt kiểm định ABET</i>)	410 (CMU)		
4	7340101	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh chuẩn PSU	400 (PSU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
5	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng có chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng chuẩn PSU	404 (PSU)		
6	7340301	Ngành Kế toán có chuyên ngành: Kế toán Kiểm toán chuẩn PSU	405 (PSU)		
7	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có chuyên ngành: Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU	105 (CSU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
8	7580101	Ngành Kiến trúc có chuyên ngành: Kiến trúc Công trình chuẩn CSU	107 (CSU)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, Ngoại ngữ, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)

B. CHƯƠNG TRÌNH DU HỌC TẠI CHỖ LẤY BẰNG HOA KỲ CỦA ĐẠI HỌC TROY

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	THÍ SINH CHỌN 1 TRONG 4 TỔ HỢP MÔN ĐỀ XÉT TUYỂN	
				XÉT KẾT QUẢ THI THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 100	XÉT HỌC BẠ THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 200
1	7480101 (LK)	Ngành Khoa học Máy tính có chuyên ngành: Công nghệ Thông tin TROY	102 (TROY)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
2	7810201 (LK)	Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành: Quản trị Du lịch & Khách sạn TROY	407 (TROY)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3. Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
3	7340101 (LK)	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh TROY	400 (TROY)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)

VIII. VIỆN QUẢN LÝ NAM KHUẾ (<http://smi.edu.vn>)

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	THÍ SINH CHỌN 1 TRONG 4 TỔ HỢP MÔN ĐỀ XÉT TUYỂN	
				XÉT KẾT QUẢ THI THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 100	XÉT HỌC BẠ THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 200
1	7340101	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: Quản trị Doanh nghiệp (HP)	400 (HP)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
2	7340115	Ngành Marketing có chuyên ngành: Quản trị Marketing & Chiến lược (HP)	401 (HP)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02)

				3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
3	7510605	Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng (HP)	416 (HP)		
4	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Tài chính (HP)	403 (HP)		

IX. VIỆN VIỆT - NHẬT (VJJ) - <http://vjiet.duytan.edu.vn>

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH	MÃ CHUYÊN NGÀNH	THÍ SINH CHỌN 1 TRONG 4 TỔ HỢP MÔN ĐỀ XÉT TUYỂN	
				XÉT KẾT QUẢ THI THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 100	XÉT HỌC BA THPT MÃ PHƯƠNG THỨC: 200
1	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Phần mềm	102(VJJ)		
2	7510301	Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Điện tử - Viễn thông	09(VJJ)		
3	7520216	Ngành Kỹ thuật Điện & Tự động hóa có chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Điện & Tự động hóa	118(VJJ)		
4	7510205	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có chuyên ngành:			
		Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	117(VJJ)		
5	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Văn, Vẽ (V01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105(VJJ)		
6	7210403	Ngành Thiết kế Đồ họa có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Văn, Vẽ (V01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Thiết kế Đồ họa	111(VJJ)		
7	7580101	Ngành Kiến trúc có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, KHXX, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, Ngoại ngữ, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
		Kiến trúc Công trình	107(VJJ)		
8	7540101	Ngành Công nghệ Thực phẩm có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Lý (C01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ Thực phẩm	306(VJJ)		
9	7720301	Ngành Điều dưỡng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00)	1.Toán, Lý, Hoá (A00)
		Điều dưỡng Đa khoa	302(VJJ)		2.Toán, Hoá, Sinh

				2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	(B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)
10	7810202	Ngành Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ Ẩn uồng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)
		Quản trị Nhà hàng Quốc tế	425(VJJ)	3.Văn, Toán, KHXX (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
11	7810201	Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành:			
		Quản trị Du lịch & Khách sạn	407(VJJ)		
12	7220209	Ngành Ngôn ngữ Nhật có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)	1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Nhật	719(VJJ)		

Ghi chú:
(*) Ngành mới dự kiến tuyển sinh năm 2024
CMU: Carnegie Mellon University; **PSU:** Pennsylvania State University; **CSU:** California State University; **PNU:** Purdue Northwest University
HP: Chương trình Tài năng; **VJJ:** Chương trình Việt Nhật
+ Chương trình Liên kết đào tạo với các đại học nước ngoài: Mỹ, Anh, Canada
** Ghi chú: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo MÃ NGÀNH đào tạo và được quyền chọn các chuyên ngành thuộc mã ngành xét tuyển để học.*
Mọi thông tin về Tuyển sinh, thí sinh có thể tìm hiểu chi tiết tại: <http://tuyensinh.duytan.edu.vn>
hoặc liên hệ trực tiếp: Ban Tư vấn Tuyển sinh Đại học Duy Tân
Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3650.403 - 3827.111 - 2243.775 - Fax: (0236) 3650.443
Số điện thoại đường dây nóng: 1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391
Facebook: tuyensinhDTU; Zalo: 0905.294.390 - 0905.294.391
Trích nguồn: <https://duytan.edu.vn/tuyen-sinh/Page/EnrollArticleViewDetail.aspx?id=946>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: KTD
1. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN 2024: Nhà trường dự kiến xét tuyển 2.900 chỉ tiêu trình độ Đại học chính quy cho 18 ngành đào tạo theo 04 phương thức xét tuyển bao gồm:

STT	PHƯƠNG THỨC	TÊN PHƯƠNG THỨC	MÃ PHƯƠNG THỨC
1	Phương thức 1	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024	100
2	Phương thức 2	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp và điểm thi năng khiếu	405
3	Phương thức 3	Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ	200
4	Phương thức 4	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT và điểm thi năng khiếu	406

- **Phương thức 1, 2:** Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển, cách thức đăng ký. Thí sinh cần tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT 2024 và có điểm thi đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Nhà trường quy định. Đối với các tổ hợp có sử dụng điểm năng khiếu, thí sinh cần tham dự kỳ thi đánh giá năng lực Mỹ thuật được tổ chức tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hoặc tại các trường đại học có tổ chức thi trên cả nước.

2. DANH MỤC MÃ NGÀNH, TÊN NGÀNH, PHƯƠNG THỨC VÀ TỔ HỢP XÉT TUYỂN 2024

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN	MÃ TỔ HỢP	TÊN TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	7580101	Kiến trúc	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
			Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	V00	Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật
				V01	Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật
				V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
2	7580105	Quy hoạch vùng & đô thị	Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
				5K2	Trung bình 5 học kỳ
			Kết hợp kết quả học tập THPT	122	Trung bình cả năm 12
				V00	Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật
				V01	Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật

3	7580108	Thiết kế nội thất	(học bạ) với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
				5K1	Trung bình 5HK và điểm môn năng khiếu
				121	Trung bình cả năm 12 và điểm môn năng khiếu
4	7210403	Thiết kế đồ họa	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	V00	Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật
				V01	Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật
				V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
				H00	Văn, Vẽ mỹ thuật, Bố cục màu
			Kết hợp kết quả học tập THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	V00	Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật
				V01	Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật
				V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật
				H00	Văn, Vẽ mỹ thuật, Bố cục màu
				5K1	Trung bình 5HK và điểm môn năng khiếu
				121	Trung bình cả năm 12 và điểm môn năng khiếu
5	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
6	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
7	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng		B00	Toán, Hóa, Sinh
8	7580302	Quản lý xây dựng		D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
9	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử			
10	7480201	Công nghệ thông tin			
11	7340301	Kế toán	Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	A00	Toán, Lý, Hóa
12	7340201	Tài chính – Ngân hàng		A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
13	7340101	Quản trị kinh doanh		B00	Toán, Hóa, Sinh
14	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành		D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
15	7810201	Quản trị khách sạn		5K2	Trung bình 5 học kỳ
16	7510605	Logistics & quản lý chuỗi cung ứng		122	Trung bình cả năm 12
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
				A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
				D14	Văn, Sử, Tiếng Anh
				D15	Văn, Địa, Tiếng Anh
				D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
18	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Xét kết quả học tập THPT (học bạ)	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
				D14	Văn, Sử, Tiếng Anh
				D15	Văn, Địa, Tiếng Anh
				5K2	Trung bình 5 học kỳ
				122	Trung bình cả năm 12

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: 566 Núi Thành, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Hotline: 0866.254.999 - 0816.988.288
Fanpage: <https://www.facebook.com/DaihocKientrucDanang>
Group TVTS 2024: <https://www.facebook.com/groups/tuysinh.dau>

Trích nguồn: <https://tuysinh.dau.edu.vn/truong-dai-hoc-kien-truc-da-nang-cong-bo-phuong-an-xet-tuyen-dai-hoc-nam-2024.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

MÃ TRƯỜNG: TTD
1. NGÀNH TUYỂN SINH

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN
1	Giáo dục thể chất	7140206	Giáo viên Giáo dục thể chất	100 (*)
2	Quản lý TDTT	7810301	Thể thao Giải trí	45
			Truyền thông và Tổ chức sự kiện Thể thao	
			Golf	
3	Huấn luyện thể thao	7810302	Khoa học vận động	305
			Cử nhân Thể dục thể thao tài năng	
			Huấn luyện viên: Điền kinh; Thể dục; Thể thao dưới nước (Bơi, Lặn, Đua thuyền...); Bóng đá; Bóng chuyền; Bóng rổ; Bóng ném; Bóng bàn; Cầu lông; Quần vợt; Cờ vua; Võ thuật (Karate, Taekwondo, Vovinam, Cổ truyền, kick boxing...)	

(*) **Lưu ý:** Chỉ tiêu ngành Giáo dục thể chất tuyển sinh khi có đầy đủ các điều kiện thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

2. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

- **Đối tượng:**
 - + Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
 - + Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp TDDT đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- **Điều kiện:**
 - + Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (không mắc các bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh..., không bị dị hình, dị tật, khuyết tật);
 - + Thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống tuyển sinh tại địa chỉ <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

TT	PHƯƠNG THỨC	MÃ PHƯƠNG THỨC
1	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo	301
2	Ưu tiên xét tuyển, miễn thi năng khiếu cho thí sinh đạt huy chương (hoặc giải Nhất, Nhì, Ba) tại các giải, bao gồm: Hội khoẻ Phù đổng, Đại hội TDDT toàn quốc; VĐV đạt huy chương các giải thể thao học sinh toàn quốc; giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia và các giải quốc tế.	303
3	Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT kết hợp điểm thi năng khiếu TDDT	405
4	Xét tuyển điểm học tập bậc THPT kết hợp điểm thi năng khiếu TDDT	406
5	Xét kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT (đối với ngành Quản lý Thể dục thể thao - 7810301)	100
6	Xét kết quả điểm học tập THPT (đối với ngành Quản lý Thể dục thể thao - 7810301)	200

4. TỔ HỢP XÉT TUYỂN

NGÀNH	MÃ PHƯƠNG THỨC (**)	MÃ TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Giáo dục thể chất (7140206)	301	T00: Toán - Sinh học - Năng khiếu TDDT T03: Ngữ văn - Sinh học - Năng khiếu TDDT T05: Ngữ văn - GD CD - Năng khiếu TDDT T08: Toán - GD CD - Năng khiếu TDDT
	303	
	405	
	406	
Huấn luyện thể thao (7810302)	301	
	303	
	405	
	406	
Quản lý Thể dục thể thao (7810301)	301	T00: Toán - Sinh học - Năng khiếu TDDT
	303	T03: Ngữ văn - Sinh học - Năng khiếu TDDT
	405	T05: Ngữ văn - GD CD - Năng khiếu TDDT
	406	T08: Toán - GD CD - Năng khiếu TDDT
	100	B04: Toán - Sinh học - GD CD
	200	C14: Toán - Ngữ văn - GD CD

(**) **Ghi chú:** Mã phương thức là mã quy định trên Hệ thống quản lý thi tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. NỘI DUNG THI NĂNG KHIẾU: Thí sinh chọn 03/06 nội dung sau (không bao gồm mã phương thức xét tuyển 100; 200 của ngành Quản lý Thể dục thể thao):

- 1) Bật xà tại chỗ (cm)
- 3) Chạy lườn cọc 30m (giây)
- 5) Nằm sấp chống đẩy (số lần)
- 2) Chạy 60m (giây)
- 4) Nhảy dây 01 phút (số lần)
- 6) Đeo gập thân (cm)

6. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THI NĂNG KHIẾU

- **Thời gian thi năng khiếu:** Đợt 1: Ngày 18/5 - 19/5/2024 - Đợt 2: Ngày 13/7 - 14/7/2024
- **Địa điểm thi năng khiếu:** Tại Trường Đại học TDDT Đà Nẵng, Số 44 đường Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 44 đường Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại hỗ trợ tuyển sinh: 0915090123; 0932591985
Website: dsu.edu.vn - Email: tuyensinh.ttd@gmail.com - Facebook.com/dsu.edu.vn

Trích nguồn:
<https://dsu.edu.vn/resources/1/VanBan/TB%2072%20THONG%20BAO%20TUYEN%20SINH%20DHCQ%2020246384353049908551>
71.pdf

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG Á

MÃ TRƯỜNG: DAD

1. Phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2024
- Phương thức 2: Xét điểm học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ (lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)
- Phương thức 3: Xét điểm học bạ theo tổng điểm trung bình năm lớp 12
- Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) 2024 của ĐHQG-HCM

2. Ngành, mã ngành xét tuyển: Năm 2024, tại cơ sở Đà Nẵng trường tuyển sinh 39 ngành đào tạo và tại Phân hiệu Đại học Đồng Á – Đắk Lắk tuyển sinh 24 ngành. Cụ thể:

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	NGÀNH ĐÀO TẠO TẠI PHÂN HIỆU ĐẮK LẮK
1	Dược	7720201	
2	Điều dưỡng	7720301	7720301DL
3	Hộ sinh	7720302	
4	Dinh dưỡng	7720401	
5	Giáo dục mầm non	7140201	7140201DL
6	Giáo dục tiểu học	7140202	7140202DL
7	Tâm lý học	7310401	
8	Quản lý văn hóa	7229042	
9	Công nghệ thông tin	7480201	7480201DL
10	Kỹ thuật máy tính	7480106	
11	Trí tuệ nhân tạo	7480107	7480107DL
12	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	7510205	7510205DL
13	Công nghệ Kỹ thuật điện - Điện tử	7510301	7510301DL
14	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	7510303	7510303DL
15	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	7510103	7510103DL
16	Công nghệ thực phẩm	7540101	7540101DL
17	Nông nghiệp - Nông nghiệp công nghệ cao	7620101	7620101DL
18	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	7510605DL
19	Ngôn ngữ Anh	7220201	7220201DL
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	7220204DL
21	Ngôn ngữ Nhật	7220209	
22	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	
23	Thiết kế thời trang	7210404	
24	Quan hệ quốc tế	7310206	7310206DL
25	Truyền thông đa phương tiện	7320104	7320104DL
26	Quản trị kinh doanh	7340101	7340101DL
27	Marketing	7340115	7340115DL
28	Digital marketing	7340115DA	7340115DP
29	Kinh doanh quốc tế	7340120	
30	Thương mại điện tử*	7340122	7340122DL
31	Kế toán	7340301	7340301DL
32	Tài chính - ngân hàng	7340201	7340201DL
33	Quản trị nhân lực	7340404	
34	Quản trị văn phòng	7340406	
35	Luật kinh tế	7380107	
36	Luật	7380101	
37	Quản trị khách sạn	7810201	7810201DL
38	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	7810103DL
39	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG Á - TRUNG TÂM TUYỂN SINH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG Á

Địa chỉ: 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3519.991 - 0236.3519.929 - 0236.3531.332 - Hotline: 0981 326 327

Website: donga.edu.vn - Email: phongtuyensinh@donga.edu.vn

- Phân hiệu Đại học Đồng Á tại Đắk Lắk

Địa chỉ: 40 Phạm Hùng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262.351.8989 – 0967089289 - Website: daklak.donga.edu.vn - Email: tuyensinhdaklak@donga.edu.vn

Trích nguồn: <https://donga.edu.vn/tuyensinh/ts-chi-tiet/dai-hoc-dong-a-thong-tin-ve-phuong-thuc-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-du-kien-nam-2024-32630>



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG
VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

MÃ TRƯỜNG
CDT 0402

Địa chỉ: 28 Ngô Xuân Thu - Liên Chiểu - Đà Nẵng

TUYỂN SINH NĂM 2024

26

Gắn kết Cơ quan,
doanh nghiệp

NGÀNH NGHỀ
CAO ĐẲNG



ĐÀO TẠO ĐA LĨNH VỰC

- CƠ KHÍ - Ô TÔ - ĐIỆN
- KINH TẾ VẬN TẢI - LOGISTICS
- QUẢN TRỊ - DỊCH VỤ - DU LỊCH
- CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TIẾNG ANH
- GIAO THÔNG - CÔNG TRÌNH - XÂY DỰNG



- ✓ Tuyển sinh Học sinh tốt nghiệp THCS học Trung cấp từ 2 - 2,5 năm; miễn 100% học phí học nghề.
- ✓ Học sinh tốt nghiệp THCS học 3,5 - 4,0 năm được cấp bằng Cử nhân thực hành, Kỹ sư thực hành (Tùy theo ngành nghề đào tạo).

<http://caodanggtvtw5.edu.vn>

www.facebook.com/tcdgtvtw5

02363 770 363 - 0971 020 908 - 0914 913 919

LỢI THẾ

- 1** Trường công lập, học phí thấp, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước
- 2** Chương trình đào tạo thực tiễn, tinh gọn, vừa sức; thời gian đào tạo hợp lý và mềm dẻo. Người học có thể học liên thông lên trình độ cao hơn
- 3** Đội ngũ Nhà giáo nhiệt tình, giỏi chuyên môn, giàu tâm huyết. CSVC khang trang hiện đại. KTX sạch sẽ và đảm bảo an ninh
- 4** Nhà trường liên kết đào tạo với các Trường quốc tế, tập đoàn kinh tế nước ngoài nên người học có cơ hội được học tập và làm việc trong môi trường hiện đại
- 5** Cam kết được giải quyết 100% việc làm sau khi tốt nghiệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM

MÃ TRƯỜNG: DQU

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:
 - + Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
 - + Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- Điều kiện dự tuyển
 - + Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT
 - + Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
 - + Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- + Đối với thí sinh dự tuyển vào các ngành Sư phạm phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam.

2. Phạm vi tuyển sinh

- Các ngành Sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam.
- Các ngành ngoài Sư phạm tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh : Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;

- **Đối với các ngành Sư phạm:** thực hiện 02 phương thức xét tuyển:
 - + Phương thức 1 (100): Xét điểm thi THPT năm 2024.
 - + Phương thức 2 (200): Xét điểm học bạ THPT tốt nghiệp năm 2024.
 - + Phương thức 3 (301): Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)
- **Đối với các ngành ngoài sư phạm và ngành Giáo dục Mầm non:** thực hiện đồng thời 08 phương thức xét tuyển:
 - + Phương thức 1 (100): Xét điểm thi THPT năm 2024.
 - + Phương thức 2 (200): Xét điểm học bạ THPT tốt nghiệp năm 2024.
 - + Phương thức 3 (301): Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)
 - + Phương thức 4 (402): Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024
 - + Phương thức 5 (405): Xét điểm thi THPT năm 2024 kết hợp với điểm thi năng khiếu
 - + Phương thức 6 (406): Xét điểm học bạ THPT tốt nghiệp năm 2024 kết hợp với điểm thi năng khiếu
 - + Phương thức 7 (501): Xét điểm thi THPT các năm 2022, 2023
 - + Phương thức 8 (502): Xét điểm học bạ THPT tốt nghiệp trước năm 2024

Điểm xét tuyển: Là tổng điểm 3 môn (trong kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc tổng điểm 3 môn lớp 12 trong học bạ) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi của từng tổ hợp môn đăng ký xét tuyển hoặc tổng điểm bài thi (đối với kết quả thi hoặc tổng điểm bài thi đánh giá năng lực) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có).

4. Mã ngành và các tổ hợp môn xét tuyển:

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP MÔN	MÃ TỔ HỢP	CHỈ TIÊU	CHỈ TIÊU CẤP KINH PHÍ	CHỈ TIÊU XÉT ĐIỂM THPT	CHỈ TIÊU PHƯƠNG THỨC KHÁC
1	7140209	Sư phạm Toán	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00	40	40	28	12
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh.	A01				
			Ngữ văn, Toán, GD công dân;	C14				
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.	D01				
2	7140211	Sư phạm Vật lý	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00	20	20	14	06
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01				
			Toán, Vật lý, Sinh học;	A02				
			Văn, Vật lý, Tiếng Anh.	D11				
3	7140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Vật lý, Sinh học;	A02	20	20	14	06
			Toán, Hóa học, Sinh học;	B00				
			Toán, Sinh học, Tiếng Anh;	D08				
			Văn, Sinh học, Tiếng Anh.	D13				
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;	C00	40	40	28	12
			Ngữ văn, Lịch sử, GD Công dân;	C19				
			Ngữ văn, Địa lý, GD Công dân;	C20				
			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh.	D14				
5	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01	40	40	28	12
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh;	D01				
			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh.	D14				
			Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh.	D15				
6	7140201	Giáo dục Mầm non	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	M00	100	100	70	30
			Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	M01				
			Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu	M02				
			Ngữ văn, GD CD, Năng khiếu	M03				
7	7140202	Giáo dục Tiểu học	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00	140	140	98	42
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;	C00				
			Ngữ văn, Toán, GD công dân;	C14				
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.	D01				
8	7480201	Công nghệ Thông tin	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00	200	75	100	100
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh.	A01				
			Ngữ văn, Toán, GD công dân;	C14				

			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.	D01				
9	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01	200	100	100	100
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh;	D01				
			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh.	D14				
			Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh.	D15				
10	7340101	Quản trị kinh doanh	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh;	D01	95	50	47	48
			Toán, Vật lý, Hóa học;	A00				
			Toán, GDCD, Tiếng Anh	D84				
			Toán, KHXH, Tiếng Anh	D96				
11	7310630	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	Toán, Địa lý, GD Công dân;	A09	90	50	45	45
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;	C00				
			Ngữ văn, Địa lý, GD Công dân;	C20				
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.	D01				
12	7620112	Bảo vệ thực vật	Toán, Vật lý, Sinh học;	A02	75	25	37	38
			Toán, Hóa học, Sinh học;	B00				
			Toán, Sinh học, Tiếng Anh;	D08				
			Văn, Sinh học, Tiếng Anh.	D13				
13	7229010	Lịch sử	Toán, Lịch sử, GD Công dân;	A08	90	40	45	45
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;	C00				
			Ngữ văn, Lịch sử, GD Công dân;	C19				
			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh.	D14				
Tổng cộng					1150	750	654	496

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM
Địa chỉ: 102 đường Hùng Vương, phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02352215255 – 0868343058
Website: <http://www.qnamuni.edu.vn/> - Facebook: <https://www.facebook.com/ktdbcl.dqu/> - Zalo: 0868343058

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN CHÂU TRINH

- MÃ TRƯỜNG: DPC**
- 1. Đối tượng tuyển sinh**
- Đối tượng 1: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông;
 - Đối tượng 2: Học sinh học trường quốc tế tại Việt Nam;
 - Đối tượng 3: Học sinh người nước ngoài (bao gồm cả Việt kiều);
 - Đối tượng 4: Thí sinh đã tốt nghiệp đại học/thạc sĩ và đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trên cả nước và quốc tế
- 3. Phương thức xét tuyển:** Năm 2024, Trường Đại học Phan Châu Trinh kết hợp 05 phương thức xét tuyển (PTXT), cụ thể như sau:

STT	MÃ PTXT	TÊN PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
1	303	Xét tuyển thẳng theo đề án của trường
2	100	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2024
3	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học bạ)
4	402	Xét điểm thi Đánh giá năng lực
5	500	Xét kết quả tốt nghiệp Đại học

4. Ngành tuyển sinh:			
STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	Bác sĩ đa khoa (Y khoa)	7720101	A00: Toán, Lý, Hóa B00: Toán, Hóa, Sinh D08: Toán, Sinh, Anh
2	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	7720501	A00: Toán, Lý, Hóa B00: Toán, Hóa, Sinh D08: Toán, Sinh, Anh
3	Điều dưỡng Đa khoa	7720301A	A00: Toán, Lý, Hóa B00: Toán, Hóa, Sinh D08: Toán, Sinh, Anh
4	Điều dưỡng Nha khoa (mới)	7720301B	A00: Toán, Lý, Hóa B00: Toán, Hóa, Sinh D08: Toán, Sinh, Anh
5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	A00: Toán, Lý, Hóa B00: Toán, Hóa, Sinh D08: Toán, Sinh, Anh
6	Quản trị bệnh viện	7340101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh D01: Toán, Văn, Anh

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN CHÂU TRINH
Địa chỉ: 09 Nguyễn Gia Thiều, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Email: tuyensinh@pctu.edu.vn - Fanpage: www.facebook.com/daihocphanchautrinh
Hotline (Zalo): 0962 553 155 - 0981 559 255

Trích nguồn: <https://pctu.edu.vn/vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2024.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

MÃ TRƯỜNG:

- Cơ sở chính tại Quảng Ngãi: DKQ

- Phân hiệu tại Thừa Thiên Huế: HFA

1. Đối tượng tuyển sinh: Đối tượng tuyển sinh là học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đạt các tiêu chí xét tuyển của trường theo từng phương thức xét tuyển.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

3. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo tổ hợp môn xét tuyển.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả môn học theo từng tổ hợp xét tuyển trong học bạ THPT lớp 12 (ĐTB cả năm) hoặc 5 học kỳ (học kỳ I, học kỳ II năm lớp 10; học kỳ I, học kỳ II năm lớp 11; học kỳ I năm lớp 12)

4. Chi tiêu tuyển sinh

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH HỌC	CHỈ TIÊU	
			XÉT THEO KẾT QUẢ THI THPT	XÉT HỌC BẠ
		Cơ sở chính tại Quảng Ngãi	215	240
1	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	45	50
2	7340120	Ngành Kinh doanh quốc tế	20	25
3	7340201	Ngành Tài chính – Ngân hàng	35	40
4	7340301	Ngành Kế toán	80	85
5	7380107	Ngành Luật kinh tế	35	40
		Phân hiệu tại Thừa Thiên Huế	85	115
1	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	20	30
2	7340301	Ngành Kế toán	45	55
3	7380107	Ngành Luật kinh tế	20	30

5. Mã ngành, tổ hợp xét tuyển

a. Tổ hợp xét tuyển các ngành tuyển sinh tại Cơ sở chính Quảng Ngãi:

TT	Ngành, chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh + Quản trị doanh nghiệp + Quản trị Marketing + Quản trị khách sạn và du lịch	7340101	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
2	Kinh doanh quốc tế + Kinh doanh quốc tế	7340120	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
3	Tài chính - Ngân hàng + Thuế - Hải quan + Tài chính công + Tài chính doanh nghiệp + Ngân hàng	7340201	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
4	Kế toán + Kế toán Nhà nước + Kế toán doanh nghiệp + Kiểm toán	7340301	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
5	Luật kinh tế + Luật kinh tế	7380107	A00: Toán - Vật lý - Hóa học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh C00: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý C15: Ngữ văn - Toán - KH xã hội

b. Tổ hợp xét tuyển các ngành tuyển sinh tại Phân hiệu Thừa Thiên Huế:

TT	Ngành, chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh + Quản trị doanh nghiệp + Quản trị Marketing + Quản trị khách sạn và du lịch	7340101	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
2	Kế toán + Kế toán Nhà nước + Kế toán doanh nghiệp	7340301	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - KHTN
3	Luật Kinh tế + Luật kinh tế	7380107	A00: Toán - Vật lý - Hóa học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh C00: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý C15: Ngữ văn - Toán - KH xã hội

6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Trường tổ chức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và thực hiện các chính sách ưu tiên khác (nếu có) đối với thí sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

a. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024

- Đợt 1: Theo lịch tuyển sinh đợt 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ 21/8 đến 15/9/2024

- Đợt 3: Nhận hồ sơ từ 16/9 đến 30/9/2024

b. Đối với phương thức xét tuyển từ học bạ THPT

- Xét tuyển sớm: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày có thông báo đến ngày 30/6/2024. Kết quả xét tuyển sớm sẽ được trường công khai trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ www.tckt.edu.vn

- Xét tuyển theo lịch chung

- Đợt 1: Theo lịch tuyển sinh đợt 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Đợt 2: Nhận hồ sơ từ 21/8 đến 15/9/2024 - Đợt 3: Nhận hồ sơ từ 16/9 đến 30/9/2024

Nhà trường có thể điều chỉnh lịch các đợt xét tuyển phù hợp với tình hình thực tế và lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

Địa chỉ: Số 02 đường Lê Quý Đôn, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

Phân hiệu Trường Đại học Tài chính - Kế toán tại Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: Số 290 đường Phạm Văn Đồng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 0255.3845578

Trích nguồn: <https://www.tckt.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh/chi-tiet/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

- MÃ TRƯỜNG: DQN**
- 1. Tổng chỉ tiêu: 5948** chỉ tiêu. Trong số đó, chỉ tiêu nhóm ngành đào tạo giáo viên tính theo năng lực là **1613** (*chỉ tiêu chính thức từng ngành của các ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giao*).
- 2. Phương thức (PT) tuyển sinh:**
- PT1: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024;
 - PT2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ);
 - PT3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
 - PT4: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh.
- 3. Tổ chức thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất:** lấy kết quả để tổng hợp xét tuyển theo các PT1, PT2.
- 4. Tổ chức xét tuyển:**
- PT1, PT4: Tham gia xét tuyển do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham gia Nhóm lọc ảo Phía Nam. Chỉ tiêu xét tuyển khoảng 50% tổng chỉ tiêu.
 - PT2, PT3: Tổ chức xét tuyển như năm 2023. Tổ chức xét tuyển sớm, hình thức trực tuyến. Chỉ tiêu xét tuyển khoảng 50% tổng chỉ tiêu.
- 5. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2024**

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	7140201	Giáo dục Mầm non	M00
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00; C00; D01
3	7140205	Giáo dục Chính trị	C00; C19; D01
4	7140206	Giáo dục Thể chất	T00; T02; T03; T05
5	7140209	Sư phạm Toán học	A00; A01
6	7140210	Sư phạm Tin học	A00; A01; D07
7	7140211	Sư phạm Vật lý	A00; A01; A02
8	7140212	Sư phạm Hóa học	A00; B00; D07
9	7140213	Sư phạm Tin học	B00; B08; A02
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00; D14; D15
11	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00; C19; D14
12	7140219	Sư phạm Địa lý	A00; C00; D15
13	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01
14	7140247	Sư phạm Khoa học - Tự nhiên	A00; A01; A02; B00
15	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	C00; C19; C20
16	7140114	Quản lý giáo dục	A00; A01; C00; D01
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01; D01; D14; D15
18	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01; D01; D04; D15
19	7229030	Văn học	C00; C19; D14; D15
20	7310101	Kinh tế	A00; A01; D01
21	7310205	Quản lý nhà nước	A00; C00; C19; D01
22	7310403	Tâm lý học giáo dục	A00; C00; C19; D01
23	7310608	Đông Phương học	C00; C19; D14; D15
24	7310630	Việt Nam học	C00; C19; D01; D15
25	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; D01
26	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00; A01; D01
27	7340301	Kế toán	A00; A01; D01
28	7340301CLC	Kế toán chất lượng cao	A00; A01; D01
29	7340302	Kiểm toán	A00; A01; D01
30	7380101	Luật	A00; C00; C19; D01
31	7440112	Hóa học (Hóa dược, hóa mỹ phẩm)	A00; B00; D12; D07
32	7440122	Khoa học vật liệu	A00; A01; A02
33	7460108	Khoa học dữ liệu	A00; A01; D07; D90
34	7460112	Toán ứng dụng	A00; A01; D07; D90
35	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00; A01; K01
36	7480107	Trí tuệ nhân tạo	A00; A01; D07; D90
37	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A01; D01; K01
38	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	A00; A01
39	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	A00; B00; C02; D07

40	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00; A01; D01
41	7520201	Kỹ thuật điện	A00; A01; K01; D07
42	7520207	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	A00; A01; K01; D07
43	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00; A01; K01; D07
44	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00; B00; C02; D07
45	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00; A01; K01; D07
46	7620109	Nông học	B00; B03; B04; C08
47	7760101	Công tác xã hội	C00; D01; D14
48	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00; A01; D01; D14
49	7810201	Quản trị khách sạn	A00; A01; D01
50	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00; B00; C04; D01
51	7850103	Quản lý đất đai	A00; B00; C04; D01
52		Tài chính doanh nghiệp (Liên kết với Đại học Birmingham City: Dự kiến)	A00; A01; D01
53		Công nghệ thông tin và Tính toán (Liên kết với Đại học Birmingham City: dự kiến)	A00; A01; D01; K01

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 170 An Dương Vương, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn
HOTLINE: 1800 55 88 49 - Email: tuvantuyensinh@qnu.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.qnu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc-1455/phuong-thuc-va-danh-sach-cac-nganh-tuyen-sinh-nam-2024-5146>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG

MÃ TRƯỜNG: DQT

- 1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- 2. Phạm vi tuyển sinh: cả nước.
- 3. Các ngành xét tuyển và chỉ tiêu:

TT	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	7720301	100	Điều dưỡng	B00, B03, C08, D13
2	7720701	100	Y tế Công cộng	B00, B03, C08, D13
3	7810203	120	Quản trị Khách sạn - Nhà hàng	C00, D01, D14, D15
4	7810103	140	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00, D01, D14, D15
5	7340101	100	Quản trị kinh doanh	A01, C14, D14, D15
6	7480201	200	Công nghệ thông tin	A00, A01, C02, D01
7	7510103	100	Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	A00, A09, C04, D10
8	7420201	80	Công nghệ sinh học	B00, B08, C08, D13
9	7220201	100	Ngôn ngữ Anh	D01, D14, D15, D66
10	7340301	140	Kế toán	A00, A09, C14, D10
11	7340201	80	Tài chính – Ngân hàng	A00, A09, C14, D10
12	7310101	60	Kinh tế	A00, A09, C14, D01
13	7620115	60	Kinh tế Nông nghiệp	A09, B08, C08, D01

Tổ hợp môn xét tuyển:

- A00: Toán, Lý, Hóa
A01: Toán, Lý, Anh
A09: Toán, Địa, GD&CD
B00: Toán, Hóa, Sinh
- B03: Toán, Sinh, Văn
B08: Toán, Sinh, Anh
C00: Văn, Sử, Địa
C02: Văn, Toán, Hóa
- C04: Văn, Toán, Địa
C08: Văn, Hóa, Sinh
C14: Văn, Toán, GD&CD
D01: Văn, Toán, Anh
- D10: Toán, Địa, Anh
D12: Văn, Hóa, Anh
D13: Văn, Sinh, Anh
D14: Văn, Sử, Anh
- D15: Văn, Địa, Anh
D66: Văn, GD&CD, Anh

4. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển học bạ theo 03 cách:
 - + Học bạ các lớp 10, 11 và học kỳ 1 của lớp 12 theo tổ hợp 03 môn.
 - + Học bạ lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12 theo tổ hợp 03 môn.
 - + Học bạ của lớp 12 theo tổ hợp 03 môn.
- Phương thức 2: Xét tuyển thẳng. Tuyển thẳng các thí sinh tốt nghiệp THPT và đạt một trong các điều kiện sau:
 - + Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, học sinh trường chuyên.
 - + Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ trong nước hoặc quốc tế đạt chuẩn sau: Chứng chỉ từ bậc 3 trở lên theo khung Tiếng Anh 06 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chứng chỉ IELTS từ 4.5; chứng chỉ APTIS trình độ từ B1; Chứng chỉ tiếng Anh Cambridge trình độ từ cấp độ PET; Chứng chỉ Englishscore từ 400 trở lên.
- Phương thức 3: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi (theo thang điểm 10) đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy chế tuyển sinh 2024.
- Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM năm 2024, có tổng điểm từ 500 trở lên.

5. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển:

Đợt 1: 20/4 – 31/5/2024	Đợt 3: 01/8 – 31/8/2024	Đợt 5: 01/10 – 30/11/2024
Đợt 2: 01/6 – 31/7/2024	Đợt 4: 01/9 – 30/9/2024	Đợt 6: 01/12 – 31/12/2024

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG

Địa chỉ: Trụ sở chính: 327 Đào Tấn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Cơ sở 2: 129 Trần Hưng Đạo, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: (0256) 2241 037

Trích nguồn: <https://qtu.edu.vn/truong-dai-hoc-quang-trung-cong-bo-de-an-tuyen-sinh-nam-2024/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

MÃ TRƯỜNG: DPY

Phương thức xét tuyển:

- Xét tuyển điểm thi THPT
- Xét tuyển điểm học bạ năm lớp 12
- Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM
- Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Các ngành đào tạo:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
1	Giáo dục Mầm non	7140201	60	M01, M19
2	Giáo dục Tiểu học	7140212	180	A00, A01, C00, D01
3	Sư phạm Toán học	7140289	20	A00, A01, B00, D01
4	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	20	C00, D01, D14, D15
5	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7040247	20	A00, A02, B00
6	Ngôn ngữ Anh	72200201	60	A01, D01, D10, D14
7	Việt Nam học (Du lịch)	7310630	50	C00, D01, D14 D15
8	Quản trị kinh doanh	7340161	70	A00, A01, D01, D10
9	Công nghệ thông tin	7480201	70	A00, A01, D01
10	Hóa học	7440112	30	A00, B00, D07
11	Nông nghiệp	7620101	30	A00, B00, D07, D08
12	Du lịch	7810101	50	C00, D01, D14, D15

Bảng tổ hợp các môn xét tuyển

MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP MÔN	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP MÔN
A00	Toán học, Vật lý, Hóa học	D07	Toán học, Hóa học, Tiếng Anh
A01	Toán học, Vật lý, Tiếng Anh	D08	Toán học, Sinh học, Tiếng Anh
A02	Toán học, Vật lý, Sinh học	D10	Toán học, Địa lý, Tiếng Anh
B00	Toán học, Hóa học, Sinh học	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
D01	Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh	M01	Ngữ văn, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát)
		M09	Toán học, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát)

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Huyền, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Hotline: (0257) 3 824 446 3 843 138 - 0935 231 183 - Zalo: 096 372 5060

Website: tuyensinh.pyu.edu.vn - Email: tuyensinhdpy@pyu.edu.vn

Facebook: facebook.com/DHPY.PYU

Trích nguồn: <https://tuyensinh.pyu.edu.vn/tuyen-sinh/tin-tuc/thong-tin-tuyen-sinh-n-m-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

MÃ TRƯỜNG: XDT

Trụ sở chính tại Phú Yên

Khu A: 24 Nguyễn Du, phường 7, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

Khu B: 195 đường Hà Huy Tập, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

Website đăng ký hồ sơ xét tuyển: <https://tuyensinh.muce.edu.vn> - **Email:** tuyensinh@muce.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/XDT.MUCE> - **Hotline:** (0257) 3827618; 0962 244 195

Nơi nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung - Khu B, 195 Hà Huy Tập, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Phân hiệu Đà Nẵng: 544B Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Website đăng ký hồ sơ xét tuyển: <http://www.mucedanang.edu.vn> - **Email:** phanhieudanang@muce.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/MuceDaNang> - **Hotline:** (0236) 3845102; 0935 081 779

Nơi nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, số 544B Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đối tượng tuyển sinh

- + Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- + Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
- + Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh; Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Ngành nghề đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	TÊN NGÀNH - CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)		
			TỔNG	PHỤ YẾN	PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG
1	Kế toán	7340301	80		
	- Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	7340301-1			
2	Quản trị kinh doanh	7340101	90	60	30
	- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch	7340101-1			
	- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh nhà hàng, khách sạn	7340101-2			
	- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp	7340101-3			
3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	35	35	
4	Thương mại điện tử	7340122	80	50	30
5	Công nghệ thông tin	7480201	90	70	20
	- Chuyên ngành Công nghệ thông tin	7480201-1			
	- Chuyên ngành Công nghệ phần mềm	7480201-2			
	- Chuyên ngành Quản trị mạng và an toàn hệ thống thông tin	7480201-3			
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	160	110	50
7	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	70	40	30
8	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	50	50	
9	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	25	25	
10	Kiến trúc	7580101	75	50	25
11	Kiến trúc nội thất	7580103	30	30	
12	Kỹ thuật xây dựng	7580201	255	210	45
	- Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201-1			
	- Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201-2			
	- Chuyên ngành Kỹ thuật nền móng công trình	7580201-3			
	- Chuyên ngành Công nghệ thi công và an toàn lao động	7580201-4			
	- Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	7580201-5			
13	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	50	30	20
	- Chuyên ngành Xây dựng cầu đường	7580205-1			
	- Chuyên ngành Ứng dụng công nghệ thông tin trong cầu đường	7580205-2			
	- Chuyên ngành Xây dựng và quản lý khai thác công trình giao thông	7580205-3			
14	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	20	10	10
15	Kinh tế xây dựng	7580301	45	45	
	- Chuyên ngành Kinh tế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	7580301-1			
	- Chuyên ngành Kinh tế xây dựng công trình giao thông	7580301-2			
16	Quản lý xây dựng	7580302	60	30	30
	TỔNG CỘNG		1.215	925	290

- **Phương thức tuyển sinh và tiêu chí xét tuyển đại học chính quy:** Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển theo các phương thức sau đây:

TT	MÃ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN	TÊN PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH - XÉT TUYỂN	ĐIỂM CHUẨN NĂM 2023	MÃ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	100	Xét tuyển từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT	≥ 15,0	A00, A01, C01, D01
2	200	Xét tuyển từ kết quả học tập THPT (học bạ)	≥ 18,0	
3	301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định riêng của Nhà trường và Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Theo đối tượng	Theo hồ sơ đăng ký
4	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM tổ chức để xét tuyển	≥ 600	Giấy báo điểm
5	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (dành cho thí sinh chọn tổ hợp V00, V01 để dự tuyển vào ngành Kiến trúc và Kiến trúc nội thất)	≥ 15,0	V00, V01, C01, D01
6	406	Kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (dành cho thí sinh chọn tổ hợp V00, V01 để dự tuyển vào ngành Kiến trúc và Kiến trúc nội thất)	≥ 18,0	
7	500	Xét tuyển từ điểm xét tốt nghiệp THPT	≥ 6.0	Giấy chứng nhận tốt nghiệp

Trích nguồn: <https://tuyensinh.muce.edu.vn/DaiHoc/ChiTietDH?dnew=4380>

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG - PHÂN HIỆU PHÚ YÊN

MÃ TRƯỜNG: NHP

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Học viện Ngân hàng – Phân hiệu Phú Yên tuyển sinh các đối tượng đáp ứng quy định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

2. Phạm vi tuyển sinh: Học viện Ngân hàng – Phân hiệu Phú Yên tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh

- **Đối với các phương thức tổ chức xét tuyển sớm:**

- + Xét tuyển thẳng: Học viện Ngân hàng – Phân hiệu Phú Yên xét tuyển thẳng vào các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy các đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh, cụ thể như sau:
 - Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Học viện Ngân hàng quy định trong Đề án tuyển sinh hàng năm.
 - Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.
 - Giám đốc Học viện Ngân hàng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):
 - o Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành của Học viện Ngân hàng nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;
 - o Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;
 - o Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
 - o Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT:** Học viện Ngân hàng - Phân hiệu Phú Yên dự kiến dành 35% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này.

+ Tiêu chí xét tuyển: dựa trên kết quả học tập trong 03 năm học (năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12) của 03 môn thuộc tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển.

- **Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT năm 2024:** Học viện Ngân hàng – Phân hiệu Phú Yên dự kiến dành 15% tổng chỉ tiêu cho phương thức này.

+ Tiêu chí xét tuyển: Dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT

- **Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2024:** Học viện Ngân hàng - Phân hiệu Phú Yên dự kiến dành 50% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này.

+ Tiêu chí xét tuyển: dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	MÃ XT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU 2024
1	BANK02	Ngân hàng	A00, A01, D01, D07	150
2	FIN02	Tài chính		80
3	ACT02	Kế toán		70
TỔNG				300

THÔNG TIN LIÊN HỆ: HỌC VIỆN NGÂN HÀNG - PHÂN VIỆN PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 441 đường Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Điện thoại: 02573810311 – 02573824744 - Email pvphuyen@hvnh.edu.vn

Trích nguồn: <https://bap.edu.vn/post/e-n-tuyen-sinh-du-kien-nm-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

MÃ TRƯỜNG: UKH

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương và có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

3. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, các đối tượng được quy định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024
 - + Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo tổ hợp môn thi xét tuyển, trong đó các môn thi trong tổ hợp môn thi xét tuyển đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10.
 - + Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ (chỉ áp dụng đối với các chứng chỉ Tiếng Anh).
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT (Xét tuyển dựa vào học bạ). Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển.

- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024.

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên:

- + Phương thức xét tuyển dựa vào học bạ: Học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;
- + Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024: Căn cứ kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- + Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024: Học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên

- Đối với 03 ngành/chuyên ngành gồm Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh du lịch) và Sư phạm Tiếng Anh:

- + Phương thức xét tuyển dựa vào học bạ và Phương thức xét tuyển dựa vào điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2024: Điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Tiếng Anh đạt 6.0 trở lên;
- + Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2024: điểm bài thi Tiếng Anh đạt 4.5 trở lên.

5. Các ngành, tổ hợp môn và chỉ tiêu dự kiến các ngành trình độ đại học

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	Sư phạm Toán học	7140209	Toán, Lý, Hóa (A00)
2	Sư phạm Vật lý	7140211A	Toán, Hóa, Sinh (B00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07)
3	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Văn, Sử, Địa (C00) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)
4	Sư phạm Tiếng Anh (Chuyên ngành: Giảng dạy tiểu học)	7140231	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)
5	Sư phạm Tiếng Anh (Chuyên ngành: Giảng dạy THCS, THPT)	7140231A	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)
6	Giáo dục Tiểu học	7140202	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Văn, Sử, Địa (C00) Văn, Sử, Tiếng Anh (D14)
7	Hóa học (Chuyên ngành: Hóa dược - Sản phẩm thiên nhiên)	7440112	Toán, Lý, Hóa (A00)
8	Sinh học ứng dụng (Chuyên ngành: Dược liệu)	7420203A	Toán, Hóa, Sinh (B00) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07)
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chuyên ngành: Quản trị sự kiện)	7810103A	
11	Quản trị khách sạn	7810201	
12	Quản trị kinh doanh	7340101	
13	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Nhà hàng và dịch vụ ăn uống)	7340101C	
14	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản lý Bán lẻ)	7340101A	
15	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Marketing)	7340101B	
16	Ngôn ngữ Anh	7220201	
17	Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành: Tiếng Anh du lịch)	7220201A	Văn, Sử, Địa (C00); Văn, Sử, GD&ĐT (C19); Văn, Địa, GD&ĐT (C20); Toán, Văn, Tiếng Anh (D01).
18	Việt Nam học (Chuyên ngành: Văn hoá Du lịch)	7310630A	
19	Văn học (Chuyên ngành: Báo chí - Truyền thông)	7229030	
20	Văn hóa học (Chuyên ngành: Văn hóa - Truyền thông)	7229040	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Văn, Tiếng Trung (D04); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14); Văn, Địa, Tiếng Anh (D15).
21	Ngôn ngữ học (Chuyên ngành: Tiếng Trung Quốc)	7229020	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Địa chỉ:

- Số 01 Nguyễn Chánh, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

- Số 52 Phạm Văn Đồng, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (0258) 3 523 420 số máy lẻ 100 - Fax: 0258.3523420 - Email: info@ukh.edu.vn

Trích nguồn: <https://ukh.edu.vn/tuyensinh/vi-vn/chi-tiet-tin/id/4955/Thong-tin-tuyen-sinh-nam-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

MÃ TRƯỜNG: TSN

Phạm vi: Tuyển sinh trên toàn quốc

Tổng chỉ tiêu (dự kiến): 3.700

1. Phương thức tuyển sinh

- 1.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy chế Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 1.2. Phương thức 2: Điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và Đại học Quốc gia Hà Nội 2024
 - Thang điểm 1200 ĐHQG-HCM
 - Thang điểm 150 của Đại học Quốc gia Hà Nội
- 1.3. Phương thức 3: Điểm học tập THPT (Học bạ)
- 1.4. Phương thức 4: Điểm thi tốt nghiệp THPT 2024

2. Ngành nghề và chỉ tiêu tuyển sinh

BẢNG 1: Danh mục ngành đào tạo

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN		ĐIỂM SÀN TIẾNG ANH (TRỪ TUYỂN THĂNG)
			THEO ĐIỂM THI THPT 2024 (3 MÔN THI)	THEO KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở THPT (HỌC BA 4 MÔN HỌC)	
I	Chương trình đặc biệt				
1	7540105MP	Công nghệ chế biến thủy sản (Chương trình Minh Phú - NTU)	A01, B00, D01, D07	TO, VL, HH, SH	
2	7620301MP	Nuôi trồng thủy sản (Chương trình Minh Phú - NTU)	A01, B00, D01, D07	TO, VL, HH, SH	
3	7340101A	Quản trị kinh doanh	A01, D01, D07, D96	TA, LS, ĐL	X
4	7340301A	Kế toán	A01, D01, D07, D96	TA, TO, TH	X
5	7480201A	Công nghệ thông tin	A01, D01, D07, D90	TO, VL, TH, CN	X
6	7810201A	Quản trị khách sạn	A01, D01, D07, D96	TA, LS, ĐL	X
7	7810103A	Quản trị dịch vụ du lịch lễ hành	A01, D01, D07, D96	TA, LS, ĐL	X
8	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành (Chương trình song ngữ Pháp – Việt)	D01, D03, D96, D97	ĐL, LS, TA, TP	
II	Chương trình chuẩn				
9	7620303	Khoa học thủy sản (02 chuyên ngành: Khoa học thủy sản, Khai thác thủy sản)	A00, A01, B00, D07	TO, VL, HH, SH	
10	7620305	Quản lý thủy sản	A00, A01, B00, D07	TO, VL, HH, SH	
11	7620301	Nuôi trồng thủy sản	A01, B00, D01, D07	TO, VL, HH, SH	
12	7420201	Công nghệ sinh học	A00, A01, B00, D08	TO, VL, HH, SH	
13	7520320	Kỹ thuật môi trường (02 chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường, Quản lý môi trường và an toàn vệ sinh lao động)	A00, A01, B00, D08	TO, VL, HH, SH	
14	7520103	Kỹ thuật cơ khí (02 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí, Thiết kế và chế tạo số)	A00, A01, C01, D07	TO, VL, HH, CN	
15	7520124	Kỹ thuật chế tạo	A00, A01, C01, D07	TO, VL, HH, CN	
16	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	A00, A01, C01, D07	TO, VL, HH, CN	
17	7520115	Kỹ thuật nhiệt	A00, A01, C01, D07	TO, VL, HH, CN	
18	7840106	Khoa học hàng hải (02 chuyên ngành: Khoa học hàng hải, Quản lý hàng hải và Logistics	A01, D01, D07, D90	TO, VL, TA,CN	X
19	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	A00, A01, C01, D90	TO, VL, TH, CN	
20	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	A00, A01, C01, D90	TO, VL, TH, CN	
21	7520206	Ky thuật biển	A00, A01, C01, D90	TO, VL, TH, CN	
22	7520130	Kỹ thuật ô tô	A01, D01, D07, D90	TO, VL, TH, CN	
23	7520201	Kỹ thuật điện (chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử)	A01, D01, D07, D90	TO, VL, HH, CN	
24	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A01, D01, D07, D90	TO, VL, HH, CN	
25	7580201	Kỹ thuật xây dựng (02 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng)	A01, D01, D07, D90	TO, VL, TH, CN	
26	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A01, D01, D07, D90	TO, VL, TH, CN	
27	7520301	Kỹ thuật hóa học	A00, A01, B00, D07	TO, VL, HH, CN	
28	7540101	Công nghệ thực phẩm (03 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	A01, D01, D07, D90	TO, VL, HH, SH	
29	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (02 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ sau thu hoạch)	A01, B00, D01, D07	TO, VL, HH, SH	
30	7480101	Khoa học máy tính (02 chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo, Khoa học dữ liệu)	A01, D01, D07, D90	TO, TA, TH, CN	X
31	7480201	Công nghệ thông tin (03 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Truyền thông và Mạng máy tính)	A01, D01, D07, D90	TO, TA, TH, CN	X

32	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A01, D01, D07, D96	TO, TA, TH, CN	
33	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D01, D14, D15, D96	TA, LS, ĐL	X
34	7810201	Quản trị khách sạn	D01, D14, D15, D96	TA, LS, ĐL	X
35	7340101	Quản trị kinh doanh	D01, D14, D15, D96	TA, LS, ĐL	X
36	7340115	Marketing	D01, D14, D15, D96	TA, LS, ĐL	X
37	7340121	Kinh doanh thương mại	D01, D14, D15, D96	TA, LS, ĐL	X
38	7340201	Tài chính – Ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng, Công nghệ tài chính)	D01, D14, D15, D96	TA, TO, TH	X
39	7340301	Kế toán	D01, D14, D15, D96	TA, TO, TH	X
40	7340302	Kiểm toán	D01, D14, D15, D96	TA, TO, TH	X
41	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)	D01, D14, D15, D96)	TA, LS, ĐL, GDCC	
42	7220201	Ngôn ngữ Anh (04 chuyên ngành: Biên – phiên dịch, Tiếng Anh du lịch, Giảng dạy Tiếng Anh, Song ngữ Anh – Trung)	D01, D14, D15, D96	TA	X
43	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: Kinh tế thủy sản, Quản lý kinh tế)	D01, D14, D15, D96	TA, LS, ĐL	
44	7310105	Kinh tế phát triển	D01, D14, D15, D96	TA, LS, ĐL	
	36 ngành (60 CTĐT/chuyên ngành)				17

BẢNG 2: Chi tiết tổ hợp xét tuyển

TT	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP XÉT TUYỂN 4 MÔN HỌC (PT3 - ĐIỂM HỌC BÀ)	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP 3 MÔN THI (PT4 - ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT)
1	TO	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (Toán nhân hệ số 2)	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
2	VL	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Vật lý	A01	Toán, Vật lý, tiếng Anh
3	HH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Hóa học	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
4	SH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Sinh học	C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý
5	CN	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Công nghệ	D01	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh
6	TH	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Tin học	D03	Toán, Ngữ văn, tiếng Pháp
7	TA	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh (tiếng Anh nhân hệ số 2)	D07	Toán, Hóa học, tiếng Anh
8	LS	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Lịch sử	D08	Toán, Sinh học, tiếng Anh
9	ĐL	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, Địa lý	D14	Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh
10	GDCC	Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, GDCC	D15	Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh
11	TP	Toán, Ngữ văn, tiếng Pháp (tiếng Pháp nhân hệ số 2)	D90	Toán, KHTN, tiếng Anh
12	D97	Toán, KHXH, tiếng Pháp	D96	Toán, KHXH, tiếng Anh

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang
Điện thoại: 02583 831 149 - 02583 831 147 - Email: tuyensinh@ntu.edu.vn - Website: tuyensinh.ntu.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.ntu.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/phuong-thuc-doi-tuong-pham-vi-ts>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

MÃ TRƯỜNG: TBD

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Thái Bình Dương áp dụng 4 phương thức xét tuyển:

- **Phương thức 1: KẾT QUẢ HỌC BÀ THPT**
 - + ĐTB 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12); hoặc
 - + ĐTB theo tổ hợp 3 môn của học kỳ 1 lớp 12; hoặc
 - + ĐTB theo tổ hợp 3 môn của cả năm lớp 12; hoặc
 - + ĐTB cả 3 năm THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12)
 - **Phương thức 2: KẾT QUẢ THI THPT 2024.** Theo tổ hợp môn xét tuyển, dự kiến từ 15 điểm trở lên
 - **Phương thức 3: ĐIỂM XÉT TỐT NGHIỆP THPT 2024.** Dự kiến từ 5.5 điểm trở lên
 - **Phương thức 4: KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐHQG-HCM.** Dự kiến từ 550 điểm trở lên
- Chỉ tiêu theo Ngành - Nhóm ngành - Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.**

MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)	TỔ HỢP XÉT TUYỂN (**)
7480201	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Kỹ sư: 4,5 năm; Cử nhân: 3,5 năm)	TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (Kỹ sư: 4,5 năm; Cử nhân: 3,5 năm)	200	A00: Toán, Lý, Hóa D01/D03/D06: Văn, Toán, Ngoại ngữ (*) A01/D29/D28: Toán, Lý, Ngoại ngữ (*) D07/D24/D23: Toán, Hoá, Ngoại ngữ (*) (*) Ngoại ngữ theo thứ tự tổ hợp là: Tiếng Anh, Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật
7480207			50	
7480103			50	
7210403	THIẾT KẾ ĐỒ HỌA		50	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh C03: Toán, Văn, Sử D01: Toán, Văn, Anh

7320104	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN		100	A01: Toán, Lý, Anh C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Anh D14: Anh, Văn, Sử
7340101	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Quản trị Kinh doanh tổng hợp	100	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh A09: Toán, Địa, GDCC D01: Văn, Toán, Tiếng Anh
		Digital Marketing		
		Quản trị Khởi nghiệp		
		Kinh doanh Bất động sản		
		Quản trị Truyền thông Đa phương tiện		
7340115	MARKETING		100	
7340201	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	Ngân hàng số	100	
		Công nghệ Tài chính		
7510605	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG		100	
7340301	KẾ TOÁN	Kế toán Doanh nghiệp	50	
		Kiểm toán		
7810201	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN		100	
7810101	DU LỊCH	Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	200	A01: Toán, Lý, Anh A07: Toán, Sử, Địa D01/D03: Văn, Toán, Tiếng Anh/Pháp D14: Văn, Sử, Tiếng Anh
		Quản trị Lữ hành - Sự kiện		
		Du lịch Sức khỏe		
7220201	NGÔN NGỮ ANH	Giảng dạy tiếng Anh	100	D01: Văn, Toán, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D66: Văn, GDCC, Tiếng Anh D84: Toán, GDCC, Tiếng Anh (Hệ số 2 môn Tiếng Anh)
		Tiếng Anh Thương mại - Du lịch		
7310608	ĐỒNG PHƯƠNG HỌC	Tiếng Hàn Quốc	100	C00: Văn, Sử, Địa C19: Văn, Sử, GDCC C20: Văn, Địa, GDCC D01: Văn, Toán, Tiếng Anh
		Tiếng Trung Quốc		
7380101	LUẬT	Luật học Tổng hợp và Ứng dụng	200	D01: Văn, Toán, Tiếng Anh C20: Văn, Địa, GDCC A07: Toán, Sử, Địa A00: Toán, Lý, Hóa
		Tư pháp Dân sự và Luật kinh doanh		
		Tư pháp Hình sự và Tội phạm học		
		Luật Kinh tế và Thương mại quốc tế		

(**): Tổ hợp môn xét tuyển áp dụng cho cả hai phương thức xét tuyển Kết quả học bạ THPT và Kết quả thi THPT quốc gia 2024.

Thời gian tuyển sinh năm 2024:

Phương thức 1: Dự kiến Đợt 1: 8/1 - 29/4, Đợt 2: 3/5 - 28/6, Đợt 3: 1/7 - 30/9

Phương thức 2, 3: Theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự kiến từ tháng 7/2024

Phương thức 4: Dự kiến từ tháng 4/2024

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 79 Mai Thị Đồng, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (0258) 3727 147 - Zalo: 0886 433 379 - Email: tbd@moet.edu.vn

Trích nguồn: <https://tbd.edu.vn/tuyen-sinh/thong-tin-xet-tuyen/>

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH GIA LAI

- MÃ TRƯỜNG: LNA**
- 1. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) và tương đương
- 2. Khu vực tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước
- 3. Thời gian nhận hồ sơ, xét tuyển hồ sơ:**
- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024: Theo lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - Thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2024: Nhận hồ sơ xét tuyển từ tháng 01-12/2024
- 4. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh**

STT	NGÀNH TUYỂN SINH	MÃ NGÀNH	PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
1	Lâm sinh	7620205	1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia của các tổ hợp: A00, A16, B00, C15, và D01. 2. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Học bạ). Tổng điểm trung bình 3 năm THPT hoặc tổng điểm trung bình 3 môn học kì 1 của lớp 12 của các tổ hợp: A00, A16, B00, C15 và D01.
2	Quản lý đất đai	7850103	
3	Khoa học cây trồng	7620110	
4	Bảo vệ thực vật	7620112	
5	Kế toán	7340301	
6	Quản trị kinh doanh	7340101	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH GIA LAI

Phòng đào tạo, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: Tổ 4, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 02693.747.706 – 0975 998 287 - Websites: <http://tuyensinh.vnuf3.edu.vn>

Trích nguồn: <https://vnuf3.edu.vn/dich-vu/phong-to-chuc-hanh-chinh-2/242-thong-bao-tuyen-sinh-bac-dai-hoc-nam-2025.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

MÃ TRƯỜNG: TTN

1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh cả nước

2. Phương thức xét tuyển

- **Phương thức 1:** Xét kết quả học tập THPT (học bạ). (Không áp dụng đối với ngành Y khoa). Thí sinh tốt nghiệp THPT và sử dụng kết quả học tập THPT để dự tuyển.
- **Phương thức 2:** Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Thí sinh tốt nghiệp THPT và sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để dự tuyển.
- **Phương thức 3:** Xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh năm 2024. Thí sinh tốt nghiệp THPT và sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024 để dự tuyển.
- **Phương thức 4:** Xét tuyển thẳng thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế. Xét tuyển thẳng thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế và những thí sinh đủ điều kiện khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường.

3. Thông tin ngành xét tuyển

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	7140201	Giáo dục Mầm non	M01, M09	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00, C00, C03, D01	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	7140202JR	Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai	A00, C00, C03, D01	A02	Toán, Vật lí, Sinh học
4	7140205	Giáo dục Chính trị	C00, C19, D01, D66	A16	Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn
5	7140206	Giáo dục Thể chất	T01, T20	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
6	7140209	Sư phạm Toán học	A00, A01, A02, B00	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
7	7140211	Sư phạm Vật lý	A00, A01, A02, C01	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
8	7140212	Sư phạm Hoá học	A00, B00, D07	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
9	7140213	Sư phạm Sinh học	A02, B00, B03, B08	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00, C19, C20, D14	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
11	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01, D14, D15, D66	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
12	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00, A02, A16, D90	C20	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục công dân
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D14, D15, D66	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
14	7229001	Triết học	C00, C19, D01, D66	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
15	7229030	Văn học	C00, C19, C20	D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh
16	7310101	Kinh tế	A00, A01, D01, D07	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
17	7310105	Kinh tế phát triển	A00, A01, D01, D07	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
18	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07	D66	Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh
19	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, D01, D07	D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh
20	7340121	Kinh doanh thương mại	A00, A01, D01, D07	M01	Văn, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát – Nhạc)
21	7340301	Kế toán	A00, A01, D01, D07	M09	Toán, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát - Nhạc)
22	7420201	Công nghệ sinh học	A00, A02, B00, B08	T01	Toán, NK3 (chạy 100m), NK4 (Bật xa tại chỗ)
23	7420201YD	Công nghệ sinh học - Y dược	A00, A02, B00, B08	T20	Văn, NK3 (chạy 100m), NK4 (Bật xa tại chỗ)
24	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01	NL1	Điểm đánh giá năng lực
25	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00, A02, B00, B08	TT1	Tuyển thẳng theo Điều 8
26	7620105	Chăn nuôi	A02, B00, B08, D13	DB1	Học sinh dự bị lên đại học
27	7620110	Khoa học cây trồng	A00, A02, B00, B08		
28	7620112	Bảo vệ thực vật	A00, A02, B00, B08		
29	7620115	Kinh tế nông nghiệp	A00, A01, D01, D07		
30	7620205	Lâm sinh	A00, A02, B00, B08		
31	7640101	Thú y	A02, B00, B08, D13		
32	7720101	Y khoa	B00		
33	7720301	Điều dưỡng	B00		
34	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00		
35	7850103	Quản lí đất đai	A00, A01, A02, B00		

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tư vấn tuyển sinh: 0965.164.445 - Email: dhtn@ttn.edu.vn - Website: <https://www.ttn.edu.vn/>



BMTU
BUON MA THUOT
MEDICAL UNIVERSITY

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUON MA THUOT

"Cam kết vì lợi ích của cộng đồng"

- 1 Y KHOA** Bác sĩ đa khoa 7720101
2 DƯỢC HỌC Dược sĩ đại học 7720201
3 ĐIỀU DƯỠNG Cử nhân Điều dưỡng 7720301
4 Y TẾ CÔNG CỘNG Cử nhân Y tế công cộng 7720701

Không tăng học phí trong toàn
Học khóa học 01 năm gồm 02 học kỳ

Mã Trường:
BMU

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	HỌC PHÍ/HỌC KỲ
Y KHOA	7720101	300	A00;A02;B00;B08	30.000.000 VNĐ
DƯỢC HỌC	7720201	190	A00;B00;D07	17.500.000 VNĐ
ĐIỀU DƯỠNG	7720301	100	A00;A02;B00;B08	10.000.000 VNĐ
Y TẾ CÔNG CỘNG	7720701	25	A00;A02;B00;B08	10.000.000 VNĐ

◀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH ▶

- 1** XÉT TUYỂN BẰNG KẾT QUẢ ĐIỂM THI CÁC TỔ HỢP MÔN TRONG KỲ THI THPT 2024.
- 2** XÉT TUYỂN BẰNG KẾT QUẢ ĐIỂM CÁC TỔ HỢP MÔN TRONG HỌC BẠ THPT.
- 3** XÉT ĐIỂM BÀI THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC DO ĐH QUỐC GIA TP HCM TỔ CHỨC NĂM 2024.

*Lưu ý: Thí sinh đăng ký xét tuyển năm 2024 bằng tất cả các phương thức trên đều phải đăng ký trực tuyến trên phần mềm của Bộ GD&ĐT

Học bổng
100% Học phí toàn phần
NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG



Hotline:

02623.98.66.88

📍 298 Hà Huy Tập, P. Tân An, Tp. BMT, Đắk Lắk

✉ tuyen sinh@bmtu.edu.vn

🌐 bmtu.edu.vn 📘 fb.com/dhydbmt



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

MÃ TRƯỜNG: TDL

1. Phương thức tuyển sinh

- Dựa vào kết quả thi THPT năm 2024
- Dựa vào kết quả học bạ THPT (02 cách tính điểm)
 - + Kết quả học tập cả năm lớp 12
 - + Kết quả học tập cả năm lớp 11 và học kì I lớp 12
- Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các Đại học Quốc gia và đại học vùng
- Xét tuyển thẳng (02 phương thức xét)
 - + Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Tốt nghiệp THPT có 3 năm liên tục đạt học sinh giỏi hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên vào các ngành phù hợp với môn chuyên hoặc môn đạt giải.

2. Thời gian tuyển sinh

- Dựa vào kết quả kỳ thi THPT 2024: Theo lịch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực: Theo thông báo của các cơ sở giáo dục đại học có tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực
- Xét tuyển sớm bằng kết quả học bạ: Dự kiến nhận hồ sơ từ ngày 01/6/2024

3. Danh sách ngành xét tuyển (Chỉ tiêu dự kiến)

TT	TÊN NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	TỔNG CHỈ TIÊU	PHƯƠNG THỨC THI THPT	CÁC PHƯƠNG THỨC KHÁC
01	Sư phạm Toán học	7140209	A00, A01, D07, D90	18	10	8
02	Sư phạm Vật lý	7140211	A00, A01, A12, D90	24	14	10
03	Sư phạm Hóa học	7140212	A00, B00, D07, D90	24	14	10
04	Sư phạm Sinh học	7140213	A00, B00, B08, D90	24	14	10
05	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00, C20, D14, D15	18	10	8
06	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00, C19, C20, D14	24	14	10
07	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01, D72, D96	40	25	15
08	Sư phạm Tin học	7140210	A00, A01, D07, D90	28	16	12
09	Giáo dục tiểu học	7140202	A16, C14, C15, D01	150	90	60
10	Toán học (Toán - Tin học)	7460101	A00, A01, D07, D90	30	18	12
11	Khoa học dữ liệu	7460108	A00, A01, D07, D90	50	30	20
12	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D07, D90	150	90	60
13	Vật lý học	7440102	A00, A01, A12, D90	30	18	12
14	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7510302	A00, A01, A12, D90	40	25	15
15	Kỹ thuật hạt nhân	7520402	A00, A01, D01, D90	30	20	10
16	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	A00, A01, A12, D90	40	25	15
17	Hóa học	7440112	A00, B00, D07, D90	30	20	10
18	Hóa dược	7720203	A00, B00, D07, D90	40	25	15
19	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	A00, B00, D07, D90	50	30	20
20	Sinh học	7420101	A00, B00, B08, D90	50	30	20
21	Công nghệ Sinh học	7420201	A00, B00, B08, D90	200	120	80
22	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D96	200	120	80
23	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D96	100	60	40
24	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D96	80	50	30
25	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, D07	50	30	20
26	Nông học	7620109	B00, B08, D07, D90	50	30	20
27	Công nghệ Sau thu hoạch	7540104	A00, B00, B08, D90	20	10	10
28	Luật	7380101	A00, C00, C20, D01	200	120	80
29	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	7380104	A00, C00, C20, D01	80	50	30
30	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	C00, C20, D01, D78	240	140	100
31	Việt Nam học	7310630	C00, C20, D14, D15	20	10	10
32	Đông phương học (Hàn Quốc học, Nhật Bản học)	7310608	C00, D01, D78, D96	200	120	80
33	Quốc tế học	7310601	C00, C20, D01, D78	20	10	10
34	Văn học (Ngữ văn tổng hợp, Ngữ văn báo chí)	7229030	C00, C20, D14, D15	30	20	10
35	Văn hóa Du lịch	7810106	C00, C20, D14, D15	50	30	20
36	Trung Quốc học	7310612	C00, C20, D14, D15	60	40	20
37	Lịch sử	7229010	C00, C19, C20, D14	20	10	10
38	Công tác xã hội	7760101	C00, C20, D01, D14	70	40	30
39	Xã hội học	7310301	C00, C20, D01, D14	20	10	10
40	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D72, D96	250	150	100
				2850	1708	1142

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 1 Phủ Đồng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt

Điện thoại: 0263 3825091 - Email: tuyensinhdlu@dlu.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.dlu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2024/phan-an-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2024-truong-dai-hoc-da-lat>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT

MÃ TRƯỜNG: DYD

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp... Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

3. Các phương thức xét tuyển

- **Phương thức 1: Xét tuyển học bạ THPT - Mã 200:** Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Đạt điểm học bạ theo từng hình thức như sau (thí sinh lựa chọn hình thức phù hợp):
 - HB1: Sử dụng Điểm trung bình kết quả học tập HK1, HK2 của năm lớp 11 và HK1 của năm lớp 12 để xét tuyển. Tổng ĐTB của 3 học kỳ đạt 18 điểm trở lên.
 - HB2: ĐTB của năm lớp 12 đạt 6.0 trở lên.
 - HB3: ĐTB của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển đạt 18 điểm trở lên. Trong đó, ngành Kiến trúc và Thiết kế nội thất đạt 12 điểm trở lên (đối với khối V00, H01).

- **Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2024 - Mã 100:** Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi (theo thang điểm 10) đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy chế tuyển sinh 2024. Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT 2024 hoặc kỳ thi THPT quốc gia các năm trước.
- + Đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường Đại học Yersin Đà Lạt quy định.

* Đối với ngành Điều dưỡng và Dược học: Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định theo từng năm tuyển sinh.

* Đối với ngành Kiến trúc và Thiết kế nội thất, Trường xét tuyển điểm thi môn vẽ tại các trường có tổ chức thi môn năng khiếu.

- **Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG-HCM hoặc các trường đại học có tổ chức - Mã 402:** Điểm xét tuyển là điểm quy đổi về thang điểm 30 từ tổng điểm bài thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG -HCM hoặc các trường đại học khác có tổ chức; có cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định. Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Điểm quy đổi đạt từ 15 điểm trở lên; ngành Điều dưỡng đạt từ 18 điểm trở lên và ngành Dược học đạt từ 20đ trở lên.

- **Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Mã 301 và 303:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Các ngành tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	QUẢN TRỊ KINH DOANH Gồm các chuyên ngành: 1. Quản trị kinh doanh 2. Kế toán - Tài chính - Ngân hàng 3. Digital Marketing	7340101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
2	CÔNG NGHỆ SINH HỌC Gồm các chuyên ngành: 1. Sinh học Nông nghiệp Công nghệ cao 2. Công nghệ sinh học thực vật 3. Công nghệ vi sinh vật	7420201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
3	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ phần mềm 2. Khoa học máy tính	7480201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) K01 (Toán, Tiếng Anh, Tin học)
4	KIẾN TRÚC	7580101	A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ)
5	THIẾT KẾ NỘI THẤT	7580108	A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ)
6	ĐIỀU DƯỠNG	7720301	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh)
7	DƯỢC HỌC	7720201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa, Tiếng Anh)
8	NGÔN NGỮ ANH Gồm các chuyên ngành: 1. Ngôn ngữ Anh 2. Tiếng Anh du lịch 3. Tiếng Anh thương mại	7220201	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
9	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH Gồm các chuyên ngành: 1. Quản trị Nhà hàng - Khách sạn 2. Quản trị Lữ hành	7810103	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)

	3. Quản trị Sự kiện		
10	ĐỒNG PHƯƠNG HỌC Gồm các chuyên ngành: 1. Hàn Quốc 2. Nhật Bản 3. Trung Quốc	7310608	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh)
11	QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	7320108	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
12	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	7540101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) C08 (Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)
13	LUẬT KINH TẾ	7380107	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) C20 (Ngữ Văn, Địa lý, GDCD) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
14	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	7510205	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
15	TÂM LÝ HỌC	7310401	A00 (Toán, Lý, Hóa) B00 (Toán, Hóa, Sinh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
16	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (dự kiến mở)	7520114	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
17	Y KHOA (dự kiến mở)	7720101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) B08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa, Tiếng Anh)

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT
Địa chỉ: 27 Tôn Thất Tùng, phường 8, thành phố Đà Lạt
Hotline: 1900 633 970 / 0911 66 20 22 / 0981 30 91 90 - Website: <http://yersin.edu.vn> - Email: tuyensinh@yersin.edu.vn
Trích nguồn: <https://tuyensinh.yersin.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-2024.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

MÃ TRƯỜNG: DNU
Phương thức tuyển sinh
- Xét kết quả thi THPT 2024 (theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- Xét học bạ THPT cả năm lớp 12

Các ngành tuyển sinh

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1	7140209	Sư phạm Toán học
2	7140211	Sư phạm Vật lý
3	7140212	Sư phạm Hóa học
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn
5	7140218	Sư phạm Lịch sử
6	7140231	Sư phạm Tiếng Anh
7	7140202	Giáo dục Tiểu học
8	7140201	Giáo dục Mầm non
9	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)
10	7340101	Quản trị kinh doanh
11	7340301	Kế toán
12	7220201	Ngôn ngữ Anh
13	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
14	7520103	Kỹ thuật cơ khí

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Số 9 Lê Quý Đôn, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Hotline: 0911 294 141 - Email: lienhe@dnpu.edu.vn - Website: <http://dnpu.edu.vn/>
Trích nguồn: <https://dnpu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-du-kien-nam-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP PHÂN HIỆU TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Mã trường: LNS

1. Đối tượng và khu vực tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc tương đương.
- Khu vực tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước (không phân biệt vùng miền, dân tộc, giới tính,...)

2. Phương thức tuyển sinh: Năm 2024, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai tuyển sinh theo 4 phương thức sau:

- **Phương thức 1:** (Mã 100) Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
- **Phương thức 2:** (Mã 200) Xét tuyển bằng kết quả học tập bậc THPT: (1) Kết quả học tập học kỳ I năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển; (2) Kết quả học tập cả năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển; (3) Tổng điểm trung bình cả năm của 3 năm học lớp 10, 11, 12.
- **Phương thức 3:** (Mã 402) Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024.
- **Phương thức 4:** (Mã 301) Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chỉ tiêu, ngành tuyển sinh

TT	NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2024	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Thú y (Chương trình bác sỹ)	7640101	150	A00 (Toán, Lý, Hóa) B00 (Toán, Hóa, Sinh) C15 (Toán, Văn, KHXH) D01(Toán, Văn, Anh)
2	Chăn nuôi	7620105	50	
3	Khoa học cây trồng	7620110	50	
4	Bảo vệ thực vật (Chương trình kỹ sư)	7620112	50	
5	Lâm sinh (Chương trình Kỹ sư)	7620205	50	
6	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	50	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C15 (Toán, Văn, KHXH) D01 (Toán, Văn, Anh)
7	Thiết kế nội thất	7580108	70	
8	Hệ thống thông tin	7480104	60	
9	Quản lý tài nguyên rừng (Chương trình Kỹ sư)	7620211	60	A00 (Toán, Lý, Hóa) C00 (Văn, Sử, Địa) C15 (Toán, Văn, KHXH) D01 (Toán, Văn, Anh)
10	Quản lý đất đai	7850103	60	
11	Quản lý tài nguyên & Môi trường	7850101	50	
12	Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	7510605	60	
13	Kế toán	7340301	70	
14	Quản trị kinh doanh	7340101	70	
15	Tài chính ngân hàng	7340201	50	
16	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	7810103	50	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513 866 242 - 02516 578 999 Hoặc 02516 508 777

Trích nguồn:

<https://vnuf2.edu.vn/vi/attachments/article/2965/Th%C3%B4ng%20b%C3%A1o%20ph%C6%B0%C6%A1ng%20%C3%A1n%20tuyển%20sinh%20%C4%90%E1%BA%A1%20h%E1%BB%8Dc%20ch%C3%ADnh%20quy%20n%C4%83m%202024.pdf>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

MÃ TRƯỜNG: DCD

1. Đối tượng tuyển sinh

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.
 - Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật.
- Đối tượng ưu tiên và tuyển thẳng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển). Năm 2024, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai sử dụng 03 phương thức xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo bậc đại học chính quy với các tổ hợp môn tương ứng.

- Phương thức 1: Xét điểm thi tốt nghiệp THPT.
- Phương thức 2: Xét kết quả học tập THPT (học bạ).
- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng.

4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường:

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	MÔN XÉT TUYỂN (TỔ HỢP MÔN THEO KHỐI)
1	Công nghệ chế tạo máy	7510202	A00: Toán, Vật lý, Hóa học
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A01: Toán, Vật lý, Anh
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A04: Toán, Vật lý, Địa lý (*)
4	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103	A10: Toán, Vật lý, GDCD (*)

5	Công nghệ thông tin	7480201	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh
6	Kỹ thuật phần mềm	7480103	A10: Toán, Vật lý, GD CD (*) D01: Toán, Văn, Anh
7	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A01: Toán, Vật lý, Anh C00: Văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Văn, Anh D66: Văn, GD CD, Anh
8	Thiết kế đồ họa	7210403	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh D01: Toán, Văn, Anh D15: Văn, Địa lý, Anh
9	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A07: Toán, Lịch sử, Địa lý B00: Toán, Hóa học, Sinh học B04: Toán, Sinh học, GD CD (*)
10	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	
11	Công nghệ kỹ thuật môi trường - Chuyên ngành An toàn, sức khỏe và môi trường - Chuyên ngành Môi trường & phát triển bền vững	7510406	
12	Công nghệ sinh học: Chuyên ngành Công nghệ thực phẩm	7420201	
13	Kế toán	7340301	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A07: Toán, Lịch sử, Địa lý C00: Văn, Lịch sử, Địa lý D01: Toán, Văn, Anh
14	Tài chính - Ngân hàng	7340201	
15	Quản trị kinh doanh	7340101	
16	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	
17	Quản trị khách sạn	7810201	
18	Điều dưỡng	7720301	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học C08: Văn, Hóa học, Sinh học D07: Toán, Hóa học, Anh
19	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	D01: Toán, Văn, Anh D14: Văn, Lịch sử, Anh D15: Văn, Địa lý, Anh D66: Văn, GD CD, Anh
20	Ngôn ngữ Anh	7220201	
21	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	
22	Đông phương học	7310608	

(*) Các tổ hợp không dùng trong xét điểm thi THPT. Các tổ hợp còn lại dùng cho cả phương thức xét điểm thi THPT và xét học bạ THPT.

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 206 đường Nguyễn Khuyến, khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251 261 2241 - Hotline: 0986 39 7733 - 0904 39 7733 - Email: tuyensinh@dnntu.edu.vn

Website: <https://dnntu.edu.vn>; <https://tuyensinh.dnntu.edu.vn>

Trích nguồn: <https://dnntu.edu.vn/tuyen-sinh/tin-tuyen-sinh/truong-dai-hoc-cong-nghe-dong-nai-dnntu-ma-truong-dod>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

MÃ TRƯỜNG: LHU

1. Phương thức xét tuyển

- **Xét tuyển điểm thi THPT:** xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (Ngành Dược theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- **Xét tuyển điểm kỳ thi đánh giá năng lực:**
 - + Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM
 - + Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Lạc Hồng.
- **Xét tuyển kết quả học bạ THPT**
 - + Tổng điểm 3 học kỳ: (ĐTB hk1 – lớp 11 + ĐTB hk2 – lớp 11 + ĐTB hk1 – lớp 12) $\geq$ 18đ
 - + Tổng điểm 3 môn lớp 12 $\geq$ 18đ của tổ hợp môn xét tuyển
 - + Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 $\geq$ 6,0đ.
- ❖ Riêng ngành Dược:
 - Xét tuyển bằng điểm cả năm lớp 12 từ 8.0 trở lên và học lực Giỏi.
 - Tổ hợp môn xét tuyển lớp 12 từ 24đ trở lên và học lực Giỏi.
 - Nếu thí sinh đạt loại Khá (học lực lớp 12) sẽ thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Lạc Hồng
- **Xét tuyển thẳng**
 - + Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các cuộc thi Khoa học kỹ thuật, cuộc thi Học sinh giỏi, cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên từ cấp tỉnh trở lên.

- + Thí sinh có học lực loại khá 3 năm lớp 10, 11, 12.
- + Thí sinh học tại các trường chuyên.
- + Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
- + Thí sinh thuộc 200 trường Top đầu cả nước.
- + Thí sinh thuộc các trường THPT có ký kết nghĩa – hợp tác giáo dục với Đại học Lạc Hồng.

2. Thời gian xét tuyển

Đợt 1: 01/02 – 10/5	Đợt 3: 01/7 – 20/7	Đợt 5: 01/8 – 10/8	Đợt 7: 21/8 – 31/8	Đợt 9: 11/9 – 30/10
Đợt 2: 11/5 – 30/6	Đợt 4: 21/7 – 31/7	Đợt 6: 11/8 – 20/8	Đợt 8: 01/9 – 10/9	

3. Các ngành đào tạo hệ đại học chính quy

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	NHÓM XÉT TUYỂN
1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, C00, D01
2	7380101	Luật	
3	7340115	Marketing	
4	7380107	Luật kinh tế	
5	7340120	Kinh doanh quốc tế	
6	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
7	7340201	Tài chính – Ngân hàng	
8	7340301	Kế toán	
9	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
10	7320108	Quan hệ công chúng	A00, D01, A01, D07
11	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D09, D10, A01
12	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00, D01, C03, C04
13	7310608	Hàn Quốc học	
		Nhật Bản học	
14	7510102	Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	A00, A01, V00, D01
		Xây dựng Cầu đường	
		Tin học xây dựng	
15	7510205	Công nghệ kỹ thuật Ô tô điện	A00, C01, A01, D01
		Công nghệ kỹ thuật Ô tô	
16	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Cơ điện tử)	
17	7510303	Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa	
18	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00, B00, C02, D01
19	7540101	Công nghệ thực phẩm	
		Quản lý chất lượng và An toàn thực phẩm	
		Khoa học thực phẩm & Dinh dưỡng	
20	7440301	Công nghệ môi trường	A00, D01, A01, D07
		Quản lý An toàn, Sức khỏe & Môi trường	
		Năng lượng xanh & Sinh thái môi trường	
21	7480201	Công nghệ thông tin	A00, B00, C02, D01
22	7480207	Trí tuệ nhân tạo	
23	7320104	Truyền thông Đa phương tiện	
24	7340122	Thương mại điện tử	
25	7720201	Dược sĩ	A00, B00, C02, D01

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Địa chỉ: Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3952 778 - Email: lachong@lhu.edu.vn

Trích nguồn: <https://lhu.edu.vn/640/44898/Truong-Dai-hoc-Lac-Hong-chinh-thuc-nhan-ho-so-dang-ky-xet-tuyen-hoc-ba-dot-1-nam-2024.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

MÃ TRƯỜNG: MIT

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1. Các ngành tuyển sinh

STT	NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT QUỐC GIA
1	Dược học		7720201	A00 (Toán, Lý, Hóa)
2	Điều dưỡng (dự kiến)		7720301	B00 (Toán, Hóa, Sinh)
3	Thú y		7640101	C08 (Văn, Hóa, Sinh) D07 (Toán, Hóa, Anh)

4	Công nghệ thông tin	- Robot và trí tuệ nhân tạo - Công nghệ thông tin - Khoa học dữ liệu	7480201	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
5	Công nghệ tài chính		7340205	
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô		7510205	
7	Kế toán		7340301	
8	Quản trị kinh doanh	- Quản trị kinh doanh - Quản trị ngoại thương - Quản trị hàng không	7340101	
9	Kinh doanh quốc tế		7340120	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
10	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		7510605	
11	Luật kinh tế		7380107	
12	Digital Marketing		7340114	
13	Quản lý công nghiệp		7510601	
14	Đông phương học	- Hàn Quốc học	7310608	A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
15	Ngôn ngữ Anh		7220201	A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
16	Ngôn ngữ Trung Quốc		7220204	A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)

2. Phương thức tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- **Xét tuyển dựa vào kết quả học bạ:** theo 03 hình thức

- + Xét tuyển điểm trung bình học bạ học kỳ 1 lớp 12: đạt từ **5,5** trở lên.
- + Xét tuyển điểm trung bình học bạ lớp 12: đạt từ **5,5** trở lên trở lên .
- + Xét tuyển điểm ba môn học bạ lớp 12: đạt từ **5,5** trở lên (**16,5** điểm tổng cộng 3 môn).

Riêng Ngành Dược học chỉ xét thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại **GIỎI**, Ngành Điều dưỡng học lực lớp 12 từ **KHÁ** trở lên.

- **Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024:** Đạt điểm do Hội đồng tuyển sinh Đại học Công nghệ Miền Đông quy định sau khi có kết quả thi tốt nghiệpTHPT.

Riêng Ngành Dược học chỉ xét thí sinh có điểm xét tốt nghiệp từ **8,0** trở lên, ngành Điều dưỡng có điểm xét tốt nghiệp từ **6,5** trở lên.

- **Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG-HCM:** Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2024 do Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Công nghệ Miền Đông quy định.

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
Địa chỉ: Khu phố Trần Hưng Đạo, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (02513) 772. 668- 0981.767.568 - Website: www.mit.vn

Trích nguồn: <https://mit.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2024-du-kien/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

MÃ TRƯỜNG: VGU

1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh các trường Trung học phổ thông (THPT) Việt Nam hoặc quốc tế đã tốt nghiệp THPT hoặc sẽ tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh (đang là học sinh lớp 12). Thí sinh đáp ứng các yêu cầu về tuyển sinh trình độ đại học của VGU và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chi tiêu tuyển sinh

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU
1	Khoa học máy tính (CSE)	7480101	250
2	Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	7520208	150
3	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	7520103	90
4	Kiến trúc (ARC)	7580101	90
5	Kỹ thuật và quản lý xây dựng (BCE)	7580201	30
6	Kỹ thuật giao thông thông minh (SME) (*)	7510104	30
7	Kỹ thuật quy trình và môi trường (Kỹ thuật quy trình sản xuất bền vững) (EPE) (*)	7510206	30
8	Quản trị kinh doanh (BBA)	7340101	140
9	Tài chính và Kế toán (BFA)	7340202	90
Tổng cộng			900

3. Phương thức tuyển sinh: VGU tuyển sinh theo 5 phương thức. Thí sinh được phép tham gia nhiều phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân theo các mốc thời gian tuyển sinh và nhập học được quy định cho mỗi đợt tuyển sinh.

STT	PHƯƠNG THỨC	ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN	THỜI GIAN THI, XÉT TUYỂN
1	Phương thức 1: Thí tuyển (TestAS)	- Thí sinh làm bài thi TestAS gồm một bài thi cơ bản (Core Test) và một bài thi kiến thức chuyên ngành (Subject Specific Test)	- Hạn nộp hồ sơ: 10/05/2024 - Ngày thi: 25 và 26/05/2024
2	Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT	- Chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp các trường THPT tại Việt Nam trong năm tuyển sinh - Xét tuyển dựa vào học bạ/bảng điểm THPT (lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)	- Hạn nộp hồ sơ: 31/05/2024
3	Phương thức 3: Xét tuyển thẳng	- Tuyển thẳng thí sinh có thành tích học tập xuất sắc: thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế/Hội nghị khoa học, kỹ thuật quốc tế (ISEF); đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi (HSG) bậc THPT cấp quốc gia hoặc tỉnh/thành phố; đạt giải cuộc thi Khoa học kỹ thuật (KHKT) quốc gia; - Thí sinh đạt HSG lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 THPT và đồng thời: + Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS học thuật từ 6.0 trở lên hoặc tương đương; hoặc + Điểm trung bình tiếng Anh lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 từ 8,5 trở lên	- Nhận hồ sơ liên tục theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Kết quả trúng tuyển được công bố sau 2 tuần kể từ ngày thí sinh nộp hồ sơ.
4	Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên chứng chỉ/ bằng tốt nghiệp THPT quốc tế	- Thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT quốc tế (IBD, A-Level kết hợp với AS-Level hoặc IGCSE, WACE, SACE...); hoặc chứng chỉ bài thi đánh giá khả năng học thuật quốc tế (TestAS, SAT, ACT); - Bằng tốt nghiệp THPT quốc tế được công nhận theo Phụ lục 3, Quy chế tuyển sinh đại học của VGU	
5	Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	- Xét tổng điểm 3 môn thi theo tổ hợp môn tương ứng với ngành thí sinh đăng ký: + CSE, ECE, MEN, SME và BCE: A00/A01/D07/D26 + EPE: A00/A01/B00/D07 + BFA và BBA: A00/A01/D01/D03/D05/D07 + ARC: A00/A01/D26/V00	Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Yêu cầu năng lực tiếng Anh đầu vào:

- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS học thuật từ 5.0 trở lên còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc tương đương (các chứng chỉ tiếng Anh tương đương được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 Quy chế tuyển sinh đại học của VGU); hoặc
- Đạt bài thi tiếng Anh của VGU bao gồm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; hoặc
- Điểm trung bình môn tiếng Anh lớp 10, 11 và học kỳ 1 của lớp 12 THPT đạt từ 7,5 trở lên (thang điểm 10) (chỉ áp dụng cho Phương thức 2); hoặc
- Điểm trung bình tiếng Anh xác định từ điểm tiếng Anh của kỳ thi tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh và điểm trung bình môn tiếng Anh lớp 10, 11 và học kỳ 1 của lớp 12 THPT đạt từ 7,5 trở lên (thang điểm 10). Riêng đối với ngành BCE, thí sinh cần đạt từ 7 trở lên (chỉ áp dụng cho Phương thức 5);
- Các trường hợp sau đây được miễn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào:
 - + Thí sinh đến từ các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức theo danh sách tại Phụ lục 2 Quy chế tuyển sinh đại học của VGU;
 - + Thí sinh tốt nghiệp các chương trình THPT quốc tế dùng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy và kiểm tra, đánh giá.

5. Quy trình dự tuyển: Thí sinh cần hoàn thành đơn đăng ký và nộp các hồ sơ (bản mềm) tại hệ thống nộp đơn trực tuyến của VGU (<https://apply.vgu.edu.vn>) như sau:

- Căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- Chứng nhận tốt nghiệp THPT chính thức hoặc tạm thời (nếu có);
- Học bạ hoặc bảng điểm lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 THPT có xác nhận của trường THPT (yêu cầu đối với Phương thức 2, 3, 5);
- Chứng nhận giải thưởng hay minh chứng của thành tích đạt được (yêu cầu đối với Phương thức 3);
- Bảng tốt nghiệp THPT quốc tế hoặc chứng chỉ bài thi đánh giá khả năng học thuật quốc tế (yêu cầu đối với Phương thức 4);
- Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT (yêu cầu đối với Phương thức 5); Chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ (nếu có).

6. Thông tin liên hệ: Thông tin chi tiết về phương thức tuyển sinh, chương trình đào tạo, hướng dẫn quy trình nộp hồ sơ, chính sách học phí, học bổng được công bố tại website <https://vgu.edu.vn/vi/admission> hoặc liên hệ:

- Phòng Tiếp thị và Tuyển sinh, Trường Đại học Việt Đức: Phòng 220, Tòa nhà Hành chính, Đường Vành Đai 4, khu phố 4, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 - Văn phòng Trường Đại học Việt Đức tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa nhà L'Mark Orchard Parkview (tầng 5), số 130 - 132 Hồng Hà, phường 9, quận Phú Nhuận
- Điện thoại: 0988 54 52 54 - (028) 3825 6340 - Email: study@vgu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG

MÃ TRƯỜNG: DBD

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương từ năm 2023 trở về trước;
 - Thí sinh đang học lớp 12 các trường THPT hoặc tương đương.
- (*) Thí sinh được công nhận trúng tuyển khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước

3. Phương thức tuyển sinh dự kiến:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024;
- **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập 3 năm lớp 10,11,12 (xét theo học bạ).
- **Phương thức 4:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 (xét theo học bạ).
- **Phương thức 5:** Xét tuyển dựa vào điểm trung bình cao nhất các môn học của học kỳ 1,2 lớp 10, kỳ 1,2 lớp 11, kỳ 1 lớp 12 (xét theo học bạ THPT - 5HK).

4. Ngành tuyển sinh:

Chỉ tiêu dự kiến: 1661 chỉ tiêu đại học chính quy chương trình đại trà.

(*) Năm 2024, Trường dành 70% chỉ tiêu xét tuyển theo kết quả học tập THPT; 25% chỉ tiêu xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT; 5% chỉ tiêu xét tuyển theo điểm thi năng lực.

STT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	ĐIỂM ĐÀO TẠO
1	Kế toán	7340301	158	A01, A09, C00, D01	CSC; PH
2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	130	A01, A09, C00, D01	CSC; PH
3	Luật kinh tế	7380107	130	A01, A09, C00, D01	CSC; PH
4	Quản trị kinh doanh	7340101	262	A01, A09, C00, D01	CSC; PH
5	Công nghệ thực phẩm	7540101	60	A00, A09, B00, D07	CSC
6	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	60	A00, A09, C00, D01	CSC; PH
7	Công nghệ thông tin	7480201	156	A00, A09, D01, K01	CSC; PH
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	60	A00, A02, A09, D01	CSC
9	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	60	A00, A09, V00, V01	CSC; PH
10	Kiến trúc	7580101	50	A00, A09, V00, V01	CSC
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	120	A00, A01, A02, A09	CSC
12	Dược học	7720201	150	A00, B00, C08, D07	CSC
13	Hàn Quốc học	7310614	55	A01, A09, C00, D15	CSC
14	Nhật Bản học	7310613	90	A01, A09, C00, D15	CSC
15	Ngôn ngữ Anh	7220201	120	A01, D01, D10, D66	CSC; PH
16	Xã hội học	7310301	120	A01, A09, C00, D01	CSC
17	Hóa dược	7720203	120	A00, B00, C08, D07	CSC

Thí sinh đăng ký xét tuyển khối V00, V01 dự thi môn Văn mỹ thuật tại Trường Đại học Bình Dương (môn năng khiếu hệ số 2).

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 504 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0789 269 219 - (0274) 6 511 756 - (0274) 6 543 616

Website: <https://tuyensinh.bdu.edu.vn/> - Email: tuyensinh@bdu.edu.vn

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG – TẠI CÀ MAU

Địa chỉ: Số 3, đường Lê Thị Riêng, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0971 936 919 - 0290 6 539 468 - 0290 6 273 968

Trích nguồn: <https://xettuyenonline.bdu.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

MÃ TRƯỜNG: TDM

1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2. Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

3. Chỉ tiêu tuyển sinh (Dự kiến): 4500

4. Phương thức tuyển sinh:

- Xét học bạ (có 02 hình thức):
 - + Hình thức 1: xét điểm trung bình chung 3 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) theo tổ hợp môn;
 - + Hình thức 2: Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn.
 - Xét tuyển thí sinh đạt học sinh giỏi 1 trong 3 năm (lớp 10, 11, 12)
 - Xét kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024
 - Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2014 theo tổ hợp môn
- ❖ Riêng các ngành đào tạo giáo viên: Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Mầm non, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Ngữ văn, chỉ sử dụng một phương thức tuyển sinh là “Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo tổ hợp môn”

5. Các ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2024

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	MÃ TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN
1	Du lịch	7810101	D01, D14, D15, D78	125

2	Thiết kế đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01	100
3	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D09, V01	150
4	Âm nhạc	7210405	N03, M03, M06, M10	25
5	Luật	7380101	C14, C00, D01, A16	250
6	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01, A16	170
7	Quan hệ quốc tế	7310206	A00, C00, D01, D78	70
8	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	60
9	Quản lý đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08	70
10	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00, D01, B00, B08	40
11	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01, D90	50
12	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00, A16	80
13	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, A16	250
14	Marketing	7340115	A00, A01, D01, A16	70
15	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, A16	240
16	Kiểm toán	7340302	A00, A01, D01, A16	50
17	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D07	50
18	Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, A16	230
19	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D90	250
20	Quản lý công nghiệp	7510601	A00, A01, C01, A16	100
21	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01 D15, D78	350
22	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, D78	250
23	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, A01, D15, D78	100
24	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19, C15	50
25	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08	60
26	Toán học	7460101	A00, A01, D07, A16	40
27	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, C00, D01, A16	150
28	Giáo dục Mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11	70
29	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00, D01, D14, C15	117
30	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00, D01, D14, C15	62
31	Giáo dục học	7140101	C00, D01, C14, C15	30
32	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01, D90	250
33	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01, D90	70
34	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01, D90	80
35	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01, D90	70
36	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01, D90	50
37	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, D90	200
38	Hóa học	7440112	A00, B00, D07, A16	50
39	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08	100
40	Công nghệ Sinh học	7420201	A00, D01, B00, B08	50

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Địa chỉ: Số 06 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0274) 383-5677 - (0274) 384-4340 - Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> – Email: trungtamtuyensinh@tdmu.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/6225>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

MÃ TRƯỜNG: DKB

- Đối tượng tuyển sinh:** Tuyển học sinh các trường THPT tại Việt Nam, tốt nghiệp THPT đáp ứng các yêu cầu về tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức xét tuyển:** Năm 2024, BETU tuyển sinh 18 ngành đào tạo và giữ ổn định 4 phương thức xét tuyển gồm: Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (học bạ); theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024; xét tuyển thẳng và theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024.
 - Đối với phương thức xét học bạ có ba hình thức, đó là xét điểm trung bình tổ hợp môn cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12; xét điểm trung bình học kỳ 1 lớp 12 tổ hợp môn; xét điểm trung bình các môn năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển.
- Ngưỡng điểm cơ sở xét tuyển**
 - Thí sinh đủ điều kiện đăng ký xét tuyển khi đạt điều kiện về ngưỡng điểm cơ sở xét tuyển theo điểm nhận hồ sơ của trường quy định cho từng ngành.

- Riêng thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Dược học thì căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

4. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển

TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP CÁC MÔN XÉT TUYỂN	GHI CHÚ
Quản trị kinh doanh - Kinh doanh bất động sản - Quản trị doanh nghiệp	7340101	A00, A01, C01, D01	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa, Sinh) C00 (Văn, Sử, Địa) C01 (Toán, Văn, Lý) C03 (Toán, Văn, Sử) C04 (Toán, Văn, Địa) D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa, Tiếng Anh) D08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh) D10 (Toán, Địa, Tiếng Anh) D66 (Văn, GD&CD, Anh)
Marketing	7340115	A00, A01, C01, D01	
Quản trị văn phòng	7340406	A00, A01, C03, D01	
Thương mại điện tử *	7340122	A00, A01, C01, D01	
Kế toán - Kiểm toán	7340301	A00, A01, D01, D10	
Tài chính – Ngân hàng - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Đầu tư tài chính - Bảo hiểm	7340201	A00, A01, C04, D01	
Công nghệ thông tin - Hệ thống thương mại điện tử - Công nghệ phần mềm	7480201	A00, A01, D01, D10	
Kỹ thuật phần mềm	7480103	A00, A01, D01, D10	
Công nghệ kỹ thuật ô tô - Hệ Tiêu chuẩn - Hệ Việt – Hàn - Hệ Quốc tế	7510205	A00, A01, C01, D01	
Công nghệ ô tô điện *	7510205D	A00, A01, C01, D01	
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Điện tử công nghiệp - Điện công nghiệp	7510301	A00, A01, C01, D01	
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, C01, D01	
Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại	7220201	C00, D01, D08, D10	
Ngôn ngữ Hàn Quốc - Tiếng Hàn thương mại - Tiếng Hàn biên, phiên dịch - Tiếng Hàn du lịch - Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	7220210	C00, D01, D10, D66	
Quan hệ công chúng - Quảng cáo	7320108	A00, A01, C00, D01	
Luật - Luật Kinh tế - Luật Quốc tế	7380101	A00, A01, C00, D01	
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	A00, A01, C00, D01	
Dược học	7720201	A00, B00, D07	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 333 đường Thuận Giao 16, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0287.108.1979 - 0977.61.55.61 - 0888.61.66.61 - Websites: www.ktk.edu.vn - tuyensinh.ktk.edu.vn
Email: ktktbd@ktkt.edu.vn - tuyensinh@ktkt.edu.vn

Trích nguồn: <https://www.ktk.edu.vn/tin-tuc-su-kien/truong-dai-hoc-kinh-te-ky-thuat-binh-duong-cong-bo-phuong-thuc-tuyen-sinh-nam-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG

MÃ TRƯỜNG: EIU
Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo kết quả học tập trong học bạ THPT: Chỉ tiêu: dự kiến 50-60% chỉ tiêu tuyển sinh
- + Xét tuyển theo kết quả học tập cả năm lớp 12:

- + Xét tuyển theo kết quả học tập 3 Học kỳ (Học kỳ 1&2 lớp 11, Học kỳ 1 lớp 12):
- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Chỉ tiêu: Dự kiến từ 30 đến 40% chỉ tiêu tuyển sinh
- Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM năm 2024: Chỉ tiêu: Dự kiến 10% chỉ tiêu tuyển sinh.
- Xét tuyển thẳng. Chỉ tiêu: Dự kiến 5% chỉ tiêu tuyển sinh.
- + Xét tuyển thẳng theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh của Trường:
 - Thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT ở các nước hoặc các trường quốc tế tại Việt Nam và có điểm trung bình học tập GPA của 3 năm học đạt loại giỏi hoặc từ 3.2/4 hoặc 8/10 trở lên; và có trình độ tiếng Anh tương đương IELTS từ 6.0 trở lên.
 - Thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT ở các nước hoặc các trường quốc tế tại Việt Nam và có chứng chỉ quốc tế SAT từ 1.000/1.600 trở lên hoặc ACT từ 19/36 trở lên; hoặc ATAR từ 75/99.95 trở lên hoặc bằng tú tài quốc tế IB từ 26/42 trở lên.

Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	TÊN NGÀNH	CHỈ TIÊU	MÃ TỔ HỢP MÔN	TỔ HỢP MÔN
1	Kinh tế	100	A00	Toán - Lý - Hóa
2	Quản trị kinh doanh	400	A01	Toán - Lý - Anh
3	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	100	B00	Toán - Hóa - Sinh
4	Kỹ thuật phần mềm	160	D01	Toán - Văn - Anh
5	Kỹ thuật cơ điện tử	80		
6	Kỹ thuật điện	80		
7	Kỹ thuật điện tử – viễn thông	80		
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	80		
9	Điều dưỡng	200		

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0274 9999681 - Hotline: 0918907722; 0918907733
Email: tuyensinh@eiu.edu.vn - Website: www.eiu.edu.vn

Trích nguồn: <https://eiu.edu.vn/tuyen-sinh/tuyen-sinh-2024/thong-tin-tuyen-sinh/#1632059797069-cb07a5e0-c91b>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

MÃ TRƯỜNG: PVU

1. Phương thức xét tuyển:

- Xét tuyển kết quả học tập THPT (Học bạ): Tổng điểm trung bình của 04 môn (Toán, Lý, Hóa, Tiếng Anh):
 - + 05 học kỳ đối với học sinh tốt nghiệp năm 2024.
 - + 06 học kỳ đối với thí sinh tự do (tốt nghiệp từ năm 2023 trở về trước).
- Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và Đại học Quốc gia Hà Nội
- Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT: (Đăng ký theo hướng dẫn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

2. Ngành đào tạo:

NGÀNH HỌC	TỔ HỢP MÔN	MÃ NGÀNH	MÃ NGÀNH ĐĂNG KÝ	CHỈ TIÊU
Kỹ thuật Hóa học (Lọc - Hóa dầu)	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)	7520301	7520600*	100
Kỹ thuật Dầu khí (Khoan - Khai thác Mỏ Dầu khí)		7520604		
Kỹ thuật Địa chất (Địa chất - Địa vật lý Dầu khí)		7520501		
Khoa học Máy tính (dự kiến) với 2 chuyên ngành: - Khoa học Dữ liệu - Trí tuệ Nhân tạo		7480101	7480101*	100

(*) Mã ngành dùng chung khi đăng ký xét tuyển bằng Công thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: 762 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Điện thoại: (254)3.738879 ; (254)3.738877

Trích nguồn: <https://www.pvu.edu.vn/tuyen-sinh/tuyen-sinh-2024/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

MÃ TRƯỜNG: BVU

1. Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển học bạ theo điểm trung bình 3 học kỳ (2 HK lớp 11 và HK1 lớp 12)

+ Điều kiện xét tuyển: Tốt nghiệp THPT và Tổng điểm trung bình 3 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) đạt:

- Từ 18 điểm đối với các ngành/chương trình trừ Dược học, Điều dưỡng và chương trình Cử nhân tài năng.
- Từ 24 điểm và lớp 12 học lực giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 đối với ngành Dược học.
- Từ 19,5 điểm và lớp 12 học lực khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 đối với ngành Điều dưỡng.
- Từ 22 điểm đối với các ngành/chương trình Cử nhân tài năng.

- Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 3 môn năm lớp 12

+ Điều kiện xét tuyển: Tốt nghiệp THPT và Tổng điểm trung bình lớp 12 của 3 môn theo Tổ hợp xét tuyển đạt:

- Từ 18 điểm đối với các ngành/chương trình trừ ngành Dược học, Điều dưỡng và chương trình Cử nhân tài năng.
- Từ 24 điểm và lớp 12 học lực giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 đối với ngành Dược học.
- Từ 19,5 điểm và lớp 12 học lực khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 đối với ngành Điều dưỡng.
- Từ 22 điểm đối với các ngành/chương trình Cử nhân tài năng.

- Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Các mốc thời gian xét tuyển chính

- Xét tuyển học bạ THPT: Đợt 1: Từ 01/12/2023 đến 31/3/2024 - Đợt 2: Từ 01/04 đến 30/06/2024 - Đợt 3: Từ 01/07 đến 31/07/2024

- Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Danh mục các ngành tuyển sinh đại học 2024

STT	NGÀNH - CHƯƠNG TRÌNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Ngành/Chương trình chuẩn (học tiếng Việt, ngoại ngữ tiếng Anh) – Thời gian học: 3,5 năm – 10 học kỳ - Nhận bằng Cử nhân			
1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00: Toán – Lý – Hóa A01: Toán – Lý – Anh C00: Văn – Sử – Địa D01: Toán – Văn – Anh
2	Logistics cảng biển – Xuất nhập khẩu – Giao nhận vận tải quốc tế (ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	7510605C1	
3	Logistics cảng hàng không – Xuất nhập khẩu – Giao nhận vận tải quốc tế (ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	7510605C2	
4	Kinh doanh quốc tế	7340120	
5	Thương mại quốc tế & Kinh doanh trực tuyến (ngành Kinh doanh quốc tế)	7340120C1	
6	Quản trị khách sạn	7810201	
7	Quản trị nhà hàng – khách sạn và dịch vụ ăn uống (ngành Quản trị khách sạn)	7810201C1	
8	Quản trị du lịch – nhà hàng – khách sạn (ngành Quản trị khách sạn)	7810201C2	
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	
10	Quản trị kinh doanh	7340101	
11	Quản trị doanh nghiệp (ngành Quản trị kinh doanh)	7340101C1	
12	Quản trị kinh doanh bất động sản (ngành Quản trị kinh doanh)	7340101C2	
13	Quản trị nguồn nhân lực (ngành Quản trị kinh doanh)	7340101C3	
14	Quản trị truyền thông đa phương tiện (ngành Quản trị kinh doanh)	7340101C4	
15	Marketing	7340115	
16	Marketing và tổ chức sự kiện (ngành Marketing)	7340115C1	
17	Digital Marketing (ngành Marketing)	7340115C2	
18	Tài chính – Ngân hàng	7340201	
19	Tài chính doanh nghiệp (ngành Tài chính – Ngân hàng)	7340201C1	
20	Kế toán	7340301	
21	Kế toán tài chính (ngành Kế toán)	7340301C1	
22	Kế toán kiểm toán (ngành Kế toán)	7340301C2	
23	Luật	7380101	A01: Toán – Lý – Anh C00: Văn – Sử – Địa C20: Văn – Địa – GDGD D01: Toán – Văn – Anh
24	Luật kinh tế và dân sự (ngành Luật)	7380101C1	
25	Tâm lý học	7310401	
26	Tham vấn và trị liệu tâm lý (ngành Tâm lý học)	7310401C1	A00: Toán – Lý – Hóa A01: Toán – Lý – Anh C01: Văn – Toán – Lý D01: Toán – Văn – Anh
27	Công nghệ thông tin	7480201	
28	Kỹ thuật phần mềm (ngành Công nghệ thông tin)	7480201C1	
29	Lập trình ứng dụng di động và game (ngành Công nghệ thông tin)	7480201C2	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Cơ sở 1: Số 80 Trương Công Định, phường 3, thành phố Vũng Tàu

Cơ sở 2: Số 01 Trương Văn Bang, phường 7, thành phố Vũng Tàu

Cơ sở 3: Số 951 Bình Giã, phường 10, thành phố Vũng Tàu - Hotline: 1900.633.069 - Zalo: 035.994.68.68

Tìm hiểu thông tin tại: <https://tuyensinh.bvu.edu.vn> - Fanpage: <https://fb.com/daihocbariavungtau>

Trích nguồn: <https://bv.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh/#>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐHQG-HCM

MÃ TRƯỜNG: QSB

1. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

- Phương thức 1a (mã 301): Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Phương thức 1b (mã 303): Ưu tiên xét tuyển thẳng (UTXT) thí sinh giỏi, tài năng của trường THPT năm 2023 (theo quy định của ĐHQG-HCM)
- Phương thức 2 (mã 302): Ưu tiên xét tuyển (UTXT) theo quy định của ĐHQG-HCM (danh sách 149 trường THPT)
- Phương thức 3 (mã 410): Xét tuyển thí sinh có chứng chỉ tuyển sinh quốc tế hoặc thí sinh người nước ngoài
- Phương thức 4 (mã 414): Xét tuyển theo kết quả THPT kết hợp phỏng vấn đối với thí sinh dự tính du học nước ngoài
- Phương thức 5 (mã 701): Xét tuyển tổng hợp bao gồm các tiêu chí về học lực (kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM, kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả quá trình học tập THPT), năng lực khác, hoạt động xã hội.

2. NGÀNH TUYỂN SINH

MÃ TUYỂN SINH	TÊN NGÀNH - CHƯƠNG TRÌNH	TỔ HỢP	CHỈ TIÊU
A. CHƯƠNG TRÌNH TIỂU CHUẨN			
106	Khoa học Máy tính (Chuyên ngành: Công nghệ Dữ liệu Bảo mật và Trí tuệ Kinh doanh, Công nghệ Phần mềm, Mật mã và An ninh Mạng, Trí tuệ Nhân tạo Ứng dụng, Xử lý Ảnh và Thị giác Máy tính, Khoa học Máy tính)	A00; A01	240
107	Kỹ thuật Máy tính (Chuyên ngành: Hệ thống Tính toán Hiện đại, Internet Vạn vật và An ninh, Kỹ thuật Máy tính)	A00; A01	100
108	Điện - Điện tử - Viễn Thông - Tự động hoá - Vi mạch (Chuyên ngành: Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Thiết kế Vi mạch [dự kiến])	A00; A01	670
109	Kỹ Thuật Cơ khí (Chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Chế tạo, Kỹ thuật Thiết kế, Kỹ thuật Máy Xây dựng và Nâng chuyển)	A00; A01	300
110	Kỹ Thuật Cơ Điện tử	A00; A01	105
112	Dệt - May (Nhóm ngành: Kỹ thuật Dệt; Công nghệ Dệt, May)	A00; A01	90
128	Logistics và Hệ thống Công nghiệp (Nhóm ngành: Logistics và Quản lý Chuỗi Cung ứng, Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp)	A00; A01	70
140	Kỹ thuật Nhiệt (Chuyên ngành Kỹ thuật Nhiệt lạnh)	A00; A01	80
114	Hóa - Thực phẩm - Sinh học (Chuyên ngành: Công nghệ Thực phẩm; Công nghệ Sinh học; Kỹ thuật Hóa học; Công nghệ Hóa Dược [dự kiến]; Công nghệ Mỹ phẩm [dự kiến])	A00; B00; D07	330
115	Xây dựng và Quản lý Dự án Xây dựng (Chuyên ngành: Kỹ thuật Xây dựng, Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông, Quy hoạch và Quản lý Giao thông, Kỹ thuật Xây dựng Công trình Thủy, Thủy lợi - Thủy điện, Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển, Cảng - Công trình Biển; Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng; Cấp thoát Nước, Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ, Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng)	A00; A01	470
117	Kiến Trúc (Chuyên ngành: Kiến trúc, Kiến trúc Cảnh quan)	A01; C01	90
148	Kinh tế Xây dựng (dự kiến)	A00; A01	120
120	Dầu khí - Địa chất (Chuyên ngành: Khoan và khai thác dầu khí, Địa chất dầu khí, Logistic và Vận chuyển Dầu khí, Lưu chứa Dầu khí, An toàn - Sức khỏe - Môi trường Dầu khí, Quản lý Dự án Dầu khí, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Địa chất, Địa chất Môi trường, Địa kỹ thuật, Quản lý Tài nguyên Đất và Khoáng sản)	A00; A01; D07	90
147	Địa Kỹ thuật Xây dựng (dự kiến)	A00; A01; D07	40
129	Kỹ thuật Vật liệu (Chuyên ngành: Vật liệu Kim loại & Hợp kim; Vật liệu Cao su - Nhựa - Composit [Hữu cơ Polyme]; Vật liệu Thủy tinh - Gốm - Xi măng [Vô cơ Silicat]; Vật liệu Nano - Bán dẫn - Y sinh [Năng lượng Ứng dụng])	A00; A01; D07	180
137	Vật lý Kỹ thuật (Chuyên ngành: Vật lý Y sinh, Vật lý Tính toán, Vật lý Kỹ thuật)	A00; A01	50
138	Cơ Kỹ thuật	A00; A01	50
146	Khoa học Dữ liệu (dự kiến)	A00; A01	30
142	Kỹ thuật Ô tô	A00; A01	90
145	(Song ngành) Tàu thủy - Hàng không (Ngành Kỹ thuật Tàu thủy, Kỹ thuật Hàng không)	A00; A01	60
123	Quản lý Công nghiệp (Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành, Quản trị Kinh doanh)	A00; A01; D01; D07	120
125	Tài nguyên và Môi trường (Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý và Công nghệ Môi trường, An toàn - Sức khỏe và Môi trường, Kỹ thuật Môi trường)	A00; A01; B00; D07	120
141	Bảo dưỡng Công nghiệp (Chuyên ngành: Bảo dưỡng Công nghiệp, Quản lý Bảo trì Dân dụng và Công nghiệp)	A00; A01	110

B. CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN (GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH)			
208	Kỹ thuật Điện - Điện tử (Chuyên ngành: Hệ thống Mạch - Phần cứng, Hệ thống Năng lượng, Hệ thống Tự động, Hệ thống Viễn thông)	A00; A01	150
C. CHƯƠNG TRÌNH DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH			
206	Khoa học Máy tính (Chuyên ngành: Công nghệ Dữ liệu Bảo mật và Trí tuệ Kinh doanh, Công nghệ Phần mềm, Mật mã và An ninh Mạng, Trí tuệ Nhân tạo Ứng dụng, Xử lý Ảnh và Thị giác Máy tính, Khoa học Máy tính)	A00; A01	130
207	Kỹ thuật Máy tính (Chuyên ngành: Hệ thống Tính toán Hiện đại, Internet Vạn vật và An ninh, Kỹ thuật Máy tính)	A00; A01	80
209	Kỹ thuật Cơ khí (Chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Chế tạo, Kỹ thuật Thiết kế, Kỹ thuật Máy Xây dựng và Nâng chuyển)	A00; A01	50
210	Kỹ thuật Cơ Điện tử	A00; A01	50
211	Kỹ thuật Robot (Chuyên ngành của ngành Kỹ thuật Cơ Điện tử)	A00; A01	50
214	Kỹ thuật Hóa học (Chuyên ngành: Kỹ thuật Hóa học; Công nghệ Hóa dược [dự kiến]; Công nghệ Mỹ phẩm [dự kiến])	A00; B00; D07	150
218	Công nghệ Sinh học	A00; B00; B08; D07	40
219	Công nghệ Thực phẩm	A00; B00; D07	40
215	Quản lý Dự án Xây dựng và Kỹ thuật Xây dựng (Nhóm ngành: Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông 40 SV; Chuyên ngành Quản lý Dự án Xây dựng 80 SV)	A00; A01	120
217	Kiến trúc Cảnh quan (Chuyên ngành của ngành Kiến trúc)	A01; C01	45
220	Kỹ thuật Dầu khí (Chuyên ngành: Khoan và Khai thác Dầu khí, Địa chất Dầu khí, Logistics và Vận chuyển Dầu khí, Lưu chứa Dầu khí, An toàn - Sức khỏe - Môi trường Dầu khí, Quản lý Dự án Dầu khí)	A00; A01; D07	50
223	Quản lý Công nghiệp (Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành, Quản trị Kinh doanh)	A00; A01; D01; D07	90
225	Tài nguyên và Môi trường (Nhóm ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật Môi trường)	A00; A01; B00; D07	60
228	Logistics và Hệ thống Công nghiệp (Nhóm ngành Logistics và Quản lý Chuỗi Cung ứng, Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp)	A00; A01	60
229	Kỹ thuật Vật liệu Công nghệ cao (Advanced Materials) (Chuyên ngành của ngành Kỹ thuật Vật liệu)	A00; A01; D07	40
237	Kỹ thuật Y Sinh (Chuyên ngành của ngành Vật lý Kỹ thuật)	A00; A01	30
242	Kỹ thuật Ô tô	A00; A01	50
245	Kỹ thuật Hàng không	A00; A01	40
D. CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG NHẬT BẢN			
266	Khoa học Máy tính (Chuyên ngành: Công nghệ Dữ liệu Bảo mật và Trí tuệ Kinh doanh, Công nghệ Phần mềm, Mật mã và An ninh Mạng, Trí tuệ Nhân tạo Ứng dụng, Xử lý Ảnh và Thị giác Máy tính, Khoa học Máy tính)	A00; A01	40
268	Cơ Kỹ thuật	A00; A01	30
E. CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP QUỐC TẾ (ÚC, MỸ, NEW ZEALAND, NHẬT BẢN)			
108	Kỹ thuật Điện - Điện tử Nhật Bản	A00; A01	20
306	Khoa học Máy tính Úc, New Zealand	A00; A01	150
307	Kỹ thuật Máy tính Úc, New Zealand	A00; A01	
308	Kỹ thuật Điện - Điện tử Úc	A00; A01	
309	Kỹ thuật Cơ khí Mỹ (dự kiến), Úc	A00; A01	
310	Kỹ thuật Cơ Điện tử Mỹ (dự kiến), Úc	A00; A01	
313	Kỹ thuật Hóa học - chuyên ngành Kỹ thuật Hóa dược Úc	A00; B00; D07	
314	Kỹ thuật Hóa học Úc	A00; B00; D07	
315	Kỹ thuật Xây dựng Úc	A00; A01	
319	Công nghệ Thực phẩm New Zealand	A00; B00; D07	
320	Kỹ thuật Dầu khí Úc	A00; A01	
323	Quản lý Công nghiệp Úc	A00; A01; D01; D07	
325	Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Tài nguyên & Môi trường Úc	A00; A01; B00; D07	
342	Kỹ thuật Ô tô Úc	A00; A01	
345	Kỹ thuật Hàng không Úc	A00; A01	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT, ĐHQG-HCM

MÃ TRƯỜNG: QSK

1. Phương thức xét tuyển

1.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng

- a. Phương thức 1a: theo quy chế tuyển sinh đại học ban hành theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối tượng và hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán - Lý - Hóa), A01 (Toán - Lý - Anh), D01 (Toán - Văn - Anh), D07 (Toán - Hóa - Anh), trong đó có môn thi đoạt giải học sinh giỏi quốc gia Nhất, Nhì, Ba.
 - Ngưỡng xét tuyển: kết quả học THPT (trung bình học bạ) đạt từ 8,0 trở lên.
 - Điều kiện, thời gian xét tuyển: thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh năm 2024.
- b. Phương thức 1b: ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh giỏi, tài năng trường THPT (theo quy định ĐHQG-HCM)
- Đối tượng: Thí sinh xuất sắc trong học tập của các trường THPT; thí sinh giỏi năng khiếu đạt thành tích cao trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật; thuộc trong nhóm 05 học sinh xuất sắc nhất trường.
 - Áp dụng cho các trường trung học phổ thông (THPT) bao gồm: trường liên cấp Tiểu học - THCS - THPT, trường THCS - THPT và trường THPT, không bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên.
 - Nguyên tắc: Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu trường THPT giới thiệu 01 học sinh thuộc nhóm 05 học sinh có điểm trung bình cộng học lực 3 năm THPT cao nhất trường THPT theo các tiêu chí sau:

TIÊU CHÍ	HỌC SINH GIỎI	HỌC SINH TÀI NĂNG, NĂNG KHIẾU VỀ THỂ THAO, VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
Tiêu chí chính	Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT	Có học lực loại Khá trở lên và có hạnh kiểm tốt trong 3 năm THPT. Có giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích năng khiếu trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật cấp quốc gia trở lên.
Tiêu chí kết hợp	- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố các giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT). - Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế. - Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, năng khiếu trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật và rèn luyện trong quá trình học THPT.	

1.2. Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển (UTXT) theo quy định của ĐHQG-HCM (Chỉ tiêu: tối đa 20% tổng chỉ tiêu)

- Đối tượng: thí sinh từ 149 trường THPT (trong đó 83 trường THPT chuyên, năng khiếu trong cả nước và 66 trường THPT
- Điều kiện đăng ký:
 - + Tốt nghiệp THPT năm 2024.
 - + Đạt danh hiệu Học sinh giỏi trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 hoặc là thành viên đội tuyển của trường/tỉnh thành tham dự kỳ thi Học sinh giỏi Quốc gia hay cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia đồng thời đạt kết quả học tập xếp loại Khá trở lên trong 03 năm lớp 10, 11, 12.
 - + Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.
 - + Chỉ áp dụng một lần đúng năm học sinh tốt nghiệp THPT.
 - + Thí sinh chỉ đủ điều kiện trúng tuyển khi điểm thi tốt nghiệp THPT của 3 môn tổ hợp xét tuyển A00 hoặc A01, D01 hoặc D07 phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (lấy điểm thi THPT 2024 theo các môn có trong tổ hợp xét tuyển).
- Số lượng nguyện vọng đăng ký UTXT: Thí sinh được đăng ký không giới hạn số lượng nguyện vọng vào 1 đơn vị của ĐHQG-HCM, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.
- Phương thức đăng ký và nộp hồ sơ UTXT: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến <http://tuyensinh.vnuhcm.edu.vn>
- Cách thức xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh xét tuyển dựa trên điểm trung bình 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12) của tổ hợp môn xét tuyển do thí sinh đăng ký. Học sinh thuộc 83 trường THPT chuyên, năng khiếu được nhân hệ số 1,05 tổng điểm tổ hợp 3 môn xét tuyển. Lưu ý: lớp 12 tính điểm cả 2 học kỳ.
- Xét tuyển và công bố kết quả: thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM, dự kiến trước ngày thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM.

1.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024 (Chỉ tiêu: trong khoảng 30% đến 50% tổng chỉ tiêu)

- Phương thức, điều kiện xét tuyển: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG-HCM và Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế – Luật.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: dự kiến tổ hợp các môn xét tuyển phải đạt tổng từ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trở lên (Nhà trường sẽ thông báo sau).
- Xét tuyển và công bố kết quả: thực hiện theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Công điểm ưu tiên: Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:
$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Quy chế tuyển sinh Bộ Giáo dục và Đào tạo}$$

1.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM 2024 (Chỉ tiêu: trong khoảng 40% – 60% tổng chỉ tiêu)

- Đăng ký dự thi: Đợt 1: từ ngày 22/01 – 04/03/2023 (thi ngày 07/04/2024) - Đợt 2: từ ngày 16/04 – 07/05/2023 (thi ngày 02/06/2024).
- Phương thức đăng ký: Thí sinh phải dự thi và có kết quả thi kỳ kiểm tra năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024 (không sử dụng kết quả các năm trước);

- Số nguyện vọng ĐKXT: không giới hạn số nguyện vọng, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất); Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;
 - Cách thức đăng ký: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến qua cổng thông tin thinangluc.vnuhcm.edu.vn. Việc đăng ký thực hiện theo hướng dẫn trên trang thông tin điện tử tuyển sinh ĐHQG-HCM. Trường hợp thí sinh đăng ký cả 2 đợt thi, Nhà trường sẽ xét dùng điểm thi ở đợt thi có điểm cao hơn.
 - Phương thức xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh xét tuyển dựa trên điểm thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024 của thí sinh đăng ký vào các ngành/chương trình.
 - Xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM, dự kiến trước ngày thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM.
- 1.5. Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ quốc tế (IELTS, TOEFL, ...) kết hợp với kết quả học tập THPT hoặc xét chứng chỉ SAT, ACT/ bằng tú tài quốc tế (IB)/ chứng chỉ A-level** (chỉ tiêu: tối đa 10% tổng chỉ tiêu, trong đó không quá 50% tổng chỉ tiêu của các chương trình tiếng Anh)
- Điều kiện đăng ký xét tuyển: phải đảm bảo 1 trong các tiêu chí sau:
 - + Xét theo chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập THPT: Thí sinh có điểm trung bình học tập THPT từ 7,5 (thang điểm 10) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế từ tương đương IELTS 5.0 trở lên.
 - + Xét kết quả bài thi SAT hoặc ACT: Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa: SAT (Scholastic Assessment Test): Thí sinh đạt điểm từ 1200/1600 trở lên; ACT (American College Testing) đạt điểm từ 27/36.
 - + Xét theo chứng chỉ A-level hoặc bằng tú tài quốc tế (IB): Thí sinh sử dụng tổ hợp 3 môn thi (trong đó có môn Toán), mức điểm mỗi môn thi đạt từ 80/100 điểm trở lên (tương ứng điểm A); Bằng tú tài quốc tế (IB) từ 32/45 điểm trở lên.
 - Phương thức đăng ký và nộp hồ sơ: thí sinh đăng ký online và nộp hồ sơ trực tiếp về Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Trường Đại học Kinh tế – Luật.
 - Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau: Thí sinh có chứng chỉ quốc tế ACT/SAT/Bằng tú tài quốc tế (IB)/Chứng chỉ A-level được ưu tiên xét tuyển trước (lấy tối đa 20% chỉ tiêu của phương thức này). Trường hợp thí sinh đồng điểm sẽ quy đổi ra % điểm tối đa của từng loại chứng chỉ (VD: điểm của chứng chỉ SAT là 1300 -> % điểm tối đa = $(1300/1600) * 100 = 81,25\%$) và lấy từ trên xuống cho đến khi đạt chỉ tiêu.
 - Đối với các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: điểm xét tuyển là tổng điểm quy đổi của Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế nhân hệ số 2 và cộng với điểm trung bình học bạ 3 năm THPT
 - Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	CHỨNG CHỈ	MỨC QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ						
		Mức 7.0	Mức 7.5	Mức 8.0	Mức 8.5	Mức 9.0	Mức 9.5	Mức 10
1	IELTS	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0 – 9.0
2	TOEFL iBT	35 – 45	46 – 59	60 – 78	79 – 93	94 – 101	102 – 109	110 – 120
3	Cambridge English Scale	154 – 161	162 – 168	169 – 175	176 – 184	185 – 190	191 – 199	200 – 209

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn số lượng nguyện vọng (có phân biệt thứ tự nguyện vọng, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).
- Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.
- Xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM.
- Danh sách đủ điều kiện trúng tuyển sẽ được Trường cập nhật lên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh trúng tuyển theo dõi thông báo hướng dẫn của Trường (qua tin nhắn SMS), thực hiện đăng ký và sắp nguyện vọng đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được công nhận trúng tuyển chính thức.

2. Các ngành, chuyên ngành đào tạo

STT	NGÀNH TUYỂN SINH	MÃ TUYỂN SINH	LĨNH VỰC	CHỈ TIÊU
1	KINH TẾ		KINH TẾ	260
	Chuyên ngành Kinh tế học	7310101 – 401		
	Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công	7310101 – 403		
2	KINH TẾ QUỐC TẾ			130
	-Chuyên ngành Kinh tế đối ngoại	7310106 – 402		
3	TOÁN KINH TẾ			160
	-Chuyên ngành Toán ứng dụng trong Kinh tế, Quản trị và Tài chính	7310108 – 413		
	- Chuyên ngành Toán ứng dụng trong Kinh tế, Quản trị và Tài chính (Tiếng Anh)	7310108 – 413E		
4	QUẢN TRỊ KINH DOANH		KINH DOANH	160
	-Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	7340101 – 407		
	-Chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Tiếng Anh)	7340101 – 407E		
	-Chuyên ngành Quản trị du lịch và lữ hành	7340101 – 415		
5	QUẢN LÝ CÔNG	7340403 – 418		50
6	MARKETING			195
	-Chuyên ngành Marketing	7340115 – 410		
	-Chuyên ngành Marketing (Tiếng Anh)	7340115 – 410E		
	-Chuyên ngành Digital Marketing	7340115 – 417		
7	KINH DOANH QUỐC TẾ			200
	-Kinh doanh quốc tế	7340120 – 408		
	-Kinh doanh quốc tế (Tiếng Anh)	7340120 – 408E		
8	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ			140
	-Thương mại điện tử	7340122 – 411		
	-Thương mại điện tử (Tiếng Anh)	7340122 – 411E		
9	TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG	7340201 – 404		120
10	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	7340205 – 414		120
11	KẾ TOÁN			150

	-Kế toán	7340301 – 405		
	-Kế toán (Tiếng Anh) (Tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW)	7340301 – 405E		
12	KIỂM TOÁN	7340302 - 409		120
13	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ			
	-Chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	7340405 – 406		125
	-Chuyên ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo	7340405 – 416		
14	LUẬT			
	-Chuyên ngành Luật dân sự	7380101 – 503		325
	-Chuyên ngành Luật Tài chính – Ngân hàng	7380101 – 504		
	-Chuyên ngành Luật và Chính sách công	7380101 – 505		
15	LUẬT KINH TẾ			
	-Chuyên ngành Luật Kinh doanh	7380107 – 501		345
	-Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế	7380107 – 502		
	-Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế (Tiếng Anh)	7380107 – 502E		

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT, ĐHQG-HCM
Cơ sở chính: Số 669 Đường Quốc lộ 1, Khu phố 3, phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở Quận 1: Số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: (028) 372 44550 | 0888 247 669

Trích nguồn: <https://tuyensinh.uel.edu.vn/cac-phuong-thuc-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2023/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ, ĐHQG-HCM

- Mã trường: QSQ**
- 1. Hình thức đào tạo**
- Chương trình do trường Đại học Quốc tế cấp bằng
 - Chương trình liên kết đào tạo với Đại học nước ngoài (Anh, Mỹ, Úc, Canada, NewZealand)
- 2. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Năm 2024, Trường ĐH Quốc tế (ĐHQG-HCM) tuyển 2.610 chỉ tiêu cho 2 chương trình đào tạo
- 3. Phương thức xét tuyển**
- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2024
 - + Chỉ tiêu: 50% – 70%
 - + Mã phương thức: 100
 - + Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT và hoàn thành kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2024.
 - **Phương thức 2:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Chỉ tiêu: 1%
 - + Mã phương thức: 301.
 - + Thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn năm 2024 của Bộ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (sẽ có thông báo riêng).
 - **Phương thức 3:** Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi, tài năng của trường THPT theo quy định của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) năm 2024
 - + Chỉ tiêu: 1%
 - + Mã phương thức: 303
 - + Đối tượng xét tuyển:
 - Thí sinh giỏi, tài năng trong học tập của các trường THPT; thí sinh giỏi năng khiếu trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật.
 - Áp dụng cho các trường THPT bao gồm trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên.
 - **Phương thức 4:** Ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi theo quy định của ĐHQG-HCM năm 2024
 - + Chỉ tiêu: 5% – 15%
 - + Mã phương thức: 302
 - + Đối tượng xét tuyển: Học sinh giỏi tốt nghiệp THPT 2024 của các trường trong danh sách do ĐHQG-HCM công bố (danh sách sẽ thông báo sau).
 - **Phương thức 5:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá Năng lực (ĐGNL) do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024
 - + Chỉ tiêu: 10% – 45%.
 - + Mã phương thức: 401
 - + Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có tham dự kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024.
 - **Phương thức 6:** Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài hoặc thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ quốc tế
 - + Chỉ tiêu: 5% – 10%.
 - + Mã phương thức: 500
 - + Đối tượng xét tuyển:
 - Thí sinh, là người nước ngoài hoặc người Việt Nam, đã tốt nghiệp THPT do nước ngoài cấp bằng tại Việt Nam hoặc tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài theo danh mục tại Phụ lục (các trường THPT không liệt kê tại Phụ lục sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét và phê duyệt theo từng trường hợp).

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ quốc tế: SAT – Scholastic Assessment Test; ACT – American College Testing; IB – International Baccalaureate; A-Level – Cambridge International Examinations A-Level; ATAR – Australian Tertiary Admission Rank,
- **Phương thức 7:** Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (phương thức này chỉ áp dụng cho các chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài).
 - + Chỉ tiêu: 15% chỉ tiêu các ngành thuộc chương trình liên kết.
 - + Mã phương thức: 200
 - + Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2022, 2023 và dự kiến tốt nghiệp THPT năm 2024.

4. Thông tin các ngành xét tuyển

Quy ước tổ hợp các môn xét tuyển

A00: Toán - Vật lý - Hóa học	B00: Toán - Hóa học - Sinh học	D07: Toán - Hóa học - Tiếng Anh
A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh	B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh	D09: Toán - Lịch sử - Tiếng Anh
A02: Toán - Vật lý - Sinh học	D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh	D14: Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh
		D15: Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh

STT	MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO	NGÀNH HỌC	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)
I	CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC DO TRƯỜNG ĐẠI HỌC (ĐH) QUỐC TẾ CẤP BẰNG			1970
1	7340101	Quản trị Kinh doanh	A00; A01; D01; D07	320
2	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00; A01; D01; D07	200
3	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07	60
4	7310101	Kinh tế (Phân tích dữ liệu trong kinh tế)	A00; A01; D01; D07	60
5	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D09, D14, D15	100
6	7480201	Công nghệ Thông tin	A00; A01	50
7	7460108	Khoa học Dữ liệu	A00; A01	50
8	7480101	Khoa học Máy tính	A00; A01	50
9	7420201	Công nghệ Sinh học	A00; B00; B08; D07	140
10	7540101	Công nghệ Thực phẩm	A00; A01; B00; D07	80
11	7440112	Hóa học (Hóa sinh)	A00; B00; B08; D07	60
12	7520301	Kỹ thuật Hóa học	A00; A01; B00; D07	70
13	7520118	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	A00; A01; D01	70
14	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00; A01; D01	160
15	7520207	Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông	A00; A01; B00; D01	50
16	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	A00; A01; B00; D01	90
17	7520212	Kỹ thuật Y Sinh	A01; B00; B08; D07	100
18	7580201	Kỹ thuật Xây dựng	A00; A01; D07	30
19	7580302	Quản lý Xây dựng	A00; A01; D01; D07	40
20	7520121	Kỹ thuật Không gian (Phân tích và ứng dụng dữ liệu lớn)	A00; A01; A02; D01	30
21	7460112	Toán ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi ro)	A00; A01	70
22	7460201	Thống kê (Thống kê ứng dụng)	A00; A01	40
23	7340115	Marketing (dự kiến)	A00; A01; D01; D07	50
II	CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT (LK) VỚI ĐH NƯỚC NGOÀI			640
1	7220201_WE2	Ngôn ngữ Anh (LK với ĐH West of England) (2+2)	D01, D09, D14, D15	20
2	7220201_WE3	Ngôn ngữ Anh (LK với ĐH West of England) (3+1)	D01, D09, D14, D15	10
3	7220201_WE4	Ngôn ngữ Anh (LK với ĐH West of England) (4+0)	D01, D09, D14, D15	90
4	7340101_AU	Quản trị kinh doanh (LK với ĐH Công nghệ Auckland) (1+2/1.5+1.5)	A00; A01; D01; D07	20
5	7340101_LU	Quản trị kinh doanh (LK với ĐH Lakehead) (2+2)	A00; A01; D01; D07	20
6	7340101_NS	Quản trị kinh doanh (LK với ĐH New South Wales) (2+2)	A00; A01; D01; D07	40
7	7340101_SY	Quản trị kinh doanh (LK với ĐH Sydney) (2+2)	A00; A01; D01; D07	30
8	7340101_UH	Quản trị kinh doanh (LK với ĐH Houston) (2+2)	A00; A01; D01; D07	50
9	7340101_WE	Quản trị kinh doanh (LK với ĐH West of England) (2+2)	A00; A01; D01; D07	20
10	7340101_WE4	Quản trị kinh doanh (LK với ĐH West of England) (4+0)	A00; A01; D01; D07	160
11	7340101_AND	Quản trị Kinh doanh (LK với ĐH Andrews – USA) (4+0)	A00; A01; D01; D07	40
12	7420201_WE2	Công nghệ sinh học (LK với ĐH West of England) (2+2)	A00; B00; B08; D07	20
13	7420201_WE4	Công nghệ sinh học định hướng Y Sinh (LK với ĐH West of England) (4+0)	A00; B00; B08; D07	40
14	7480101_WE2	Khoa học máy tính (LK với ĐH West of England) (2+2)	A00; A01	10
15	7480201_SB	Công nghệ thông tin (LK với ĐH Suny Binghamton) (2+2)	A00; A01	10
16	7480201_WE4	Công nghệ thông tin (LK với ĐH West of England) (4+0)	A00; A01	20
17	7520118_SB	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (LK với ĐH Suny Binghamton) (2+2)	A00; A01; D01	10
18	7520207_SB	Kỹ thuật điện tử (LK với ĐH Suny Binghamton) (2+2)	A00; A01; B00; D01	10
19	7520207_WE	Kỹ thuật điện tử – viễn thông (LK với ĐH West of England) (2+2)	A00; A01; B00; D01	10
20	7580201_DK	Kỹ thuật Xây dựng (LK với ĐH Deakin) (2+2)	A00; A01; D07	10

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ, ĐHQG-HCM

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 37244270 - Fax: (028) 37244271 - Email: info@hcmiu.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.hcmiu.edu.vn/tuyen-sinh/thong-bao-tuyen-sinh-nam-2024/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐHQG-HCM

MÃ TRƯỜNG: QSC

CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1.1. Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- **Đối tượng:** Các thí sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo thông báo xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của trường Đại học Công nghệ Thông tin (Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đạt giải Học sinh giỏi quốc gia, giải Khoa học kỹ thuật quốc gia, ...).
- **Xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành:**
 - + Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật; thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).
 - + Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tiếng Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT.
 - + Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba các nghề Cơ điện tử, Tự động hóa công nghiệp, Robot di động, Điện tử, Thiết kế và phát triển trang Web, Giải pháp phần mềm Công nghệ thông tin, Lắp ráp mạng thông tin, Thiết kế đồ họa, Quản trị hệ thống mạng CNTT trong kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật.

1.2. Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT (theo quy định ĐHQG-HCM)

- **Mục tiêu:**
 - + Tuyển được học sinh giỏi trường THPT vào những ngành/nhóm ngành phù hợp.
 - + Tăng thêm cơ hội, nguyện vọng cho học sinh giỏi vào học tại ĐHQG-HCM.
 - + Thực hiện chủ trương công bằng xã hội trong chính sách tuyển sinh của ĐHQG-HCM.
- **Đối tượng:** Áp dụng cho tất cả các trường THPT trên cả nước (bao gồm trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm Trung tâm Giáo dục thường xuyên).
- **Điều kiện:** Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu giới thiệu 01 thí sinh giỏi nhất trường THPT theo các tiêu chí sau:
 - + **Đảm bảo 02 tiêu chí chính:**
 - Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT
 - Và có điểm trung bình cộng 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất.
- **Các tiêu chí kết hợp:**
 - + Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).
 - + Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.
 - + Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

1.3. Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM

- **Đối tượng:** học sinh của các trường THPT theo danh sách do ĐHQG công bố, bao gồm các trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc; học sinh của các trường THPT đạt các tiêu chí sau:
 - + Trường THPT có số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học nhiều vào ĐHQG-HCM.
 - + Trường THPT có số lượng cựu học sinh đạt kết quả học tập cao khi học đại học tại ĐHQG-HCM.
 - + Phân bổ số lượng trường theo hướng ưu tiên khu vực tuyển sinh hoặc tỉnh/thành có số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển nhiều vào ĐHQG-HCM giai đoạn 2018 – 2020.
- **Điều kiện:**
 - + Tốt nghiệp THPT năm 2024.
 - + Có hạnh kiểm tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 và đáp ứng một trong các điều kiện sau:
 - Học sinh của các trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc đạt tối thiểu **2 năm học sinh giỏi** trong các năm học ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).
 - Học sinh của các trường trung học phổ thông theo danh sách do ĐHQG-HCM công bố đạt **3 năm học sinh giỏi** ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).
 - Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật.
- **Tiêu chí xét tuyển:** Điểm học tập dùng để xét tuyển là tổng điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
- **Điểm ưu tiên:** Điểm UIT Code Contest

1.4. Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐH CNTT

- **Tuyển thẳng vào chương trình tài năng**
- **Đối tượng:**
 - + Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba môn Tin học, Toán, Lý, Hóa trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.
 - + Thí sinh đạt giải vô địch, giải Nhất (Vàng), giải Nhì (Bạc) của Kỳ thi “Lập trình Châu Á - ICPC Asia” (cấp quốc gia) trong hai năm liền kề trước năm tuyển sinh.
- **Ưu tiên xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành**
- **Đối tượng:**

- + Thí sinh đạt giải đặc biệt, giải 1, 2, 3 kỳ thi Olympic Tin học sinh viên Việt Nam/ Olympic phần mềm mã nguồn mở (Procon) trong hai năm liền kề trước năm tuyển sinh.
- + Thí sinh đạt giải vô địch, giải Nhất (Vàng), giải Nhì (Bạc), giải Ba (Đồng) Kỳ thi “Lập trình Châu Á - ICPC Asia” (cấp quốc gia) trong hai năm liền kề trước năm tuyển sinh.
- + Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba từ kỳ thi thăng trở lên trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” trong hai năm liền kề trước năm tuyển sinh.
- + Thí sinh đạt huy chương Vàng/Bạc/Đồng ở các giải thể thao quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cup thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cup châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cup Đông Nam Á; thí sinh đạt giải vô địch cờ vua/cờ tướng trẻ quốc gia. Thời hạn được tính để hưởng ưu tiên không quá 3 năm tính đến ngày xét tuyển vào Trường. Điểm trung bình kết quả học tập THPT các môn trong tổ hợp xét tuyển ≥ 7.0 .

2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên điểm thi

- 2.1. Điểm thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQG-HCM tổ chức
 - **Đối tượng:** Thí sinh có kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
 - **Phương thức, điều kiện xét tuyển:** theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của ĐHQG-HCM.
- 2.2. Điểm thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQG-HN tổ chức
 - **Đối tượng:** Thí sinh có kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HN tổ chức và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
 - **Phương thức, điều kiện xét tuyển:** theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Trường.
- 2.3. Điểm thi tốt nghiệp THPT
 - **Đối tượng:** Thí sinh có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
 - **Phương thức, điều kiện xét tuyển:** theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Phương thức3: Xét tuyển dựa trêncác chứng chỉ quốc tế uy tín

- 3.1. Chứng chỉ quốc tế đánh giá kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội
 - **Đối tượng:**
 - + Nhóm đối tượng 1 (xét tuyển vào tất cả các ngành): Thí sinh người Việt Nam tốt nghiệp THPT Việt Nam hoặc nước ngoài.
 - + Nhóm đối tượng 2 (chỉ xét tuyển vào chương trình tiên tiến ngành Hệ thống Thông tin - học bằng Tiếng Anh): Thí sinh người nước ngoài tốt nghiệp THPT nước ngoài.
 - **Điều kiện:**
 - + Có hạnh kiểm tốt và tối thiểu đạt danh hiệu học sinh khá (hoặc tương đương) trong các năm học THPT.
 - + Có chứng chỉ quốc tế thỏa một trong những điều kiện sau:
 - Chứng chỉ SAT có điểm từ 510 trở lên cho mỗi phần thi.
 - Chứng chỉ ACT có điểm trung bình từ 21 trở lên.
 - AS/A level có điểm từ C-A cho mỗi môn thi.
 - Tú tài quốc tế (IB) có tổng điểm từ 21 trở lên.
 - Các văn bằng, chứng chỉ quốc tế uy tín khác được Hội đồng tuyển sinh chấp thuận.
- 3.2. Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh, Tiếng Nhật
 - **Đối tượng:** Thí sinh người Việt Nam tốt nghiệp THPT Việt Nam hoặc nước ngoài (xét tuyển vào tất cả các ngành).
 - **Điều kiện:**
 - + Có hạnh kiểm tốt và tối thiểu đạt danh hiệu học sinh khá (hoặc tương đương) trong các năm học THPT.
 - + Điểm trung bình 3 năm THPT của mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký ≥ 8.0 .
 - + Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn thời hạn thỏa điều kiện trong bảng sau:

CHỨNG CHỈ IELTS	CHỨNG CHỈ TOEFL IBT	CHỨNG CHỈ JLPT
≥ 6.5	≥ 65	$\geq N3$

- 4. Phương thức 4: Xét tuyển theo tiêu chí riêng của chương trình liên kết với Đại học Birmingham City – Anh Quốc, do ĐH Birmingham City cấp bằng (không tính vào tổng chỉ tiêu)

5. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH 2024 (DỰ KIẾN)

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	CHỈ TIÊU 2024 (DỰ KIẾN)	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
7480101	Khoa học máy tính	280	A00, A01, D01, D07
7480107	Trí tuệ nhân tạo	40	A00, A01, D01, D07
7480102	Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	200	A00, A01, D01, D07
7490103	Kỹ thuật phần mềm	240	A00, A01, D01, D07
7480104	Hệ thống thông tin	180	A00, A01, D01, D07
7480104_TT	Hệ thống thông tin (tiên tiến)	80	A01, D01, D07
7340122	Thương mại điện tử	140	A00, A01, D01, D07
7480201	Công nghệ thông tin	120	A00, A01, D01, D07
7480201_N	Công nghệ thông tin Việt Nhật	140	A00, A01, D01, D07, D06
7460108	Khoa học dữ liệu	80	A00, A01, D01, D07
7480202	An toàn thông tin	180	A00, A01, D01, D07
7480106	Kỹ thuật máy tính	170	A00, A01
7480105	Thiết kế vi mạch	150	A00, A01
7480101_LK	Khoa học máy tính (chương trình liên kết do Đại học Birmingham City cấp bằng)		
7480102_LK	Mạng máy tính & An toàn thông tin (chương trình liên kết do Đại học Birmingham City cấp bằng)		

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐHQG-HCM

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hotline: 090.883.1246 - Email: tuyensinh@uit.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.uit.edu.vn/2024-phuong-thuc-tuyen-sinh-nam-2024-du-kien>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

MÃ TRƯỜNG: QST

1. Phương thức xét tuyển

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- **Phương thức 2:** Ưu tiên xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM;
- **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
- **Phương thức 4:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2024 do ĐHQG-HCM tổ chức;
- **Phương thức 5:** Xét tuyển dựa trên kết quả của Chương trình đào tạo THPT quốc tế, áp dụng cho thí sinh người Việt Nam học trường nước ngoài tại Việt Nam hay tại nước ngoài;
- **Phương thức 6:** Xét tuyển dựa trên kết quả các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp với kết quả học tập bậc THPT áp dụng cho thí sinh người Việt Nam.

2. Ngành mới dự kiến năm 2024

- Ngành Thiết kế vi mạch
- Ngành Công nghệ giáo dục
- Ngành Khoa học công nghệ bán dẫn
- Ngành Khoa học quản lý và kinh tế đất đai

3. Ngành đào tạo

MÃ NGÀNH	NGÀNH, NHÓM NGÀNH
LĨNH VỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN	
7440102 – NN	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học *
7440228	Hải dương học *
7440112	Hóa học
7440112 - CLC	Hóa học (CT tăng cường tiếng Anh)
7440122	Khoa học Vật liệu
7440201	Địa chất học *
7440301	Khoa học Môi trường *
7440301 - CLC	Khoa học Môi trường (CT tăng cường tiếng Anh)
LĨNH VỰC KHOA HỌC SỰ SỐNG, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
7420101	Sinh học
7420101 – CLC	Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh)
7420201	Công nghệ Sinh học
7420201 – CLC	Công nghệ Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh)
7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường
LĨNH VỰC TOÁN, MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
7460101 – NN	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
7460108	Khoa học Dữ liệu
7480201 – NN	Nhóm ngành Máy tính và Công nghệ Thông tin
7480201 – CLC	Công nghệ Thông tin (CT tăng cường tiếng Anh)
7480101 – TT	Khoa học Máy tính (CT Tiên tiến)
7480107	Trí tuệ nhân tạo
LĨNH VỰC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT	
7520402	Kỹ thuật Hạt nhân *
7520403	Vật lý Y khoa
7510401 – CLC	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học (CT tăng cường tiếng Anh)
7510402	Công nghệ Vật liệu
7520501	Kỹ thuật Địa chất *
7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường *
7520207	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông
7520207 – CLC	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CT tăng cường tiếng Anh)

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

- Khu đô thị ĐHQG-HCM - Hotline: 1900999978

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: NLS (TP.HCM) - NLG (PHÂN HIỆU GIA LAI) - NLN (PHÂN HIỆU NINH THUẬN)

Năm 2024, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tuyển sinh đại học các ngành và cao đẳng sư phạm Giáo dục Mầm non với khoảng 5.100 chỉ tiêu cho cơ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, Phân hiệu tại Gia Lai và Phân hiệu tại Ninh Thuận như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) có đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh Đại học, Cao đẳng Ngành Giáo dục Mầm non chính quy năm 2024 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phạm vi tuyển sinh: Các cơ sở đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc.

3. Phương thức tuyển sinh: Năm 2024 Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh xét tuyển đào tạo Đại học, Cao đẳng Ngành Giáo dục Mầm non chính quy theo năm (05) phương thức sau:

- **Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.** Được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế Tuyển sinh Đại học - Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ).** Dự kiến xét tuyển khoảng 25 - 30% tổng chỉ tiêu.

- + **Tại cơ sở chính:** chỉ xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024, dựa trên điểm trung bình môn của năm (05) học kỳ bậc THPT (từ học kỳ I năm lớp 10 đến học kỳ I năm lớp 12). Điểm của mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 6,00 điểm trở lên. Điểm mỗi môn xét tuyển là trung bình cộng của điểm tổng kết 05 học kỳ của môn đó (làm tròn đến 2 số lẻ thập phân).
- + **Tại Phân hiệu Gia Lai và Phân hiệu Ninh Thuận:**
 - Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của năm (05) học kỳ bậc THPT (từ học kỳ I năm lớp 10 đến học kỳ I năm lớp 12). Điều kiện xét tuyển: Tổng điểm của ba (03) môn lập thành tổ hợp môn xét tuyển phải đạt từ 18,00 điểm trở lên. Điểm mỗi môn xét tuyển là trung bình cộng của điểm tổng kết 05 học kỳ của môn đó (làm tròn đến 2 số lẻ thập phân).
 - Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ 2023 trở về trước: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của sáu (06) học kỳ bậc THPT (từ học kỳ I năm lớp 10 đến học kỳ II năm lớp 12). Điều kiện xét tuyển: Tổng điểm của ba (03) môn lập thành tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 18,00 điểm trở lên. Điểm mỗi môn xét tuyển là trung bình cộng của điểm tổng kết 06 học kỳ của môn đó (làm tròn đến 2 số lẻ thập phân).
 - Đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng (tuyển sinh tại Phân hiệu Ninh Thuận): Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 của 2 môn Toán, Ngữ văn và điểm thi môn Năng khiếu.
 - Trường tổ chức thi môn năng khiếu đối với thí sinh đăng ký xét tuyển trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.
- + Đối với ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Giáo dục Mầm non (đại học và cao đẳng), Giáo dục tiểu học, ngoài các điều kiện nêu trên, thí sinh phải đáp ứng điều kiện xét tuyển (ngưỡng đầu vào) theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành:
 - Học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên đối với hồ sơ xét tuyển trình độ đại học;
 - Học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.
- **Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2024.**

- + Dự kiến xét tuyển khoảng 10 – 15% tổng chỉ tiêu.
- + Không sử dụng phương thức này để xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng, đại học) tại Phân hiệu Ninh Thuận.
- + Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) được công bố sau khi có kết quả thi đánh giá năng lực năm 2024 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

Với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập bậc THPT và sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực (đợt xét tuyển sớm), thí sinh có thể đăng ký xét tuyển nhiều nguyện vọng và chỉ được công nhận đủ điều kiện trúng tuyển nguyện vọng có ưu tiên cao nhất.

- **Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024**
 - + Dự kiến xét tuyển khoảng 50 – 55% tổng chỉ tiêu.
 - + Xét tuyển dựa vào điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024 có trong tổ hợp xét tuyển. Riêng đối với ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng, đại học) xét tuyển dựa vào kết điểm thi tốt nghiệp của 2 môn Toán, Ngữ văn và điểm thi môn Năng khiếu.
 - + Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) được công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
- **Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 kết hợp với chứng chỉ tiếng anh quốc tế IELTS và TOEFL (phương thức kết hợp)**
 - + Dự kiến chỉ tiêu xét tuyển: khoảng 5 – 10% tổng chỉ tiêu.
 - + Sử dụng điểm bài thi IELTS và TOEFL ITP được quy đổi và thay thế cho môn tiếng Anh trong tổ hợp môn xét tuyển.
 - + Mức quy đổi điểm bài thi IELTS và TOEFL ITP sang điểm xét tuyển như sau:

STT	ĐIỂM BÀI THI IELTS	ĐIỂM BÀI THI TOEFL ITP	ĐIỂM QUY ĐỔI MÔN TIẾNG ANH
1	5.0 – 5.5	470 – 510	8.0
2	6.0 – 6.5	513 – 550	9.0
3	7.0 – 9.0	553 – 677	10.0

4. Danh sách các ngành và tổ hợp xét tuyển

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔNG CHỈ TIÊU	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
TỔNG CHỈ TIÊU (NLS + NLN + NLG)			5100	
TẠI CƠ SỞ CHÍNH (TP.HCM, mã trường NLS)			4524	
Chương trình đại trà			4174	
1	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	30	A00, A01, B00, D08
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	250	A01, D01, D14, D15
3	7310101	Kinh tế	200	A00, A01, D01
4	7340101	Quản trị kinh doanh	240	A00, A01, D01
5	7340116	Bất động sản	90	A00, A01, A04, D01
6	7340301	Kế toán	730	A00, A01, D01
7	7420201	Công nghệ sinh học	190	A00, A02, B00
8	7440301	Khoa học môi trường	50	A00, A01, B00, D07
9	7480104	Hệ thống thông tin	110	A00, A01, D07
10	7480201	Công nghệ thông tin	300	A00, A01, D07
11	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	120	A00, A01, A02, D90
12	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ – điện tử	80	A00, A01, A02, D90
13	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	80	A00, A01, A02, D90
14	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	60	A00, A01, A02, D90
15	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	110	A00, A01, B00, D07
16	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	50	A00, A01, A02, D90
17	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	80	A00, A01, A02, D90

18	7520320	Kỹ thuật môi trường	60	A00, A01, B00, D07
19	7540101	Công nghệ thực phẩm	275	A00, A01, B00, D08
20	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	64	A00, B00, D07, D08
21	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	110	A00, A01, B00, D01
22	7620105	Chăn nuôi	140	A00, B00, D07, D08
23	7620109	Nông học	160	A00, B00, D07, D08
24	7620112	Bảo vệ thực vật	100	A00, B00, D07, D08
25	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	100	A00, A01, D01
26	7620116	Phát triển nông thôn	40	A00, A01, D01
27	7620201	Lâm học	50	A00, B00, D01, D08
28	7620202	Lâm nghiệp đô thị	50	A00, B00, D01, D08
29	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	50	A00, B00, D01, D08
30	7620301	Nuôi trồng thủy sản	140	A00, B00, D07, D08
31	7640101	Thú y	265	A00, B00, D07, D08
32	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	90	A00, A01, B00, D07
33	7850103	Quản lý đất đai	190	A00, A01, A04, D01
34	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	70	A00, B00, D01, D08
35	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	50	A00, B00, D07, D08
Chương trình nâng cao			260	
1	7340101C	Quản trị kinh doanh (CTNC)	50	A00, A01, D01
2	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CTNC)	30	A00, A01, B00, D07
3	7620105C	Chăn nuôi (CTNC)	30	A00, B00, D07, D08
4	7420201C	Công nghệ sinh học (CTNC)	30	A01, D07, D08
5	7510201c	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CTNC)	40	A00, A01, A02, D90
6	7540101C	Công nghệ thực phẩm (CTNC)	80	A00, A01, B00, D08
Chương trình tiên tiến			90	
1	7540101T	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	40	A00, A01, B00, D08
2	7640101T	Thú y (CTTT)	50	A00, B00, D07, D08
PHÂN HIỆU TẠI GIA LAI (mã trường NLG)			260	
1	7340101G	Quản trị kinh doanh (PHGL)	30	A00, A01, D01
2	7340116G	Bất động sản (PHGL)	30	A00, A01, A04, D01
3	7340301G	Kế toán (PHGL)	30	A00, A01, D01
4	7420201G	Công nghệ sinh học (PHGL)	30	A00, A02, B00
5	7620109G	Nông học (PHGL)	40	A00, B00, D07, D08
6	7620202G	Lâm nghiệp đô thị (PHGL)	30	A00, B00, D01, D08
7	7640101G	Thú y (PHGL)	40	A00, B00, D07, D08
8	7859002G	Tài nguyên và du lịch sinh thái (PHGL)	30	A00, B00, D01, D08
PHÂN HIỆU TẠI NINH THUẬN (Mã trường NLN)			316	
1	51140201	Giáo dục Mầm non (Trình độ Cao đẳng)	26	M00
2	7140201	Giáo dục Mầm non (Trình độ Đại học)	30	M00
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	30	A00, A01, C00, D01
4	7220201N	Ngôn ngữ Anh (PHNT)	40	A01, D01, D14, D15
5	7340101N	Quản trị kinh doanh (PHNT)	40	A00, A01, D01
6	7340301N	Kế toán (PHNT)	40	A00, A01, D01
7	7480201N	Công nghệ thông tin (PHNT)	40	A00, A01, D07
8	7519007N	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (PHNT)	30	A00, A01, A02, D90
9	7640101N	Thú y (PHNT)	40	A00, B00, D07, D08

Tổ hợp xét tuyển:

- A00:** Toán, Vật lý, Hóa học
A01: Toán, Vật lý, tiếng Anh
A02: Toán, Vật lý, Sinh học
A04: Toán, Vật lý, Địa lý
- B00:** Toán, Hóa học, Sinh học
D01: Toán, Ngữ văn, tiếng Anh
D07: Toán, Hóa học, tiếng Anh
D08: Toán, Sinh học, tiếng Anh
- D14:** Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh
D15: Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh
M00: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
D90: Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên.

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: KP6, phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phân hiệu Gia Lai: Đường Trần Nhật Duật, thôn 01, xã Diên Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Phân hiệu Ninh Thuận: Số 8 đường Yên Ninh, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại: 028 38 966 780, 028 38 963350 hoặc 0773 284 806

Email: pdaotao@hcmuaf.edu.vn - Website: www.hcmuaf.edu.vn hoặc www.ts.hcmuaf.edu.vn

Trích nguồn: <https://ts.hcmuaf.edu.vn/ts-42193-1/vn/span-stylecolor-redphuong-an-tuyen-sinh-dai-hoc-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-chinh-quy-nam-2024.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

MÃ TRƯỜNG: NTT

I. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

- 1. Phương thức 1:** Xét tuyển kết quả thi THPT năm 2024 theo tổ hợp môn.
- 2. Phương thức 2:** Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí (riêng các ngành sức khỏe áp dụng theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- a) Tiêu chí và điều kiện xét: xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:**
- Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
 - Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
 - Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

- Riêng các ngành sức khỏe cần thêm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo:**
- Ngành Y khoa, Dược học, Giáo dục mầm non: học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.
 - Ngành Y học dự phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng: học lực lớp 12 xếp loại từ Khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- b) Cách tính điểm ưu tiên:**
- Điểm XT = (ĐTB 1 + ĐTB 2 + ĐTB 3 + Điểm UT (nếu có)) / 3 hoặc Điểm XT = Điểm tổng kết cuối năm + Điểm UT (nếu có) / 3
Trong đó: ĐTB 1, ĐTB 2, ĐTB 3: ĐTB xét theo tiêu chí.
 - Điểm UT: theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra Trường quy định thêm điều kiện thí sinh phải đạt hạnh kiểm lớp 12 từ loại khá trở lên.

Đối với các ngành năng khiếu, Trường sẽ kết hợp xét kết quả học bạ THPT và tổ chức thi kiểm tra các môn năng khiếu hoặc xét kết quả thi môn năng khiếu từ Trường Đại học khác có tổ chức thi năng khiếu để xét tuyển

- 3. Phương thức 3:** xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và Đại học Quốc gia Hà Nội.
- **Tiêu chí và điều kiện xét:** Điểm bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM đạt từ 550 điểm / Đại học Quốc gia Hà Nội đạt từ 70 điểm trở lên và đạt mức điểm chuẩn đầu vào theo từng ngành do trường đại học Nguyễn Tất Thành xác định sau khi có kết quả.

- Riêng các ngành sức khỏe cần thêm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo:**
- Ngành Y khoa, Dược học, Giáo dục mầm non: học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.
 - Ngành Y học dự phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng: học lực lớp 12 xếp loại từ Khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- 4. Phương thức 4:** xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, cử tuyển:
- **Điều kiện được xét tuyển thẳng:**
 - + Theo quy định tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - + Tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024 ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký đạt 21 điểm trở lên đã cộng điểm ưu tiên.
 - + Tổng điểm trung bình cuối năm của 3 môn học bạ lớp 12 ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký đạt 21 điểm trở lên đã cộng điểm ưu tiên.
 - + Ngành Ngôn ngữ Anh: có chứng chỉ IELTS từ 6.0/9.0 hoặc TOEIC (L&R) 700/990 hoặc TOEIC (Bridge) 85/100 hoặc TOEFL iBT từ 70/120 hoặc TOEFL ITP từ 500/677 hoặc Cambridge từ 165/230.
 - + Đã tốt nghiệp đại học.

- Riêng các ngành sức khỏe cần thêm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo**
- **Điều kiện được xét ưu tiên:** Thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 4.5/9.0 hoặc TOEIC (L&R) 550/990 hoặc TOEIC (Bridge) 76/100 hoặc TOEFL iBT từ 30/120 hoặc TOEFL ITP từ 450/677 hoặc Cambridge từ 140/230 được ưu tiên xét tuyển vào các ngành có môn Tiếng Anh với mức điểm thay thế tương đương điểm 8 theo thang điểm 10.

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH MỚI DỰ KIẾN			
NGÀNH	MÃ NGÀNH	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Răng - Hàm - Mặt	7720501	6	A00, A01, B00, D07
Hóa Dược	7720203	3	
Y học cổ truyền	7720115	6	A00, A01, B00, D07
Thú y	7640101	5	A00, B00, D07, D08
Thiết kế thời trang	7210404	3.5	A00, A01, D01, D14
KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE			
Y khoa	7720101	6	B00
Y học dự phòng	7720110	6	
Dược học	7720201	5	A00, A01, B00, D07
- Quản lý và cung ứng thuốc			
- Sản xuất và phát triển thuốc			
- Dược lâm sàng			
Điều dưỡng	7720301	4	
- Điều dưỡng đa khoa			
- Gây mê hồi sức			
- Hộ sinh			
Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	4	A00, B00, D07, D08
Quản lý bệnh viện	7720802	3	B00, B03, C00, D01
- Quản trị bệnh viện			

- Thư ký y khoa				
Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	4	A00, A01, B00, D07	
- Vật lý trị liệu				
KHỐI NGÀNH XÃ HỘI – NHÂN VĂN				
Ngôn ngữ Anh				
- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh				
- Biên phiên dịch				
- Tiếng Anh thương mại				
- Sự phạm mầm non				
Ngôn ngữ Trung Quốc	7220201	3.5	C00, D01, D14, D15	
Quan hệ quốc tế	7220204	3.5		
Tâm lý học	7310206	3	A01, D01, D14, D15	
- Tham vấn - Trị liệu				
- Tham vấn - Quản trị nhân sự	7310401	3	B00, C00, D01, D14	
Đông phương học				
- Hàn Quốc học				
- Nhật Bản học	7310608	3.5	C00, D01, D14, D15	
Việt Nam học				
- Văn hóa Việt Nam				
- Lễ hành	7310630	3		
Truyền thông đa phương tiện				
- Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện				
- Truyền thông doanh nghiệp	7320104	3.5	A01, C00, D01, D15	
Quan hệ công chúng	7320108	3	A01, C00, D01, D14	
Du lịch				
- Quản lý du lịch				
- Hướng dẫn du lịch	7810101	3	C00, D01, D14, D15	
Quản trị khách sạn	7810201	3		
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	3		
KHỐI NGÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC				
Giáo dục mầm non	7140201	3.5	M00, M01	
KHỐI NGÀNH KINH TẾ				
Quản trị kinh doanh				
- Kinh doanh tổng hợp				
- Kinh doanh bất động sản				
- Kinh doanh thương mại				
- Quản trị kinh doanh thực phẩm				
- Kinh doanh sáng tạo (chuẩn quốc tế)				
- Quản trị doanh nghiệp và công nghệ (chuẩn quốc tế)	7340101	3.5	A00, A01, D01, D07	
Marketing				
- Marketing số và truyền thông xã hội (chuẩn quốc tế)	7340115	3		
Kinh doanh quốc tế	7340120	3		
Thương mại điện tử	7340122	3.5		
Tài chính - Ngân hàng	7340201	3		
Kế toán	7340301	3		
Quản trị nhân lực	7340404	3		
Luật kinh tế	7380107	4		
KHỐI NGÀNH NGHỆ THUẬT – MỸ THUẬT				
Thanh nhạc	7210205	3	N00	
Diễn viên kịch - điện ảnh truyền hình	7210234	3.5	N05	
Piano	7210208	3	N00	
Thiết kế đồ họa	7210403	4	D01, H00, H01, V01	
KHỐI NGÀNH CÔNG NGHỆ				
Công nghệ sinh học				
- CNSH y dược và động vật				
- Sinh học nông nghiệp công nghệ cao				
- Quản trị công nghệ sinh học	7420201	4	A00, B00, D07, D08	
Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu				
- Công nghệ kỹ thuật mạng				
- Quản trị hệ thống mạng				
- An ninh không gian mạng	7480102	3-3.5	A00, A01, D01, D07	
Kỹ thuật phần mềm				
- Công nghệ kỹ thuật phần mềm				
- Quản trị dự án phần mềm				
- Thực tế ảo và lập trình games	7480103	3-3.5		
Công nghệ thông tin				
- Trí tuệ nhân tạo				
- Khoa học dữ liệu				
- Kỹ thuật công nghệ thông tin				
- Kỹ thuật máy tính				
- Khoa học máy tính				
- Công nghệ và đổi mới sáng tạo (chuẩn quốc tế)	7480201	3-3.5	A00, A01, D01, D07	
- Dữ liệu tài nguyên và môi trường			A00, A01, B00, D01	
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	3.5 – 4	A00, A01, D01, D07	

- Cơ điện tử - Robot và trí tuệ nhân tạo - Công nghệ chế tạo máy số - Cơ khí tự động			
Công nghệ kỹ thuật ô tô - Công nghệ kỹ thuật ô tô - Xe điện và ô tô thông minh	7510205	3.5 – 4	
Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử - Kỹ thuật điện, điện tử - Tự động hóa	7510301	3.5 – 4	A00, A01, D01, D07
Công nghệ kỹ thuật hóa học - Hóa học ứng dụng - Hóa dược mỹ phẩm	7510401	4	A00, B00, D07, D90
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	3.5	A00, A01, D01, D07
Kỹ thuật hệ thống công nghiệp - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp - Logistics và kết nối vạn vật	7520118	3.5 - 4	
Kỹ thuật y sinh	7520212	4	A00, A01, A02, B00
Vật lý y khoa	7520403	4	
Công nghệ thực phẩm - Dinh dưỡng và chế biến thực phẩm - Đảm bảo chất lượng, an toàn và truy xuất nguồn gốc thực phẩm	7540101	3.5 - 4	A00, B00, D07, D90
Kiến trúc	7580101	4.5	D01, H00, H01, V01
Thiết kế nội thất	7580108	4	D01, H00, H01, V01
Kỹ thuật xây dựng	7580201	4	A00, A01, D01, D07
Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Kỹ thuật giao thông đô thị và quản lý an toàn - Kỹ thuật công trình giao thông đô thị	7580205	4	A00, A01, D01, D07
Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	3	A00, B00, D07, D90

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH

Địa chỉ: 300A Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh (CS Chính)
Email: tuyensinh@ntt.edu.vn - Hotline: 0902298300 – 0912298300 – 0914298300

Trích nguồn: <https://tuyensinh.ntt.edu.vn/thong-tin-de-an-tuyen-sinh-2024-p83.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: KTS

- 1. Đối tượng tuyển sinh:** Tất cả các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- 2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.
- 3. Các phương thức tuyển sinh năm 2024**
- Trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng các phương thức xét tuyển sau đây:
- Phương thức 1** - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 1% chỉ tiêu ngành.
- Phương thức 2** - Xét tuyển đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên): 9% chỉ tiêu ngành.
- Phương thức 3** - Xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả:15% chỉ tiêu ngành.
- Phương thức 4** - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2024 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: 25% chỉ tiêu ngành.
- Phương thức 5** - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024: 50% chỉ tiêu ngành.
- 4. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

TT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	MÃ TỔ HỢP	CHỈ TIÊU
I	Tại Thành phố Hồ Chí Minh				1345
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán - Vật lý - Hóa học	A00	370
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01	
			Toán - Văn - Vật lý	C01	
			Toán - Văn - Hóa học	C02	
2	Kỹ thuật xây dựng (Chất lượng cao)	7580201CLC	Toán - Vật lý - Hóa học	A00	35
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01	
			Toán - Văn - Vật lý	C01	
			Toán - Văn - Hóa học	C02	
3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành: Cấp thoát nước - Năng lượng thông tin - Giao thông sân nền)	7580210	Toán - Vật lý - Hóa học	A00	100
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01	
			Toán - Văn - Vật lý	C01	

			Toán - Văn - Tiếng Anh	D01	
4	Quản lý xây dựng	7580302	Toán - Vật lý - Hóa học	A00	75
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01	
			Toán - Văn - Vật lý	C01	
			Toán - Văn - Hóa học	C02	
5	Kiến trúc	7580101	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	210
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
6	Kiến trúc (Chất lượng cao)	7580101CLC	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	40
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
7	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	70
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
8	Quy hoạch vùng và đô thị (Chất lượng cao)	7580105CLC	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	30
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
9	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	75
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
10	Thiết kế nội thất	7580108	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	75
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
11	Mỹ thuật đô thị	7210110	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	50
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
12	Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01	50
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H02	
13	Thiết kế đồ họa	7210403	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01	100
			Văn - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H06	
14	Thiết kế thời trang	7210404	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01	40
			Văn - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H06	
15	Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến)	7580199	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	25
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
II	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ (Thí sinh phải có hộ khẩu tại 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long)				130
16	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT	Toán - Vật lý - Hóa học	A00	40
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01	
			Toán - Văn - Vật lý	C01	
			Toán - Văn - Hóa học	C02	
17	Kiến trúc	7580101CT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	50
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
18	Thiết kế nội thất	7580108CT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	40
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
III	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt (Thí sinh phải có hộ khẩu tại 5 tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh, thành Nam Trung bộ)				80
19	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL	Toán - Vật lý - Hóa học	A00	30
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01	
			Toán - Văn - Vật lý	C01	
			Toán - Văn - Hóa học	C02	
20	Kiến trúc	7580101DL	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00	50
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02	
TỔNG CỘNG					1555

Lưu ý: Chỉ tiêu của từng phương thức xét tuyển có thể được điều chỉnh theo tình hình tuyển sinh thực tế.

5. Thời gian đăng ký dự thi các môn năng khiếu: Năm 2024, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ tổ chức duy nhất 01 đợt thi các môn năng khiếu:

- Đăng ký trực tuyến: Dự kiến từ ngày 04/3/2024 đến hết ngày 28/4/2024.
- Ngày thi: Dự kiến ngày 08 - 09/6/2024
- Địa điểm thi: Tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Lưu ý: Thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 196 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 222 748 (số nội bộ 134, 135) (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu). Hotline: 0326180575.

Trích nguồn: http://www.uah.edu.vn/router_detail/thong-bao-so-tb-hdts-ngay---ve-viec-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam--5699.html

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: SPK

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh của tất cả các trường Trung học phổ thông (THPT) trên cả nước.

1. Tuyển thẳng học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024

DIỆN XÉT TUYỂN		NỘI DUNG XÉT	TIÊU CHUẨN	CHỈ TIÊU
1	Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia.	Học sinh giỏi (Toán; Lý; Hóa; Văn; Anh; Sinh; Tin; Sử; Địa) hoặc Cuộc thi Khoa học kỹ thuật.	Học sinh tốt nghiệp năm 2024 đạt giải Nhất, Nhì, Ba ở các năm 2022, 2023, 2024	Theo quy chế

2. Ưu tiên xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Điểm trung bình học bạ (ĐTBHB) 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn), mỗi môn từ 5,0 trở lên.

DIỆN XÉT TUYỂN		NỘI DUNG XÉT	TIÊU CHUẨN	CHỈ TIÊU
1	Ưu tiên xét tuyển học sinh có giải 1, 2, 3 cấp tỉnh; giải khuyến khích HSG cấp quốc gia hoặc giải 4 cuộc thi KHKT cấp quốc gia.	Học sinh giỏi (Toán; Lý; Hóa; Văn; Anh; Sinh; Tin) hoặc Cuộc thi Khoa học kỹ thuật; giải khuyến khích học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc thí sinh đạt giải 4 cuộc thi KHKT cấp quốc gia.	Giải 1, 2, 3 cấp tỉnh, giải khuyến khích, giải tư KHKT quốc gia.	5-10%
2	Ưu tiên xét tuyển Học sinh giỏi trường Chuyên, Tốp 200.	Học sinh giỏi trường chuyên, trường tốp 200.	Có ít nhất từ 3 học kỳ là học sinh giỏi.	10-20%
3	Điểm SAT quốc tế.	Điểm SAT quốc tế.	Điểm SAT ≥ 800.	1-2%
4	Ưu tiên xét tuyển học sinh do Ban giám hiệu trường liên kết giới thiệu.	Chỉ tiêu phân bổ theo từng trường - có thông báo, hướng dẫn riêng.	Ban giám hiệu trường liên kết chọn.	5-10%

3. Xét tuyển bằng học bạ THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trong 3 năm 2022, 2023 và 2024

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Điểm trung bình học bạ (ĐTBHB) 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn), mỗi môn từ 5,0 trở lên.
- Xét tuyển dựa vào tổng điểm học bạ 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) của 3 môn theo tổ hợp. Điểm xét tuyển (ĐXT) riêng theo 3 nhóm: Trường THPT chuyên; Trường THPT tốp 200; Trường THPT còn lại. ĐXT là tổng điểm của 3 môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên (không nhân hệ số). Xét tuyển từ cao đến thấp.
 $ĐXT_1 = \sum ĐTBHB \text{ 5 học kỳ của 3 môn} + \text{Điểm ưu tiên.}$
Ví dụ: Cách tính điểm ĐTBHB môn Toán với ĐTB từng học kỳ môn toán như sau

HK1 lớp 10	HK2 lớp 10	HK1 lớp 11	HK2 lớp 11	HK1 lớp 12	ĐTBHB 5 học kỳ (Trung bình cộng)
7,0	5,0	8,0	7,0	9,0	7,20

- Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh: môn tiếng Anh nhân hệ số 2; ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Kiến trúc, Kiến trúc nội thất: môn Vẽ nhân hệ số 2 (đối với tổ hợp dùng 2 môn Vẽ, chi tiết môn Vẽ nhân 2 được in đậm trong phụ lục 1 đính kèm). Điểm ưu tiên không nhân hệ số.
 $ĐXT_2 = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm học bạ tiếng Anh hoặc Điểm Vẽ} \times 2) \times \% + \text{Điểm ưu tiên.}$
- Nhà trường tổ chức thi riêng các môn năng khiếu, thí sinh đăng ký dự thi (Vẽ Trang trí Màu nước, Vẽ Đầu tượng) tại <http://xettuyen.hcmute.edu.vn>. Thí sinh có thể chọn thi cả 2 môn. Hạn cuối nhận hồ sơ trực tuyến và phí dự thi 300.000đ/môn: 27/5/2024. Thí sinh xem phòng thi, sổ báo danh từ ngày 04/6/2024 trên website: <http://xettuyen.hcmute.edu.vn>. Thời gian thi vào ngày 10-11/6/2024. Điểm thi môn năng khiếu sẽ được tự động cập nhật trên hệ thống khi có kết quả.
- Công nhận điểm thi môn Năng khiếu (thi năm 2024) của các trường: ĐH Kiến trúc TP. HỒ CHÍ MINH, ĐH Mỹ thuật TP. HỒ CHÍ MINH. Thí sinh bắt buộc phải nộp phiếu điểm thi các môn Năng khiếu trước ngày 14/6/2024 (hình thức nộp: trực tuyến trên trang xettuyen.hcmute.edu.vn).
- Ghi chú: Không giới hạn năm tốt nghiệp THPT đối với các thí sinh xét tuyển chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Xem chi tiết thông báo tuyển sinh hệ liên kết đào tạo quốc tế tại <https://fie.hcmute.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hcmute.edu.vn>.

5. Xét bằng Điểm thi Đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM

Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực đợt 1 và đợt 2 năm 2024 của ĐHQG-HCM. Thí sinh đăng ký vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (mã trường SPK) cùng lúc làm hồ sơ dự thi đánh giá năng lực.

6. Xét bằng Điểm thi tốt nghiệp THPT 2024

Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Trung học phổ thông năm 2024 vẫn tiến hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (mã trường SPK) lên hệ thống theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo

7. Quy đổi điểm tiếng Anh

Thí sinh có chứng chỉ IELTS và tương đương từ 4.5 trở lên có thể sử dụng để quy đổi điểm tiếng Anh để xét tuyển các tổ hợp có môn tiếng Anh thông qua hệ thống quy đổi của Nhà trường (áp dụng cho: ưu tiên xét tuyển, xét tuyển bằng học bạ THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT 2024).

IELTS		4.5	5.0	5.5	6.0	6.5	≥ 7.0
Điểm tiếng Anh quy đổi cho các ngành		7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2024 CỦA TRƯỜNG ĐH SPKT TP. HỒ CHÍ MINH

TT	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG VIỆT	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG ANH	CHƯƠNG TRÌNH VIỆT - NHẬT	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN (IN ĐẬM LÀ MÔN CHÍNH NHÂN HỆ SỐ 2)
		MÃ NGÀNH	MÃ NGÀNH	MÃ NGÀNH	
1	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301V	7510301A		

2	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302V	7510302A	7510302N	Toán, Lý, Hóa. Toán, Lý, Anh. Toán, Văn, Anh. Toán, Anh, Khoa học tự nhiên (KHTN).
3	Công nghệ Kỹ thuật máy tính	7480108V	7480108A		
4	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303V	7510303A		
5	Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh)	7520212V			
6	Hệ thống nhúng và IoT	7480118V			
7	Kỹ thuật Thiết kế vi mạch (Ngành mới TS 2024)	7520220V			
8	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209V			
9	Công nghệ chế tạo máy *	7510202V	7510202A	7510202N	
10	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử *	7510203V	7510203A		
11	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí *	7510201V	7510201A		
12	Kỹ thuật công nghiệp	7520117V			
13	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	7549002V			
14	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng*	7510102V	7510102A		
15	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông *	7580205V			
16	Quản lý xây dựng	7580302V			
17	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	7510106V			
18	Quản lý và vận hành hạ tầng	7840110V			
19	Công nghệ Kỹ thuật ô tô *	7510205V	7510205A	7510205N	
20	Công nghệ Kỹ thuật nhiệt	7510206V	7510206A	7510206N	
21	Năng lượng tái tạo	7510208V			
22	Công nghệ thông tin	7480201V	7480201A	7480201N	
23	An toàn thông tin	7480202V			
24	Kỹ thuật dữ liệu	7480203V			
25	Quản lý công nghiệp	7510601V	7510601A		
26	Kế toán	7340301V			
27	Thương mại điện tử	7340122V			
28	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605V			
29	Kinh doanh Quốc tế	7340120V			
30	Công nghệ may	7540209V			
31	Công nghệ Kỹ thuật in	7510801V			
32	Sư phạm công nghệ	7140246V			
33	Tâm lý học giáo dục (Ngành mới TS 2024)	7310403V	(Toán, Văn, Anh); (Văn, Sử, Địa); (Văn, Địa, GDCD); (Văn, Sử, Anh).		
34	Luật	7380101V	(Toán, Lý, Hóa); (Toán, Lý, Anh); (Văn, Sử, Địa); (Văn, Toán, Anh).		
35	Thiết kế đồ họa	7210403V	(Văn, Vẽ ĐT, Vẽ TT); (Toán, Văn, Vẽ TT); (Toán, Anh, Vẽ TT); (Văn, Anh, Vẽ TT).		
36	Kiến trúc	7580101V	(Toán, Văn, Vẽ ĐT); (Toán, Lý, Vẽ ĐT); (Toán, Anh, Vẽ ĐT); (Văn, Anh, Vẽ ĐT).		
37	Kiến trúc nội thất	7580103V			
38	Công nghệ vật liệu	7510402V	(Toán, Lý, Hóa); (Toán, Lý, Anh); (Toán, Hóa, Anh); (Toán, Anh, KHTN).		
39	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	7510406V			(Toán, Lý, Hóa); (Toán, Hóa, Sinh). (Toán, Hóa, Anh); (Toán, Anh, KHTN).
40	Công nghệ thực phẩm	7540101V	7540101A		
41	Công nghệ Kỹ thuật hóa học	7510401V			
42	Quản trị NH và DV ăn uống	7810202V	(Toán, Lý, Hóa); (Toán, Văn, Anh); (Toán, Lý, Anh); (Toán, Hóa, Anh).		
43	Thiết kế thời trang	7210404V	(Toán, Anh, Vẽ TT); (Toán, Văn, Vẽ TT); (Toán, Vẽ ĐT, Vẽ TT); (Văn, Vẽ ĐT, Vẽ TT).		
44	Sư phạm tiếng Anh	7140231V			(Toán, Văn, Anh); (Toán, Anh , KHXH).
45	Ngôn ngữ Anh	7220201V			

CÁC NGÀNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ NĂM 2024 CỦA TRƯỜNG ĐH SPKT TP. HỒ CHÍ MINH

TT	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	LỘ TRÌNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH	CẤP BẰNG	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	Kỹ thuật Điện – Điện tử	7520202QS	- 3 năm đầu học tại SPKT (Năm nhất học Tiếng Anh, được miễn học năm nhất nếu có IELTS 6.0 trở lên).	Đại học Sunderland, (Anh Quốc).	Toán, Lý, Hóa (A00).
2	Quản trị Kinh doanh	7340101QS			
3	Kế toán và Quản trị Tài chính	7340303QS			

			- 1 năm cuối học tại ĐH Northampton hoặc học tại SPKT. - Chỉ tiêu: 100.		Toán, Lý, Anh (A01).
4	Logistics và Tài chính Thương mại	7510606QN	- 3 năm đầu học tại SPKT (Năm nhất học Tiếng Anh, được miễn học năm nhất nếu có IELTS 6.0 trở lên). - 1 năm cuối học tại ĐH Northampton hoặc học tại SPKT. - Chỉ tiêu: 100.	Đại học Northampton, (Anh Quốc).	Toán, Văn, Anh (D01).
5	Kế toán Quốc tế	7340301QN			
6	Quản trị Kinh doanh	7340101QN			
7	Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử	7510203QT	- 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH Tongmyong. - Chỉ tiêu: 50.	Đại học Tongmyong, (Hàn Quốc).	Toán, Anh, Khoa học tự nhiên (D90)
8	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QT			
9	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	7510205QT			
10	Công nghệ Thông tin	7480201QT	- 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH Kettering. - Chỉ tiêu: 50.	Đại học Kettering, (Mỹ).	
11	Quản trị Kinh doanh	7340101QK			
12	Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử	7510301QK			
13	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QK			
14	Công nghệ Kỹ thuật Máy tính	7480108QK			
15	Công nghệ Kỹ thuật Chế tạo máy và Công nghiệp	7510202QK			
16	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103QA	- 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH Adelaide. - Chỉ tiêu: 50.	Đại học Adelaide (Úc).	
17	Công nghệ Thông tin	7480201QA			
18	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QG			
19	Công nghệ Chế tạo máy	7510202QG			
20	Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử	7510203QG			
21	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7510302QG			
22	Quản trị Kinh doanh	7340101QE	- 2 năm đầu học tại SPKT. - 2 năm sau học tại ĐH ESSCA - Chỉ tiêu: 50.	Đại học ESSCA (Pháp).	
23	Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử	7510301QC	- 3 năm đầu học tại SPKT. - 1 năm sau (năm 4) học tại ĐH Chang Gung nhận bằng Đại học. và - 1 năm sau (năm 5) học tại ĐH Chang Gung nhận bằng Thạc sĩ. - Chỉ tiêu: 100.	- Bằng Đại học: SPKT cấp - Bằng Thạc sĩ: Đại học Chang Gung, (Đài Loan) cấp	
24	Khoa học Máy tính và Kỹ thuật Thông tin	7480109QC			
25	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201QC			

BẢNG MÔN THI CỦA CÁC TỔ HỢP

TỔ HỢP	MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	TỔ HỢP	MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3
A00	Toán	Vật lý	Hóa học	D96	Toán	Tiếng Anh	Khoa học xã hội
A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh	V01	Toán	Ngữ văn	Vẽ trang trí
B00	Toán	Hóa học	Sinh học	V02	Toán	Tiếng Anh	Vẽ trang trí
C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	V03	Toán	Ngữ văn	Vẽ đầu tượng
C20	Ngữ văn	Địa lý	Giáo dục công dân	V04	Toán	Vật lý	Vẽ đầu tượng
D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	V05	Toán	Tiếng Anh	Vẽ đầu tượng
D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh	V06	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vẽ đầu tượng
D14	Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh	V07	Ngữ văn	Vẽ đầu tượng	Vẽ trang trí
D15	Ngữ văn	Địa lý	Tiếng Anh	V08	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vẽ trang trí
D90	Toán	Tiếng Anh	Khoa học tự nhiên	V09	Toán	Vẽ đầu tượng	Vẽ trang trí

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 01 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3722.5724; 028.3722.2764

Email: tuyensinh@hcmute.edu.vn - Website: <http://tuyensinh.hcmute.edu.vn>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: IUH

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.

2. Phương thức xét tuyển: TẠI TRỤ SỞ CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: Sử dụng 04 phương thức xét tuyển:

a) Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển theo Đề án: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ưu tiên xét tuyển theo Đề án của Trường: (Có một trong các điều kiện sau đây)

- + Học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, học sinh đạt giải kỳ thi Olympic (môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển);
- + Học sinh có học lực 3 năm lớp 10,11,12 xếp loại giỏi; Học sinh trường chuyên, lớp chuyên (bảng danh mục các Trường THPT chuyên, lớp chuyên tại đây);
- + Học sinh có Chứng chỉ IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các Chứng chỉ khác tương đương trong thời gian còn hiệu lực tính đến ngày 29/08/2024 (bảng quy đổi các chứng chỉ tương đương chứng chỉ IELTS tại đây);
- + Học sinh các trường THPT ký kết hợp tác với Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngưỡng nhận hồ sơ cho các đối tượng trên có tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển, kết quả học tập THPT năm lớp 12 bằng 21.00 điểm, riêng ngành Dược học có thêm điều kiện học lực lớp 12 xếp loại giỏi ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển bằng 24.00 điểm (kết quả học tập THPT năm lớp 12).

b) Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12 (các môn có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển tương ứng), ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển bằng 21.00 điểm. Riêng ngành Dược học, ngưỡng điểm nhận hồ sơ là 24.00 điểm (tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển) và có học lực năm lớp 12 xếp loại giỏi. Đối với học sinh thuộc trường TOP sẽ được cộng điểm thường từ 1 đến 2 điểm khi xét tuyển vào IUH, danh sách các trường THPT thuộc TOP tra cứu tại www.tuyensinh.iuh.edu.vn.

c) Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

d) Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024.

TẠI PHÂN HIỆU QUANG NGÀI: Sử dụng 04 phương thức xét tuyển như Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên phương thức sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12, ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng 19.00 điểm.

3. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ xét tuyển:

a) Đối với phương thức xét tuyển thẳng theo Điều 8 quy chế tuyển sinh: Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với diện Ưu tiên xét tuyển thẳng: Thời gian dự kiến nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ 15/04/2024 đến hết 16g30 ngày 20/06/2024. Sau thời gian trên Hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường không hợp lệ.

b) Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12: Thời gian dự kiến nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ 15/04/2024 đến hết 16g30 ngày 02/07/2024. Sau thời gian trên Hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường không hợp lệ.

c) Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024: Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2024 do ĐHQG-HCM tổ chức: Theo tiến độ chung của các kỳ thi; Thời gian nhận hồ sơ, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển vào IUH theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM, sau thời gian trên Hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường không hợp lệ.

4. Nhóm ngành - Ngành xét tuyển: Nhóm ngành - Ngành tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp xét tuyển
		Đại trà	Tăng cường tiếng Anh	
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử*; Năng lượng tái tạo	7510301	7510301C	A00, A01, C01, D90
2	Tự động hóa gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa*; Robot và hệ thống điều khiển thông minh.	7510303	7510303C	A00, A01, C01, D90
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông gồm 03 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Điện tử viễn thông*; IOT và Trí tuệ nhân tạo ứng dụng	7510302		A00, A01, C01, D90
4	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Chương trình tăng cường tiếng anh gồm 02 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Kỹ thuật viễn thông;		7510302C	A00, A01, C01, D90
5	Kỹ thuật máy tính gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật vi mạch.	7480108	7480108C	A00, A01, C01, D90
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	7510201C	A00, A01, C01, D90
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử*	7510203	7510203C	A00, A01, C01, D90
8	Công nghệ chế tạo máy	7510202	7510202C	A00, A01, C01, D90
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật ô tô điện.	7510205	7510205C	A00, A01, C01, D90
10	Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật năng lượng.	7510206	7510206C	A00, A01, C01, D90
11	Kỹ thuật xây dựng	7580201		A00, A01, C01, D90
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205		A00, A01, C01, D90
13	Công nghệ dệt, may	7540204		A00, C01, D01, D90
14	Thiết kế thời trang	7210404		A00, C01, D01, D90
15	Nhóm ngành Công nghệ thông tin gồm 04 ngành và 01 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm*; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin***; Chuyên ngành: Quản lý đô thị thông minh và bền vững.	7480201		A00, A01, D01, D90
16	Nhóm ngành Công nghệ thông tin Chương trình tăng cường tiếng anh gồm 04 ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin;		7480201C	A00, A01, D01, D90
17	Khoa học dữ liệu	7460108		A00, A01, D01, D90
18	Công nghệ hóa học gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học*; Kỹ thuật hóa phân tích; Hóa dược.	7510401	7510401C	A00, B00, D07, C02

19	Dược học	7720201		A00, B00, D07, C08
20	Công nghệ thực phẩm*	7540101	7540101C	A00, B00, D07, D90
21	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720497		A00, B00, D07, D90
22	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106		A00, B00, D07, D90
23	Công nghệ sinh học* gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ sinh học y dược; Công nghệ sinh học nông nghiệp; Công nghệ sinh học lâm nghiệp.	7420201	7420201C	A00, B00, D07, D90
24	Nhóm ngành Quản lý đất đai gồm 02 ngành: Quản lý đất đai; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	7850103		A01, C01, D01, D96
25	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101		B00, C02, D90, D96
26	Công nghệ kỹ thuật môi trường*	7510406		A00, B00, D07, D90
27	Kế toán gồm 02 chuyên ngành: Kế toán*; Thuế.	7340301	7340301C	A00, A01, D01, D96
28	Kiểm toán gồm 02 chuyên ngành: Kiểm toán*; Phân tích kinh doanh.	7340302	7340302C	A00, A01, D01, D96
29	Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế Advanced Diploma in Accounting & Business của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA)		7340301Q	A00, A01, D01, D96
30	Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế CFAB của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW)		7340302Q	A00, A01, D01, D96
31	Tài chính ngân hàng gồm 02 chuyên ngành: Ngân hàng; Tài chính.	7340201	7340201C	A00, A01, D01, D96
32	Quản trị kinh doanh gồm 03 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.	7340101	7340101C	A01, C01, D01, D96
33	Marketing gồm 02 chuyên ngành: Marketing*; Digital Marketing	7340115	7340115C	A01, C01, D01, D96
34	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành gồm 03 chuyên ngành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810103	7810103C	A01, C01, D01, D96
35	Kinh doanh quốc tế*	7340120	7340120C	A01, C01, D01, D96
36	Thương mại điện tử	7340122	7340122C	A01, C01, D01, D90
37	Ngôn ngữ anh	7220201		D01, D14, D15, D96
38	Luật kinh tế	7380107	7380107C	A00, C00, D01, D96
39	Luật quốc tế	7380108	7380108C	A00, C00, D01, D96
CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN LIÊN KẾT QUỐC TẾ 1+3, 2 + 2 VỚI ĐẠI HỌC ANGELO STATE UNIVERSITY (ASU) CỦA HOA KỲ (Du học Mỹ)				
40	Quản trị kinh doanh		7340101K	A01, C01, D01, D96
41	Marketing		7340115K	A01, C01, D01, D96
42	Kế toán		7340301K	A00, A01, D01, D96
43	Tài chính ngân hàng		7340201K	A00, A01, D01, D96
44	Quản lý tài nguyên và môi trường		7850101K	B00, C02, D90, D96
45	Ngôn ngữ anh		7220201K	D01, D14, D15, D96
46	Khoa học máy tính		7480101K	A00, A01, D01, D90
47	Kinh doanh quốc tế		7340120K	A01, C01, D01, D96

Lưu ý : Ngành dấu * có đào tạo thêm chương trình tiếng anh toàn phần; Ngành dấu ** có đào tạo thêm chương trình kỹ sư/cử nhân tài năng; Ngành dấu *** có đào tạo thêm chương trình tiếng anh toàn phần và chương trình kỹ sư/cử nhân tài năng;

Ngành xét tuyển tại Phân hiệu Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên ngành	Mã Ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00, A01, C01, D90
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00, A01, C01, D90
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, C01, D90
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D90
5	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D96
6	Quản trị kinh doanh	7340101	A01, C01, D01, D96

- Hình thức học (2+2): 2 năm đầu học tại Phân hiệu Quảng Ngãi - 2 năm tiếp theo học tập tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sinh viên học tập tại Phân hiệu Quảng Ngãi được hưởng mọi quyền lợi như sinh viên thuộc Trụ sở chính.

5. Tổ hợp xét tuyển:

- Khối A00: Toán, Vật lý, Hóa học

- Khối A01: Toán, Tiếng Anh, Vật Lý

- Khối B00: Toán, Hóa học, Sinh học

- Khối C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

- Khối C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý
- Khối C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học

- Khối C08: Ngữ văn, Hóa học, Sinh học

- Khối D01: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh

- Khối D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học
- Khối D14: Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử

- Khối D15: Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý

- Khối D90: Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên

- Khối D96: Toán, Tiếng Anh, Khoa học xã hội

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh: Số 12 Nguyễn Văn Bảo, phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3895 5858; (028) 3985 1932; (028) 3985 1917; Email: tuyensinh@iuh.edu.vn; Website: www.tuyensinh.iuh.edu.vn

Phân hiệu Quảng Ngãi: Số 938 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: (0255) 625 0075; (0255) 222 2135; 0916 222 135

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: DTM

I. Phương thức xét tuyển:

1. **Phương thức 1:** xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2024 thỏa tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố và có đăng ký xét tuyển theo quy định. (Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 môn theo tổ hợp xét tuyển)
2. **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa theo kết quả học tập ở bậc THPT (05 học kỳ gồm lớp 10, lớp 11 và Học kỳ 1 lớp 12).
Điều kiện xét tuyển:
+ Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2017 đến 2024, có hạnh kiểm khá trở lên.
+ Tổng điểm trung bình 03 môn trong 05 học kỳ thuộc tổ hợp xét tuyển phải từ 18.00 điểm.
3. **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2024 của ĐHQG-HCM.
Đăng ký xét tuyển: thông qua ĐHQG-HCM khi đăng ký thi Đánh giá năng lực hoặc đăng ký tại Trường theo thông báo của Hội đồng tuyển sinh.
4. **Phương thức 4:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. Ngành đào tạo

STT	NGÀNH XÉT TUYỂN	MÃ NGÀNH
	NHÓM NGÀNH KINH TẾ	
1	Quản trị kinh doanh CN Quản trị kinh doanh tổng hợp CN Quản trị kinh doanh bất động sản	7340101
2	Bất động sản CN Định giá và Quản trị bất động sản CN Bất động sản sinh thái và Du lịch	7340116
3	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102
	NHÓM NGÀNH KHOA HỌC TRÁI ĐẤT ỨNG DỤNG	
4	Địa chất học	7440201
5	Khí tượng và Khí hậu học	7440222
6	Thủy văn học CN Thủy văn CN Môi trường nước	7440224
7	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	7440298
	NHÓM NGÀNH MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
8	Hệ thống thông tin CN Thương mại điện tử CN Hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường	7480104
9	Công nghệ thông tin CN Công nghệ phần mềm CN Tin học tài nguyên và môi trường	7480201
	NHÓM NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT	
10	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401
11	Công nghệ vật liệu	7510402
12	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406
13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ CN Trắc địa công trình CN Kỹ thuật địa chính CN Công nghệ thông tin địa lý	7520503
	NHÓM NGÀNH XÂY DỰNG VÀ KIẾN TRÚC	
14	Quản lý đô thị và công trình	7580106
15	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213
	NHÓM NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
16	Quản lý tài nguyên và môi trường CN Quản lý tài nguyên và môi trường CN Môi trường, sức khỏe và an toàn CN Quản lý và công nghệ kỹ thuật môi trường đô thị	7850101
17	Quản lý đất đai CN Địa chính CN Quy hoạch đất đai CN Kinh tế và Phát triển đất đai CN Hệ thống thông tin quản lý đất đai CN Giám sát và Bảo vệ tài nguyên đất đai	7850103
18	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	7850195
19	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	7850197

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu)

- Trụ sở: Số 236B Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

- Cơ sở Biên Hòa: Số 205, đường Phùng Hưng, khu phố Long Đức 3, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Cơ sở: Xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (028) 3991 6415-3535 1229

Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: www.hcmunre.edu.vn

Trích nguồn: <https://hcmunre.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: LPS

1. Phương thức tuyển sinh: có 2 phương thức:

1.1. Phương thức 1 (tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường): 45%/ tổng chỉ tiêu, cho 3 đối tượng:

a) Đối tượng 1 (tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển):

- Thí sinh thuộc diện “được tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường, đăng ký học ngành đào tạo phù hợp với môn đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Bộ) tổ chức hoặc cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm theo quy định của Bộ; và đã tốt nghiệp THPT trong năm 2024. Cụ thể như sau:
 - + Môn Văn, Toán và tiếng Anh: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh;
 - + Môn tiếng Nhật và tiếng Pháp: đối với ngành Luật;
 - + Môn Lý: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế;
 - + Môn Hóa: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật;
 - + Môn Sử: đối với ngành Luật và ngành Ngôn ngữ Anh;
 - + Môn Địa: đối với ngành Luật.
- Thí sinh thuộc diện “được xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường;
- Thí sinh thuộc diện “được ưu tiên xét tuyển” theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường.

b) Đối tượng 2 (xét tuyển sớm):

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh/ hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Nhật. Những chứng chỉ này nếu có quy định về thời hạn thi phải còn giá trị đến ngày 30/6/2024.
- Điều kiện:
 - + Thứ nhất, đã tốt nghiệp THPT;
 - + Thứ hai, có trình độ ngoại ngữ quốc tế đạt tối thiểu như sau:
 - Đối với tiếng Anh: IELTS đạt điểm từ 5,5 trở lên (do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp); hoặc TOEFL iBT đạt điểm từ 65 trở lên (do Educational Testing Service (ETS) cấp);
 - Đối với tiếng Pháp (chỉ xét tuyển đối với ngành Luật): chứng chỉ DELF đạt từ trình độ B1 trở lên hoặc chứng chỉ TCF đạt điểm từ 300 trở lên/ kỹ năng trở lên. Hai loại chứng chỉ này phải do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pédagogiques - CIEP) cấp;
 - Đối với tiếng Nhật (chỉ xét tuyển đối với ngành Luật): chứng chỉ JLPT đạt từ trình độ N3 trở lên (do Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation - JF) cấp, trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật).
 - + Thứ ba, có điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).

c) Đối tượng 3 (xét tuyển sớm):

- Thí sinh học tại các trường THPT chuyên, năng khiếu và các trường THPT có điểm trung bình trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT cao nhất theo Danh sách “Các trường THPT thuộc diện được ưu tiên xét tuyển sớm năm 2024 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh”;
- Điều kiện:
 - + Thứ nhất, đã tốt nghiệp THPT;
 - + Thứ hai, phải học đủ 3 năm tại các trường có tên trong “Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển sớm năm 2024 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh”;
 - + Thứ ba, có kết quả học tập của từng năm Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12 được xếp loại giỏi; và có tổng điểm trung bình năm học của 3 năm THPT đạt tổng điểm từ 24,5 trở lên (điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).
 - + Thứ tư, có điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển đạt tổng điểm từ 24,5 trở lên (điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).

1.2. Phương thức 2 (xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024): Chỉ tiêu xét tuyển: 55%/ tổng chỉ tiêu;

- Đối tượng: dành cho thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có kết quả thi của các môn thi/ bài thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 phù hợp với tổ hợp môn đăng ký xét tuyển của Trường;
- Cách thức đăng ký xét tuyển:
 - + Thí sinh thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống của Bộ hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia trong thời hạn quy định của Bộ;
 - + Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin liên quan đến việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ như: nhập, chỉnh sửa, xem;
 - + Thí sinh không bị hạn chế, giới hạn số lượng nguyện vọng và số lần điều chỉnh nguyện vọng khi đăng ký xét tuyển;
 - + Thí sinh phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.
- Trường không sử dụng kết quả miễn thi đối với môn thi ngoại ngữ trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024; không sử dụng điểm thi trong Kỳ thi THPT quốc gia, Kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước đó để xét tuyển.

*** Lưu ý:** Trường hợp tuyển sinh theo Phương thức 1 chưa hết chỉ tiêu (hoặc tuyển dư chỉ tiêu, tối đa không quá 5%) thì số chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển sang Phương thức 2 (hoặc sẽ điều chỉnh giảm chỉ tiêu của Phương thức 2 tương ứng với số chỉ tiêu tuyển vượt của Phương thức 1, tối đa không quá 5%).

2. Tổ hợp môn xét tuyển, chỉ tiêu (dự kiến) và tỷ lệ xét tuyển của từng ngành theo từng tổ hợp

STT	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển - Mã tổ hợp môn	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tỷ lệ (dự kiến)
1.	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh pháp lý)	7220201	Văn, Toán, tiếng Anh: D01	100	70,0%
			Văn, Lịch sử , tiếng Anh: D14		10,0%
			Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh: D66		10,0%
			Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh: D84		10,0%
2.	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Lý, Hoá: A00	150	20,0%
			Toán, Lý, tiếng Anh: A01		20,0%
			Văn, Toán, tiếng Anh: D01		40,0%
			Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh: D84		20,0%
3.	Quản trị - Luật	7340102	Toán, Lý, Hoá: A00	300	20,0%
			Toán, Lý, tiếng Anh: A01		20,0%
			Văn, Toán, tiếng Anh: D01		40,0%
			Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh: D84		20,0%
4.	Luật thương mại quốc tế	7380109	Toán, Lý, tiếng Anh: A01	120	20,0%
			Văn, Toán, tiếng Anh: D01		40,0%
			Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh: D66		20,0%
			Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh: D84		20,0%
5.	Luật	7380101	Toán, Lý, Hoá: A00	1.430	20,0%
			Toán, Lý, tiếng Anh: A01		25,0%
			Văn, Sử, Địa: C00		15,0%
			Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01: tiếng Anh, D03: tiếng Pháp, D06: tiếng Nhật)		40,0%

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 02, Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 2: Số 123 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 3: Phường Long Phước, TP. Thủ Đức
Hotline: 1900 5555 14 – Mail: tuvantuyensinh@hcmulaw.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/truong-dai-hoc-luat-tp-ho-chi-minh-thong-bao-phuong-thuc-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-hinh-thuc-chinh-quy-nam-2024-392.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: DCT

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

2. Phương thức tuyển sinh: Sử dụng 04 phương thức (PT) tuyển sinh:

- Phương thức 1: sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2024

- + Xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học với mức điểm từ 16 điểm trở lên (dự kiến). Mức điểm này là mức điểm dành cho thí sinh khu vực 3, việc tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy chế hiện hành.
- + Trường dành khoảng 60% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 2: sử dụng kết quả học tập THPT của năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ I năm lớp 12

- + Điều kiện xét tuyển:
 - Tốt nghiệp THPT;
 - Trung bình cộng của tổ hợp môn xét tuyển, ứng với từng ngành xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ I năm lớp 12 đạt từ 20 điểm trở lên.
- + Xét tuyển theo kết quả học tập THPT của năm lớp 10, năm lớp 11 và của học kỳ I năm lớp 12. Trung bình cộng của tổ hợp môn xét tuyển, ứng với từng ngành xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11 và của học kỳ I năm lớp 12 đạt từ 20 điểm trở lên. Mức điểm này là mức điểm dành cho thí sinh khu vực 3, việc tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy chế hiện hành.
- + Trường dành khoảng 30% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Phương thức 3: sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024**
- + Xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi của kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2024 với điều kiện điểm thi đánh giá năng lực ĐHQG – HCM từ 700 điểm trở lên đối với các ngành Công nghệ thực phẩm, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin và Marketing; 650 điểm đối với các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Kinh doanh quốc tế, Kế toán; 600 điểm cho các ngành còn lại. Mức điểm này là mức điểm dành cho thí sinh khu vực 3, việc tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy chế hiện hành.
 - + Trường dành khoảng 5% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này.
- **Phương thức 4: xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển thẳng theo Đề án**
- + Xét tuyển thẳng: theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo hiện hành.
 - + Ưu tiên xét tuyển theo Đề án của Trường: dành cho các thí sinh có học lực xếp loại Giỏi các năm lớp 10, năm lớp 11, học kì I lớp 12 và điểm trung bình cộng môn anh văn của năm lớp 10, năm lớp 11 và học kì I lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên.
 - + Trường dành khoảng 5% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển này.

3. Danh sách các ngành xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2024

STT	MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN	TÊN NGÀNH XÉT TUYỂN	TỔ HỢP MÔN			
1	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00	A01	D07	B00
2	7540110	Đảm bảo chất lượng & ATTP	A00	A01	D07	B00
3	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	A00	A01	D07	B00
4	7340129	Quản trị kinh doanh thực phẩm	A00	A01	D01	D10
5	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	A01	D01	D10
6	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00	A01	D01	D10
7	7340115	Marketing	A00	A01	D01	D10
8	7340122	Thương mại điện tử	A00	A01	D01	D10
9	7340301	Kế toán	A00	A01	D01	D10
10	7340201	Tài chính ngân hàng	A00	A01	D01	D10
11	7340205	Công nghệ tài chính	A00	A01	D01	D07
12	7380107	Luật kinh tế	A00	A01	D01	D15
13	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	A00	A01	D07	B00
14	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00	A01	D07	B00
15	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	A01	D07	B00
16	7420201	Công nghệ sinh học	A00	A01	D07	B00
17	7480201	Công nghệ thông tin	A00	A01	D01	D07
18	7480202	An toàn thông tin	A00	A01	D01	D07
19	7460108	Khoa học dữ liệu	A00	A01	D01	D07
20	7340123	Kinh doanh thời trang và Dệt may	A00	A01	D01	D10
21	7540204	Công nghệ dệt, may	A00	A01	D01	D07
22	7510202	Công nghệ chế tạo máy	A00	A01	D01	D07
23	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	A00	A01	D01	D07
24	7520115	Kỹ thuật nhiệt	A00	A01	D01	D07
25	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	A00	A01	D01	D07
26	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00	A01	D01	D07
27	7819009	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	A00	A01	D07	B00
28	7819010	Khoa học chế biến món ăn	A00	A01	D07	B00
29	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00	A01	D01	D15
30	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	A00	A01	D01	D15
31	7810201	Quản trị khách sạn	A00	A01	D01	D15
32	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01	D01	D09	D10
33	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01	D01	D09	D10

Bảng môn thi của các tổ hợp

TỔ HỢP	Môn 1	Môn 2	Môn 3	TỔ HỢP	Môn 1	Môn 2	Môn 3
A00	Toán	Vật lý	Hóa học	D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh
A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh	D09	Toán	Lịch sử	Tiếng Anh
B00	Toán	Hóa học	Sinh học	D10	Toán	Địa lý	Tiếng Anh
D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	D15	Ngữ văn	Địa lý	Tiếng Anh

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRUNG TÂM TUYỂN SINH & TRUYỀN THÔNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6270 6275 - 096 205 1080

Email: ttsttt@hufi.edu.vn. Website: <https://ts.huit.edu.vn/>

Trích nguồn: <https://ts.huit.edu.vn/tin-tuyen-sinh/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

MÃ TRƯỜNG: DTT

I. Phương thức xét tuyển

1. Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả quá trình học tập THPT (Mã phương thức 200)

- Đợt 1: Xét tuyển theo kết quả học tập 5HK (HK1,2 lớp 10; HK1,2 lớp 11; HK1 lớp 12) dành cho học sinh đang học tại các trường THPT đã ký kết hợp tác với TDTU. Dự kiến đăng ký xét tuyển từ 01/04/2024.
- Đợt 2: Xét tuyển theo kết quả học tập 6HK (HK1,2 lớp 10; HK1,2 lớp 11; HK1,2 lớp 12) dành cho học sinh đang học tại các trường THPT chưa ký kết hợp tác với TDTU. Dự kiến đăng ký xét tuyển từ 20/05/2024.

2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (Mã phương thức 100)

3. Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển theo quy định của TDTU (Mã phương thức 303)

- Đối tượng 1: Xét tuyển thẳng và cấp học bổng cho thí sinh có Thư giới thiệu của Ban Giám hiệu các trường THPT có ký kết hợp tác với TDTU.
- Đối tượng 2: Thí sinh có chứng chỉ IELTS xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh và chương trình liên kết đào tạo quốc tế.
- Đối tượng 3: Thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài; Thí sinh học chương trình quốc tế tại các trường quốc tế ở Việt Nam; Thí sinh có chứng chỉ SAT, A-Level, IB, ACT xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế.
- Đối tượng 4: Xét tuyển thẳng dành cho học sinh trường trực thuộc TDTU (Trường quốc tế Việt Nam – Phần Lan)

4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực năm 2024 của ĐHQG-HCM (Mã phương thức 402)

Ngoài ra, TDTU còn xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển cho các đối tượng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. Ngành và tổ hợp xét tuyển

TT	TÊN NGÀNH CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH CHUYÊN NGÀNH
CHƯƠNG TRÌNH TIỂU CHUẨN		
1	Ngôn ngữ Anh	7220201
2	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lữ hành)	7310630
3	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và quản lý du lịch)	7310630Q
4	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực)	7340101
5	Marketing	7340115
6	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn)	7340101N
7	Kinh doanh quốc tế	7340120
8	Tài chính - Ngân hàng	7340201
9	Kế toán	7340301
10	Luật	7380101
11	Dược học	7720201
12	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
13	Công nghệ sinh học	7420201
14	Kỹ thuật hóa học	7520301
15	Khoa học máy tính	7480101
16	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102
17	Kỹ thuật phần mềm	7480103
18	Kỹ thuật điện	7520201
19	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207
20	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
21	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114
22	Kỹ thuật xây dựng	7580201
23	Kiến trúc	7580101
24	Thiết kế đồ họa	7210403
25	Thiết kế thời trang	7210404
26	Thiết kế nội thất	7580108
27	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	7340408
28	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	7810301
29	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	7810301G
30	Xã hội học	7310301
31	Công tác xã hội	7760101
32	Bảo hộ lao động	7850201
33	Công nghệ kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường nước)	7510406
34	Khoa học môi trường	7440301
35	Toán ứng dụng	7460112
36	Thống kê	7460201
37	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105
38	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205
39	Quản lý xây dựng	7580302
40	Việt Nam học (Chuyên ngành: Việt ngữ học và văn hóa xã hội Việt Nam)	7310630N
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO		
1	Ngôn ngữ Anh - Chất lượng cao	F7220201
2	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - Chất lượng cao	F7310630Q
3	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực) - Chất lượng cao	F7340101
4	Marketing - Chất lượng cao	F7340115

5	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chất lượng cao	F7340101N
6	Kinh doanh quốc tế - Chất lượng cao	F7340120
7	Tài chính - Ngân hàng - Chất lượng cao	F7340201
8	Kế toán - Chất lượng cao	F7340301
9	Luật - Chất lượng cao	F7380101
10	Công nghệ sinh học - Chất lượng cao	F7420201
11	Khoa học máy tính - Chất lượng cao	F7480101
12	Kỹ thuật phần mềm - Chất lượng cao	F7480103
13	Kỹ thuật điện - Chất lượng cao	F7520201
14	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Chất lượng cao	F7520207
15	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chất lượng cao	F7520216
16	Kỹ thuật xây dựng - Chất lượng cao	F7580201
17	Thiết kế đồ họa - Chất lượng cao	F7210403
18	Kiến trúc - Chất lượng cao	F7580101
19	Kỹ thuật hóa học - Chất lượng cao	F7520301
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH		
Yêu cầu về tiếng Anh đầu vào		
- Thí sinh có quốc tịch từ các nước tiếng Anh bản ngữ không yêu cầu Chứng chỉ tiếng Anh đầu vào;		
- Thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước khác: phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0 trở lên (có giá trị từ ngày 01/10/2022 và còn giá trị đến ngày 01/10/2024)		
Trường hợp số lượng thí sinh nhập học ít hơn sĩ số tối thiểu để mở lớp, người học được tư vấn chuyển qua các ngành/chương trình khác nếu đáp ứng được tiêu chí đầu vào của ngành/chương trình đó hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh.		
1	Ngôn ngữ Anh - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7220201
2	Marketing - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7340115
3	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7340101N
4	Kinh doanh quốc tế - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7340120
5	Công nghệ sinh học - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7420201
6	Khoa học máy tính - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7480101
7	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7480103
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7520216
9	Kỹ thuật xây dựng - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7580201
10	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7340301
11	Tài chính ngân hàng - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7340201
12	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	FA7310630Q
CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH		
Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh nhưng chưa có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương theo quy định của TDTU có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình dự bị tiếng Anh (trừ ngành Ngôn ngữ Anh không có chương trình dự bị tiếng Anh).		
Trong 1 năm học, thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định để được xét chuyển vào chương trình học chính thức. Sau thời gian trên, thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định của TDTU sẽ bị xử lý học vụ thôi học.		
1	Marketing - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7340115
2	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7340101N
3	Kinh doanh quốc tế - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7340120
4	Công nghệ sinh học - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7420201
5	Khoa học máy tính - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7480101
6	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7480103
7	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7520216
8	Kỹ thuật xây dựng - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7580201
9	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7340301
10	Tài chính ngân hàng - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7340201
11	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	D7310630Q
CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẠI PHÂN HIỆU KHÁNH HÒA		
1	Ngôn ngữ Anh - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7220201
2	Marketing - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7340115
3	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7340101N
4	Kế toán - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7340301
5	Luật - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7380101
6	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Văn hóa) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7310630
7	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7480103
8	Khoa học máy tính - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7480101
9	Thiết kế đồ họa - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	N7210403
CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ		
Yêu cầu về tiếng Anh đầu vào		
Thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước khác: phải có Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B2 (tương đương IELTS 5.5) trở lên (có giá trị từ ngày 01/10/2022 và còn giá trị đến ngày 01/10/2024).		
Trường hợp số lượng thí sinh nhập học ít hơn sĩ số tối thiểu để mở lớp, người học được tư vấn chuyển qua các ngành/chương trình khác nếu đáp ứng được tiêu chí đầu vào của ngành/chương trình đó hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh.		
Đối tượng xét tuyển các ngành liên kết với các trường đại học của Cộng hòa Séc phải tốt nghiệp THPT 2024		
1	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học kinh tế Praha (Cộng Hòa Séc).	K7340101
2	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia).	K7340101N

3	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).	K7340201X
4	Kế toán (song bằng 3+1) - Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh).	K7340301
5	Kỹ thuật điện - điện tử (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).	K7520201
6	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).	K7580201
7	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).	K7480101L
8	Kinh doanh quốc tế (Song bằng 3 +1) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).	K7340120L
9	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)	K7480101T
10	Quản trị kinh doanh (đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết đơn Đại học Emlyon (Pháp) Dự kiến	K7340101E
11	Kinh doanh chuyên ngành Tài chính (đơn bằng 1,5+1,5) - Chương trình liên kết Đại học Massey (New Zealand) Dự kiến	K7340201M
12	Tài chính (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học Fengchia (Đài Loan) Dự kiến	K7340201
13	Quản trị kinh doanh (đơn bằng 3+1) - Chương trình liên kết Đại học Lunghwa (Đài Loan) Dự kiến	K7340101L
CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào một số ngành của chương trình liên kết đào tạo quốc tế nhưng chưa có chứng chỉ tiếng Anh trình độ B2 tương đương IELTS 5.5 theo quy định của TDTU có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình dự bị tiếng Anh liên kết quốc tế. Trong 1 năm học, thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định để được xét chuyển vào chương trình học chính thức. Sau thời gian trên, thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định của TDTU sẽ bị xử lý học vụ thôi học.		
1	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Taylor's (Malaysia).	DK7340101N
2	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1) - Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).	DK7340201X
3	Kế toán (song bằng 3+1) - Chương trình dự bị liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh).	DK7340301
4	Kỹ thuật điện - điện tử (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).	DK7520201
5	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc).	DK7580201
6	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc).	DK7480101L
7	Kinh doanh quốc tế (Song bằng 3 +1) - Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc).	DK7340120L
8	Quản trị kinh doanh (đơn bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết đơn Đại học Emlyon (Pháp) Dự kiến	DK7340101E
9	Kinh doanh chuyên ngành Tài chính (đơn bằng 1,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Massey (New Zealand) Dự kiến	DK7340201M
10	Tài chính (song bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Fengchia (Đài Loan) Dự kiến	DK7340201
11	Quản trị kinh doanh (đơn bằng 3+1) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Lunghwa (Đài Loan) Dự kiến	DK7340101L

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG
Địa chỉ: Số 19 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 19002024 - Email: tuvantuyensinh@tdtu.edu.vn

Trích nguồn: <https://admission.tdtu.edu.vn/dai-hoc/thong-bao-phuong-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024-du-kien>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (CƠ SỞ 2)

Mã trường: DLS

1. Phương thức xét tuyển

1.1. Phương thức 1 : Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024

- 1.1.1. Mã phương thức xét tuyển và chỉ tiêu xét tuyển
- Mã phương thức xét tuyển: 100
- Chỉ tiêu cho mỗi cơ sở đào tạo và mỗi ngành học theo bảng nêu trên (mục 3).
- 1.1.2. Đối tượng xét tuyển
- Thí sinh có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và đạt mức điểm đảm bảo chất lượng theo quy định của Trường với từng tổ hợp môn thi/bài thi xét tuyển.
- 1.1.3. Thời gian đăng ký xét tuyển
- Thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh năm 2024 của Trường hoặc trong các thông báo cập nhật thường xuyên trên Website Trường.

1.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập ở bậc trung học phổ thông (xét học bạ)

- 1.2.1. Mã phương thức xét tuyển và chỉ tiêu xét tuyển
- Mã phương thức xét tuyển: 200
- 1.2.2. Đối tượng xét tuyển
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có tổng điểm trung bình 03 môn theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển (như mục 3) của từng học kỳ năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ I năm học lớp 12 (5 học kỳ) ở bậc THPT đạt từ 18,0 điểm trở lên, bao gồm cả điểm ưu tiên (nếu có). Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh (7220201), điểm TBC của 05 học kỳ đạt từ 18,0 trong đó điểm tổng kết môn tiếng Anh của từng kỳ đạt từ 7,0 trở lên.
- Nhà trường xét tuyển từ tổng điểm cao đến thấp cho đến khi đủ số lượng tuyển sinh.

- 1.3. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
- 1.3.1. Mã phương thức xét tuyển và chỉ tiêu xét tuyển
- Mã phương thức xét tuyển: 301
 - Chỉ tiêu tuyển sinh: 05 chỉ tiêu.
- 1.3.2. Các đối tượng được xét tuyển thẳng vào Trường như sau:
- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;
 - Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, thời gian đạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.
- 1.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập năm học dự bị đại học tại các Trường dự bị đại học dân tộc.
- 1.4.1. Mã phương thức xét tuyển và chỉ tiêu xét tuyển
- Mã phương thức xét tuyển: 500
 - Chỉ tiêu tuyển sinh: 05 chỉ tiêu.
- 1.4.2. Đối tượng xét tuyển
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, có thời gian học tập 01 năm học tại các Trường dự bị đại học trên cả nước và có tổng điểm trung bình 03 môn theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển (như mục 3) của năm học dự bị đại học đạt từ 18,0 điểm trở lên, bao gồm cả điểm ưu tiên (nếu có). Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh (7220201), điểm tiếng Anh phải đạt từ 7,0 trở lên.
2. Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành đào tạo, mã ngành, tổ hợp môn xét tuyển

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU TUYỂN SINH	
				DỰA TRÊN KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở BẬC THPT (200)	DỰA TRÊN KẾT QUẢ KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT (100)
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Toán, Hóa, Anh (D07); Văn, Sử, Anh (D14).	20	30
2	Kinh tế	7310101	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01).	20	30
3	Tâm lý	7310401	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Văn, Sử, Địa (C00).	20	30
4	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01).	68	102
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01).	28	42
6	Bảo hiểm - Tài chính	7340207	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01).	20	30
7	Kế toán	7340301	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01).	60	90
8	Quản trị nhân lực	7340404	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01).	60	90
9	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01).	24	36
10	Luật kinh tế	7380107	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01).	40	60
11	Công tác xã hội	7760101	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Lý, Anh (A01); Toán, Văn, Anh (D01); Văn, Sử, Địa (C00).	40	60
	Tổng chỉ tiêu			400	600

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (CƠ SỞ 2)
Địa chỉ: Số 1018, đường Tô Ký, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 028.3883.7801 (số nội bộ: 108,109); 028.3883.7218 (số nội bộ: 101, 102, 105,108)
Email: pqlđt@ldxh.edu.vn - Website: <http://www.ldxh.edu.vn> - Facebook: <https://www.facebook.com/ldxh.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: DNT

I. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024
 - + Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT: học kỳ II lớp 11 và học kỳ I lớp 12

Điều kiện xét tuyển:

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Có điểm học bạ THPT của 3 môn xét tuyển từ 18.0 trở lên.
- **Phương thức 3:** Xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT: lớp 12

Điều kiện xét tuyển:

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Có điểm học bạ THPT của 3 môn xét tuyển từ 18.0 trở lên.
- **Phương thức 4:** Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG năm 2024.

Điều kiện xét tuyển:

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- + Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2024 do ĐHQG-HCM tổ chức và có kết quả đạt từ ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. HCM quy định.

II. CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN

TT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN		GHI CHÚ
1	Ngôn ngữ Anh	7220201			Môn xét tuyển chính: Tiếng Anh
	Biên – phiên dịch		A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
	Nghiệp vụ văn phòng		D01	Toán, Văn, Tiếng Anh	
	Giảng dạy tiếng Anh		D14	Văn, Sử, Tiếng Anh	
	Tiếng Anh thương mại		D15	Văn, Địa, Tiếng Anh	
	Song ngữ Anh – Trung				
	Tiếng Anh logistics				
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
	Nghiệp vụ văn phòng		D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
	Tiếng Trung thương mại		D04	Văn, Toán, Tiếng Trung	
	Song ngữ Trung - Anh		D14	Văn, Sử, Tiếng Anh	
3	Đông Phương học	7310608			
	Nhật Bản học		D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
			D06	Văn, Toán, Tiếng Nhật	
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh	
	Hàn Quốc học		D15	Văn, Địa, Tiếng Anh	
4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210			
	Giảng dạy tiếng Hàn		D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
	Văn hóa – Du lịch		D10	Toán, Địa, Tiếng Anh	
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh	
	Hành chính – Văn phòng		D15	Văn, Địa, Tiếng Anh	
5	Công nghệ thông tin	7480201			
	An ninh mạng		A00	Toán, Lý, Hóa	
	Công nghệ phần mềm		A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
	Hệ thống thông tin		D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
	Khoa học dữ liệu		D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh	
6	Thương mại điện tử	7340122	A00	Toán, Lý, Hóa	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh	
7	Luật kinh tế	7380107	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	

	Luật kinh doanh		D01	Toán, Văn, Tiếng Anh	
	Luật Thương mại quốc tế		D66	Văn, GDCD, Tiếng Anh	
	Luật tài chính ngân hàng		D15	Văn, Địa, Tiếng Anh	
8	Luật	7380101	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
	Luật dân sự		C00	Văn, Sử, Địa	
	Luật hình sự		D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
			D66	Văn, GDCD, Tiếng Anh	
9	Quản trị kinh doanh	7340101	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	Môn xét tuyển chính: Tiếng Anh
	Marketing		A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
	Quản trị nguồn nhân lực				
	Phân tích dữ liệu kinh doanh		D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh	
	Quản trị nguồn nhân lực		D11	Văn, Lý, Tiếng Anh	
10	Kinh doanh quốc tế	7340120	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	Môn xét tuyển chính: Tiếng Anh
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh	
			D11	Văn, Lý, Tiếng Anh	
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	Môn xét tuyển chính: Tiếng Anh
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh	
			D11	Văn, Lý, Tiếng Anh	
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	Môn xét tuyển chính: Tiếng Anh
	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh			
13	Quản trị khách sạn	7810201	D14	Văn, Sử, Tiếng Anh	
D15			Văn, Địa, Tiếng Anh		
14	Quan hệ quốc tế	7310206	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	Môn xét tuyển chính: Tiếng Anh
	Ngoại giao đa phương		D01	Toán, Văn, Tiếng Anh	
	Truyền thông quốc tế		D14	Văn, Sử, Tiếng Anh	
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh	
15	Quan hệ công chúng	7320108	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	Môn xét tuyển chính: Tiếng Anh
	Quản trị sự kiện		D01	Toán, Văn, Tiếng Anh	
	Truyền thông doanh nghiệp		D14	Văn, Sử, Tiếng Anh	
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh	
16	Tài chính – Ngân hàng	7340201	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
17	Kế toán	7340301	D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh	
18	Kiểm toán	7340302	D11	Văn, Lý, Tiếng Anh	
19	Ngôn ngữ Nhật (dự kiến)	7220209	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
			D06	Văn, Toán, Tiếng Nhật	
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh	
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh	
20	Trí tuệ nhân tạo (dự kiến)	7480107	A00	Toán, Lý, Hóa	
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 828 Sư Vạn Hạnh, phường 13, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 1900 2800 - Zalo: 0965876700 - Email: tuyensinh@huflit.edu.vn

Trích nguồn: <https://huflit.edu.vn/tin-tuc/phuong-thuc-tuyen-sinh-nam-2024-du-kien/>

ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: KSA
Chỉ tiêu tuyển sinh: 7900
1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
Học tại TP.HCM (KSA), Học tại Vĩnh Long (KSV):

STT	MÃ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	THUỘC NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN (PHƯƠNG THỨC 4,6)		CHỈ TIÊU 2024
				PT 4	PT6	
Nhóm 1: Chương trình tiên tiến quốc tế: Là các chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế Châu Á (AUN-QA) hoặc Châu Âu (FIBAA). Sinh viên sau khi trúng tuyển, tùy theo từng chương trình đào tạo có thể chọn học 1 trong 3 loại hình đào tạo: • Tiếng Anh toàn phần: Học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh (trừ các học phần Lý luận chính trị và Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng); • Tiếng Anh Bán phần: Tối thiểu 15 tín chỉ môn học ngành học bằng tiếng Anh; • Tiếng Việt: Học tập hoàn toàn bằng Tiếng Việt						
I.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý					
1	7340301_03	Kế toán doanh nghiệp (S)	Kế toán	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	620
2	7340302	Kiểm toán	Kiểm toán			200
3	7340301_02	Kế toán công	Kế toán			50
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế			570
5	7340121	Kinh doanh thương mại	Kinh doanh thương mại			210
6	7340115_01	Marketing	Marketing			160
7	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh			850
8	7340201_03	Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng			250
9	7340201_02	Thuế				100
10	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương				100
11	7340201_04	Thị trường chứng khoán				100
12	7340201_06	Đầu tư tài chính				70
13	7340201_05	Tài chính				510
14	7340201_01	Tài chính công				50
15	7340116	Bất động sản	Bất động sản			110
16	7340301_01	Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế (của tổ chức nghề nghiệp ICAEW và ACCA) (***)	Kế toán			70
II.	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi					
17	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	200
18	7310104_02	Thẩm định giá và Quản trị tài sản				100
III.	Lĩnh vực Pháp luật					
19	7380107	Luật kinh tế	Luật kinh tế	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00, A01, D01, D96	150
20	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Luật			70
IV.	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật					
21	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3	A00, A01, D01, D07	110

				D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2		
Nhóm 2: Chương trình tiên tiến: Là những chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên TOP 200 Đại học hàng đầu thế giới; tham vấn bởi các chuyên gia hiệp hội nghề nghiệp quốc tế và được rà soát chất lượng định kỳ 2 – 5 năm/lần. Sinh viên sau khi trúng tuyển, tùy theo các chương trình đào tạo có thể chọn học 1 trong 3 loại hình đào tạo: ● Tiếng Anh toàn phần: Học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh (trừ các học phần Lý luận chính trị và Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng); ● Tiếng Anh Bán phần: Tối thiểu 15 tín chỉ môn học ngành học bằng tiếng Anh; ● Tiếng Việt: Học tập hoàn toàn bằng Tiếng Việt.						
I.	Lĩnh vực Nhân văn					
22	7220201	Tiếng Anh thương mại (S) (**)	Ngôn ngữ Anh	D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	D01, D96	150
II.	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi					
23	7310101	Kinh tế	Kinh tế	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	110
24	7310102	Kinh tế chính trị (S)	Kinh tế chính trị			50
25	7310107	Thống kê kinh doanh (*)	Thống kê kinh tế			50
26	7310108_01	Toán tài chính (*)	Toán kinh tế			50
27	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm (*)				70
III.	Lĩnh vực Báo chí và thông tin					
28	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện (S)	Công nghệ truyền thông	– A00 – A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 – D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00, A01, D01, V00	100
IV.	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý					
29	7340122	Thương mại điện tử (*)	Thương mại điện tử	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	140
30	7340115_02	Công nghệ Marketing	Marketing			70
31	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Quản trị kinh doanh			100
32	7340204	Bảo hiểm (S)	Bảo hiểm			50
33	7340205	Công nghệ tài chính	Công nghệ tài chính			70
34	7340206	Tài chính quốc tế	Tài chính quốc tế			110
35	7340403	Quản lý công (S)	Quản lý công			70
36	7340404	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực			150
37	7340405_01	Hệ thống thông tin kinh doanh (*)	Hệ thống thông tin quản lý			55
38	7340405_02	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (*)				55
39	7340101_02	Kinh doanh số	Quản trị kinh doanh			70
V.	Lĩnh vực Toán và Thống kê					
40	7460108	Khoa học dữ liệu(*)	Khoa học dữ liệu	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00, A01, D01, D07	55

				D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2		
V.I	Lĩnh vực Máy tính, công nghệ thông tin					
41	7480101	Khoa học máy tính (*)	Khoa học máy tính	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	50
42	7480103	Kỹ thuật phần mềm (*)	Kỹ thuật phần mềm			55
43	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo (*)	Công nghệ thông tin			100
44	7480107_01	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	Trí tuệ nhân tạo			70
45	7480107_02	Điều khiển thông minh và tự động hóa (mới)				70
46	7480201_01	Công nghệ thông tin (*)	Công nghệ thông tin			50
47	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật (Arttech) (*) (mới)				70
48	7480202	An toàn thông tin (*)	An toàn thông tin			50
VII	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật					
49	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	70
VIII	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng					
50	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Kiến trúc đô thị	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00, A01, D01, V00	110
IX	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản					
51	7620114	Kinh doanh nông nghiệp (S)	Kinh doanh nông nghiệp	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	50
X	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân					
52	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00, A01, D01, D07	165
53	7810201_01	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn			85

54	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí		D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2		80
----	------------	--------------------------------------	--	-----------------------------------	--	----

(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.
 (*): Toán nhân hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2024), quy về thang điểm 30.
 (**): Tiếng Anh hệ số 2 (Đối với PT6 thi TNTHPT 2024), quy về thang điểm 30.
 (***): Yêu cầu có chứng chỉ tiếng Anh IELTS Academic từ 6.0 (hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên).

CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG ISB BBUS & CỬ NHÂN ISB ASEAN CO-OP						
STT	MÃ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	THUỘC NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN (PHƯƠNG THỨC 4,6)		CHỈ TIÊU 2024
				PT 4	PT6	
Học tại TP.HCM (KSA), Học tại Vĩnh Long (KSV):						
Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBUS: Học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh với cường độ cao và cập nhật liên tục, giúp sinh viên nhanh chóng tiếp cận những kiến thức mới. Các kỹ năng mềm được lồng ghép trong suốt quá trình học tập với sự đa dạng trong hình thức triển khai. Sinh viên có cơ hội tham gia trao đổi sinh viên với các trường quốc tế uy tín và trở thành nhân sự làm việc cho tập đoàn lớn tại Việt Nam và toàn cầu. Sinh viên chương trình Cử nhân Tài năng sẽ được xét vào một trong các ngành theo nguyện vọng khi làm thủ tục nhập học: Kinh doanh Quốc tế, Quản trị Kinh doanh, Marketing, Tài chính Ứng dụng, Kế toán						
1	ISB_CNTN	Cử nhân Tài năng ISB BBus	Quản trị kinh doanh	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	550
			Kinh doanh quốc tế			
			Marketing			
			Tài chính Ứng dụng			
			Kế toán			
Chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op: Đào tạo dựa trên cơ sở chương trình Cử nhân Tài năng ISB BBus, học hoàn toàn bằng tiếng Anh. Chương trình không chỉ cung cấp kiến thức tổng quan, chuyên sâu cho sinh viên mà còn tạo cơ hội thực hành nghề nghiệp và các kinh nghiệm làm việc thực tiễn tại các tập đoàn tại các nước ASEAN ngay trong quá trình học tập tại trường. Tham gia chương trình học, người học có thể trải nghiệm một số học môn học tại các trường đối tác nước ngoài và học tập một số môn học gần thực tế tại các doanh nghiệp trong khu vực ASEAN. Sau 02 học kỳ, sinh viên sẽ được xét vào một trong hai ngành (Marketing, Tài chính Ứng dụng) căn cứ vào nguyện vọng, kết quả học tập và chỉ tiêu.						
2	ASA_Co-op	Cử nhân ISB ASEAN Co-op	Tài chính Ứng dụng			50
			Marketing			

2. HỌC TẠI VĨNH LONG (KSV) TRẢI NGHIỆM MEKONG – SÂN SÀNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

- Học phí chỉ bằng 60 - 65% so với học tại TP. Hồ Chí Minh;
- Kiến thức đa ngành, đa lĩnh vực, gắn liền với các kiến thức Phát triển bền vững;
- Các chương trình đào tạo Tiên tiến quốc tế, Tiên tiến được phát triển với tinh thần “Day những gì các Đại học hàng đầu thế giới đang dạy”, được công nhận quốc tế bởi kiểm định chất lượng AUN-QA và FIBAA;
- Nhiều chính sách học bổng hỗ trợ cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Tất cả sinh viên năm cuối luân chuyển campus học tại TP. Hồ Chí Minh.

STT	MÃ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	THUỘC NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN (PHƯƠNG THỨC 4 ,6)		CHỈ TIÊU 2024
				PT4	PT6	
PHẠM VI TUYỂN SINH CẢ NƯỚC						
I.	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản					
1	7620114	Kinh doanh nông nghiệp (S)	Kinh doanh nông nghiệp	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	30
II.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý					
2	7340201_03	Thuế (mới)	Tài chính – Ngân hàng	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	30

3	7340122	Thương mại điện tử (*)	Thương mại điện tử	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	60
4	Mekong_VL	Chương trình Cử nhân quốc tế Mekong được cấp bằng bởi: WSU (Úc); VUW (New Zealand); UVic (Canada); MUST (Đài Loan)	Tài chính	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	30
			Marketing			
			Kinh doanh quốc tế			
			Quản trị nhân lực			
			Kế toán			
III. Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân						
5	7810201	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	– A00 – A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 – D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 – D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	30
IV. Lĩnh vực Nhân văn						
6	7220201	Tiếng Anh thương mại (**)	Ngôn ngữ Anh	D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	D01, D96	30
V. Lĩnh vực Pháp luật						
7	7380107	Luật kinh tế	Luật kinh tế	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2	A00, A01, D01, D96	30
VI. Lĩnh vực máy tính, công nghệ thông tin						
8	7480201	Công nghệ và đổi mới sáng tạo (*)	Công nghệ thông tin	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	30
9	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	Trí tuệ nhân tạo	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	30
VII. Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật						
10	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00 A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07	50
PHẠM VI TUYỂN SINH KHU VỰC ĐBSCL						
I. Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý						
11	7340101	Quản trị	Quản trị kinh doanh	– A00	A00, A01,	30
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế			50

13	7340115	Marketing	Marketing	– A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 – D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 – D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	D01, D07	70
14	7340201_01	Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng			35
15	7340201_02	Tài chính				35
16	7340301	Kế toán doanh nghiệp (S)	Kế toán			60

(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.
(*): Toán nhân hệ số 2 (Đối với PT6 thì TNTHTP 2024), quy về thang điểm 30.
(**): Tiếng Anh hệ số 2 (Đối với PT6 thì TNTHTP 2024), quy về thang điểm 30.

3. Tổ hợp xét tuyển của KSA và KSV

STT	MÃ TỔ HỢP MÔN	TÊN TỔ HỢP MÔN	MÃ MÔN	PT4: TỔ HỢP MÔN	PT6
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	TO-LI-HO	Sử dụng	Sử dụng
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	TO-LI-N1	Sử dụng	Sử dụng
3	D27	Toán, Vật lí, Tiếng Nga	TO-LI-N2	Điều kiện: IELTS >=5.5 (*)	Không sử dụng
4	D29	Toán, Vật lí, Tiếng Pháp	TO-LI-N3		
5	D30	Toán, Vật lí, Tiếng Trung	TO-LI-N4		
6	D26	Toán, Vật lí, Tiếng Đức	TO-LI-N5		
7	D28	Toán, Vật lí, Tiếng Nhật	TO-LI-N6		
8	AH3	Toán, Vật lí, Tiếng Hàn	TO-LI-N7		
9	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	TO-VA-N1	Sử dụng	Sử dụng
10	D02	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga	TO-VA-N2	Điều kiện: IELTS >=5.5 (*)	Không sử dụng
11	D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp	TO-VA-N3		
12	D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	TO-VA-N4		
13	D05	Ngữ văn, Toán, Tiếng Đức	TO-VA-N5		
14	D06	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật	TO-VA-N6		
15	DD2	Ngữ văn, Toán, Tiếng Hàn	TO-VA-N7		
16	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	TO-HO-N1	Sử dụng	Sử dụng
17	D22	Toán, Hóa học, Tiếng Nga	TO-HO-N2	Điều kiện: IELTS >=5.5 (*)	Không sử dụng
18	D24	Toán, Hóa học, Tiếng Pháp	TO-HO-N3		
19	D25	Toán, Hóa học, Tiếng Trung	TO-HO-N4		
20	D21	Toán, Hóa học, Tiếng Đức	TO-HO-N5		
21	D23	Toán, Hóa học, Tiếng Nhật	TO-HO-N6		
22	AH2	Toán, Hóa học, Tiếng Hàn	TO-HO-N7		
23	D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	TO-N1-TN	Không sử dụng	Không sử dụng
24	D93	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Nga	TO-N2-TN	Không sử dụng	Không sử dụng
25	D91	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Pháp	TO-N3-TN		
26	D95	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Trung	TO-N4-TN		
27	D92	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Đức	TO-N5-TN		
28	D94	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Nhật	TO-N6-TN		
29	AH7	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Hàn	TO-N7-TN		
30	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	TO-N1-XH	Không sử dụng	Sử dụng
31	D99	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Nga	TO-N2-XH	Không sử dụng	Không sử dụng
32	D97	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Pháp	TO-N3-XH		
33	DD1	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Trung	TO-N4-XH		
34	D98	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Đức	TO-N5-XH		
35	DD0	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Nhật	TO-N6-XH		
36	AH8	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Hàn	TO-N7-XH		
37	V00	Toán, Vật lí, Vẽ Mỹ Thuật (**)	TO-LI-NK1	Không sử dụng	Sử dụng

(Lưu ý: *) Điểm IELTS >=5.5 hoặc TOEFL iBT từ 62 điểm trở lên.
(**) Điểm thi môn Vẽ Mỹ Thuật được lấy từ Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (Khoa Kiến trúc), Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh.

4. Các phương thức tuyển sinh khóa 50 – đại học chính quy, năm 2024

KSA			KSV
	Chương trình Tiếng Việt, chương trình Tiếng Anh toàn phần, Tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBus, Chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op	Chương trình Tiếng Việt, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	1% chỉ tiêu theo CTĐT		

4.2. Phương thức 2 (Mã Phương thức xét tuyển: 411): Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế

KSA			KSV
	Chương trình Tiếng Việt, chương trình Tiếng Anh toàn phần, Tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBus, Chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op	Chương trình Tiếng Việt, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	1% chỉ tiêu theo CTĐT		3% chỉ tiêu theo CTĐT

Điều kiện đăng ký xét tuyển	A) Đối với thí sinh có quốc tịch Việt Nam, thuộc một trong các đối tượng: 1. Thí sinh có một trong các bằng tú tài/chứng chỉ quốc tế sau: - Bằng tú tài quốc tế IB (International Baccalaureate) đạt từ 26 điểm trở lên; - Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level) đạt từ C đến A. - Chứng chỉ BTEC (Business & Technical Education Council, Hội đồng Giáo dục Thương mại và Kỹ thuật Anh) Level 3 Extended Diploma đạt từ C đến A. 2. Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có một trong các chứng chỉ sau: - Chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên. - Chứng chỉ TOEFL iBT từ 73 điểm trở lên. - Chứng chỉ SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) mỗi phần thi từ 500 điểm trở lên. - Chứng chỉ ACT (American College Testing) từ 20 điểm (thang điểm 36) trở lên. B) Đối với thí sinh có quốc tịch khác quốc tịch Việt Nam (Lào, Campuchia, Thái Lan,...) và tốt nghiệp THPT nước ngoài (gọi tắt thí sinh nước ngoài): + Thí sinh nước ngoài đăng ký học tập chương trình bằng tiếng Anh cần đạt điều kiện về ngôn ngữ tiếng Anh của chương trình đó. + Thí sinh nước ngoài đăng ký học tập chương trình bằng tiếng Việt cần đạt điều kiện về ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lưu ý: Thời hạn các chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.
-----------------------------	---

4.3. Phương thức 3 (Mã Phương thức xét tuyển: 201): Xét tuyển học sinh Giỏi			
	KSA		KSV
	Chương trình Tiếng Việt, chương trình Tiếng Anh toàn phần, tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBus, Chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op	Chương trình Tiếng Việt, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	40% đến 50% chỉ tiêu theo CTĐT		20% chỉ tiêu theo CTĐT
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2024		
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc: - Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình học lực năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi). - Tiêu chí không bắt buộc: + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển học sinh Giỏi) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên. + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. + Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu		

4.4. Phương thức 4 (Mã Phương thức xét tuyển: 202): Xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn			
	KSA		KSV
	Chương trình Tiếng Việt, chương trình Tiếng Anh toàn phần, Tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBus, Chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op	Chương trình Tiếng Việt, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	20% đến 30% chỉ tiêu theo CTĐT	40% đến 50% chỉ tiêu theo CTĐT	20% đến 30% chỉ tiêu theo CTĐT
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn (theo quy định của UEH) đăng ký xét tuyển từ 6.5 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT. Ví dụ: Học sinh chọn tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học để đăng ký xét tuyển phải thỏa điều kiện: + ĐTB tổ hợp A00 lớp 10 = $[(\text{Toán } 10 + \text{Vật lý } 10 + \text{Hóa học } 10)/3] \geq 6.50$ + ĐTB tổ hợp A00 lớp 11 = $[(\text{Toán } 11 + \text{Vật lý } 11 + \text{Hóa học } 11)/3] \geq 6.50$ + ĐTB tổ hợp A00 HK1_lớp 12 = $[(\text{Toán } 12 + \text{Vật lý } 12 + \text{Hóa học } 12)/3] \geq 6.50$ Lưu ý: Thí sinh xét tuyển bằng tổ hợp môn có Ngoại ngữ là tiếng Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Nga hoặc Pháp phải có chứng chỉ IELTS ≥ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 62 điểm trở lên.		
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc: - Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển tính theo năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn). - Tiêu chí không bắt buộc: + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển theo tổ hợp môn) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên. + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. + Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu.		

4.5. Phương thức 5 (Mã Phương thức xét tuyển: 402): Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực		
	KSA	KSV
	Chương trình Tiếng Việt, chương trình Tiếng Anh toàn phần, Tiếng Anh bán phần	Chương trình Tiếng Việt, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong

Chỉ tiêu	10% chỉ tiêu theo CTĐT
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2024 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM)

4.6. Phương thức 6 (Mã Phương thức xét tuyển: 100): Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

	KSA		KSV
	Chương trình Tiếng Việt, chương trình Tiếng Anh toàn phần, Tiếng Anh bán phần	Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBus, Chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op	Chương trình Tiếng Việt, Chương trình cử nhân quốc tế Mekong
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu còn lại		
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT, tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH.		

THÔNG TIN LIÊN HỆ: ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tại TP.HCM: 59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐHCQ: 0902.230082 và 0941.230082
Tại Phân hiệu Vĩnh Long: 1B Nguyễn Trung Trực, phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại: (0270) 3823359 – 3823443

Trích nguồn: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/dai-hoc-kinh-te-tp-ho-chi-minh-khoi-dong-mua-tuyen-sinh-2024-on-dinh-chi-tieu-phuong-thuc-mo-02-nganh-hoc-moi-da-dang-linh-vuc-ho-tro-dinh-huong-tang-nhieu-co-hoi-lua-chon-nghe-nghiep-phu-hop/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: VHS

- 1. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trên toàn quốc
- 2. Đối tượng tuyển sinh:** Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT)/ có bằng tốt nghiệp trung cấp.
- 3. Phương thức tuyển sinh:**
 - Xét tổ hợp môn văn hóa từ kết quả thi tốt nghiệp THPT
 - Xét tổ hợp môn văn hóa từ kết quả học bạ cấp THPT
- 4. Phương thức tuyển sinh chuyên ngành Tổ chức, dẫn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật:**
 - Xét tuyển tổ hợp môn văn hóa từ kết quả thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu nghệ thuật
 - Xét tuyển tổ hợp môn văn hóa từ kết quả học bạ cấp THPT và điểm thi năng khiếu nghệ thuật
- 5. Ngành đào tạo và tổ hợp xét tuyển**

TÊN NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	MÃ TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU
1. Ngành Thông tin - Thư viện	7320201	C00, D01, D09, D15	50
2. Ngành Bảo tàng học	7320305	C00, D01, D09, D15	30
3. Ngành Du lịch	7810101	C00, D01, D10, D15	80
4. Ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			
- Chuyên ngành Quản trị lữ hành	7810103A	C00, D01, D09, D15	120
- Chuyên ngành Hướng dẫn Du lịch	7810103B	C00, D01, D09, D15	80
5. Ngành Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	C00, D01, D10, D15	80
6. Ngành Quản lý văn hóa			
- Chuyên ngành Quản lý hoạt động văn hóa xã hội	7229042A	C00, D01, D09, D15	60
- Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch	7229042B	C00, D01, D09, D15	60
- Chuyên ngành Tổ chức, dẫn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật	7229042C	R01, R02, R03, R04	60
- Chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch	7229042D	C00, D01, D09, D15	90
7. Ngành Văn hóa học			
- Chuyên ngành Văn hóa Việt Nam	7229040A	C00, D01, D09, D15	60
- Chuyên ngành Công nghiệp Văn hóa	7229040B	C00, D01, D09, D15	80
- Chuyên ngành Truyền thông Văn hóa	7229040C	C00, D01, D09, D15	120
8. Ngành Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112	C00, D01, D09, D15	30

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: Cơ sở 1: 51 Quốc Hương, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức
Cơ sở 2: 288 Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, TP. Thủ Đức
Điện thoại: (028)38992901 - Email: dhvh@hcmuc.edu.vn - Website: <http://hcmuc.edu.vn>
Fanpage: <https://www.facebook.com/VHS1976>

Trích nguồn: <http://hcmuc.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-nam-2024-cua-truong-dai-hoc-van-hoa-tp-ho-chi-minh.html>

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: GSA

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường Đại học Giao thông Vận tải;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo 4 phương thức

- **Phương thức 1 (PT1):** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2024 và học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế.
 - + Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển. Điểm xét tuyển là tổng điểm 3 môn của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có).
 - + Xét tuyển thẳng học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế. Cụ thể: Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào trường theo ngành phù hợp với môn thi.
- **Phương thức 2 (PT2):** Tuyển sinh và đào tạo tại Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh (mã GSA): Sử dụng kết quả học tập THPT để xét tuyển với hầu hết các ngành tuyển sinh. Thí sinh tốt nghiệp THPT có tổng điểm ba môn học trong tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình lớp 10 cộng điểm trung bình lớp 11 cộng điểm trung bình học kỳ I lớp 12) cộng điểm ưu tiên (nếu có) từ ngưỡng điểm được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trở lên (ngưỡng điểm được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào từng ngành sẽ thông báo chi tiết sau), trong đó điểm từng môn của ba môn trong tổ hợp xét tuyển không có điểm trung bình môn nào (xét theo mỗi năm học) dưới 5,50 điểm.

Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển theo kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) với một số ngành tuyển sinh và đào tạo tại Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

- **Phương thức 4 (PT4):** Xét kết hợp chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.0 trở lên (còn hiệu lực đến ngày xét tuyển) và tổng điểm hai môn học (môn Toán và 01 môn không phải Ngoại ngữ) trong tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình lớp 10 cộng điểm trung bình lớp 11 cộng điểm trung bình lớp 12) cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 15,00 điểm trở lên, áp dụng với một số ngành tuyển sinh và đào tạo tại Hà Nội. Ngưỡng điểm được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào từng ngành sẽ thông báo chi tiết sau. Khi tính tổng điểm xét tuyển, sử dụng quy đổi điểm từ chứng chỉ lets theo quy định tham khảo tại www.tuyensinh.utc.edu.vn.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): Chỉ tiêu tuyển sinh các chương trình chuẩn và chất lượng cao là 6.000 (tại Hà Nội: 4.500, tại Phân hiệu TP. Hồ Chí Minh: 1.500). Chỉ tiêu tuyển sinh các chương trình liên kết quốc tế: 90.

5. Ngành tuyển sinh và đào tạo dự kiến

TT	MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN	TÊN NGÀNH CHƯƠNG TRÌNH XÉT TUYỂN	PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	7340101	Quản trị kinh doanh	PT1, PT2, PT3	80	A00, A01, D01, C01
2	7340120	Kinh doanh quốc tế (dự kiến)	PT1, PT2	40	A00, A01, D01, C01
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng	PT1, PT2	50	A00, A01, D01, C01
4	7340301	Kế toán	PT1, PT2, PT3	70	A00, A01, D01, C01
5	7480201	Công nghệ thông tin	PT1, PT2, PT3	90	A00, A01, D07
6	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	PT1, PT2, PT3	100	A00, A01, D01, C01
7	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	PT1, PT2	50	A00, A01, D01, D07
8	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	PT1, PT2	50	A00, A01, D01, D07
9	7520130	Kỹ thuật ô tô	PT1, PT2, PT3	90	A00, A01, D01, D07
10	7520201	Kỹ thuật điện	PT1, PT2	50	A00, A01, D01, C01
11	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	PT1, PT2	80	A00, A01, D01, C01
12	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	PT1, PT2, PT3	80	A00, A01, D01, C01
13	7580101	Kiến trúc	PT1, PT2	60	A00, A01, V00, V01
14	7580201	Kỹ thuật xây dựng	PT1, PT2, PT3	170	A00, A01, D01, D07
15	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	PT1, PT2, PT3	170	A00, A01, D01, D07
16	7580301	Kinh tế xây dựng	PT1, PT2	100	A00, A01, D01, C01
17	7580302	Quản lý xây dựng	PT1, PT2	50	A00, A01, D01, C01
18	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	PT1, PT2	60	A00, A01, D01, C01
19	7840101	Khai thác vận tải	PT1, PT2, PT3	60	A00, A01, D01, C01

Tổ hợp xét tuyển:

- A00: Toán, Vật lý, Hóa học
B00: Toán, Hóa học, Sinh học
D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
- V00: Toán, Vật lý, Vẽ Mỹ thuật
C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý.
D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
- A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp
V01: Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật

THÔNG TIN LIÊN HỆ: PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 450 - 451 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức (Quận 9 cũ), TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3896. 6798 - Fax: (028) 3896. 4735 - Email: banbientap@utc2.edu.vn - Website: <https://utc2.edu.vn>

Trích nguồn: <https://tuyensinh.utc2.edu.vn/vi/thong-bao-de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024-2379>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

MÃ TRƯỜNG: DSG

I. Chỉ tiêu tuyển sinh: 2.400

II. Phương thức tuyển sinh

1. Phương thức 01: Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 3 học kỳ

- Mã phương thức: 200; mã tổ hợp xét tuyển: H3K
- Điểm sàn xét tuyển: ≥ 18,0 điểm; thang điểm tổng chưa ưu tiên: 30,0 điểm.
- Xét tuyển bằng học bạ lấy điểm 3 học kỳ. Tổ hợp xét tuyển chung cho tất cả các ngành:
 - + Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 11 THPT;
 - + Điểm trung bình học kỳ 2 lớp 11 THPT;
 - + Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 12 THPT.

2. Phương thức 02: Xét tuyển bằng học bạ THPT lấy điểm 5 học kỳ

- Mã phương thức: 200; mã tổ hợp xét tuyển: H5K.
- Điểm sàn xét tuyển: ≥ 18,0 điểm; thang điểm tổng chưa ưu tiên: 30,0 điểm.
- Xét tuyển bằng học bạ lấy điểm 5 học kỳ. Tổ hợp xét tuyển chung cho tất cả các ngành:
 - + Điểm trung bình cả năm lớp 10 THPT;
 - + Điểm trung bình cả năm lớp 11 THPT;
 - + Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 12 THPT.

3. Phương thức 03: Xét tuyển bằng học bạ lớp 12 THPT lấy điểm trung bình cuối năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển

- Mã phương thức 200; mã tổ hợp theo ngành
- Điểm sàn xét tuyển ≥ 18,0 điểm; thang điểm tổng chưa ưu tiên: 30,0 điểm.
- Xét tuyển bằng học bạ lớp 12 THPT lấy điểm trung bình cuối năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp xét tuyển thay đổi theo từng ngành.

4. Phương thức 04: Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 lấy tổng điểm của 03 bài thi/môn thi thành phần trong tổ hợp xét tuyển.

- Mã phương thức: 100
- Điểm sàn xét tuyển chưa xác định (thông báo sau); thang điểm tổng chưa ưu tiên: 30,0 điểm.
- Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 lấy tổng điểm của 03 bài thi/môn thi thành phần trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp xét tuyển thay đổi theo từng ngành.

5. Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024.

- Mã phương thức: 402; mã tổ hợp: NL1
- Điểm sàn xét tuyển: ≥ 550,0 điểm; thang điểm tổng chưa ưu tiên: 1.200 điểm.
- Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024. Tổ hợp xét tuyển chung cho các ngành là Điểm bài thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024.

III. Ngành, chuyên ngành xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

LĨNH VỰC – NGÀNH – CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔNG CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH (DỰ KIẾN)				
			PT – 01	PT – 02	PT – 03	PT – 04	PT – 05
			20%	20%	20%	35%	5%
Lĩnh vực Thiết kế, mỹ thuật							
Thiết kế công nghiệp (TKCN)	7210402	250	50	50	50	88	12
-Thiết kế Sản phẩm							
-Thiết kế Thời trang							
-Thiết kế Đồ họa							
-Thiết kế Nội thất							
Lĩnh vực Kinh tế, quản lý							
Quản trị kinh doanh (QTKD)	7340101	550	110	110	110	193	27
-Quản trị Kinh doanh tổng hợp							
-Quản trị Marketing							
-Quản trị Tài chính							
-Quản trị Chuỗi cung ứng							
Lĩnh vực Kỹ thuật, công nghệ							
Công nghệ thông tin	7480201	1200	240	240	240	420	60
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	80	16	16	16	28	4
-Công nghệ Cơ điện tử							
-Công nghệ Robot và trí tuệ nhân tạo							
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	80	16	16	16	28	4
-Điều khiển và tự động hóa							
-Điện công nghiệp và cung cấp điện							
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302	80	16	16	16	28	4

-Điện tử Viễn thông							
-Mạng máy tính							
-Thiết kế vi mạch (dự kiến mở năm 2024)							
Công nghệ thực phẩm	7540101	80	16	16	16	28	4
-Công nghệ Thực phẩm							
-Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm							
Kỹ thuật xây dựng	7580201	80	16	16	16	28	4
-Xây dựng dân dụng và công nghiệp							
-Quản lý xây dựng							
Tổng cộng		2400	480	480	480	841	119

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Địa chỉ trụ sở chính: 180 Cao Lỗ, phường 4, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://www.stu.edu.vn/>
Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.38505520 (số nội bộ: 106, 107, 109, 116; 115) Số điện thoại đường dây nóng: 0902.992306
Mail Văn phòng Tuyển sinh: vpts@stu.edu.vn - Mail Phòng Đào tạo: phongdaotao@stu.edu.vn
Trích nguồn:
http://daotao2.stu.edu.vn/thongtintuyensinh/files/TB%20TUYEN%20SINH%20CHINH%20QUY%20NAM%202024_DAI%20HOC_SO%2001.pdf

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- MÃ TRƯỜNG: NHS**
1. **Tổng chỉ tiêu tuyển sinh:** 4329 (Chưa bao gồm chỉ tiêu ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng)
2. **Các ngành và chương trình đào tạo**

TT	CHƯƠNG TRÌNH, NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP MÔN	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN
	Tất cả các ngành. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo			
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO (tiếng Anh bán phần)			2134
1	Ngành Tài chính - Ngân hàng (Chương trình định hướng công nghệ tài chính và chuyển đổi số	7340001 -TABP	A00, A01, D01, D07 A04, A05	1891
2	Ngành Kế toán (Chương trình định hướng Digital Accounting)			
3	Ngành Quản trị kinh doanh (Chương trình định hướng E. Business)			
4	Ngành Hệ thống thông tin quản lý	7340405 - TABP	A00, A01, D01, D07, A04, A05	81
5	Ngành Kinh tế quốc tế	7310106 - TABP	A00, A01, D01, D07, D09, D10	81
6	Ngành Ngôn ngữ Anh Chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ chất lượng quốc tế) (Tiếng Anh nhân hệ số 2) và quy đổi về thang điểm 30	7220201 - DB	A01, D01, D14, D15, D07, D09, D10	81
B	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ CẤP SONG BẰNG			45
	Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính, Marketing, Quản lý chuỗi cung ứng do ĐH Bolton-Anh quốc và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	7340002	A00, A01, D01, D07	45
C	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHUẨN			2150
1	Ngành Tài chính – Ngân hàng Chương trình Tài chính Chương trình Ngân hàng Chương trình Tài chính định lượng và Quản trị rủi ro Chương trình Tài chính và Quản trị doanh nghiệp	7340201	A00, A01, A04, A04, D01, D07	510
2	Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D09, D10, D01, D07	245
3	Ngành Kế toán Chương trình Kế toán Kiểm toán Chương trình Kiểm toán và quản lý rủi ro	7340301	A00, A01, A04, A05, D01, D07	195
4	Ngành Kinh tế quốc tế Chương trình Kinh tế quốc tế Chương trình Kinh tế và Kinh doanh số	7340120	A01, D07, D09, D10, A00, D01, D07	210
5	Ngành Marketing	7340115	A00, A01, D09, D10, D01, D07	60
6	Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	A00, A01, A04, A05, D01, D07	60
7	Ngành Kinh doanh quốc tế	7310106	A01, D07, D09, D10, A00, D01, D07	60

8	Ngành Luật kinh tế	7380107	A01, A03, A07, D09, A00, D14, D01	250
9	Ngành Hệ thống thông tin quản lý Chương trình Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số Chương trình Quản trị thương mại điện tử	7340405	A00, A01, A04, A05, D01, D07	210
10	Ngành Ngôn ngữ Anh Chương trình Tiếng Anh thương mại Chương trình Song ngữ Anh – Trung (Môn tiếng Anh nhân hệ số 2) và quy đổi về thang điểm 30	7220201	A01, D07, D09, D10, D01, D14, D15	230
11	Ngành Khoa học dữ liệu	7460108	A00, A01, A04, A05, D01, D07	60
12	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, A04, A05, D01, D07	60
D	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ DO ĐỐI TÁC CẤP BẰNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN PATHWAY			
1	Chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng Ngành Quản trị kinh doanh Chương trình Quản trị kinh doanh Chương trình Quản trị chuỗi cung ứng Chương trình Marketing Chương trình Tài chính (Do ĐH Bolton – Anh quốc cấp bằng)		Phương thức 5: Xét tuyển học bạ và phỏng vấn	180
2	Chương trình cử nhân Pathway Giai đoạn 1 – học tại HUB Giai đoạn 2 – học tại nước ngoài; Sinh viên chọn một trong các Đại học liên kết với HUB: Đại học Macquarie, Úc (pathway 2+2), Đại học Griffith, Úc (pathway 2+2), Đại học Adelaide Úc (pathway 2+2), Đại học Lincoln, NZ (pathway 2+2), Đại học Bolton, Anh (pathway 2+1). Đại học Anglia Ruskin, Anh (pathway 2+1), Đại học EM Normandie, Pháp (pathway 2+1)			20

3. Các phương thức xét tuyển

- 3.1. Phương thức 1:** Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 và quy chế xét tuyển đại học chính quy của Trường về xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.
- 3.2. Phương thức 2:** Phương thức xét tuyển tổng hợp

Phương thức xét tuyển tổng hợp của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (Phương thức 2) là phương thức xét tuyển kết quả học tập và thành tích bậc THPT của thí sinh. Được quy định cụ thể như sau:

Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT vào các năm 2024, 2023 và thỏa các điều kiện sau:

 - Học sinh có điểm trung bình học tập học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên;
 - Điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký HK1 - lớp 11, HK2 - lớp 11 và HK1 - lớp 12 đạt từ 72 trở lên (không bao gồm bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và điểm quy đổi theo tiêu chí khác).
- 3.3. Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của của Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024

Điều kiện đăng ký xét tuyển: Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính do Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2024 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Có điểm trung bình học tập HK1, HK2 năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên.

 - Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khi có phổ điểm kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2024 trên trang tuyển sinh của Trường www.tuyensinh.hub.edu.vn.
 - Thí sinh xem lịch thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh do trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức trên các kênh thông tin của Trường và Website của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học thuộc trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh: <https://flic.edu.vn/>
- 3.4. Phương thức 4:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

Đối tượng

 - Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
 - Ngưỡng điểm đảm bảo đầu vào dự kiến: 18. Trường sẽ thông báo thay đổi ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển (nếu có) sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 trên trang tuyển sinh của Trường www.tuyensinh.hub.edu.vn và theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 3.5. Phương thức 5:** Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Áp dụng cho chương trình ĐHCQ quốc tế do đối tác cấp bằng và cử nhân Pathway)

Đối tượng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tầng trệt, Nhà Hiệu bộ, 56 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức

Điện thoại: 028. 38211704 - 028. 38212430 - (028) 38.971.638 – (028)38971652 - Hotline chương trình ĐHCQ chuẩn: 0888 35 34 88

Trích nguồn: <http://tuyensinh.hub.edu.vn/thong-bao/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024-truong-dai-hoc-ngan-hang-tp.-ho-chi-minh-du-kien-463.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (UEF)

MÃ TRƯỜNG: UEF

1. **Chỉ tiêu tuyển sinh:** 6610

2. **Vùng tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước

3. Phương thức xét tuyển

3.1. Phương thức xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông 2024 (25%) - Mã phương thức: 100

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Nhà trường công bố khi có điểm thi tốt nghiệp THPT 2024 (theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

3.2. Phương thức xét tuyển theo Kết quả đánh giá năng lực 2024 của Đại học Quốc gia TP.HCM (5%) - Mã phương thức: 402

- Lịch tuyển sinh: Theo quy định của trường (căn cứ vào đợt tuyển sinh do ĐHQG-HCM tổ chức)
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Nhà trường công bố khi có kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM.
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024, đạt mức điểm UEF quy định.

3.3. Phương thức xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 3 môn (30%) - Mã phương thức: 200

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm trung bình năm lớp 12 các môn dùng trong tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên.
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Khi thí sinh đảm bảo các điều kiện để được xét tuyển thì: Điểm xét tuyển là Tổng điểm trung bình năm lớp 12 các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 10) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực của Quy chế tuyển sinh hiện hành và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

3.4. Phương thức xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 3 học kỳ (40%) - Mã phương thức: 201

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm trung bình 03 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) đạt từ 18.0 điểm trở lên.
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Khi thí sinh đảm bảo các điều kiện để được xét tuyển thì: Điểm xét tuyển là Tổng điểm trung bình 03 học kỳ (theo thang điểm 10) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

4. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển

STT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	<u>Quản trị kinh doanh</u> - Quản trị kinh doanh tổng hợp - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị khởi nghiệp - Quản trị văn phòng	7340101	<u>A00 (Toán, Lý, Hóa)</u> <u>A01 (Toán, Lý, Anh)</u> <u>D01 (Toán, Văn, Anh)</u> <u>C00 (Văn, Sử, Địa)</u>
2	<u>Kinh doanh quốc tế</u> - Quản trị công ty đa quốc gia - Ngoại thương	7340120	
3	<u>Kinh doanh thương mại</u> - Kinh doanh thương mại - Kinh doanh bán lẻ	7340121	
4	<u>Marketing</u> - Quản trị Marketing - Quản trị thương hiệu - Quảng cáo	7340115	
5	<u>Digital Marketing</u> - Quản trị Digital Marketing - Quản trị sự kiện ảo - Quảng cáo số	7340114	
6	<u>Luật kinh tế</u> - Luật kinh doanh - Luật tài chính ngân hàng	7380107	
7	<u>Luật quốc tế</u> - Luật kinh doanh quốc tế - Luật thương mại quốc tế	7380108	

8	<u>Luật</u> - Luật dân sự - Luật hành chính - Luật hình sự	7380101	
9	<u>Quản trị nhân lực</u> - Đào tạo và phát triển - Tuyển dụng	7340404	
10	<u>Quản trị khách sạn</u> - Quản trị và kinh doanh khách sạn quốc tế - Quản trị dịch vụ cao cấp	7810201	
11	<u>Kinh tế quốc tế</u> - Đầu tư quốc tế - Phát triển và hội nhập	7310106	
12	<u>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</u>	7810103	
13	<u>Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống</u> - Quản trị nhà hàng - Bar - Quản trị ẩm thực	7810202	
14	<u>Bất động sản</u> - Phát triển bất động sản - Kinh doanh bất động sản - Quản lý bất động sản	7340116	
15	<u>Logistics và quản lý chuỗi cung ứng</u> - Nghiệp vụ Logistics - Quản trị doanh nghiệp Logistics toàn cầu	7510605	
16	<u>Quan hệ công chúng</u> - Truyền thông xã hội - Truyền thông doanh nghiệp	7320108	
17	<u>Quản trị sự kiện</u> - Quản trị sự kiện giải trí - Quản trị sự kiện doanh nghiệp	7340412	
18	<u>Công nghệ truyền thông (Truyền thông số)</u> - Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông - Kinh doanh sản phẩm truyền thông	7320106	
19	<u>Truyền thông đa phương tiện</u>	7320104	
20	<u>Thiết kế đồ họa</u> - Thiết kế marketing – quảng cáo - Thiết kế nhận diện thương hiệu - Thiết kế giao diện tương tác - Thiết kế đồ họa chuyển động	7210403	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý)
21	<u>Thương mại điện tử</u> - Kinh doanh trực tuyến - Marketing trực tuyến - Chuyển đổi số trong kinh doanh	7340122	
22	<u>Tài chính - ngân hàng</u> - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Bảo hiểm	7340201	
23	<u>Tài chính quốc tế</u>	7340206	
24	<u>Kinh tế số (dự kiến)</u> - Kinh doanh số - Quản trị kinh doanh số	7310109	
25	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	
26	<u>Kiểm toán</u>	7340302	
27	<u>Kế toán</u> - Kế toán công - Kế toán doanh nghiệp	7340301	
28	<u>Công nghệ thông tin</u> - An toàn không gian mạng - Mạng máy tính - Hệ thống thông tin doanh nghiệp - Trí tuệ nhân tạo	7480201	
29	<u>Kỹ thuật phần mềm (dự kiến)</u>	7480103	
30	<u>Khoa học dữ liệu</u> - Phân tích dữ liệu trong kinh tế - kinh doanh	7460108	

	- Phân tích dữ liệu trong tài chính - Phân tích dữ liệu trong marketing - Phân tích dữ liệu lớn		
31	<u>Ngôn ngữ Anh</u> - Ngôn ngữ - Văn hóa - Biên dịch - Kinh tế - Quản trị - Thương mại - Tiếng Anh truyền thông - Giảng dạy tiếng Anh	7220201	<u>A01 (Toán, Lý, Anh)</u> <u>D01 (Toán, Văn, Anh)</u> <u>D14 (Văn, Sử, Anh)</u> <u>D15 (Văn, Địa, Anh)</u>
32	<u>Quan hệ quốc tế</u> - Nghiệp vụ đối ngoại - Nghiệp vụ báo chí quốc tế - Chính trị quốc tế - Phát triển bền vững	7310206	
33	<u>Ngôn ngữ Nhật (**)</u> - Biên phiên dịch tiếng Nhật - Văn hóa du lịch Nhật Bản - Kinh tế - Thương mại - Giảng dạy tiếng Nhật	7220209	
34	<u>Ngôn ngữ Hàn Quốc</u> - Biên phiên dịch tiếng Hàn - Văn hóa du lịch Hàn Quốc - Kinh tế - Thương mại - Giảng dạy tiếng Hàn	7220210	
35	<u>Ngôn ngữ Trung Quốc</u> - Biên phiên dịch Tiếng Trung - Văn hóa du lịch Trung Quốc - Kinh tế - Thương mại	7220204	
36	<u>Tâm lý học</u> - Tham vấn tâm lý - Tâm lý học kinh tế và truyền thông	7310401	<u>D01 (Toán, Văn, Anh)</u> <u>C00 (Văn, Sử, Địa)</u> <u>D14 (Văn, Sử, Anh)</u> <u>D15 (Văn, Địa, Anh)</u>

(**) Với ngành Ngôn ngữ Nhật, thí sinh có thể sử dụng tiếng Nhật thay cho tiếng Anh để xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12.

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (UEF)

Địa chỉ: 141 - 145 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 7108 5555 - Hotline: 094 998 1717; 091 648 1080

Website: www.uef.edu.vn - Email: tuyensinh@uef.edu.vn

Trích nguồn: <https://www.uef.edu.vn/tin-tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-du-kien-nam-2024-cua-uef-23114>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

MÃ TRƯỜNG: HSU

I. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH DỰ KIẾN NĂM 2024

1. Phương thức xét tuyển trên kết quả Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2024

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Nhà trường công bố khi có điểm thi tốt nghiệp THPT 2024 (theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học.

2. Phương thức xét tuyển trên học bạ Trung học phổ thông

2.1. Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) 3 năm Trung học phổ thông, không tính HK2 của lớp 12

- Điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 10, lớp 11 và HK1 lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định.

- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học.

2.2. Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) 3 năm Trung học phổ thông

- Điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 10, lớp 11 và cả năm lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên (điểm làm tròn đến một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định.

- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học.

2.3. Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) Trung học phổ thông theo tổ hợp 3 môn

- Điểm trung bình cộng (03) ba môn trong tổ hợp đạt từ 6,0 điểm trở lên: Điểm trung bình cả năm lớp 10, lớp 11, HK1 lớp 12 môn 1, điểm trung bình cả năm lớp 10, lớp 11, HK1 lớp 12 môn 2, điểm trung bình cả năm lớp 10, lớp 11, HK1 lớp 12 môn 3 (điểm làm tròn một số thập phân). Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường quy định.

- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học.

3. Phương thức xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Hoa Sen: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có một trong các điều kiện theo yêu cầu của ngành đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường đều có thể nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Một trong các điều kiện chi tiết như sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS (academic) từ 5,5 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 61 điểm trở lên hoặc TOEIC từ 600 điểm trở lên;
- Có bằng Cao đẳng hệ chính quy, nghề trở lên hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Có bằng Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), hệ chính quy, hệ nghề (hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) của cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển;
- Có chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ Khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, NIIT, ARENA, APTECH;
- Đạt giải khuyến khích trở lên của các cuộc thi quốc gia, quốc tế, các cuộc thi năng khiếu ở các lĩnh vực, ngành xét tuyển;
- Tham gia phòng vấn cùng hội đồng ngành do trường Đại học Hoa Sen tổ chức đạt từ 60 điểm trở lên (thang điểm 100).
- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học.

4. Phương thức xét tuyển trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Quốc gia TP.HCM 2024

- Thí sinh phải dự thi và có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2024 đạt từ 600 điểm trở lên (thang điểm 1200) và đạt từ 67 điểm trở lên (thang điểm 150).
- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học.

Lưu ý khác: Đối với thí sinh không đủ điều kiện xét tuyển ở phương thức 2, ưu tiên xét tuyển theo phương thức 1, 3 và 4. Thí sinh có thể chọn nhiều phương thức xét tuyển phù hợp với điều kiện và năng lực cá nhân.

Ngoài ra, Trường tuyển thẳng tất cả thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường năm 2024. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký tuyển thẳng theo quy định tuyển thẳng của Trường.

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Học sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp (người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; đối với người khuyết tật được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận, Hiệu trưởng Trường sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Tùy theo phương thức tuyển sinh của Trường, thí sinh sẽ có thêm yêu cầu về điều kiện tuyển sinh phù hợp cho từng phương thức.

III. CÁC TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN (đối với phương thức 1 & phương thức 2.3)

Trường sử dụng các tổ hợp môn gồm:

- Các môn văn hóa trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2024.
- Trường không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ (*) của thí sinh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT để tính điểm xét tuyển vào Trường.
- Các tổ hợp môn:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh (*) D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (*)	D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp (*) D04: Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung (*) D07: Toán, Tiếng Anh (*), Hóa học D08: Toán, Tiếng Anh (*), Sinh học	D09: Toán, Tiếng Anh (*), Lịch sử D14: Ngữ văn, Tiếng Anh (*), Lịch sử D15: Ngữ văn, Tiếng Anh (*), Địa lý, D28: Toán, Vật lý, Tiếng Nhật (*)
---	--	--

IV. CHI TIẾT VÀ CÁC NGÀNH TUYỂN SINH 2024

STT	NGÀNH BẬC ĐẠI HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D03, D09
2	Marketing	7340115	
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	
4	Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
5	Tài chính – Ngân hàng	7340201	
6	Quản trị nhân lực	7340404	
7	Kế toán	7340301	
8	Quan hệ công chúng	7320108	
9	Thương mại điện tử	7340122	
10	Quản trị khách sạn	7810201	
	Quản trị khách sạn – chương trình Elite	7810201E	
11	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	
	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống – chương trình Elite	7810202E	
12	Quản trị sự kiện	7340412	
13	Kinh tế thể thao	7310113	
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	
15	Quản trị công nghệ truyền thông	7340410	A00, A01, D01, D03, D09
16	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
17	Digital Marketing	7340114	
18	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, D01, D03, D07, D28
19	Luật	7380101	
20	Công nghệ thông tin	7480201	
	Công nghệ thông tin Việt – Nhật	7480201N	A00, A01, D01, D03, D09
21	Kỹ thuật phần mềm	7480103	
22	Trí tuệ nhân tạo	7480107	A01, D01, D09, D14
23	Công nghệ tài chính	7340205	
24	Thiết kế đồ họa	7210403	
25	Thiết kế thời trang	7210404	
26	Thiết kế nội thất	7580108	
27	Nghệ thuật số	7210408	

28	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D09, D14, D15 Nhân hệ số 2 môn tiếng Anh. Điểm thi môn tiếng Anh chưa nhân hệ số đạt từ 5,00 điểm trở lên.
29	Tâm lý học	7310401	A01, D01, D08, D09
30	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	A01, D01, D04, D09

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN
Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Hoa Sen
Địa chỉ: P.001, số 8 Nguyễn Văn Tráng, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Email: tuyensinh@hoasen.edu.vn
Hotline: 0938784628 / 0933485628 / 0933278628 / 0886761628 / 0845661628 / 0797275276

Trích nguồn: <https://www.hoasen.edu.vn/tuyensinh/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-du-kien-2024-truong-dai-hoc-hoa-sen/>

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG CƠ SỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: BVS
1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT); Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

- 2. Phạm vi tuyển sinh**
- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tuyển sinh trên phạm vi cả nước.
 - Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào của Học viện (tại Hà Nội hoặc TP. Hồ Chí Minh) sẽ theo học tại Cơ sở đó.

3. Phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh
Năm 2024, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông áp dụng **các phương thức tuyển sinh (xét tuyển)** như sau:

TT	PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)
1	Xét tuyển thẳng Thí sinh đạt Giải quốc tế, Giải quốc gia, thành viên đội tuyển Olympic quốc tế hoặc đối tượng khác theo Quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Không giới hạn
2	Xét tuyển dựa vào điểm thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Đại học Bách khoa Hà Nội	20% tổng chỉ tiêu
3	Xét tuyển kết hợp Đối với thí sinh có ít nhất một trong các chứng chỉ hoặc thành tích sau: + Chứng chỉ SAT/ACT; + Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế; + Đạt Giải Khuyến khích cấp quốc gia; + Đạt Giải cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương; + Học sinh các trường THPT chuyên hoặc hệ chuyên. Kết hợp với điểm học bạ THPT.	30% tổng chỉ tiêu
4	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	50% tổng chỉ tiêu
	TỔNG CHỈ TIÊU (cho cả 02 Cơ sở đào tạo tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh)	5.200 chỉ tiêu

- 4. Ngành tuyển sinh và đào tạo**
- Năm 2024, Học viện dự kiến tuyển sinh đào tạo 22 ngành, chương trình (*tăng 03 ngành, chương trình so với năm 2023*). Trong đó, dự kiến tuyển sinh mới các ngành, chương trình sau: ngành Quan hệ công chúng, chương trình Thiết kế và phát triển game, chương trình Công nghệ thông tin Việt – Nhật (*Chi tiết như Danh mục kèm theo*).
 - **Các Chương trình chất lượng cao, đặc thù:**
 - Năm 2024, Học viện tiếp tục tuyển sinh đào tạo các **Chương trình chất lượng cao** với nội dung, chất lượng chương trình đào tạo có nhiều ưu việt và lợi thế đối với người học. Cụ thể gồm các chương trình chất lượng cao: Công nghệ thông tin, Marketing số, Kế toán theo chuẩn quốc tế ACCA. Tổng chỉ tiêu dự kiến khoảng **600 chỉ tiêu**.
 - **Các Chương trình liên kết quốc tế** (*Chi tiết như Danh mục kèm theo*)

THÔNG TIN LIÊN HỆ: HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG CƠ SỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: Cơ sở Quận 1: 11 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở Thủ Đức: 97 Man Thiện, phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Website: ptithcm.edu.vn - Fanpage: <https://www.facebook.com/ptithochiminh/>
Hotline: (028) 38279220 – (028) 38226404

Trích nguồn: <https://ptithcm.edu.vn/tuyen-sinh/thong-bao-phuong-thuc-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2024.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

MÃ TRƯỜNG: FPT

I. Ngành đào tạo - mã ngành

KHỐI NGÀNH	NGÀNH	MÃ NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH
III	Quản trị kinh doanh	7340101	Digital Marketing; Kinh doanh quốc tế; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành; Tài chính; Logistic và quản lý chuỗi cung ứng.
V	Công nghệ thông tin	7480201	Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; An toàn thông tin; Thiết kế Mỹ thuật số; Công nghệ ô tô số.
VII	Công nghệ truyền thông	7320106	Truyền thông đa phương tiện; Quan hệ công chúng.
	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh
	Ngôn ngữ Nhật	7220209	Song ngữ Nhật – Anh
	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Song ngữ Hàn – Anh
	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Song ngữ Trung – Anh

II. Đối tượng và Phương thức tuyển sinh

- **Đối tượng tuyển sinh:** Các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương tính đến thời điểm nhập học, có nguyện vọng theo học tại Trường Đại học FPT.

- **Phương thức tuyển sinh**

TT	PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH	ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN
1	Xét kết quả xếp hạng học sinh THPT năm 2024 (chứng nhận thực hiện trên trang https://SchoolRank.fpt.edu.vn)	1.1. Đạt xếp hạng Top 40 theo học bạ THPT năm 2024
		1.2. Ưu tiên cho Thể hệ 1 (*): Đạt xếp hạng Top 50 theo học bạ THPT năm 2024 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn) đối với thí sinh là Thể hệ 1
2	Xét tuyển thẳng	2.1. Thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO năm 2024
		2.2. Có một trong những chỉ sau được tuyển thẳng vào các ngành ngôn ngữ: chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 80 hoặc IELTS (Học thuật) từ 6.0 hoặc VSTEP bậc 4 hoặc quy đổi tương đương; chứng chỉ tiếng Nhật JLPT từ N3 trở lên; chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK cấp độ 4 trong kỳ thi TOPIK II; chứng chỉ tiếng Trung HSK từ cấp độ 4 trở lên
		2.3. Tốt nghiệp phổ thông với văn bằng do nước ngoài cấp
		2.4. Tốt nghiệp một trong các chương trình sau: Chương trình APTECH HDSE/ADSE (đối với ngành Công nghệ thông tin); Chương trình ARENA ADIM (đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số); Chương trình BTEC HND; FUNIX Software Engineering; Chương trình Melbourne Polytechnic
		2.5. Tốt nghiệp Đại học
		2.6. Sinh viên từ nước ngoài về từ các trường đại học thuộc Top 1000 trong 3 bảng xếp hạng gần nhất: QS, ARWU và THE hoặc các trường đạt chứng nhận QS Star 5 sao về chất lượng đào tạo
		2.7. Tốt nghiệp Top 40 Chương trình Phổ thông Cao đẳng (9+) tại FPT Polytechnic; Tốt nghiệp Top 40 Cao đẳng FPT Polytechnic

Ghi chú:

(*) Thể hệ 1: thí sinh là người đầu tiên trong gia đình (gồm phụ huynh hoặc người bảo trợ và tất cả anh chị em ruột) học đại học. Khi đăng ký xét tuyển, thí sinh là Thể hệ 1 cần nộp Đơn đăng ký ưu tiên xét tuyển có xác nhận của nơi làm việc của bố mẹ hoặc địa phương theo mẫu của Trường Đại học FPT.

- **Trình độ tiếng Anh theo yêu cầu:** Thí sinh cần đạt một trong các chứng chỉ tiếng Anh ở các mức điểm chi tiết như sau để đủ điều kiện vào học chuyên ngành:

ĐIỂM CHỨNG CHỈ								
VSTEP	TOEFL PBT	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS Academic	TOEIC (xét cùng lúc 2 chứng chỉ)		PTE Academic	Cambridge English exam (KET, PET, FCE, CAE, CPE)
					L&R	S&W		
Từ Bậc 4 (6.0+/10)	575+	B2+ ~ 542+	60+	6.0+	785+	310+	46+	B2 ~ FCE, C1 ~ CAE, C2 ~ CPE

Lưu ý:

Thí sinh chưa đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu được đăng ký học chương trình tiếng Anh dự bị của trường cho tới khi đủ điều kiện vào học chương trình đào tạo hệ đại học chính quy;

Chứng chỉ để tính quy đổi phải còn hạn (nếu trên chứng chỉ có ghi thời hạn) hoặc có giá trị không quá 2 năm tính đến thời điểm ngày 01/09/2024.

III. Địa điểm văn phòng tư vấn tuyển sinh và thông tin liên hệ hướng dẫn cách thức đăng ký và nộp phí

VĂN PHÒNG TUYỂN SINH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
Hà Nội	Khu Giáo dục và Đào tạo - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Hà Nội	(024)73001866 (024)73005588
TP. Hồ Chí Minh	Lô E2a-7, đường D1 Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	(028)73001866 (028)73005588
TP. Đà Nẵng	Khu Đô thị Công nghệ FPT, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	(0236)7301866 (0236)7300999
TP. Cần Thơ	Số 600 đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, Khu vực 6, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	(0292)7301866 (0292)7303636
TP. Quy Nhơn	Khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Nhơn Bình và phường Đống Đa, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	(0256)7300999 (0256)7301866

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN

MÃ TRƯỜNG: SIU

I. Phương thức xét tuyển

1. XÉT TUYỂN HỌC BẠ BẰNG KẾT QUẢ 3 HỌC KỲ (2 HỌC KỲ LỚP 11 VÀ HỌC KỲ I LỚP 12)

a) ĐỐI VỚI HỌC SINH TỐT NGHIỆP CÁC TRƯỜNG THPT VIỆT NAM:

- Tốt nghiệp THPT;
- Xếp loại hạnh kiểm HK1 lớp 12 từ Khá trở lên.
- Tổng điểm trung bình chung 3 học kỳ (2 HK lớp 11 và HK1 lớp 12) đạt từ 6,0 trở lên
$$\frac{TB\ HK\ 1\ lớp\ 11 + TB\ HK\ 2\ lớp\ 11 + TB\ HK1\ lớp\ 12}{3} = 6.0$$
- Tổng điểm 3 môn tổ hợp xét tuyển HK1 lớp 12 từ 18 điểm trở lên.

b) ĐỐI VỚI HỌC SINH NƯỚC NGOÀI, HỌC SINH VIỆT NAM TỐT NGHIỆP THPT Ở NƯỚC NGOÀI VÀ HỌC SINH HỌC CÁC TRƯỜNG QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT
- Kiểm tra trình độ theo quy định của trường
- Hồ sơ xét tuyển bao gồm:
 - + Dịch thuật, công chứng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bậc phổ thông
 - + Dịch thuật, công chứng kết quả học tập bậc THPT
 - + Các chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ Quốc tế khác (nếu có)

2. XÉT TUYỂN HỌC BẠ LỚP 12

a) ĐỐI VỚI HỌC SINH TỐT NGHIỆP CÁC TRƯỜNG THPT VIỆT NAM:

- Tốt nghiệp THPT;
- Xếp loại hạnh kiểm từ loại Khá trở lên;
- Điểm trung bình cả năm lớp 12 đạt 6.5 trở lên;
- Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt từ 20 điểm trở lên.
- Thời gian xét tuyển: **Đợt 1:** 02/5 - 29/6 - **Đợt 2:** 01/7 - 31/8 - **Đợt 3:** 03/9 - 29/9

b) ĐỐI VỚI HỌC SINH NƯỚC NGOÀI, HỌC SINH VIỆT NAM TỐT NGHIỆP THPT Ở NƯỚC NGOÀI VÀ HỌC SINH HỌC CÁC TRƯỜNG QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT
- Kiểm tra trình độ theo quy định của trường
- Hồ sơ xét tuyển bao gồm:
 - + Dịch thuật, công chứng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bậc phổ thông
 - + Dịch thuật, công chứng kết quả học tập bậc THPT
 - + Các chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ Quốc tế khác (nếu có)

3. XÉT TUYỂN KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐHQG-HCM

a) ĐỐI VỚI HỌC SINH TỐT NGHIỆP CÁC TRƯỜNG THPT VIỆT NAM:

- Tốt nghiệp THPT;
- Đăng ký tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG-HCM và đạt mức điểm SIU công bố;
- Thời gian xét tuyển theo lịch trình tổ chức thi của ĐHQG-HCM.

b) ĐỐI VỚI HỌC SINH NƯỚC NGOÀI, HỌC SINH VIỆT NAM TỐT NGHIỆP THPT Ở NƯỚC NGOÀI VÀ HỌC SINH HỌC CÁC TRƯỜNG QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT
- Kiểm tra trình độ theo quy định của trường
- Hồ sơ xét tuyển bao gồm:
 - + Dịch thuật, công chứng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bậc phổ thông

- + Dịch thuật, công chứng kết quả học tập bậc THPT
- + Các chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ Quốc tế khác (nếu có)

4. XÉT TUYỂN KẾT QUẢ THI THPT

a) ĐỐI VỚI HỌC SINH TỐT NGHIỆP CÁC TRƯỜNG THPT VIỆT NAM:

- Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT 2024, đạt mức điểm tổ hợp 3 môn do SIU công bố sau khi có kết quả thi.
- Thí sinh đăng ký và thực hiện hồ sơ, lịch trình tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) ĐỐI VỚI HỌC SINH NƯỚC NGOÀI, HỌC SINH VIỆT NAM TỐT NGHIỆP THPT Ở NƯỚC NGOÀI VÀ HỌC SINH HỌC CÁC TRƯỜNG QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT
- Kiểm tra trình độ theo quy định của trường
- Hồ sơ xét tuyển bao gồm:
 - + Dịch thuật, công chứng giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bậc phổ thông
 - + Dịch thuật, công chứng kết quả học tập bậc THPT
 - + Các chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ Quốc tế khác (nếu có)

II. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH, TỔ HỢP XÉT TUYỂN 2024 NHƯ SAU: (* Ngành học mới tuyển sinh 2024)

STT	NGÀNH CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Truyền thông đa phương tiện*	7320104	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa).
2	Quan hệ công chúng*	7320108	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa).
3	Công nghệ thông tin* , gồm các chuyên ngành: + Công nghệ thông tin + Công nghệ thông tin y tế + Thiết kế vi mạch + Thiết kế đồ họa	7480201	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), D07 (Toán, Hóa, Anh).
4	Công nghệ giáo dục*	7140103	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), D07 (Toán, Hóa, Anh).
5	Luật kinh tế chuyên ngành: + Luật kinh tế quốc tế	7380107	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa).
6	Khoa học máy tính gồm chuyên ngành: + Trí tuệ nhân tạo + Hệ thống dữ liệu lớn + Kỹ thuật phần mềm + Mạng máy tính & An ninh thông tin	7480101	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), D07 (Toán, Hóa, Anh).
7	Quản trị kinh doanh gồm chuyên ngành: + Quản trị kinh doanh + Thương mại quốc tế + Quản trị du lịch + Kinh tế đối ngoại + Marketing số + Kinh doanh số	7340101	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), A07 (Toán, Sử, Địa), D01 (Toán, Văn, Anh).
8	Thương mại điện tử	7340122	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), A07 (Toán, Sử, Địa), D01 (Toán, Văn, Anh).
9	Ngôn ngữ Anh gồm chuyên ngành: + Tiếng Anh giảng dạy, + Tiếng Anh thương mại	7220201	D01 (Toán, Văn, Anh), D11 (Văn, Lý, Anh), D12 (Văn, Hóa, Anh), D15 (Văn, Địa, Anh).
10	Kế toán gồm chuyên ngành: + Kế toán - kiểm toán, + Kế toán doanh nghiệp	7340301	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), C01 (Toán, Văn, Lý), D01 (Toán, Văn, Anh).
11	Quản trị khách sạn	7810201	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), A07 (Toán, Sử, Địa),

			D01 (Toán, Văn, Anh).
12	Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), A07 (Toán, Sử, Địa), D01 (Toán, Văn, Anh).
13	Tâm lý học chuyên ngành: + Tâm lý học tham vấn & trị liệu	7310401	D01 (Toán, Văn, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa), D14 (Văn, Sử, Anh), D15 (Văn, Địa, Anh).
14	Đông phương học gồm chuyên ngành: + Nhật Bản học + Hàn Quốc học + Trung Quốc học	7310608	A01 (Toán, Lý, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa), D01 (Toán, Văn, Anh), D04 (Toán, Văn, tiếng Trung)

THÔNG TIN LIÊN HỆ: PHÒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỰ THỰC QUỐC TẾ SÀI GÒN

SAIGON INTERNATIONAL UNIVERSITY (SIU) THAODIEN CAMPUS

Lewis Hall: 8C Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Eliot Hall: 7, 9 Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
McCarthy Hall: 10 Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Fleming Hall: 16 Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Đồng A Hall: 18 Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
11 Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
226A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.36203932 - Hotline (Zalo): 0386.809.521 (giải đáp thắc mắc tuyển sinh 24/24) - Email: admission@siu.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.siu.edu.vn/ThongTinTuyenSinh/thong-tin-tuyen-sinh-2024.aspx>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: UMT

I. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. **Phương thức 1:** Xét kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2024
- Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển: Tổng điểm 3 môn xét tuyển theo kết quả của kỳ thi Tốt nghiệp THPT đạt mức ngưỡng đầu vào đại học do UMT quy định trở lên.
2. **Phương thức 2:** Xét kết quả học tập THPT (học bạ)
- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập 5 học kỳ: Điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 điểm trở lên cho tất cả các ngành (làm tròn một số thập phân).
 - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập 3 năm THPT: Điểm trung bình cộng các môn học trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ 6.0 điểm trở lên cho tất cả các ngành.
 - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp 3 môn xét tuyển: Điểm trung bình cộng cả năm lớp 12 theo tổ hợp 3 môn xét tuyển đạt từ 6.0 điểm trở lên.
 - Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 học kỳ: Điểm trung bình cộng các môn học trong cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 điểm trở lên cho tất cả các ngành.
3. **Phương thức 3:** Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường UMT
- Điều kiện nhận hồ sơ: Thí sinh đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành và của Trường đều có thể nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Một trong các điều kiện chi tiết như sau: Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển, đạt giải Khuyến khích trở lên trong các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/TP...
4. **Phương thức 4:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024
- Điều kiện nhận hồ sơ: Thí sinh có kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024 đạt từ 600 điểm trở lên (thang điểm 1.200).
5. **Phương thức 5:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

II. NGÀNH ĐÀO TẠO

NGÀNH	MÃ NGÀNH	MÃ TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1. Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D03, D07
2. Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, C00, D01, D03
3. Thiết kế đồ họa	7210403	A00, A01, D01, D03, H01
4. Marketing	7340115	A00, A01, C00, D01, D03
5. Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C00, D01, D03
6. Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D03, D07
7. Kinh doanh quốc tế	7340120	A00, A01, C00, D01, D03
8. Quản lý thể dục thể thao	7810301	A01, B04, B08, D01, D03

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: Đường 60CL, Khu đô thị Cát Lái, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng Tư vấn Tuyển sinh: Tòa nhà Sáng tạo, đường 60CL, khu đô thị Cát Lái, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 28 3636 9119
Email: tuyensinh@umt.edu.vn - Website: www.umt.edu.vn - Fanpage: UMT - Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM

Trích nguồn: <https://tuyensinh.umt.edu.vn/vi-vn/truong-dai-hoc-quan-ly-va-cong-nghe-tp-hcm-umt-thong-bao-de-an-tuyen-sinh-nam-2024.html>

HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

MÃ TRƯỜNG: HHK

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

2. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh (DỰ KIẾN):

- **Phương thức 01: xét tuyển sớm (XTS), trong đó bao gồm 05 phương thức xét tuyển chi tiết:**

- + Phương thức 1.1: ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi (HSG);
- + Phương thức 1.2: ưu tiên xét tuyển theo chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS);
- + Phương thức 1.3: xét tuyển theo kết quả kì thi Đánh giá năng lực Đại học quốc gia (ĐGNL), bao gồm cả ĐHQG-HCM và ĐHQG-Hà Nội;
- + Phương thức 1.4: xét tuyển theo kết quả học tập Trung học phổ thông (HB);
- + Phương thức 1.5: Tuyển thẳng (TT).

- **Phương thức 02: xét tuyển theo kết quả kì thi Trung học phổ thông Quốc gia (THPT);**

4. Tên ngành, mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển:

TT	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN DỰ KIẾN 2024	
				THPT	HỌC BẠ
1	Quản trị kinh doanh CN: Quản trị kinh doanh vận tải hàng không; CN: Quản trị kinh doanh cảng hàng không; CN: Quản trị an ninh hàng không; CN: Quản trị kinh doanh quốc tế; CN: Quản trị kinh doanh tổng hợp.	7340101	520	A01: Toán, Lý, Anh D01: Toán, Văn, Anh D14: Văn, Sử, Anh D15: Văn, Địa, Anh	
	Quản trị kinh doanh – Chương trình học bằng Tiếng Anh CN: Quản trị kinh doanh hàng không	7340101E	100		
2	Quản trị nhân lực	7340404	270		
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành CN: Quản trị lữ hành; CN: Quản trị nhà hàng khách sạn;	7810103	280		
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành CN: Quản trị dịch vụ thương mại hàng không.	7810103T	120		
4	Kinh tế vận tải - Chương trình học bằng Tiếng Anh CN: Logistics và vận tải đa phương thức	7840104E	60		
	Kinh tế vận tải – CN: Kinh tế hàng không	7840104K	70		
	Kinh tế vận tải CN1: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng CN2: Logistics và vận tải đa phương thức	7840104L	190		
5	Ngôn ngữ Anh CN: Tiếng Anh hàng không; CN: Tiếng Anh du lịch; CN: Tiếng Anh thương mại.	7220201	540		
6	Công nghệ thông tin	7480201	540		
7	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - CN: Xây dựng và phát triển cảng HK	7510102X	60		
	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - CN: Quản lý và khai thác cảng HK	7510102Q	60		
8	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	120		
9	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	150		
10	Kỹ thuật hàng không - Chương trình học Tiếng Anh	7520120E	70		
	Kỹ thuật hàng không	7520120	130		
11	Quản lý hoạt động bay - Chương trình học Tiếng Anh CN: Quản lý và khai thác bay	7840102E	70	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh D01: Toán, Văn, Anh D07: Toán, Hóa, Anh	
	Quản lý hoạt động bay	7840102	130		
12	Kinh doanh quốc tế*	7340120	70		
TỔNG CHỈ TIÊU			3530		

THÔNG TIN LIÊN HỆ: HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: số 104 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838424762 - Email: tuyensinh@vaa.edu.vn / bantuyensinh@vaa.edu.vn / bophantuyensinh@vaa.edu.vn

Trích nguồn: <https://vaa.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

MÃ TRƯỜNG: DVH

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

- Xét theo kết quả học bạ THPT
- Xét theo kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2024
- Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức
- Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Xét theo kỳ thi riêng đối với ngành Thanh nhạc, ngành Piano và ngành Công nghệ điện ảnh, truyền hình

NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Khoa học máy tính	7480101	A00: Toán, Lý, Hóa
2	Công nghệ thông tin	7480201	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh
3	Truyền thông đa phương tiện	7320104	D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
4	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	C01: Toán, Lý, Văn
5	Luật	7380101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
6	Kinh tế	7310101	
7	Kế toán	7340301	
8	Kiểm toán (*)	7340302	
9	Marketing	7340115	
10	Thương mại điện tử	7340122	
11	Quản trị kinh doanh	7340101	
12	Quản trị nhân lực (*)	7340404	
13	Tài chính - Ngân hàng	7340201	
14	Kinh doanh thương mại	7340121	
15	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00: Toán, Lý, Hóa A02: Toán, Lý, Sinh B00: Toán, Hóa, Sinh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
16	Kỹ thuật môi trường	7520320	
17	Công nghệ sinh học	7420201	
18	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
19	Du lịch	7810101	
20	Quản trị khách sạn	7810201	
21	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
22	Công nghệ tài chính	7340205	
23	Điều dưỡng	7720301	
24	Dược học (*)	7720201	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
25	Xã hội học	7310301	
26	Tâm lý học	7310401	
27	Văn học	7229030	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
28	Việt Nam học	7310630	
29	Quan hệ công chúng	7320108	
30	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
31	Ngôn ngữ Pháp	7220203	
32	Ngôn ngữ Nhật	7220209	
33	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	
34	Đông phương học	7310608	N00: Xét tuyển môn Văn và thi tuyển môn cơ sở ngành và chuyên ngành
35	Piano	7210208	
36	Thanh nhạc	7210205	
37	Công nghệ điện ảnh, truyền hình (*)	7340302	

38	Chương trình Liên kết Quốc tế Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
39	Quan hệ Quốc tế (*)	7310206	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
Trụ sở chính: 613 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở: 642 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở: 8 - 14 Nguyễn Bá Tuyển, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở: 2A2 Quốc lộ 1A, phường Thạnh Xuân, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 1800 1568 - Email: info@vhu.edu.vn - Website: www.vhu.edu.vn

Trích nguồn: <https://sotay.vhu.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÃ TRƯỜNG: DHV
I. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024;
- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

II. PHẠM VI TUYỂN SINH: Cả nước
III. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN VÀ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỒ SƠ:

- Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh xét tuyển theo bốn phương thức:
- Từ kết quả thi THPT năm 2024
 - Điểm trung bình chung của năm học lớp 12 (học kỳ 1 hoặc cả năm)
 - Từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2024 của ĐHQG-HCM
 - Kết quả học tập trung cấp

NGÀNH TUYỂN: Chỉ tiêu (dự kiến): 1.440

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Tài chính – Ngân hàng	7340201
2	Kế toán	7340301
3	Quản trị kinh doanh	7340101
4	Ngôn ngữ Anh	7220201
5	Ngôn ngữ Nhật	7220209
6	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
7	Công nghệ Thông tin	7480201
8	Quản lý Bệnh viện	7720802
9	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	7810103
10	Marketing	7340115
11	Luật	7380101
12	Thương mại Điện tử	7340122
13	Quản trị Khách sạn	7810201

NGÀNH MỚI DỰ KIẾN MỞ NĂM 2024:

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Kinh doanh Quốc tế	7340120
2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210
3	Công nghệ Tài chính (Fintech)	7340205
4	Tài chính Quốc tế	7340206
5	Hệ thống nhúng và IOT	7480118
6	Tâm lý học	7310401
7	Luật Kinh tế	7380107
8	Luật Quốc tế	7380108
9	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605
10	Điều dưỡng	7720301

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 736 Nguyễn Trãi, Phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 71 000 888 - Điện thoại di động: 0888 158 001

Trích nguồn: <https://dhv.edu.vn/news-event/news/thong-bao-nhan-ho-so-xet-tuyen-som-trinh-do-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

MÃ TRƯỜNG: SGD

Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

I. Phương thức tuyển sinh: Ngoài xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sài Gòn tuyển sinh theo 03 phương thức như sau:

- **Phương thức 1 (chiếm tỉ lệ tối đa 15% chỉ tiêu theo ngành):** Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 (ĐGNL) đối với các ngành không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên.

- **Phương thức 2 (chiếm tỉ lệ tối đa 15% chỉ tiêu theo ngành):** Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính năm 2024 (Kì thi V-SAT) đối với các ngành không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên. Riêng môn Ngữ văn trong các tổ hợp xét tuyển (nếu có), điểm xét tuyển được lấy từ kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024.

- **Phương thức 3 (chiếm tỉ lệ tối thiểu 70% chỉ tiêu theo ngành):** Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 (THPT), trong đó: + Sử dụng kết quả thi các chứng chỉ Tiếng Anh: IELTS, TOEFL, TOEIC, Linguaskill, Aptis, VSTEP quy đổi thành điểm xét tuyển môn Tiếng Anh có trong các tổ hợp xét tuyển. Các chứng chỉ Tiếng Anh dùng để quy đổi phải được cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày 30/6/2024 và do các đơn vị được Bộ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO cấp phép tổ chức thi.

II. Ngành đào tạo

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	KHỐI XÉT TUYỂN 1		KHỐI XÉT TUYỂN 2		CHỈ TIÊU
			MÃ KHỐI	MÔN CHÍNH	MÃ KHỐI	MÔN CHÍNH	
1	7140114	Quản lý giáo dục	D01		C04		45
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	Anh			310
3	7220201CLC	Ngôn ngữ Anh (Chương trình Chất lượng cao)	D01	Anh			50
4	7310401	Tâm lí học	D01				110
5	7310601	Quốc tế học	D01	Anh			90
6	7310630	Việt Nam học	D01				160
7	7320201	Thông tin - Thư viện	D01		C04		50
8	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	Toán	A01	Toán	410
9	7340101CLC	Quản trị kinh doanh (Chương trình Chất lượng cao)	D01	Toán	A01	Toán	50
10	7340120	Kinh doanh quốc tế	D01	Toán	A01	Toán	180
11	7340201	Tài chính - Ngân hàng	D01	Toán	C01	Toán	500
12	7340301	Kế toán	D01	Toán	C01	Toán	410
13	7340301CLC	Kế toán (Chương trình Chất lượng cao)	D01	Toán	C01	Toán	50
14	7340302	Kiểm toán (ngành mới)	D01	Toán	C01	Toán	60
15	7340406	Quản trị văn phòng	D01	Văn	C04	Văn	70
16	7380101	Luật	D01		C03		210
17	7440301	Khoa học môi trường	A00		B00		40
18	7460108	Khoa học dữ liệu	A00	Toán	B00	Toán	80
19	7460112	Toán ứng dụng	A00	Toán	B00	Toán	90
20	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00	Toán	B00	Toán	100
21	7480107	Trí tuệ nhân tạo (ngành mới)	A00	Toán	A01	Toán	80
22	7480201	Công nghệ thông tin	A00	Toán	A01	Toán	400
23	7480201CLC	Công nghệ thông tin (Chương trình Chất lượng cao)	A00	Toán	A01	Toán	350
24	7510301	Công nghệ kĩ thuật điện tử, điện tử	A00		A01		50
25	7510302	Công nghệ kĩ thuật điện tử - viễn thông	A00		A01		50
26	7510406	Công nghệ kĩ thuật môi trường	A00		B00		30
27	7520201	Kĩ thuật điện	A00		A01		40
28	7520207	Kĩ thuật điện tử - viễn thông (Thiết kế vi mạch)	A00		A01		40
29	7810101	Du lịch	D01		C00		150
30	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	D01		A01		60
31	7140201	Giáo dục Mầm non	M01		M02		180
32	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01				180
33	7140205	Giáo dục Chính trị	C00		C19		30
34	7140209	Sư phạm Toán học	A00	Toán	A01	Toán	50
35	7140211	Sư phạm Vật lý	A00	Lí			40
36	7140212	Sư phạm Hóa học	A00	Hóa			30
37	7140213	Sư phạm Sinh học	B00	Sinh			40
38	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	Văn			50
39	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00	Sử			40
40	7140219	Sư phạm Địa lý	C00	Địa	C04	Địa	40
41	7140221	Sư phạm Âm nhạc	N01				40
42	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	H00				40
43	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01	Anh			150

44	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên (đào tạo giáo viên THCS)	A00		B00		40
45	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý (đào tạo giáo viên THCS)	C00				40
TỔNG							5305

Mã tổ hợp và môn xét tuyển

A00	Toán, Vật lí, Hóa học	C04	Toán, Ngữ văn, Địa lí
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	H00	Ngữ văn, Hình họa, Trang trí
C01	Toán, Ngữ văn, Vật lí	M01	Ngữ văn, Kể chuyện - Đọc diễn cảm, Hát
C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	M02	Toán, Kể chuyện - Đọc diễn cảm, Hát
		N01	Ngữ văn, Hát - Nhạc cụ, Xướng âm - Thẩm âm, Tiết tấu

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Cơ sở chính: 273 An Dương Vương, phường 3, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 1: 105 Bà Huyện Thanh Quan, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 2: 04 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trang thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.sgu.edu.vn>;
Email tuyển sinh: tuyensinh@sgu.edu.vn;
Điện thoại hỗ trợ tuyển sinh: 028.38352309, 028.38338975;
Trang mạng xã hội Trường: <https://www.facebook.com/TruongDaihocSaiGon.SGU>

Trích nguồn: <https://tuyensinh.sgu.edu.vn/web/index.php/tuyen-sinh/thong-tin-de-an-tuyen-sinh/thong-tin-tuyen-sinh-nam-2024-du-kien>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH

MÃ TRƯỜNG: GDU

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc
3. Phương thức tuyển sinh: Năm 2024 Trường Đại học Gia Định tuyển sinh trình độ đại học chính quy theo 03 phương thức xét tuyển:
- 3.1 Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ (lớp 11 và lớp 12)
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT trong học bạ (Chương trình Đại trà)
 - ĐTB HK1 lớp 11 + ĐTB HK2 lớp 11 + ĐTB HK1 lớp 12 ≥ 16.5 điểm
- 3.2 Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024
- 3.3 Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM
4. Các ngành đào tạo đại học chính quy năm 2024

TT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Công nghệ thông tin	7480201	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
2	Kỹ thuật phần mềm	7480103	
3	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	
4	Quản trị kinh doanh	7340101	
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
6	Kế toán	7340301	
7	Marketing	7340115	
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	
9	Luật	7380101	
10	Đồng phương học	7310608	
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
12	Kinh doanh quốc tế	7340120	
13	Quản trị khách sạn	7810201	
14	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
15	Thương mại điện tử	7340122	
16	Quan hệ công chúng	7320108	
17	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH

Trụ sở chính: 371 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Website: <http://giadinh.edu.vn> - Facebook: www.facebook.com/TruongDaihocGiaDinh
Tổng đài tư vấn Hướng nghiệp và Tuyển sinh: 0961.12.10.18 - 0962.12.10.18 0862.12.10.18 - 028.7301.3456

Trích nguồn: <https://giadinh.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh-he-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024>

TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHÍNH QUY 2024

f 0962 108 879



ISO 9001 : 2015

TDC

CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

Trường CÔNG LẬP trực thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh



TDC VIEWS 360°

CAO ĐẲNG

2,5 năm (5 học kỳ)

ĐK: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Truyền thông và mạng máy tính	Tiếng Anh
Công nghệ thông tin	Tiếng Nhật
Thiết kế đồ họa	Tiếng Hàn Quốc
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Tiếng Trung Quốc
Chế tạo thiết bị cơ khí	Kế toán tin học
Công nghệ kỹ thuật ô tô	Kế toán
Điện công nghiệp	Tài chính - Ngân hàng
Điện tử công nghiệp	Logistics
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Marketing
Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Kinh doanh thương mại
Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Quản lý siêu thị
Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	Quản trị kinh doanh
Tự động hóa công nghiệp	Quản trị nhà hàng
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Quản trị khách sạn
Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

[TĐ] Ngành có 2 chương trình:

- Chương trình thông thường
- Chương trình gắn kết với doanh nghiệp và trường cao đẳng Nhật Bản

[TĐ] Ngành mới

[TĐ] Đào tạo ban ngày & buổi tối

[TĐ] Ngành đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

TRUNG CẤP

2 năm (4 học kỳ)

ĐK: Tốt nghiệp THCS trở lên

• Hoàn trả 100% học phí GDNN cho thí sinh tốt nghiệp THCS

Kế toán doanh nghiệp	Bảo trì và sửa chữa ô tô
Quản lý và bán hàng siêu thị	Điện công nghiệp và dân dụng
Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Công nghệ kỹ thuật cơ khí

[TĐ] Chỉ đào tạo buổi tối

[TĐ] Đào tạo theo Dự án Hat giống hệt công của Viện Hợp tác và Phát triển châu Âu (IECD)

[TĐ] Có liên thông cao đẳng tại TDC

Follow Fanpage Tuyển sinh



HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH

Bước 1: Đăng ký trực tuyến tại:

<http://tuyensinh.tdc.edu.vn>



Bước 2: Nộp hồ sơ nhập học:

Trực tiếp tại TDC

hoặc Gửi hồ sơ qua bưu điện

Thời gian đăng ký:

Từ 01/03/2024

Khai giảng (dự kiến):

16/09/2024

HỒ SƠ NHẬP HỌC

- 1 Bản sao (công chứng) ————— Bảng tốt nghiệp GCN tốt nghiệp tạm thời 2024
- 1 Bản sao (công chứng) ————— Học bạ
- 1 Bản sao ————— Căn cước công dân
- 1 Giấy ————— Khám sức khỏe
- 2 Tấm ————— Hình 3x4
- 1 Giấy ————— Báo nhập học



53 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

028 6676 9623 • 028 3897 0023 • 028 3897 2339

0962 108 879

tuyensinh@tdc.edu.vn tuyensinh.tdc.edu.vn

TDC Luận đổi mới
để phát triển

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

MÃ TRƯỜNG: TTU

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Đối tượng 1 (ĐT1): Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Đối tượng 2 (ĐT2): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc tương đương (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên)
- Đối tượng 3 (ĐT3): Thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của TTU, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối tượng 4 (ĐT4): Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức đợt năm 2024, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Phạm vi tuyển sinh: TTU tuyển sinh trong cả nước

3. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024
- Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2024 của ĐHQG-HCM
- Phương thức 4: Xét tuyển bằng điểm học bạ THPT:
 - + Hình thức 1: Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 05 học kỳ (HK1, HK2 Lớp 10, HK1, HK2 Lớp 11 và HK1 Lớp 12) (ngoại trừ ngành Y Khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học);
 - + Hình thức 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 theo các tổ hợp 3 môn theo quy định tổ hợp môn của TTU (Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào nhóm ngành Sức khỏe, thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD & ĐT và không bắt buộc đăng ký xét tổ hợp môn);

4. Chi tiêu tuyển sinh

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP MÔN
1	Y khoa (Bác sĩ Đa khoa)	7720101	110	A02, B00, B03, B08
2	Điều dưỡng	7720301	30	A02, B00, B03, B08
3	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	7720601	30	A02, B00, B03, B08
4	Quản trị kinh doanh	7340101	60	A00, A01, D01, D07
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	40	A00, A01, D01, D07
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	30	A00, A01, D01, D07
7	Kế toán	7340301	40	A00, A01, D01, D07
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	60	A01, D01, D07, D08
9	Khoa học máy tính	7480101	40	A00, A01, D01, D07
10	Công nghệ sinh học	7420201	40	A02, B00, B03, B08

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Địa chỉ: Đại lộ Đại học Tân Tạo, E.City Tân Đức, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
Điện thoại: (+84) 272 377 5995 - (+84) 0981 152 153 - Hotline 0981 152 153 - Website của trường: www.ttu.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/ttts>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN

MÃ TRƯỜNG: DLA

1. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT.
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT
- Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM
- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng

2. Các ngành đào tạo

NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
Kế toán	7340301	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Địa lý, Giáo dục công dân Ngữ văn, Toán, Hóa học Toán, Địa lý, Tiếng Anh
Quản trị Kinh doanh	7340101	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân
Tài chính - Ngân hàng	7340201	Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Giáo dục công dân Ngữ văn, Hóa học, Sinh học

Luật Kinh tế	7380107	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Địa lý Ngữ văn, Vật lý, Hóa học
Công nghệ thông tin	7480201	Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân Toán, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Vật lý
Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Sinh học Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Ngữ văn
Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN
 Trụ sở chính: 938, Quốc lộ 1, phường Khánh Hậu, TP. Tân An, tỉnh Long An
 VPĐD: Số 13 đường số 8 Lý Phục Man, phường Bình Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 02723.513.668 - 0917.241.544

Trích nguồn: <https://tuyensinh.daihoclongan.edu.vn/dh-chinh-quy/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

MÃ TRƯỜNG: VLU
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 2.840
1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- 1.1. Phương thức 1:**
- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi THPT năm 2024
 - Xét tuyển từ kết quả thi THPT các năm trước
- Chỉ tiêu xét tuyển cho phương thức này từ 25% đến 30%
- 1.2. Phương thức 2:** Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (theo học bạ)
- Chỉ tiêu cho phương thức này từ 55% đến 60%
- 1.3. Phương thức 3:** Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng
- Chỉ tiêu cho phương thức này từ 15% đến 20%
- 1.4. Phương thức 4:** Xét tuyển của kỳ thi đánh giá năng lực
- Chỉ tiêu cho phương thức này từ 5% đến 10%

2. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình đại trà

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP XÉT TUYỂN MÃ TỔ HỢP
1	Kinh tế	7310101	200	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Kế toán			
	- Quản trị kinh doanh			
	- Tài chính - Ngân hàng			
2	Truyền thông đa phương tiện	7320104	50	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	30	
4	Thương mại điện tử	7340122	30	
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	40	
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	40	
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202	40	
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	100	
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	100	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông			

	- Kỹ thuật điện			
10	Công nghệ thông tin			
	- Mạng máy tính và Truyền thông			
	- Internet of Things - IoT	7480201	220	
	- An toàn thông tin			
	- Điện toán đám mây			
11	Khoa học máy tính			
	- Trí tuệ nhân tạo	7480101	25	
	- Khoa học dữ liệu			
12	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	40	
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	350	
14	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	120	
15	Kỹ thuật ô tô Công nghệ kỹ thuật ô tô điện	7520130	100	
16	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh)	7510206	70	
17	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	30	
18	Công nghệ kỹ thuật giao thông (<i>chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường</i>)	7510104	20	
19	Thiết kế vi mạch	Thí điểm	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00)
20	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209	25	(2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)
21	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7489001	25	(3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)
22	Công nghệ thực phẩm	7540101	110	(4) Toán, Văn, Địa (C04)
23	Thú y	7640101	160	
24	Công nghệ sinh học			
	- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao	7420201	20	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00)
	- Công nghệ sinh học trong thực phẩm			(2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)
	- Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh			(3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)
25	Kỹ thuật hóa học			(4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Kỹ thuật hóa môi trường	7520301	20	
	- Kỹ thuật hóa dược			
26	Giáo dục học	7140101	25	
27	Công tác xã hội	7760101	30	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)
28	Du lịch	7810101	70	(2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)
29	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	60	(3) Văn, Sử, Địa (C00)
30	Luật	7380101	55	(4) Văn, Sử, GD CD (C19)
31	Sư phạm công nghệ	7140246	20	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)
				(2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)
				(3) Toán, Văn, Địa (C04)
				(4) Toán, Văn, GD CD (C14)
TỔNG CỘNG			2250	

3. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình đào tạo kỹ sư làm việc Nhật Bản

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP XÉT TUYỂN/ MÃ TỔ HỢP
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00)
2	Công nghệ kỹ thuật giao thông (<i>chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường</i>)	7510104_NB	25	(2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)
				(3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)
				(4) Toán, Văn, Địa (C04)
3	Công nghệ sinh học			
	- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao	7420201_NB	25	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00)
	- Công nghệ sinh học trong thực phẩm			(2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)
	- Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh			(3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)
				(4) Toán, Văn, Địa (C04)
4	Công nghệ thực phẩm	7540101_NB	25	
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00)

6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303_NB	25	(2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202_NB	25	
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_NB	45	
9	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_NB	25	
10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_NB	70	
TỔNG CỘNG			315	

4. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình chất lượng cao (liên kết quốc tế 2+2 với Trường Đại học TONGMYONG-Hàn Quốc)

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP XÉT TUYỂN/ MÃ TỔ HỢP
1	Kinh tế	7310101_CLC	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Kế toán			
	- Quản trị kinh doanh			
	- Tài chính - Ngân hàng			
2	Khoa học máy tính	7480101_CLC	25	
	- Trí tuệ nhân tạo			
	- Khoa học dữ liệu			
3	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303_CLC	20	
4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203_CLC	25	
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_CLC	25	
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_CLC	20	
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_CLC	25	
8	Công nghệ thông tin	7480201_CLC	25	
	- Mạng máy tính và Truyền thông			
	- Internet of Things - IoT			
	- An toàn thông tin			
	- Điện toán đám mây			
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_CLC	25	
10	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605_CLC	20	
11	Công nghệ thực phẩm	7540101_CLC	20	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
12	Du lịch	7810101_CLC	20	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Văn, Sử, Địa (C00) (4) Văn, Sử, GDCD (C19)
TỔNG CỘNG			275	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Địa chỉ: 73 Nguyễn Huệ, phường 2, TP. Vĩnh Long
Điện thoại: 02703 822 141 - Email: spktvl@vlute.edu.vn

Trích nguồn: <http://vlute.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-nam-2024/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

MÃ TRƯỜNG: MTU

1. Đối tượng và phạm vi tuyển sinh

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Tuyển sinh trong cả nước.

2. Phương thức xét tuyển

- Phương thức 1 (Mã 100): Xét kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2024.
- Phương thức 2 (Mã 200): Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ).
- Phương thức 3 (Mã 402): Xét kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM

- Phương thức 4 (Mã 405): Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (hình thức này áp dụng cho các ngành Kiến trúc).

- Phương thức 5 (Mã 406): Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu (hình thức này áp dụng cho các ngành Kiến trúc).

3. Ngành đào tạo/Tổ hợp xét tuyển Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	TÊN NGÀNH CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	MÃ TỔ HỢP	CHỈ TIÊU (DỰ KIẾN)
Ngành Kỹ thuật xây dựng		7580201	A00, A01, B00, D01	280
1	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Kỹ sư)	7580201-1		
2	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Cử nhân)	7580201-2		
3	Chuyên ngành Công nghệ thi công và An toàn lao động (Kỹ sư)	7580201-3		
4	Chuyên ngành Công trình ngầm đô thị (Kỹ sư)	7580201-4		
Ngành Kiến trúc		7580101	V00, V01, V02, V03	100
5	Chuyên ngành kiến trúc Công trình (Kiến trúc sư)	7580101-1		
6	Chuyên ngành kiến trúc Đồ họa (Kiến trúc sư)	7580101-2		
7	Chuyên ngành kiến trúc Nội thất (Kiến trúc sư)	7580101-3		
8	Chuyên ngành kiến trúc Cảnh quan (Kiến trúc sư)	7580101-4		
Ngành Kỹ thuật XD công trình Giao thông		7580205	A00, A01, B00, D01	50
9	Chuyên ngành Xây dựng Cầu đường (Kỹ sư)	7580205-1		
10	Chuyên ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Kỹ sư)	7580205-2		
Kỹ thuật môi trường		7520320	A00, A01, B00, D01	25
11	Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường (Kỹ sư)	7520320-1		
12	Chuyên ngành Công nghệ môi trường và Quản lý tài nguyên đất đai (Kỹ sư)	7520320-2		
13	Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước (Kỹ sư)	7580213	A00, A01, B00, D01	25
Ngành Kế toán		7340301	A00, A01, D14, D15	40
14	Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp (Cử nhân)	7340301-1		
15	Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp - Xây dựng (Cử nhân)	7340301-2		
Ngành Công nghệ thông tin		7480103	A00, A01, D01, D07	40
16	Chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm (Kỹ sư)	7480103-1		
17	Chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý (kỹ sư)	7480103-2		
Ngành Quản lý đô thị và công trình (Kỹ sư)		7580106	A00, A01, B00, D01	40
18	Chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình (Kỹ sư)	7580106-1		
19	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý bất động sản (Kỹ sư)	7580106-2		
CỘNG				600

Ghi chú mã tổ hợp xét tuyển

Mã TH	Tổ Hợp Môn	Mã TH	Tổ Hợp Môn
A00	Toán - Vật lý - Hóa Học	D15	Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh
A01	Toán - Vật lý - Tiếng Anh	V00	Toán - Vật lý- Vẽ Mỹ thuật
B00	Toán - Hóa học - Sinh học	V01	Toán - Ngữ văn - Vẽ Mỹ thuật
D01	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh	V02	Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật
D07	Toán - Hóa học - Tiếng Anh	V03	Toán - Hóa học- Vẽ Mỹ thuật
D14	Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh		

THÔNG TIN LÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

Địa chỉ: Số 20B Phó Cơ Điều, phường 3, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại: (0270) 3 825 903 - Zalo: 0914 79 23 80
Email: tuyensinh@mtu.edu.vn - Website: www.mtu.edu.vn
Facebook: www.facebook.com/mtu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

MÃ TRƯỜNG: TCT

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: 10.060

1. CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN (CTTT), DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO (CLC)

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG THỨC 1, 2, 3, 5		PHƯƠNG THỨC 6	
			Học bạ, Thi THPT	V-SAT	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP
7480103C	Kỹ thuật phần mềm (CTCLC)	80	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7420201T	Công nghệ sinh học (CTTT)	40	A01, B08, D07	A01, B08, D07	40	A00, A01, B00, B08, D07
7620301T	Nuôi trồng thủy sản (CTTT)	40	A01, B08, D07	A01, B08, D07	40	A00, A01, B00, B08, D07
7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CTCLC)	40	A01, B08, D07	A01, B08, D07	40	A00, A01, B00, B08, D07
7540101C	Công nghệ thực phẩm (CTCLC)	80	A01, B08, D07	A01, B08, D07	40	A00, A01, B00, B08, D07
7580201C	Kỹ thuật xây dựng (CTCLC)	40	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7520201C	Kỹ thuật điện (CTCLC)	40	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7520216C	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (CTCLC)	40	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7480201C	Công nghệ thông tin (CTCLC)	80	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7480104C	Hệ thống thông tin (CTCLC)	40	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7340101C	Quản trị kinh doanh (CTCLC)	80	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7810103C	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (CTCLC)	40	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7340201C	Tài chính – Ngân hàng (CTCLC)	40	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7340120C	Kinh doanh quốc tế (CTCLC)	80	A01, D01, D07	A01, D07	40	A00, A01, D01, D07
7220201C	Ngôn ngữ Anh (CTCLC)	80	D01, D14, D15	D09, D10	40	D01, D14, D15, D66

2. CÁC NGÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH (CHUYÊN NGÀNH - NẾU CÓ)	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN		ĐIỂM TT 2023	
			HỌC BẠ, THI THPT	V-SAT	HỌC BẠ	THI THPT
ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN						
7140201	Giáo dục Mầm non	70	M01, M06, M11	Không xét điểm V-SAT	Mới	Mới
7140202	Giáo dục Tiểu học	100	A00, C01, D01, D03	Không xét điểm V-SAT	28,20	24,41
7140204	Giáo dục Công dân	70	C00, C19, D14, D15	Không xét điểm V-SAT	27,50	26,86
7140206	Giáo dục Thể chất	60	T00, T01, T06	Không xét điểm V-SAT	24,50	23,50
7140209	Sư phạm Toán học	100	A00, A01, B08, D07	Không xét điểm V-SAT	29,25	26,18
7140210	Sư phạm Tin học	70	A00, A01, D01, D07	Không xét điểm V-SAT	27,25	23,25
7140211	Sư phạm Vật lý	60	A00, A01, A02, D29	Không xét điểm V-SAT	28,75	25,65
7140212	Sư phạm Hóa học	60	A00, B00, D07, D24	Không xét điểm V-SAT	29,10	25,76
7140213	Sư phạm Sinh học	60	B00, B08	Không xét điểm V-SAT	28,50	24,45
7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C00, D14, D15	Không xét điểm V-SAT	27,80	26,63
7140218	Sư phạm Lịch sử	60	C00, D14, D64	Không xét điểm V-SAT	27,65	26,75
7140219	Sư phạm Địa lý	60	C00, C04, D15, D44	Không xét điểm V-SAT	27,25	26,23
7140231	Sư phạm Tiếng Anh	100	D01, D14, D15	Không xét điểm V-SAT	28,00	26,10
7140233	Sư phạm Tiếng Pháp	60	D01, D03, D14, D64	Không xét điểm V-SAT	22,00	23,10
7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	60	A00, A01, A02, B00	Không xét điểm V-SAT	Mới	Mới
KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ						
7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	110	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	27,75	23,95
7510601	Quản lý công nghiệp	80	A00, A01, D01	A00, A01	27,00	23,61
7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	90	A00, A01, D01	A00, A01	28,50	24,75
7520103	Kỹ thuật cơ khí (chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy)	90	A00, A01	A00, A01	27,00	23,33
7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	70	A00, A01	A00, A01	26,50	23,10
7520130	Kỹ thuật ô tô	60	A00, A01	A00, A01	Mới	Mới

7520201	Kỹ thuật điện	90	A00, A01, D07	A00, A01, D07	26,75	22,75
7480106	Kỹ thuật máy tính (chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn)	90	A00, A01	A00, A01	27,25	22,80
7520207	Kỹ thuật điện tử – viễn thông	70	A00, A01	A00, A01	26,75	22,15
7520212	Kỹ thuật y sinh	40	A00, A01, A02, B08	A00, A01, A02, B08	Mới	Mới
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	70	A00, A01	A00, A01	27,50	23,30
7520309	Kỹ thuật vật liệu	50	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	24,75	21,35
7580101	Kiến trúc	80	V00, V01, V02, V03	V00, V02, V03	21,50	18,00
7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	80	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	21,00	18,00
7580201	Kỹ thuật xây dựng	180	A00, A01	A00, A01	26,25	22,50
7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	80	A00, A01	A00, A01	21,00	15,45
7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	80	A00, A01	A00, A01	23,50	21,60
7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	80	A00, A01, B08, D07	A00, A01, B08, D07	20,00	20,00
MÁY TÍNH, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG						
7320104	Truyền thông đa phương tiện	90	A00, A01, D01	A00, A01	28,00	24,80
7480101	Khoa học máy tính	100	A00, A01	A00, A01	28,25	24,40
7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	100	A00, A01	A00, A01	27,25	22,85
7480103	Kỹ thuật phần mềm	80	A00, A01	A00, A01	28,50	24,80
7480104	Hệ thống thông tin	80	A00, A01	A00, A01	27,50	22,65
7480201	Công nghệ thông tin	80	A00, A01	A00, A01	29,00	25,16
7480202	An toàn thông tin	60	A00, A01	A00, A01	28,25	23,60
7480201H	Công nghệ thông tin (Khu Hòa An)	40	A00, A01	A00, A01	26,75	23,25
KINH TẾ - KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ - LUẬT						
7340301	Kế toán	140	A00, A01, C02, D01	A00, A01	28,00	24,76
7340302	Kiểm toán	80	A00, A01, C02, D01	A00, A01	27,25	24,58
7340201	Tài chính – Ngân hàng	100	A00, A01, C02, D01	A00, A01	28,25	25,00
7340101	Quản trị kinh doanh	150	A00, A01, C02, D01	A00, A01	28,00	24,35
7340101H	Quản trị kinh doanh (Khu Hòa An)	60	A00, A01, C02, D01	A00, A01	25,75	23,00
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	A00, A01, C02, D01	A00, A01	27,50	24,00
7340115	Marketing	100	A00, A01, C02, D01	A00, A01	28,50	25,35
7340121	Kinh doanh thương mại	100	A00, A01, C02, D01	A00, A01	27,75	24,61
7340120	Kinh doanh quốc tế	120	A00, A01, C02, D01	A00, A01	28,50	25,10
7620114H	Kinh doanh nông nghiệp (Khu Hòa An)	120	A00, A01, C02, D01	A00, A01, B00, D07	18,00	15,00
7310101	Kinh tế	100	A00, A01, C02, D01	A00, A01	27,75	24,26
7620115	Kinh tế nông nghiệp	80	A00, A01, C02, D01	A00, A01	22,50	22,35
7620115H	Kinh tế nông nghiệp (Khu Hòa An)	60	A00, A01, C02, D01	A00, A01	18,00	17,00
7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	80	A00, A01, C02, D01	A00, A01	22,50	22,05
7380107	Luật kinh tế	120	A00, C00, D01, D03	A00, A01, D09, D10	27,50	25,85
7380101	Luật, có 2 chuyên ngành: - Luật tư pháp - Luật hành chính	280	A00, C00, D01, D03	A00, A01, D09, D10	26,75	25,10
7380101H	Luật (Luật hành chính) - Khu Hòa An	80	A00, C00, D01, D03	A00, A01, D09, D10	26,25	22,50
NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN - CHẾ BIẾN - CHĂN NUÔI - THÚ Y - MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN						
7540101	Công nghệ thực phẩm	240	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	27,50	23,83
7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	200	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	22,25	21,25
7540104	Công nghệ sau thu hoạch	90	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	22,75	22,00
7620105	Chăn nuôi	150	A00, A02, B00, B08	A00, A02, B00, B08	18,00	15,00
7640101	Thú y	200	A02, B00, B08, D07	A02, B00, B08, D07	27,25	23,70
7620110	Khoa học cây trồng, có 2 chuyên ngành: - Khoa học cây trồng - Nông nghiệp công nghệ cao	180	A02, B00, B08, D07	A02, B00, B08, D07	20,00	15,00
7620109	Nông học	130	B00, B08, D07	B00, B08, D07	18,00	15,00

7620112	Bảo vệ thực vật	180	B00, B08, D07	B00, B08, D07	21,25	18,55
7440301	Khoa học môi trường	90	A00, A02, B00, D07	A00, A02, B00, D07	23,00	20,00
7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	120	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	24,00	19,80
7520320	Kỹ thuật môi trường	80	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	23,25	20,20
7850103	Quản lý đất đai	120	A00, A01, B00, D07	A00, A01, B00, D07	24,00	20,45
7620113	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	80	A00, B00, B08, D07	A00, B00, B08, D07	21,00	15,00
7620103	Khoa học đất (chuyên ngành Quản lý đất và công nghệ phân bón)	90	A00, B00, B08, D07	A00, B00, B08, D07	21,00	15,00
7620301	Nuôi trồng thủy sản	300	A00, B00, B08, D07	A00, B00, B08, D07	21,00	16,75
7620302	Bệnh học thủy sản	100	A00, B00, B08, D07	A00, B00, B08, D07	18,00	15,00
7620305	Quản lý thủy sản	100	A00, B00, B08, D07	A00, B00, B08, D07	18,00	15,00
KHOA HỌC SỰ SỐNG - KHOA HỌC TỰ NHIÊN - HÓA DƯỢC - THỐNG KẾ						
7460201	Thống kê	90	A00, A01, A02, B00	A00, A01, A02, B00	24,50	22,40
7460112	Toán ứng dụng	90	A00, A01, A02, B00	A00, A01, A02, B00	26,00	22,85
7520401	Vật lý kỹ thuật	80	A00, A01, A02, C01	A00, A01, A02	24,50	18,00
7440112	Hóa học	90	A00, B00, C02, D07	A00, B00, D07	26,25	23,15
7720203	Hóa dược	100	A00, B00, C02, D07	A00, B00, D07	28,00	24,50
7420101	Sinh học	80	A02, B00, B03, B08	A02, B00, B08	25,00	23,30
7420203	Sinh học ứng dụng	80	A00, A01, B00, B08	A00, A01, B00, B08	25,00	21,75
7420201	Công nghệ sinh học	240	A00, B00, B08, D07	A00, B00, B08, D07	27,75	23,64
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA NƯỚC NGOÀI - XÃ HỘI NHÂN VĂN – DU LỊCH						
7220201	Ngôn ngữ Anh	220	D01, D14, D15	D09, D10	27,60	25,25
7220201H	Ngôn ngữ Anh (Khu Hòa An)	60	D01, D14, D15	D09, D10	26,25	23,50
7220203	Ngôn ngữ Pháp	80	D01, D03, D14, D64	A07, D09, D10	25,25	21,75
7229001	Triết học	80	C00, C19, D14, D15	A07, B08, D09, D10	26,00	25,10
7229030	Văn học	60	C00, D01, D14, D15	Không xét điểm V-SAT	26,75	24,16
7310201	Chính trị học	80	C00, C19, D14, D15	A07, B08, D09, D10	26,70	25,85
7310301	Xã hội học	60	A01, C00, C19, D01	A01, A07, D09, D10	26,75	26,10
7320101	Báo chí	60	C00, D01, D14, D15	Không xét điểm V-SAT	Mới	Mới
7320201	Thông tin - thư viện	60	A01, D01, D03, D29	A01, A07, D09, D10	23,25	21,50
7810101	Du lịch	50	C00, D01, D14, D15	A01, A07, D09, D10	Mới	Mới
7810101H	Du lịch (Khu Hòa An)	30	C00, D01, D14, D15	A01, A07, D09, D10	Mới	Mới

3. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Thí sinh được đăng ký nhiều phương thức:

- Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
- Phương thức 2: Xét tuyển điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024
- Phương thức 3: Xét tuyển điểm học bạ THPT
- Phương thức 4: Xét tuyển vào ngành Sư phạm bằng điểm học bạ THPT
- Phương thức 5: Xét điểm thi V-SAT
- Phương thức 6: Tuyển chọn vào chương trình tiên tiến và chất lượng cao
- Phương thức 7: Xét tuyển thẳng vào học Bồi dưỡng kiến thức

Thí sinh lưu ý:

- Mỗi phương thức có quy định về điều kiện và đối tượng khác nhau, nên Trường xét tuyển độc lập từng phương thức; việc xét tuyển phương thức này không ảnh hưởng đến phương thức khác; điểm chuẩn trúng tuyển của phương thức này không là điểm trúng tuyển của phương thức khác.
- Mỗi thí sinh được quyền đăng ký xét tuyển vào Trường với nhiều phương thức khác nhau, mỗi phương thức nộp hồ sơ riêng theo quy định.
- Phương thức 3, 4 và 5 sẽ được Trường công bố kết quả trúng tuyển sớm đối với thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Thí sinh phải đăng ký nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển vào Công tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT để lọc ảo cùng các phương thức khác.
- Nếu một phương thức có nhiều đợt xét tuyển thì điểm trúng tuyển của đợt sau không được thấp hơn điểm trúng tuyển của đợt xét tuyển trước.
- Xem thông tin Kỳ thi V-SAT tại <https://vsat.ctu.edu.vn>

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Địa chỉ: Đường 3/2, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0292. 3872 728 - Email: tuyensinh@ctu.edu.vn - Mobile/Zalo: 0886889922

Trích nguồn: <https://tuyensinh.ctu.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

MÃ TRƯỜNG: KCC

1. **Vùng tuyển sinh:** TP. Cần Thơ, Vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước

2. **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp THPT

3. **Tổng chỉ tiêu dự kiến:** 1.680

4. **Thời gian đăng ký xét tuyển:** Tháng 3/2024 đến ngày 10/6/2024

5. **Công bố kết quả đạt sơ tuyển:** Ngày 09/9/2024

6. Phương thức xét tuyển:

- Kết quả học bạ THPT (Mã phương thức xét tuyển: 200)

+ Học bạ 1: Kết quả học bạ học kỳ I, II lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển (Tổng điểm của tổ hợp đạt từ 18 điểm trở lên).

+ Học bạ 2: Kết quả học bạ năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển (Tổng điểm của tổ hợp đạt từ 18 điểm trở lên).

- Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2024 (Mã phương thức xét tuyển: 100) theo tổ hợp môn xét tuyển (Xét tuyển theo Kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

7. Các ngành đào tạo:

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	CHI TIÊU	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	7480101	Khoa học máy tính	70	A00, A01, C01, D01
2	7460108	Khoa học dữ liệu	70	
3	7480104	Hệ thống thông tin	60	
4	7480201	Công nghệ thông tin	100	
5	7480103	Kỹ thuật phần mềm	80	
6	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	60	A00, C01, C02, D01
7	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	100	
8	7510601	Quản lý công nghiệp	70	
9	7580302	Quản lý xây dựng	70	
10	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	70	A00, A02, C01, D01
11	7510403	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	60	A00, A01, A02, C01
12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	
13	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	70	
14	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	70	
15	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	50	A00, A11, B00, C02
16	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	A00, B00, C02, D01
17	7420201	Công nghệ sinh học	60	A02, B00, C02, D01
18	7340201	Tài chính - Ngân hàng	80	A00, C01, C02, D01
19	7340301	Kế toán	80	
20	7340101	Quản trị kinh doanh	100	
21	7380101	Luật	80	C00, D01, D14, D15
22	7220201	Ngôn ngữ Anh	80	D01, D14, D15, D66

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Website: www.ctuet.edu.vn - Facebook: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

Điện thoại hỗ trợ tư vấn: 02923.890060 - 02923.898167

Trích nguồn: <https://tuyensinh.ctuet.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

MÃ TRƯỜNG: DNC

1. **Đối Tượng, Điều Kiện Tuyển Sinh:** Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT)

2. **Điều Kiện Dự Tuyển:** Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của đơn vị đào tạo và của Đại học Nam Cần Thơ;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Đạt các yêu cầu sơ tuyển, nếu đăng kí xét tuyển hoặc dự thi vào các đơn vị (các trường/khoa) có quy định sơ tuyển, thi năng khiếu.

3. Danh Mục Các Ngành Đào Tạo Xét Tuyển Đại Học Chính Quy Năm 2024

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ TỔ HỢP	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	VĂN BẰNG
1	7720101	Y khoa (Bác sĩ đa khoa)	A02, B00, D07, D08	6 năm	Bác sĩ
2	7720501	Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt)	A02, B00, D07, D08	6 năm	Bác sĩ
3	7720110	Y học dự phòng (Bác sĩ Y học dự phòng)	A02, B00, D07, D08	6 năm	Bác sĩ
4	7720201	Dược học	A00, B00, D07, D08	5 năm	Dược sĩ
5	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	A00, B00, A01, A02	4 năm	Cử nhân
6	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	A00, B00, D07, D08	4 năm	Cử nhân
7	7720802	Quản lý bệnh viện	B00, B03, C01, C02	4 năm	Cử nhân
8	7520212	Kỹ thuật y sinh (Khoa học và công nghệ y khoa)	A00, B00, A01, A02	4,5 năm	
9	7720301	Điều dưỡng	A00, B00, D07, D08	4 năm	Cử nhân
10	7720115	Y học cổ truyền (dự kiến)	A02, B00, D07, D08	6 năm	Bác sĩ
11	7320108	Quan hệ công chúng (PR)	C00, D01, D14, D15	4 năm	Cử nhân
12	7320104	Truyền thông đa phương tiện	C00, D01, D14, D15	4 năm	Cử nhân
13	7380101	Luật	C00, D01, D14, D15	4 năm	Cử nhân
14	7380107	Luật kinh tế	C00, D01, D14, D15	4 năm	Cử nhân
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D14, D15, D66	4 năm	Cử nhân
16	7810201	Quản trị khách sạn	A00, A01, C00, D01	4 năm	Cử nhân
17	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	A00, A01, C00, D01	4 năm	Cử nhân
18	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, C00, D01	4 năm	Cử nhân
19	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00,A01, A02, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
20	7510210	Công nghệ kỹ thuật ô tô điện	A00,A01, A02, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
21	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	A00,A01, A02, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
22	7480201	Công nghệ thông tin	A00,A01, A02, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
23	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00,A01, A02, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
24	7480101	Khoa học máy tính	A00,A01, A02, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
25	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	A00,A01, A02, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
26	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00, A02, B00, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
27	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	A00, B00, D07, C08	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
28	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00, A01, A02, C01	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
29	7510304	Công nghệ kỹ thuật bán dẫn	A00, A01, A02, C01	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
30	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, C04, D01	4 năm	Cử nhân
31	Chưa có	Quản lý và kinh doanh thể thao	A00, A01, C04, D01	4 năm	Cử nhân
32	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, C04, D01	4 năm	Cử nhân
33	7340301	Kế toán	A00, A01, C04, D01	4 năm	Cử nhân
34	7340115	Marketing	A00, A01, C04, D01	4 năm	Cử nhân
35	7340116	Bất động sản	A00, B00, C05, C08	4 năm	Cử nhân
36	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00, A01, C04, D01	4 năm	Cử nhân
37	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, D07	4 năm	Cử nhân
38	7310112	Kinh tế số	A00, A01, C04, D01	4 năm	Cử nhân
39	7340122	Thương mại điện tử	A00, A01, C04, D01	4 năm	Cử nhân
40	7510601	Quản lý công nghiệp	A00, A01, D01, D07	4 năm	Cử nhân
41	7580101	Kiến trúc	A00, D01, V00, V01	5 năm	Kiến trúc sư
42	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00, A01, A02, D07	4 năm	Kỹ sư/ Cử nhân
43	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00, A02, B00, C08	4 năm	Cử nhân
44	7850103	Quản lý đất đai	A00, A02, B00, C08	4 năm	Cử nhân

A00 (Toán - Lý - Hóa) A01 (Toán - Lý - Anh) A02 (Toán - Lý - Sinh) B00 (Toán - Hóa - Sinh) B03 (Toán - Sinh - Văn)	C00 (Văn - Sử - Địa) C01 (Văn - Toán - Lý) C02 (Văn - Toán - Hóa) C04 (Toán - Văn - Địa)	C05 (Văn - Lý - Hóa) C08 (Văn - Hóa - Sinh) D01 (Văn - Toán - Anh) D07 (Văn - Hóa - Anh) D08 (Toán - Sinh - Anh)	D14 (Văn - Sinh - Anh) D15 (Văn - Địa - Anh) D66 (Văn - GD CD - Anh) V00 (Toán - Lý - Vẽ MT) V01 (Toán - Văn - Vẽ MT)
--	---	--	---

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 168, Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0939 257 838 - Website: www.nctu.edu.vn

Trích nguồn: <https://nctu.edu.vn/w-tuyensinh-daihoc>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

MÃ TRƯỜNG: DTD

1. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Phương Thức 1: Xét Dựa Vào Kết Quả Học Bạ THPT

- Cách thức xét tuyển: có 03 cách xét tuyển học bạ
 - + Cách 01: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập của cả năm lớp 12
 - + Cách 02: Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12
 - + Cách 03: Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 11 và học kỳ I lớp 12

Phương Thức 2: Xét Dựa Vào Kết Quả Kỳ Thi Tốt Nghiệp THPT Quốc Gia

Phương Thức 3: Xét Tuyển Dựa Vào Kết Quả Kỳ Thi Đánh Giá Năng Lực 2024 Của Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh

2. NGÀNH TUYỂN, TỔ HỢP CÁC MÔN XÉT TUYỂN

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	7720201	Dược học	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Hóa học - Ngữ văn (C02)
2	7720301	Điều dưỡng	Toán - Vật lý - Sinh học (A02) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08) Toán - Sinh học - Ngữ văn (B03)
3	7720401	Dinh dưỡng	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08)
4	7440112	Hóa học chuyên ngành hóa dược	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (B07)
5	7380107	Luật kinh tế	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Tiếng Anh - Lịch sử (D14) Toán - Tiếng Anh - GD&CD (D84) Ngữ văn - Tiếng Anh - GD&CD (D66)
6	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Toán - Vật lý - Ngữ văn (C01)
7	7340301	Kế toán	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Toán - Ngữ văn - Địa lý (C04)
8	7340201	Tài chính ngân hàng	
9	7340101	Quản trị kinh doanh	
10	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
11	7340115	Marketing	
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Tiếng Anh - Lịch sử (D14) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15)
13	7310630	Việt Nam học	
14	7810101	Du lịch	
15	7810201	Quản trị khách sạn	
16	7229030	Văn học	
17	7229030	Văn hóa học	Toán - Ngữ văn - Địa lý (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Tiếng Anh - Lịch sử (D14) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15)
18	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Tiếng Anh - Lịch sử (D14) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15) Ngữ văn - Tiếng Anh - GD&CD (D66)
19	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07)
20	7850103	Quản lý đất đai	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01)
21	7540101	Công nghệ thực phẩm	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Sinh học (A02) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Vật lý - Ngữ văn (C01)
22	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình XD	
23	7480201	Công nghệ thông tin	
24	7480101	Khoa học máy tính - Chuyên ngành trí tuệ nhân tạo (dự kiến)	
25	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	
26	7640101	Thú y	Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Địa lý (A06) Toán - Sinh học - Địa lý (B02)

			Toán - Hóa học - Ngữ văn (C02)
27	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15)
28	7210403	Thiết kế đồ họa	Toán - Ngữ văn - Địa lý (C04)
29	7210404	Thiết kế thời trang (Dự kiến)	Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01) Toán - Tiếng Anh - Địa lý (D10) Ngữ văn - Tiếng Anh - Địa lý (D15)
30	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Toán - Vật Lý - Hóa học (A00) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01)
31	7620105	Chăn nuôi	Toán - Hóa - Sinh (B00) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01)

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
Địa chỉ: Số 68 Trần Chiên, phường Lê Bình, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0939 028 579 - 0939 440 579 - Website: www.tdu.edu.vn

Trích Nguồn: <https://ts.tdu.edu.vn/trinh-do-dai-hoc/truong-dai-hoc-tay-do-tuyen-sinh-nam-2024-40212>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĨ TRƯỜNG TOÀN

MÃ TRƯỜNG: VTT

1. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN:

Phương Thức 1: Xét Kết Quả Thi Tốt Nghiệp THPT (Hoặc THPT Quốc Gia)* Mã 100 & 101

- Ngành xét tuyển: Y khoa (Bác sĩ Y khoa), Dược học (Dược sĩ), Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ), Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Thương mại điện tử, Kinh doanh quốc tế, Công nghệ thông tin, Luật, Quản lý nhà nước
- Điểm xét tuyển: Tổng điểm 3 môn xét tuyển dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT (hoặc THPT quốc gia) thuộc cùng một tổ hợp, cộng với các điểm ưu tiên (nếu có)

Phương Thức 2: Xét Kết Quả Học Tập Cấp THPT (Học Bạ) - Mã 200

- Ngành Y khoa (Bác sĩ Y khoa), Dược học (Dược sĩ), Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ): Có học lực lớp 12 loại giỏi hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên
- Đối với các ngành khác: Điểm xét tuyển từ 18,0 điểm trở lên

Phương Thức 3: Xét Kết Hợp Kết Quả Thi Tốt Nghiệp THPT Với Kết Quả Học Tập Cấp THPT (Học Bạ) - Mã 407

- Ngành xét tuyển: Y khoa (Bác sĩ Y khoa), Dược học (Dược sĩ), Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ).
- Điểm xét tuyển: Tổng điểm 3 môn xét tuyển thuộc cùng 1 tổ hợp xét tuyển, cộng với các điểm ưu tiên (nếu có). Trong đó, 3 môn xét tuyển thí sinh được đăng ký chọn một (hoặc hai) môn sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT (hoặc THPT quốc gia)" kết hợp với hai (hoặc một) môn còn lại sử dụng kết quả học tập cấp THPT (điểm học bạ)** để xét tuyển

Phương Thức 4: Xét Kết Hợp Kết Quả Thi Tốt Nghiệp THPT Với Chứng Chỉ Ngoại Ngữ - Mã 415

- Ngành xét tuyển: Y khoa (Bác sĩ Y khoa), Dược học (Dược sĩ), Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ).
- Điểm xét tuyển: Tổng điểm 3 môn xét tuyển thuộc cùng 1 tổ hợp xét tuyển, cộng với các điểm ưu tiên (nếu có). Trong đó, thí sinh được đăng ký chọn hai môn sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT (hoặc THPT quốc gia) kết hợp với điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ để xét tuyển

Phương Thức 5: Xét Tuyển Thăng Theo Quy Định Của Quy Chế Tuyển Sinh (Điều 8)

- Ngành xét tuyển: Y khoa (Bác sĩ Y khoa), Dược học (Dược sĩ), Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ).
- Điều kiện và đối tượng xét tuyển thăng và ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo quy định và hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT

2. NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	MÃ TỔ HỢP	PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
1	Y KHOA (Bác sĩ Y khoa)	7720101	B00: Toán - Sinh - Hóa A02: Toán - Sinh - Lý B03: Toán - Sinh - Văn D08: Toán - Sinh - Tiếng Anh	Phương thức 1, 2, 3, 4, 5
2	RĂNG - HÀM - MẶT (Bác sĩ)	7720501	B00: Toán - Sinh - Hóa A02: Toán - Sinh - Lý B03: Toán - Sinh - Văn D08: Toán - Sinh - Tiếng Anh	
3	DƯỢC HỌC (Dược sĩ)	7720201	B00: Toán - Hóa - Sinh C02: Toán - Hóa - Văn A00: Toán - Hóa - Lý D07: Toán - Hóa - Tiếng Anh	
4	QUẢN TRỊ KINH DOANH	7340101	A00: Toán - Lý - Hóa D01: Toán - Văn - Tiếng Anh A01: Toán - Lý - Tiếng Anh D07: Toán - Hóa - Tiếng Anh	Phương thức 1, 2
5	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	7340201		
6	KẾ TOÁN	7340301		
7	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	7340122		
8	KINH DOANH QUỐC TẾ	7340120	A00: Toán - Lý - Hóa D01: Toán - Văn - Tiếng Anh A01: Toán - Lý - Tiếng Anh	Phương thức 1, 2
9	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	7480201		

			D07: Toán - Hóa - Tiếng Anh	
10	LUẬT	7380101	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Tiếng Anh D01: Toán - Văn - Tiếng Anh C03: Toán - Văn - Lịch Sử	
11	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	7310205	A01: Toán - Lý - Tiếng Anh D01: Toán - Văn - Tiếng Anh C00: Văn - Lịch sử - Địa lý C20: Văn - Địa Lý - GD&CD	

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĨNH TRƯỜNG TOÁN
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
Điện thoại: 08.1875.3636 - 0293 3953 222 - 0293 3953 666 - Email: vttutuyensinh@vttu.edu.vn

Trích nguồn: <https://vttu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG, ĐHQG-HCM

- MÃ TRƯỜNG: QSA**
- Năm 2024, Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM tuyển sinh trình độ Đại học chính quy theo 06 phương thức xét tuyển độc lập, dự kiến như sau:
 - + Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng
 - + Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM
 - + Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023
 - + Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức
 - + Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (học bạ, có kết hợp bài luận)
 - + Phương thức 6: Xét tuyển thẳng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

STT	MÃ NGÀNH	NGÀNH/ NHÓM NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	CHI TIÊU DỰ KIẾN
1	7140201	Giáo dục Mầm non	M00, M01, M10, M13	100
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00, A01, C00, D01	200
3	7140205	Giáo dục Chính trị	C00, C19, D01, D66	15
4	7140209	Sư phạm Toán học	A00, A01, C01, D01	35
5	7140211	Sư phạm Vật lý	A00, A01, C01, A17	20
6	7140212	Sư phạm Hóa học	A00, B00, C02, D07	20
7	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00, D01, D14, D15	35
8	7140218	Sư phạm Lịch sử	A08, C00, C19, D14	20
9	7140219	Sư phạm Địa lý	A09, C00, C20, D10	20
10	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	A01, D01, D09, D14	110
11	7140215	Sư phạm Sinh học	B00, B05, B04, D08	20
12	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên (dự kiến mở)	A00, A01, A02, B00	30
13	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý (dự kiến mở)	A07, C00, D14, D15	30
14	7540101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, C15, D01	135
15	7340115	Marketing	A00, A01, C15, D01	90
16	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, C15, D01	135
17	7340301	Kế toán	A00, A01, C15, D01	110
18	7580101	Luật	A01, C00, C01, D01	70
19	7420201	Công nghệ sinh học	A00, B00, C15, D01	100
20	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00, A01, C01, D01	100
21	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, C01, D01	220
22	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A16, B03, C15, D01	30
23	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	A00, B00, C05, C08	30
24	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00, B00, C05, D07	100
25	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	A00, B00, C05, D07	30
26	7620105	Chăn nuôi	A02, B00, C15, D08	30
27	7620110	Khoa học cây trồng	A00, B00, C15, D01	60
28	7620112	Bảo vệ thực vật	A00, B00, C15, D01	100
29	7620116	Phát triển nông thôn	A00, B00, C00, D01	45
30	7620301	Nuôi trồng thủy sản	A00, B00, D01, D10	60
31	7310106	Kinh tế quốc tế	A00, A01, C15, D01	90
32	7310630	Việt Nam học	A01, C00, C04, D01	150
33	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D09, D14	180
34	7229030	Văn học	C00, D01, D14, D15	30
35	7229001	Triết học	A01, C00, C01, D01	20
36	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00, B00, C15, D01	40
37	7640101	Thú y	A02, B00, C08, D08	50

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG, ĐHQG-HCM
Địa chỉ: Số 18 đường Ung Văn Khiêm, phường Đồng Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 0794.2222.45 - Email: tuyensinh@agu.edu.vn – Website: <https://www.agu.edu.vn/tuyensinh/>
Trích nguồn: <https://www.agu.edu.vn/vi/tuyen-sinh/thong-tin/to-buom-tuyen-sinh-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

MÃ TRƯỜNG: TKG

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc và quốc tế.

3. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển bằng kết quả học tập THPT (Học bạ) theo tổ hợp 03 môn đăng ký;
- Phương thức 2: Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (thực hiện theo lịch xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Phương thức 3: Xét theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024;
- Phương thức 4: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
 - + Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành;
 - + Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Nhà trường.

4. Thời gian nhận hồ sơ: Đối với phương thức 1, 3 và 4 nhận hồ sơ và dự kiến tổ chức xét tuyển sớm theo Kế hoạch riêng của Nhà trường theo 4 đợt sau: Đợt 1: 01/04/2024 - Đợt 2: 03/05/2024 - Đợt 3: 03/06/2024 - Đợt 4: 01/07/2024.

- Đối với phương thức 2 nhận hồ sơ và tổ chức xét tuyển theo Kế hoạch xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Ngành tuyển sinh

STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
1	Sư phạm toán học	7140209	25	A00; A01; D01; D07
2	Giáo dục tiểu học	7140202	25	A00; D01; C02; C20
3	Kế toán	7340301	150	A00; A01; D01; D07
4	Quản trị kinh doanh	7340101	220	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	40	
6	Thương mại điện tử	7340122	40	
7	Tài chính - ngân hàng	7340201	120	
8	Luật	7380101	150	A00; C00; D01; D14
9	Công nghệ sinh học	7420201	20	A11; B02; B04; C13
10	Công nghệ thông tin	7480201	250	A00; A01; D01; D07
11	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103	90	A00; A01; D01; D07
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	180	A00; A01; C01; D01
13	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	20	A07; A09; C04; C14
14	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	20	A00; A01; C01; D01
15	Công nghệ thực phẩm	7540101	50	A00; A01; B00; D07
16	Nuôi trồng thủy sản	7620301	40	A00; B00; B02; C08
17	Khoa học cây trồng	7620110	20	A00; A02; B04; C13
18	Chăn nuôi	7620105	20	A00; B00; B02; C08
19	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	20	A00; B00; C02; D08
20	Ngôn ngữ Anh	7220201	120	D01; D09; D14; D15
21	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101	20	C00; D01; D14; D15
22	Truyền thông đa phương tiện	7320104	60	A00; A01; C00; D01
23	Du lịch	7810101	100	C20; D01; D14; D15
24	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	40	A09; B04; C20; D15
Tổng chỉ tiêu:			1840	

A00	Toán, Lý, Hóa	B04	Toán, Sinh, GDCD	C20	Văn, Địa, GDCD
A01	Toán, Lý, Anh	C00	Văn, Sử, Địa	D01	Toán, Văn, Anh
A02	Toán, Lý, Sinh	C01	Văn, Toán, Lý	D07	Toán, Hóa, Anh
A07	Toán, Sử, Địa	C02	Văn, Toán, Hóa	D08	Toán, Sinh, Anh
A09	Toán, Địa, GDCD	C04	Văn, Toán, Địa	D09	Toán, Sử, Anh
A11	Toán, Hóa, GDCD	C08	Văn, Hóa, Sinh	D14	Văn, Sử, Anh
B00	Toán, Hóa, Sinh	C13	Văn, Sinh, Địa	D15	Văn, Địa, Anh
B02	Toán, Sinh, Địa	C14	Văn, Toán, GDCD		

THÔNG TIN CHI TIẾT LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Trụ sở: Số 320A Quốc lộ 61, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0297 396 8888 hoặc 0297 3628 777 - Email: qltd@vnkgu.edu.vn

Trích nguồn: <https://tuyensinh.vnkgu.edu.vn/bai-viet/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

MÃ TRƯỜNG: DBL

1. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả thi TN THPT năm 2024.
- Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ).
- Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024.
- Phương thức 4: Xét và thi tuyển cho ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non.

2. Thời gian thực hiện:

- Phương thức 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD-ĐT.
- Phương thức 2: Từ 06/5 đến 15/7/2024.
- Phương thức 3: Từ 06/5 đến 15/7/2024.
- Phương thức 4: Dự kiến thi Năng khiếu ngày 20/07/2024.

3. Các ngành tuyển sinh hệ đại học:

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH QUY ƯỚC	PHƯƠNG THỨC/ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN			CHỈ TIÊU
			TỪ HỌC BẠ THPT	TỪ KẾT QUẢ THI THPT 2024	TỪ KẾT QUẢ ĐGNL ĐHQG- HCM NĂM 2024	
1	Công nghệ thông tin: - Công nghệ phần mềm - Công nghệ thông tin - Công nghệ số	7480201	A00, A01, D07	A00, A01, D07, D90	Điểm thi	150
2	Quản trị kinh doanh: - Quản trị kinh doanh - Quản trị du lịch và lữ hành	7340101	A00, A01, D01	A00, A01, D01, D90	Điểm thi	90
3	Kế toán	7340301	A00, A01, D01	A00, A01, D01, D90	Điểm thi	130
4	Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01	A00, A01, D01, D90	Điểm thi	90
5	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam: - Văn hóa du lịch - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	7220101	C00, C03, D01	C00, C03, D01, D78	Điểm thi	80
6	Ngôn ngữ Anh: - Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh du lịch	7220201	D01, D09, D14	D01, D09, D14, D78	Điểm thi	100
7	Nuôi trồng thủy sản: - Nuôi tôm công nghệ cao - Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00, B00, D07	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	150
8	Chăn nuôi: - Chăn nuôi - Chăn nuôi - Thú y	7620105	A00, B00, D07	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	50
9	Bảo vệ thực vật	7620112	A00, B00, D07	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	50
10	Khoa học môi trường: - Khoa học môi trường - Bảo vệ môi trường thủy sản	7440301	A00, B00, D07	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	50
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (dự kiến)	7810203	A00, A01, D01	A00, B00, D07, D90	Điểm thi	50
12	Giáo dục tiểu học (dự kiến)	7140202	C00, C03, D01	C00, C03, D01, D78	Điểm thi	101
13	Cao đẳng Giáo dục mầm non (dự kiến)	51140201	M00	M00		45

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

- Địa chỉ: Số 178 Võ Thị Sáu, phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- Địa chỉ trang thông tin tuyển sinh: tuyensinh.blv.edu.vn
- Email: tuyensinh@blv.edu.vn
- Số điện thoại hỗ trợ giải đáp thắc mắc: 02913 821 107

Trích nguồn: <https://tuyensinh.blv.edu.vn/>

TÂM LÝ MÙA THI

Sự ổn định về tâm lý của mỗi con người đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống, đặc biệt là sự ổn định về tâm lý của các bạn học sinh trước khi bước vào kỳ thi tuyển sinh – một bước ngoặt lớn trong cuộc đời.

Sự ổn định về mặt tâm lý chính là chìa khóa để các bạn học sinh có thể đạt được kết quả thi như mong muốn.

Những phương pháp cơ bản nhằm ổn định tâm lý trong kỳ thi tuyển sinh:

1. Xây dựng thời khoá biểu một cách chi tiết và cụ thể

Bên cạnh thời khoá biểu học trên lớp thì các bạn cần phải xây dựng cho bản thân một lịch học cụ thể và chi tiết hơn. Buổi sáng học môn nào, thời lượng bao nhiêu, buổi chiều học như thế nào, đến buổi tối học vấn đề gì, nhưng các bạn cũng nên nhớ một điều rằng lồng ghép trong thời khoá biểu học phải có thời gian giải lao, nghỉ ngơi hợp lý.

2. Giữ sức khỏe ổn định

Các bạn học sinh cần nhớ rằng sức khỏe là điều cực kỳ quan trọng trong việc thi cử, do đó phải giữ sức khỏe ổn định trong quá trình ôn và luyện thi, phải ăn uống điều độ, không được thức quá khuya. Bởi không có sức khỏe thì không thể suy nghĩ, giải quyết vấn đề một cách thấu đáo và thông suốt được và khi tinh thần mệt mỏi thường dẫn đến tình trạng làm sai những điều rất đơn giản.

3. Chủ động và nghiêm túc trong quá trình chuẩn bị cho kỳ thi



Các bạn học sinh phải chủ động, tự tin vào vốn kiến thức của bản thân đã tích lũy trong những năm học qua. Không nên học lệch, học tủ, không trông chờ ỷ lại vào người khác mà phải tạo tư thế chủ động, bình tĩnh và tự tin trong mọi tình huống. Cần phải tập trung ôn luyện cho thật tốt, không nên lo sợ, hoang mang và đặc biệt không nên tin vào những lời bói toán vì nó chỉ làm cho chúng ta chủ quan hay hoang mang hơn mà thôi.

4. Đặt mục tiêu phù hợp, vừa sức với bản thân

Một mục tiêu phù hợp với bản thân là rất quan trọng. Mục tiêu đó sẽ tạo động lực giúp các bạn học sinh cố gắng phấn đấu. Một mục tiêu đúng đắn là phải phù hợp với sở thích của bản thân, phù hợp với học lực của mỗi bạn.

Không nên đặt mục tiêu quá cao, không thể thực hiện được điều đó khiến các bạn nhanh chán nản khi không thực hiện được. Các bạn học sinh cũng không nên đặt mục tiêu quá thấp hoặc đi thi với tâm lý thi cho biết, thi cho bằng bạn bằng bè, suy nghĩ “học tài thi phận”, điều này vô hình sẽ kéo tâm lý thi cử đi theo hướng tiêu cực. Hãy tin tưởng vào khả năng của bản thân và cố gắng hết sức mình.

5. Bỏ qua những suy nghĩ, nỗi lo lắng không cần thiết

Những lo lắng như: chưa nhận được giấy báo dự thi, đánh nhầm, ghi nhầm một số chi tiết, nội dung trong hồ sơ dự thi, sai sót trên giấy báo thi.... Các bạn học sinh không nên suy nghĩ quá nhiều về các vấn đề kể trên,

bởi chúng sẽ được giải quyết một cách đơn giản trong ngày làm thủ tục dự thi (trước ngày dự thi một ngày). Hãy gác bỏ những thắc mắc, bận tâm về những sự cố nhỏ nhỏ này để đầu tư ôn luyện bài vở thật chu đáo.

6. Không nên học dồn, nhồi nhét kiến thức trong một khoảng thời gian ngắn



Kiến thức là cả một quá trình dài ôn luyện, đã được tích lũy trong suốt quá trình học tập và thời gian chuẩn bị thi tốt nghiệp. Nếu các bạn đã chuẩn bị thật tốt thì không cần phải quá lo lắng. Việc học một cách ồ ạt, không khoa học sẽ khiến các bạn bị loãng kiến thức, hoang loạn khi chỉ nhớ những kiến thức mới học mà quên mất những phần trước đó. Nếu đến ngày thi mà trong đầu bạn vẫn còn “trống rỗng” thì chỉ còn cách học kỹ những kiến thức cơ bản, vừa sức.

Tâm lý bạn nào cũng muốn nhồi nhét, cố nhớ thật nhiều kiến thức trước khi bước vào kỳ thi nhưng thật ra học như vậy không đem lại hiệu quả như mong muốn, ngược lại làm cho đầu óc bạn trở nên căng thẳng và hiệu quả ôn tập cũng không có chất lượng. Để tránh tình trạng này, các bạn hãy biết loại bỏ những phần kiến thức không cần thiết, không nên ôn tập một lúc nhiều môn thi mà cần phải bố trí lịch ôn tập một cách hợp lý, không bị phân tâm khi đang

ôn tập môn này lại sang môn khác. Và điều quan trọng là các bạn cần phải ôn tập những phần mình chưa chắc, kiến thức còn bị khuyết để kịp thời bổ sung vốn kiến thức cho bản thân trước kỳ thi.

7. Phụ huynh không nên đặt quá nhiều kỳ vọng vào kỳ thi của con em mình

Phụ huynh đóng một vai trò rất quan trọng với việc thi cử của con. Cuộc sống hiện đại, mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con nên nhiều khi phụ huynh đã kỳ vọng vào con tất cả những việc mà mình đã không làm được trong quá khứ. Đây là tâm lý chung. Nhưng các bậc phụ huynh cũng phải hiểu, mỗi con em mình có một điều kiện, hoàn cảnh và khả năng nhất định, vì vậy phải biết bằng lòng với những điều mà con cái mình có. Bố mẹ phải bớt kỳ vọng và tăng kỳ công bởi nếu quá kỳ vọng vào con cái mà sau đó con thất bại thì sẽ thành bi kịch với chúng. Còn kỳ công là phải bỏ nhiều công sức hơn để hỗ trợ con chứ không phải làm giúp con (về cả tâm lý, trí tuệ, chăm sóc chứ không chỉ là tiền bạc).

Không can thiệp sâu, áp đặt hay ép buộc con cái phải làm theo ý mình, nhất là định hướng chọn nghề nghiệp.

8. Học cách làm chủ bản thân khi bước vào phòng thi

Trước khi thi, mỗi thí sinh cần tập quen dần với môi trường thi thông qua các kỳ thi khi đang còn ngồi trên ghế nhà trường, tìm hiểu việc di chuyển tới địa điểm tổ chức thi để có thể đến địa điểm thi đúng giờ, tránh những sự cố đáng tiếc ngoài ý muốn để không bị căng thẳng tâm lý trước khi bước vào phòng thi.

Khi bước vào phòng thi nên phớt lờ những áp lực, nhấm một câu châm ngôn hoặc một bài thơ yêu thích, ngồi đúng vị trí, số báo danh, tận dụng vài phút để thư giãn. Trong quá trình làm bài cần đọc kỹ đề bài yêu cầu, không vội vàng, nôn nóng làm ngay lập tức hoặc làm một cách say sưa, nên phân bổ thời gian hợp lý cho từng nội dung, không nên quá sa đà vào một vấn đề mà làm mất nhiều thời gian không cần thiết.

Chuyên gia tư vấn tâm lý



SỨC KHỎE MÙA THI



Các bạn thường nghe nhắc đến câu ngạn ngữ Pháp: “Một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện”, điều này càng được chú trọng nhiều hơn nữa vào mùa thi.

Để giúp các bạn giữ gìn sức khỏe khi bước vào mùa thi, chúng tôi xin góp ý về chế độ ăn uống và nghỉ ngơi của các bạn.

Trong suốt thời gian ôn tập cho đến lúc đi thi, các bạn nên chú ý đến việc đảm bảo dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày. Các bạn nên ăn thực phẩm có chất đạm, béo, bột, vitamin và muối khoáng. Những chất này có trong các món ăn như trứng, tôm, cua, các loại đậu, dầu thực vật, mỡ, bơ, mè, rau xanh, trái cây chín. Những loại thức ăn này tăng cường dưỡng chất cho cơ thể nói chung và cho não bộ nói riêng. Chúng tạo chất dẫn truyền thần kinh góp phần tăng trí nhớ, giúp dễ tiếp thu bài, làm giảm sự mệt mỏi trí óc.

- Lòng đỏ trứng (gà, vịt, chim cút,...): Chứa hàm lượng cao chất lecithine, vừa giúp gan hoạt động tốt vừa giúp tạo lập acetyl-choline (chất dẫn truyền luồng thần kinh quan trọng nhất). Vì vậy, trứng giúp bổ não, tăng trí nhớ.

- Đậu nành: Chứa nhiều glucid, protid và lipid, các vitamin, các men hỗ trợ sự tiêu hóa và lecithine. Để bữa ăn trở nên đa dạng, phong phú, có thể sử dụng các chế phẩm khác nhau như giá, bơ, sữa đậu nành, đậu phụ,...

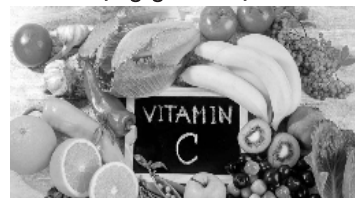


- Bí đỏ: Chứa nhiều beta-caroten, khi vào cơ thể sẽ chuyển thành vitamin A, có lợi cho mắt. Trong bí đỏ còn có một chất cần thiết cho hoạt động của não bộ, đó là acid glutamic tự nhiên (khoảng 1%), giúp thải các chất thải do hoạt động của não bộ tiết ra. Nó cũng chứa nhiều phosphor (một chất cần thiết cho hoạt động của não).

- Cà chua, cà rốt: Giàu beta-caroten.



- Các loại rau, trái cây giàu vitamin C như cam, quýt, chanh, bưởi, rau dền,... có tác dụng giảm mệt mỏi.



- Về đồ uống: Mỗi ngày, các bạn nên uống từ 1,5 đến 2 lít nước. Các bạn nên uống nhiều nước ép trái cây; hạn chế uống nước có gas và các chất kích thích như rượu, bia. Không nên dùng chất kích thích như trà đặc, cà phê, thuốc lá hoặc thuốc gây hưng phấn. Những thứ này có thể giúp ích nhất thời trong một thời gian ngắn như có thể thức suốt đêm để học bài nhưng sau đó sẽ rơi vào trạng thái uể oải, mệt mỏi, chưa kể nếu dùng kéo dài có thể gây nghiện. Nếu hàng ngày các bạn có thói quen uống sữa tươi, các bạn hãy tiếp tục uống từ 1 – 2 ly sữa mỗi ngày (hoặc ăn sữa chua). Tuy nhiên, nếu không quen uống sữa tươi thì cố gắng uống thêm nhiều sữa trong ngày là không thực sự tốt.



Một điều không kém phần quan trọng là dù bận rộn nhưng đừng quên bữa ăn sáng, tất nhiên không cần phải ăn quá no buổi sáng. Các bạn có thể “ nạp năng lượng ” bằng bữa ăn sáng nhẹ

với bánh mì, khoai lang hay một gói xôi... sẽ cung cấp năng lượng giúp hoạt động của não tốt. Đặc biệt, các bạn nữ đừng vì giảm cân, sợ mập mà kiêng cử hoàn toàn chất béo, mùa thi cũng nên bổ sung các loại chất béo có trong dầu mè, đậu nành,... chỉ nên hạn chế những loại chất béo có trong mỡ heo, mỡ bò vì đó mới là những chất béo có hại cho sức khỏe... Không phải cứ ăn nhiều là tốt, mà quan trọng là cần ăn uống đủ chất và điều độ.

Bên cạnh chế độ ăn uống, các bạn cần sắp xếp thời gian học tập, nghỉ ngơi hợp lý. Mặc dù trong quá trình ôn thi, thời gian rất quý nhưng các bạn cần phải cố gắng đảm bảo cho giấc ngủ tối thiểu đủ 6 tiếng/ngày.



Chúng ta cũng nên ngủ trưa trong vòng 30 phút để giúp các bộ phận của cơ thể, cũng như tế bào não được nghỉ ngơi, phục hồi chức năng.

Các bạn chỉ nên học đến 24 giờ, không nên học quá khuya. Nếu thấy đói, nên ăn nhẹ. Buổi sáng, không nên dậy trước 5 giờ sáng. Cứ sau 45 phút ôn bài, các bạn nên tạm dừng, đứng lên, ra ngoài tập nhẹ để mắt được nghỉ và chân, tay,... đỡ mỏi. Nếu thấy quá căng thẳng, nên uống một ly sữa nóng, hoặc trà thảo dược ấm, nghỉ khoảng 15 phút rồi tiếp tục ngồi vào

bàn. Nếu thấy căng thẳng quá, các bạn có thể thư giãn tại chỗ bằng cách ngừng đọc, nghĩ đến điều gì đó giúp mình vui vẻ: Thích nghe nhạc thì mở một ca khúc, đam mê hát thì cất lên một câu nào đó, hay nhớ lại một câu chuyện vui đã từng gặp...



Khi gặp khó khăn, áp lực, các bạn nên thẳng thắn tâm sự với cha mẹ, người thân để được chia sẻ, cùng tìm cách giải quyết tốt nhất.

Hàng ngày, buổi sáng các bạn đến trường để nạp vào não bộ một khối lượng kiến thức nhất định, buổi chiều theo các lớp học thêm, buổi tối phải chuẩn bị bài cho ngày mai và ôn bài, làm bài tập nâng cao. Với một khối lượng kiến thức khổng lồ như vậy, rất khó để có thể thu nạp và tiêu hoá hết trong một quỹ thời gian eo hẹp ban ngày, các bạn đành phải dành ban đêm để chuẩn bị bài cho ngày mai, vừa duyệt lại và hấp thụ vào đầu những gì cần nhớ.



Nhưng thật sự, sau một ngày làm việc căng thẳng, đến tối gần như bạn không thể nhớ được nhiều những gì mà bạn đã học, bởi não bộ đã

quá mệt mỏi sau một ngày làm việc căng thẳng, khả năng tập trung để nhớ lại những gì được học giảm đi rõ rệt, đó là nguyên nhân khiến bộ nhớ của các bạn không thể “lưu lại” được tất cả các dữ liệu. Vì não bộ của con người không giống như “ổ cứng” vô tận nên không nhồi nhét tất cả các dữ liệu mà bạn học được vào đầu, mà các bạn cần phải cẩn thận ghi chép, sắp xếp những phần chính của các bài giảng và ghi nhớ những điều cần thiết một cách hệ thống mà thôi.

TRƯỚC KHI HỌC		TRONG QUÁ TRÌNH HỌC	SAU KHI HỌC
NHÂN THỨC	KIỂM SOÁT BẢN THÂN	LÊN KẾ HOẠCH	LỰA CHỌN THỰC HIỆN
			TỔNG KẾT

Yếu tố môi trường bên ngoài tác động rất lớn đến tâm lý học tập của các học sinh, chỉ có tâm trạng thanh thản, an vui thì hiệu quả ôn tập mới cao:

+ Không khí gia đình cần được duy trì sự ấm cúng, vui vẻ, hòa thuận. Các bạn không nên quá chú tâm đến lời hứa cho phần thưởng xứng đáng nếu thi đậu, cũng như không nên quá lo lắng đến viễn cảnh nếu thi rớt. Điều này chỉ làm chi phối, không mang lợi ích cho các bạn. Không khí đầm ấm của gia đình giúp sức các bạn để đạt kết quả trong kỳ thi.



+ Tạo một không gian yên tĩnh trong lúc ôn tập là điều không thể thiếu. Không gây ồn ào, không làm mất trật tự, không mở ti vi, ra-đi-ô, không nói to tiếng... Bàn học lộn xộn không ngăn nắp có nguy cơ làm các bạn không tìm thấy tài liệu, viết, thước kẻ, compa... ngoài ra, còn khiến các bạn cảm thấy bức bối, khó tập trung tinh thần để học tập. Các bạn hãy mạnh dạn vứt bỏ những vật dụng không dùng đến hoặc xếp gọn lại, cất tài liệu vào hộp giấy. Bày trí những vật trang sức nhỏ đẹp như hộp nến, cây xanh.



Lứa tuổi học sinh của chúng ta có một trí nhớ tốt, nhạy bén, thông minh là do một quá trình rèn luyện chăm chỉ, cần bản, lâu dài, không phải chỉ một sớm một chiều mà có được. Trong giai đoạn này, các “sĩ tử” cần được chăm sóc tốt, giữ gìn sức khỏe, tinh thần thoải mái, ôn tập chặt chẽ để có thể tự tin bước vào phòng thi và đạt hiệu quả cao nhất.

Hôm trước ngày thi rất quan trọng. Các bạn nên nghỉ ngơi thoải mái, không uống các chất kích thích như rượu, bia, cà phê. Nên đi ngủ sớm, ngủ đủ giấc (nên đi ngủ vào lúc 21 - 22 giờ). Nếu muốn ôn bài, thì chỉ nên xem lướt qua. Buổi sáng hôm thi, các bạn nên ăn sáng bằng đồ tươi, sạch, tránh ăn quá no, tốt nhất là ăn ở nhà để đảm bảo vệ sinh.



Bước vào mùa thi, các bạn thường có hai trạng thái tâm lý trái ngược nhau, hoặc là quá lo lắng cho thi cử dẫn đến cuống cuống học ngày học đêm, hoặc là cảm thấy chán nản, buông xuôi vì cho rằng không học kịp hết các kiến thức cần thiết cho kỳ thi, không đủ thời gian để ôn tập. Cả hai trạng thái tâm lý trên đều ảnh hưởng xấu đến khả năng làm bài thi của các bạn. Bên cạnh đó, các bạn cũng dễ gặp phải những vấn đề rắc rối về sức khỏe như sau:

1. Nhức đầu:



Nhức đầu là tình trạng gặp rất thường xuyên khi học bài thi. Bên cạnh việc tìm nguyên nhân để trị căn nguyên, thì khi bị nhức đầu hoặc đau nhức cơ thể, người ta hay lạm dụng thuốc để làm giảm bớt các triệu chứng đau nhức. Nhưng cần lưu ý rằng, có nhiều loại thuốc phải dùng lúc bụng no, và hết sức thận trọng đối với các em bị loét dạ dày tá tràng tiến triển hoặc thường bị rong kinh hay đa kỳ kinh, bị xuất huyết tiêu hóa. Riêng các bạn nữ bị đau bụng kinh nên tham khảo ý kiến bác sĩ để dùng các thuốc chuyên biệt trị đau bụng kinh phòng trước những ngày đi thi lại rơi vào chu kỳ

kinh nguyệt. Kể cả những loại thuốc giảm đau thông dụng cũng không được dùng tùy tiện, bởi có thể xảy ra phản ứng phụ, hoặc gây ảnh hưởng đến thận và gan... Trong mùa thi, cần tăng thể lực bằng chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn đầy đủ chất, không được bỏ bữa.

2. Mệt mỏi, suy nhược:

Mùa thi, các bạn thường hay phải thức khuya, dậy sớm để học bài nên cơ thể dễ bị mệt mỏi, thậm chí suy nhược. Do vậy, trong mùa thi cần tăng thể lực bằng chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn đầy đủ chất, không được bỏ bữa. Để chống tình trạng mệt mỏi, trong khẩu phần ăn hằng ngày cần dùng đầy đủ các chất: bột, đường (glucid), đạm (protid), chất béo (lipid), sinh tố, chất khoáng và khoáng vi lượng thiên nhiên cung cấp từ rau quả tươi và uống đầy đủ nước, nhất là nước từ trái cây tươi. Cần thay đổi đa dạng các bữa ăn, dùng các thực phẩm như: lòng đỏ trứng, cà rốt, cà chua, bí đỏ, gấc, quả có màu vàng cam và rau có màu xanh lục đậm.



3. Suy giảm trí nhớ: Trí nhớ rất cần thiết khi ôn thi, nhưng tình trạng “học tuy nhiều nhưng nhớ chẳng bao nhiêu” vẫn thường xuyên xảy ra ở các “sĩ tử”. Để việc học dễ nhớ lâu quên, yếu tố đầu tiên cần nghĩ đến là phương pháp học, có lúc học nhưng cũng cần có lúc dành ít thời gian để thư giãn, để trí óc khỏi bị bão hòa.

Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung thêm thực phẩm giúp tăng cường trí nhớ. Chọn những thực phẩm, thức ăn giải độc cho não, giúp tạo lập chất dẫn truyền luồng thần kinh sẽ góp phần tăng trí nhớ như: lòng đỏ trứng (gà, vịt, chim cút...) chứa hàm lượng



cao lecithine vừa giúp giải độc gan vừa giúp tạo lập acetyl-choline là chất dẫn truyền luồng thần kinh quan trọng nhất. Vì vậy, cần xen kẽ trứng vào bữa ăn trong thời kỳ ôn thi, sẽ giúp tăng cường trí nhớ. Ngoài ra, một số thực phẩm khác cũng giúp ích cho trí nhớ như: giá đậu, bơ đậu nành, đậu hũ,... Bên cạnh đó, cần vận động cơ thể để giúp

cho não giảm bớt bị bão hòa, từ đó sẽ dễ dàng “nạp dữ liệu” khi học thi....



4. Mất ngủ: Do tập trung học bài, ôn tập cùng với tâm lý lo lắng cho kỳ thi, các bạn rất dễ mất ngủ gây ra mệt mỏi, uể oải. Giấc ngủ không đạt chất lượng thì việc ôn tập càng khó nhớ bài. Khi bị mất ngủ thì không nên ngủ trễ (ngủ quá giấc), tránh sử dụng chất kích thích. Không nên dùng thuốc an thần vì làm mất đi nhịp sinh lý tự nhiên của giấc ngủ. Tránh mệt mắt: môi trường học cần yên tĩnh và sáng sủa, ánh sáng vừa đủ (60W). Khi đọc chữ nhỏ hoặc biểu đồ thì cần nguồn sáng mạnh hơn.

5. Rối loạn tiêu hóa do quá lo lắng: Một số bạn vì

quá lo lắng làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ tiêu hóa: ăn khó tiêu, chướng hơi, thậm chí bị “tào tháo rượt”... Để tránh tình trạng này, các bạn nên chọn ăn những thức ăn, đồ uống quen thuộc với mình, ăn uống tại nhà. Các bạn có thể tự trấn an mình bằng hành động ôn bài, thư giãn.

BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA RỐI LOẠN TIÊU HÓA

- Ăn uống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
- Ăn uống đúng bữa, nhai kỹ trước khi nuốt
- Hạn chế uống nước có gas, cà phê...
- Hạn chế ăn đồ chiên xào, bổ sung nhiều rau xanh
- Luyện tập thể dục thể thao điều độ và khoa học

Chúng tôi hy vọng những chia sẻ trên đây sẽ giúp cho các bạn có thể bước vào kỳ thi với *“Một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện”* để đạt được kết quả cao nhất. Chúc các bạn làm bài thi thật tốt và đạt kết quả thật mỹ mãn.
Chuyên gia tư vấn sức khỏe.



DANH BẠ CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, TRƯỜNG CAO ĐẲNG TỪ ĐÀ NẴNG ĐẾN CÀ MAU

TT	Tên, Địa chỉ, Điện thoại, Website
Danh sách các trường ĐH, CĐ Tại TP Đà Nẵng	
ĐẠI HỌC	
	ĐH Đà Nẵng Và Các Trường Thành Viên Địa chỉ: 41 Lê Duẩn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3822041; Fax: (0236) 3823683 Email: webmaster@ac.udn.vn, Website: udn.vn
1.	Trường Đại Học Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 54 Nguyễn Lương Bằng, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3842308 - (0236) 3842308 Email: tchc.dhbk@dut.udn.vn, Website: dut.udn.vn
2.	Trường Đại Học Kinh Tế - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn, P. Bắc Mỹ Phú, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3836 169 Email: kinhtedanang@due.edu.vn Website: due.udn.vn
3.	Trường Đại Học Sư Phạm - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: Số 459 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3841 323, Fax: (0236) 3842 953 Email: ued@ued.udn.vn Website: ued.udn.vn
4.	Trường Đại Học Ngoại Ngữ - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 131 Lương Nhữ Hộc, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0236. 3699324 Fax: 0236 3699338 Email: dhnn@ufl.udn.vn, Website: ufl.udn.vn
5.	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 48 Cao Thắng, P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3822 571 Email: dhsptktdn@ute.udn.vn Website: ute.udn.vn
6.	Trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông Việt - Hàn - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: Khu Đô Thị Đại học Đà Nẵng, 470 Trần Đại Nghĩa, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3667117 - (0236) 6552688 Email: info@vku.udn.vn, Website: vku.udn.vn
7.	Khoa Y Dược - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: Khu Đô Thị Đại học Đà Nẵng, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 7109.357- 1900.234557 Email: smp@ac.udn.vn Website: smp.udn.vn
8.	Khoa Giáo Dục Thể Chất Trung Tâm Thể Thao - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 62 Ngô Sĩ Liên, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3841325 Email: fpe.udn@gmail.com, Website: fpe.udn.vn
9.	Viện Công Nghệ Quốc Tế DNIIT - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: Phòng 602 - 604, Tòa nhà B, Đại học Đà Nẵng, 41 Lê Duẩn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3812 173 Email: contact@dniit.udn.vn Website: dniit.udn.vn
10.	Viện Nghiên Cứu Và Đào Tạo Việt Anh - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 158A Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3738399 Email: admission@vnuk.edu.vn, Website: vnuk.udn.vn
11.	Trường Đại Học Thể Dục Thể Thao Đà Nẵng Địa chỉ: 44 Dũng sỹ, P. Thanh Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3707188 - Fax : (0236) 3759409 Email: ttdtdn@upes3.edu.vn Website: dsu.edu.vn
12.	Trường Đại Học Kỹ Thuật Y - Dược Đà Nẵng Địa chỉ: 99 Hùng Vương, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0236.3835380 Email: dhkt@dhktyduocdn.edu.vn Website: dhktyduocdn.edu.vn

13.	Trường Đại Học Duy Tân Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3650403 – (0236) 3827111 Email: tuyensinh@dtu.edu.vn, Website: duytan.edu.vn
14.	Trường Đại Học Đông Á Địa chỉ: 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3519.929 – (0236) 3519.991 Email: phongtuyensinh@donga.edu.vn Website: donga.edu.vn
15.	Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng Địa chỉ: 566 Núi Thành, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0944 850 888 Email: info@dau.edu.vn, Website: dau.edu.vn
16.	Trường Đại Học Mỹ Tại Việt Nam Địa chỉ: 299 Trần Đại Nghĩa, P. Hoà Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0236.3967 585 – 0236.3967 595 Email: admission@auv.edu.vn Website: auv.edu.vn
17.	Trường Đại Học FPT Địa chỉ: Khu đô thị FPT Đà Nẵng, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 730 0999 Email: dnuni@fe.edu.vn Website: dnuni.fpt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Đà Nẵng Địa chỉ: 130 Lê Quang Đạo, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 2248132 – (0236) 2248135 Email: tvhnt@danang.gov.vn, Website: vhntrng.vn
2.	Trường Cao đẳng Kinh Tế - Kế Hoạch Đà Nẵng Địa chỉ: 143 Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3842062. Email: phongdaotaocpe@yahoo.com Website: cep.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Lương Thực - Thực Phẩm Địa chỉ: 101B Lê Hữu Trác, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3831228 Email: vanthu@cfi.edu.vn, Website: cfi.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Trung Ương V Địa chỉ: 28 Ngô Xuân Thu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 02363842266 - 0236.3842086 Email: cdgtvtw5@caodanggtvtw5.edu.vn Website: caodanggtvtw5.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Thương Mại Địa chỉ: 45 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3780 525 – 3759580 Email: tuyensinhcoc247@gmail.com Website: cdtm.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Bách Khoa Đà Nẵng Địa chỉ: 271 Tố Hữu, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3640666 - 3640676 - 3621511 website: bachkhoadanang.edu.vn Email: cdbk@bachkhoadanang.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Lạc Việt Địa chỉ: 42 - 46 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3553.444 Email: caodanglacviet@gmail.com Website: caodanglacviet.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Đại Việt Đà Nẵng Địa chỉ: 65 Nguyễn Lộ Trạch, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3644999 Email: tuyensinh@daivietdanang.edu.vn Website: daivietdanang.edu.vn

9.	Trường Cao Đẳng Phương Đông - Đà Nẵng Địa chỉ: 30- 32 Phan Đăng Lưu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3794999 - 3642712 Email: cdpd.edu@gmail.com Website: cdpd.edu.vn
10.	Trường Cao Đẳng Nghề Đà Nẵng Địa chỉ: 99 Tô Hiến Thành, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3942.790 – (0236) 3940.946 Email: tuyensinh@danavtc.edu.vn Website: danavtc.edu.vn
11.	Trường Cao Đẳng Nguyễn Văn Trỗi Địa chỉ: Số 69 Đoàn Hữu Trưng, P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3605677 Email: tvccollege@gmail.com Website: nguyenvantricollege.edu.vn
12.	Trường Cao Đẳng Hoa Sen Địa chỉ: K62/39 Hà Huy Tập, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0236.366.1818 – (0236) 366 1919 Email: tuyensinh@hsc.edu.vn, Website: hsc.edu.vn
13.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Đà Nẵng Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Tổ 69, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3 957 957, Fax: (0236) 3957 956 Email: info@dvtc.edu.vn, Website: dvtc.edu.vn
14.	Trường Cao Đẳng Nghề Việt - Úc Địa chỉ: K476/8 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0935052727, Fax: (0236) 3814500 Email: cdnvietuc@gmail.com Website: vavc.edu.vn
15.	TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUỐC TẾ PEGASUS Địa chỉ: Vùng Trung 3, Khu đô thị mới Phú Mỹ An, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 7301 555 Email: study@pegasus.edu.vn Website: pegasus.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Quảng Nam	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Quảng Nam Địa chỉ: 102 Đại lộ Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3812834 – 02353.812.931 Email: htduong@qnamuni.edu.vn Website: qnamuni.edu.vn
2.	Trường Đại Học Phan Châu Trinh Địa chỉ: 09 Nguyễn Gia Thiều, P. Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3 757 959 Email: info@pctu.edu.vn Website: pctu.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Y Tế Quảng Nam Địa chỉ: 49 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3851705 Email: info@cdytqn.edu.vn, Website: cdytqn.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Điện Lực Miền Trung Địa chỉ: 04 Nguyễn Tất Thành, Hội An, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 2212.201 Email: cdmt@cdmt.edu.vn Website: cdmt.vn
3.	Trường Cao Đẳng Phương Đông - Quảng Nam Địa chỉ: 03 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: 0968.433.633 - 0913.247.365 Email: tuyensinh@cpd.edu.vn Website: cpd.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Quảng Nam Địa chỉ: 431 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: 0235.3851442 - 0235.3858001 Email: cdqn@quangnam.gov.vn Website: cdqn.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng THACO Địa chỉ: KCN Tam Hiệp, H. Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3 567 112 Email: rep-thacocollege@thaco.com.vn Website: thacocollege.edu.vn

6.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Kinh Tế Và Thủy Lợi Miền Trung Địa chỉ: 14 Nguyễn Tất Thành, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3861282 - 863366 Email: tuyensinhcktt@gmail.com Website: ckt.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Quảng Ngãi	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Phạm Văn Đồng Địa chỉ: 509 Phan Đình Phùng, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3824041, Fax: (0255) 3824925 Email: tuyensinh@pdu.edu.vn Website: pdu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Tài Chính - Kế Toán Địa chỉ: 02 Lê Quý Đôn, thị trấn La Hà, H. Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: 0255.3845578 Email: info@tcktt.edu.vn Website: tcktt.edu.vn
3.	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM - Phân hiệu Quảng Ngãi Địa chỉ: 938 Quang Trung, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 6250 075, (0255) 2222 135 Email: phqngai@iuh.edu.vn Website: qn.iuh.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Quảng Ngãi Địa chỉ: KM 1051+400 QL 1A, P. Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 2217077 Email: tuyensinh@qnc.edu.vn, Website: qnc.edu.vn
2.	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm Địa chỉ: Số 17 Nguyễn Chánh, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3822904 – (0255) 3725658 Email: cdytdtt@gmail.com, Website: dtt.edu.vn
3.	Trường CB Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi Địa chỉ: 236 Hoàng Hoa Thám, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3718143 Email: info@vkkqnc.edu.vn, Website: vkkqnc.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Cơ Giới Địa chỉ: Nghĩa Kỳ, H. Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3825451 Email: cd.cogioi@gmail.com Website: caodangcogioi.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ Dung Quất - Quảng Ngãi Địa chỉ: Đồ thị Vạn Tường, X. Bình Hải, H. Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 6253.889, 6515.820 Email: cdkn@dungquat.edu.vn Website: dungquat.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Bình Định	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Quy Nhơn Địa chỉ: 170 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 3846156 Email: dhqn@qnu.edu.vn - tuvantuyensinh@qnu.edu.vn Website: qnu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Quang Trung Địa chỉ: 327 Đào Tấn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 2241 037 - (0256) 3648 389 Email: phongtts@qtu.edu.vn, Website: qtu.edu.vn
3.	Trường Đại Học FPT Địa chỉ: Khu đô thị An Phú Thịnh, P. Nhơn Bình và P. Đống Đa, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: 0256 7300 999 Email: Qnuni@fe.edu.vn, Website: daihoc.fpt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Y Tế Bình Định Địa chỉ: Số 130 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: 02563.829.618 Email: cdytbd@gmail.com Website: caodangytebinhdinh.edu.vn

2.	Trường Cao Đẳng Cơ Điện - Xây Dựng Và Nông Lâm Trung Bộ Địa chỉ: Khu vực 8, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 35 10 669 Email: cdtb@cdtb.edu.vn Website: cdntrungbo.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Quy Nhơn Địa chỉ: 172 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 6274393 – (0256) 6251.541 Email: tuyensinh@cdkctcnq.edu.vn - qcet@cdkctcnq.edu.vn Website: cdkctcnq.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại hai Tỉnh Gia Lai và Kon Tum	
1.	Phân Hiệu Trường Đại Học Nông Lâm TP. HCM Tại Gia Lai Địa chỉ: Trần Nhật Duật, Thôn 01, Xã Diên Phú, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3877.035 Email: phgl@hcmuaf.edu.vn Website: phgl.hcmuaf.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Gia Lai Địa chỉ: 126 Lê Thánh Tôn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3877.244, Fax: (0269) 3877312 Email: cdspgialai@cdspgialai.edu.vn Website: cdspgialai.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Gia Lai Địa chỉ: Thôn 6, Xã Diên Phú, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3825001, Fax: (0269) 3867739 Email: info@cdngl.edu.vn, Website: cdngl.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Y Dược TP. Hà Nội Cơ Sở Đào Tạo Tại Tây Nguyên Địa chỉ: Trường Trung cấp nghề số 15 Bình Đoàn 15 – BQP Số 252 Đường Trường Sơn, P. Yên Thế, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: 0979 248 907 - 0981 483 777 Website: caodangyduoctaynguyen.com
Danh sách các trường CĐ tại Tỉnh Kon Tum	
1.	Phân Hiệu Đại Học Đà Nẵng Tại Kon Tum Địa chỉ: 704 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum Điện thoại: (0260) 3913 029, Fax: (0260) 3913 029 Email: udc@kontum.udn.vn Website: kontum.udn.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Kon Tum Địa chỉ: 14 Ngụy Như Kon Tum, Tổ 3, P. Ngô Mây, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum Điện thoại: (0260) 3.864.929, Fax: (0260) 3.856.829, Email: banbientap@ktcc.edu.vn Website: ktcc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Đắk Lắk	
1.	Trường Đại Học Tây Nguyên Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: 0262. 3825185, Fax: (0262) 3825184 Email: dhnt@ttn.edu.vn Website: ttn.edu.vn
2.	Trường Đại Học Y Dược Buôn Ma Thuột Địa chỉ: 298 Hà Huy Tập, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3986688 Email: daihocbmt@bmtu.edu.vn Website: bmtu.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Đắk Lắk Địa chỉ: 349 Lê Duẩn, P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3852 678 Website: dlc.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Đắk Lắk Địa chỉ: 05 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3952636; Fax: (0262) 3958213 Email: phongcntt.cvl@moet.edu.vn Website: vhtndaklak.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Tây Nguyên Địa chỉ: 594 Lê Duẩn, P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3825238 – (0262) 3825 911 Email: thachnn@cdntaynguyen.edu.vn Website: cdntaynguyen.edu.vn

6.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Đắk Lắk Địa chỉ: 30 Y Ngông, P. Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3860140, Fax: (0262) 3860140 Email: vusunhai@cdktdaklak.edu.vn Website: cdndaklak.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Y Tế Đắk Lắk Địa chỉ: 32 Y Ngông, P. Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: 0262 3 845 678 Email: caodangytedaklak@gmail.com Website: dmc.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Bách Khoa Tây Nguyên Đại chỉ: 300 Hà Huy Tập, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 8551 558 – (0262) 2466 879 Email: tuyensinh@tnpc.edu.vn Website: tnpc.edu.vn
Danh sách các Học viện, trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Phú Yên	
ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN	
1.	Trường Đại Học Phú Yên Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Huyền, P. 9, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3843025 Email: daihocphuyen@pyu.edu.vn Website: pyu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Xây Dựng Miền Trung Địa chỉ: 24 Nguyễn Du, P. 7, TP. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3823 371 Email: dhxdmt@muce.edu.vn Website: muce.edu.vn
3.	Học Viện Ngân Hàng (phần Viện Phú Yên) Địa chỉ: 441 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3810311 - (0257) 3824744 Email: pvphuyen@hvn.edu.vn Website: bap.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Công Thương Miền Trung Địa chỉ: 261 Nguyễn Tất Thành, P. 8, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 38.28.248 Email: Support@Mitc.Edu.vn Website: mitc.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Phú Yên Địa chỉ: 276 Trường Chinh, P.7, TP. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3842328 Email: caodangnghephuyen@cdnp.edu.vn Website: cdnp.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Phú Yên Địa chỉ: 270 Trần Hưng Đạo, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3.823547 Email: truongytepy@gmail.com Website: ypy.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Khánh Hòa	
1.	Trường Đại Học Nha Trang Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, P. Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 831 149 Email: tuyensinh@ntu.edu.vn, Website: ntu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Thái Bình Dương Địa chỉ: 79 Mai Thị Đông, P. Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 727 181 Email: tbd@moet.edu.vn Website: tbd.edu.vn
3.	Trường Đại Học Khánh Hòa Địa chỉ: 01 Nguyễn Chánh, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 523 420 Email: pttvhtqt@ukh.edu.vn Website: ukh.edu.vn
4.	TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG NHA TRANG Địa chỉ: 46 Nguyễn Thiện Thuật, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: (0258) 3526617 - (0258) 3522508 Email: tchc.dbdhtnt10@gmail.com Website: dbdhnhatrang.edu.vn

5.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm TW Nha Trang Địa chỉ: Đồng Đế, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3831166 - Fax: (0258) 3832736 Email: cm2@sptwnt.edu.vn, Website: sptwnt.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Y Tế Khánh Hoà Địa chỉ: 84 Quang Trung, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3.521171 Email: cdyt@khanhhoa.gov.vn, Website: cyk.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Nha Trang Địa chỉ: Đường N1, Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3881139 Email: cdktcn@khanhhoa.gov.vn Website: cdktcnnt.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Nha Trang Địa chỉ: 02, Đường Điện Biên Phủ, P.Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 551 777 - 0359 130 130 Email: cddlnt@ntc.edu.vn, Website: ntc.edu.vn
9.	Trường Cao Đẳng Y Dược Sài Gòn – CS Nha Trang Địa chỉ: Số 08 đường Pasteur, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3822 279 Email: Cdyduocsaiigon@gmail.com Website: caodangyduocnhatrang.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Ninh Thuận	
1.	Trường Đại Học Nông Lâm – Phân hiệu Ninh Thuận Địa chỉ: Số 8 đường Yên Ninh, Thị trấn Khánh Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: (0259) 472252 (BP. Đào tạo) Email: phnt@hcmuaf.edu.vn Website: phnt.hcmuaf.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Ninh Thuận Địa chỉ: Đường 16/4, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: (0259) 3511540 Email: p.tchc.ntn@gmail.com, Website: cnn.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Lâm Đồng	
1.	Trường Đại Học Đà Lạt Địa chỉ: 01 Phủ Đồng Thiên Vương, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3822246; Fax: 02630 3823380 Email: info@dlu.edu.vn; Website: dlu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Yersin Đà Lạt Địa chỉ: Số 27 Tôn Thất Tùng, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3552111, Fax: (0263) 3554966 Email: daihocyersin@yersin.edu.vn Website: yersin.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Lâm Đồng Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3822153, Fax: (0263) 3615000 Email: cdytld@caodangytelamdong.edu.vn Website: cdytld.edu.vn
4.	Trường Cao đẳng Đà Lạt Địa chỉ: 109 Yersin, P. 10, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: 0263.3836654 Email: tchc@cdndalat.edu.vn Website: cddl.edu.vn
5.	Trường CĐ Công Nghệ Và Kinh Tế Bảo Lộc Địa chỉ: 454 Trần Phú, P. 2, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: 0979 11 07 07 Email: itvanmai@gmail.com Website: blc.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Đà Lạt Địa chỉ: Km số 5, đường Cam Ly, Phường 7, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: 02633.554.913 Email: daotaodtc@gmail.com Website: dlc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Bình Thuận	
1.	Trường Đại Học Phan Thiết Địa chỉ: 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận Điện thoại: 076 253 8686 - (0252) 628 3838 Email: tuyensinhdht@upt.edu.vn Website: upt.edu.vn

2.	TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN Địa chỉ: 05 Đường Tôn Thất Bách, P. Phú Tài, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận Điện thoại: (0252) 3835084 - 3835086 Email: cdbt@binhthuan.gov.vn Website: tcdbt.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Đồng Nai	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Đồng Nai Địa chỉ: Số 9, Lê Quý Đôn, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3824 684 Email: lienhe@dnpu.edu.vn Website: dnpu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Công Nghệ Đồng Nai Đường Nguyễn Khuyến, KP5, P.Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 098 639 77 33 Email: tuyensinh@dnpu.edu.vn Website: dnpu.edu.vn
3.	Trường Đại Học Lạc Hồng Địa chỉ: 10 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3952778, Fax: (0251) 3952534 Email: lachong@lhu.edu.vn Website: lhu.edu.vn
4.	Trường Đại Học Lâm Nghiệp – Phân Hiệu Đồng Nai Địa chỉ: Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3866.242 Email: tuyensinh@vnu2.edu.vn Website: vnu2.edu.vn
5.	Trường Đại học Công Nghệ Miền Đông Địa chỉ: Quốc lộ 1A, KP Trần Hưng Đạo, Thị Trấn Dầu Giây, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3772.668 - 0981.767.568 Email: tuyensinh@mit.vn Website: mit.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Trang Trí Đồng Nai Địa chỉ: 7 (368 cũ) Đường 30/4, P. Trung Dũng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3816 820 – (0251) 3822 042 Email: cdmtdn@dnca.edu.vn Website: dnca.edu.v
2.	Trường Cao Đẳng Thống Kê II Địa chỉ: KP5, P.Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3891 947 Email: cdtk.cos2@gmail.com, Website: thongke2.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Nai Địa chỉ: Khu phố 9, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3 881.390 - (0251) 2211 154. Email: info@cycd.edu.vn Website: cycd.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ & Quản Trị SONADEZI Địa chỉ: Số 01, đường 6A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3994.011 Email: info@sonadezi.edu.vn Website: sonadezi.edu.vn
5.	Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn Địa chỉ: 538 Quốc lộ 51, KP3, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 097 368 54 39 Email: info@lqd.edu.vn Website: lqd.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Quốc Tế LiLama 2 Địa chỉ: Km 32 QL 51, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3558700 - Fax: (0251) 3558711 Email: Headoffice@lilama2.edu.vn Website: lilama2.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Cơ Giới Và Thủy Lợi Địa chỉ: KM44, QL1A, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 096 824 11 16 Email: vcml.dn@gmail.com Website: vcml.edu.vn

8.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Cao Đồng Nai Địa chỉ: 47 Tôn Đức Thắng, Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 384.4237 Email: vothetandni@gmail.com Website: dcoht.edu.vn
9.	Trường Cao Đẳng Hòa Bình Xuân Lộc Địa chỉ: Giáo xứ Lai Ôn, Ấp Lộ Đức, Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3980 789 Email: caodanghoabinhxuanloc@gmail.com Website: caodanghoabinhxuanloc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Bình Dương	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Thủ Dầu Một Địa chỉ: Số 06 Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0274.383.4512 – 0274.384.4226 Email: thongtindientu@tdmu.edu.vn Website: tdmu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Hoà Phú, TP. Mới Bình Dương, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 222 0372 Email: info@eiu.edu.vn Website: eiu.edu.vn
3.	Trường Đại Học Việt - Đức Địa chỉ: Đường Lê Lai, P. Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 222 0990 – 0988 54 52 54. Email: study@vgu.edu.vn Website: vgu.edu.vn
4.	Trường Đại Học Bình Dương Địa chỉ: Số 504 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương Điện thoại: (0274) 3822 058 - 3820 833 Email: info@bdu.edu.vn; Website: bdu.edu.vn
5.	Đại Học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương Địa chỉ: 333 Đường Thuận Giao 16, P.Thuận Giao, TP.Thuận An, T. Bình Dương Điện thoại 0977.61.55.61 - 0888.61.66.61 Email: tuyensinh@ktkt.edu.vn, ktktbd@ktkt.edu.vn Website: ktkt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Y Tế Bình Dương Địa chỉ: 529 Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3822 727 - 3832867 Email: tuyensinhcby@gmail.com Website: cdybinhduong.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Việt Nam – Singapore Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, P. Thuận Giao, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3831 413 – 3824 269 - 3820 655. Email: caodangnghe_vs@vsvc.edu.vn Website: vsvc.edu.vn
3.	Trường Cao đẳng Công Nghệ Cao Đồng An Địa chỉ: 90 đường 30/4, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3774 647 – Fax: (0274)3774573 Email: tuyensinh@dongan.edu.vn Website: dongan.edu.vn
4.	Trường CĐ Công Nghệ Và Nông Lâm Nam Bộ Địa chỉ: Số 456 QL1k, KP. Nội Hóa 1, P. Bình An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0274 3751 531 Email: ts.truongnghenambo@gmail.com Website: cnnlnb.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Đường Sắt - Phân Hiệu Phía Nam Địa chỉ: Số 07 đường Lý Thường Kiệt, P. Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3752 033 Email: phphn@truongduongsat.edu.vn Website: caodangduongsat-cs2.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Việt Nam – Hàn Quốc Bình Dương Địa chỉ: 06 đường Đồng Cây Viêt, KP. 1, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3822.460 – 3825.665 Email: phonghanhcinhvietnan@gmail.com Website: vietnanbd.edu.vn

7.	Trường Cao Đẳng Nghề Số 22 – BQP Địa chỉ: Số 76, đường số 10, KP. Thống Nhất 2, P. Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0967342.888 – 0984 181501 Email: nguyendangduong.tcnso22@gmail.com
Danh sách các trường CĐ tại Tỉnh Bình Phước	
1.	Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Cao Su Địa chỉ: 1428 Phú Riêng Đỏ, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước Điện thoại: (0271) 3879 787 – 3880 689 Email: caodangcaosu@ric.edu.vn Website: ric.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Bình Phước Địa chỉ: Số 899, Quốc lộ 14, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước Điện thoại: 02713 881 093 Email: info@cdbp.edu.vn Website: bpc.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại Tỉnh Tây Ninh	
1.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Tây Ninh Địa chỉ: KP. Ninh Trung, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh Điện thoại: (0276) 382 6478, Email: cdsptayninh@moe.edu.vn Website: cdsptayninh.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Tây Ninh Địa chỉ: 19 Võ Thị Sáu, KP.3, P.3, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh Điện thoại: (0276) 3814 393 – 3815 480 Email: caodangnghe.tn@gmail.com, Website: cdnghetayninh.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại Tỉnh Đắk Nông	
1.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Đắk Nông Địa chỉ: Đường Hùng Vương, Tổ dân phố 6, P. Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông Điện thoại: (0261) 3.577.699 - 3.500.299 Email: caodangcongdong@daknong.gov.vn Website: dncc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	
1.	Trường Đại Học Dầu Khí Việt Nam Địa chỉ: Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Toàn, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3738879 - (0254) 3738877 Email: tuyensinh@pvu.edu.vn Website: pvu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Bà Rịa - Vũng Tàu Địa chỉ: 80 Trường Công Định, P. 3, TP. Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 730 5456 - Fax: (0254) 353 22 33 Email: dhbrvt@bvuu.edu.vn Website: bvuu.edu.vn
3.	Trường Đại học Mở - Địa chất Cơ Sỡ Đào Tạo Bà Rịa Vũng Tàu Địa chỉ: 139, đường Phan Chu Trinh, P. 2, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Điện thoại: 0254.3852178 Email: vungtau@humg.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Bà Rịa - Vũng Tàu Địa chỉ: 689 Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Toàn, TP. Bà Rịa Điện thoại: (0254) 3826644 – 3825275 Email: cdsprvt@gmail.com Website: cdsprvt.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Dầu khí Địa chỉ : 120 Đường Trần Phú, P. 5, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3838446 - 3838157 Email: info@pvcollege.edu.vn Website: pvcollege.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Vũng Tàu Địa chỉ: 459 Trường Công Định - TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 385 9964 - 385 3334 Email: truongdulich@vtvc.edu.vn Website: vtvc.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu Địa chỉ: Khu phố Thanh Tân, Thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3866 420 Email: info@bctech.edu.vn, Website: bctech.edu.vn

8.	Trường Cao Đẳng Quốc Tế Tuệ Đức VABIS Địa chỉ: Đường Trường Chinh, KP Vạn Hạnh, P. Phú Mỹ, TX. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3923 194 - 0855.007.008 Email: tuyensinh.cd@truongxanh.edu.vn Website: caodangtueduc.edu.vn
9.	Trường CĐ Khách Sạn Du Lịch Quốc Tế IMPERIAL Địa chỉ: 159 - 163 Thủy Vân, TP. Vũng Tàu Điện thoại: 089 916 68 88 Email: info@imperialhotelschool.edu.vn Website: imperial.edu.vn
Danh sách các Đại Học, Học viện, trường ĐH, CĐ tại Thành phố Hồ Chí Minh	
ĐẠI HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN	
	Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh Và Các Trường Thành Viên Địa chỉ: P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 37242181 - 37242 160 Email: info@vnuhcm.edu.vn Website: vnuhcm.edu.vn
1.	Trường ĐH Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn, ĐHQG-HCM Địa chỉ : 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 3829 3828 Email: nhanvan@hcmussh.edu.vn Website: hcmussh.edu.vn
2.	Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG-HCM Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, P. 4, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (028) 6288 4499 Email: info@hcmus.edu.vn Website: hcmus.edu.vn
3.	Trường ĐH Bách Khoa, ĐHQG-HCM Địa chỉ: 268 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q. 10, TP. HCM Điện thoại: 028 3864 7256 - 5282 Email: info@hcmut.edu.vn Website: hcmut.edu.vn
4.	Trường ĐH Kinh Tế - Luật, ĐHQG-HCM Địa chỉ: Số 669 Đường Quốc lộ 1, KP. 3, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3724 4555 Email: tuvantuyensinh@uel.edu.vn Website: uel.edu.vn
5.	Trường ĐH Quốc Tế, ĐHQG-HCM Địa chỉ : Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 37244270 - (028) 37244271 Email: info@hcmiu.edu.vn Website: hcmiu.edu.vn
6.	Trường ĐH Công Nghệ Thông Tin, ĐHQG-HCM Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3725.2002 Email: info@uit.edu.vn Website: uit.edu.vn
7.	Khoa Y, ĐHQG-HCM Địa chỉ: Nhà Điều hành ĐHQG-HCM, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 37242160 Website: medvnu.edu.vn, Email: tttt@medvnu.edu.vn
8.	Trường ĐH Y Dược TP. HCM Địa chỉ : 217 Hồng Bàng, P. 11, Q.5, TP. HCM Điện thoại: (028) 38558411 Email: daihocyduoc@ump.edu.vn Website: ump.edu.vn
9.	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch Địa chỉ: 2 Dương Quang Trung, P.12, Q.10, TP. HCM Điện thoại: (028) 38.652.435 Email: info@pnt.edu.vn Website: pnt.edu.vn
10.	Trường ĐH Ngoại Thương Cơ sở II – TP. HCM Địa chỉ: Số 15, đường D5, Khu Văn Thánh Bắc, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028)35127254 - (028)35127255 Website: cs2.ftu.edu.vn
11.	Trường ĐH Sân Khấu, Điện Ảnh TP. HCM Địa chỉ: 125 Cống Quỳnh, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (028) 38393658 Website: skdahcm.edu.vn

12.	Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP. HCM Địa chỉ: Số 1 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 38968641 - 37222764 Email: ptchc@hcmute.edu.vn Website: hcmute.edu.vn
13.	Trường ĐH Sài Gòn Địa chỉ: 273 An Dương Vương, P. 3, Q.5, TP. HCM Điện thoại: (028) 38.354409 - 38.352309 Email: daihocsaigon@sgu.edu.vn Website: sgu.edu.vn
14.	Trường ĐH Tài Nguyên - Môi Trường TP. HCM Địa chỉ: 236B Lê Văn Sỹ, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM Điện thoại: (028) 3844 3006 Email: tuyensinh@hcmunre.edu.vn Website: hcmunre.edu.vn
15.	Trường ĐH Tôn Đức Thắng Địa chỉ: 19 Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 37 755 035; Fax: (028) 37 755 055 Email: tonducthanguniversity@tdtu.edu.vn Website: tdtu.edu.vn
16.	Trường ĐH Công Nghiệp TP. HCM Địa chỉ: 12 Nguyễn Văn Bảo, P. 4, Q.Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (028) 3 8940 390 Email: dhcn@iuh.edu.vn Website: iuh.edu.vn
17.	Trường ĐH Giao Thông Vận tải TP. HCM Địa chỉ: 02, đường Võ Oanh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 3899 1373 Email: ut-hcmc@ut.edu.vn; Website: ut.edu.vn
18.	Trường ĐH Kiến Trúc TP. HCM Địa chỉ: 196 Pasteur, P. 6, Q. 3, TP. HCM Điện thoại: (028) 38.222.748 Email: tuyensinh@uah.edu.vn Website: uah.edu.vn
19.	Trường ĐH Lao Động - Xã Hội (cơ sở 2) Địa chỉ: Số 1018 Tô Ký, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP. HCM Điện thoại: (028) 3883 7814 Email: websitedlxh@gmail.com Website: ldhx.edu.vn
20.	Trường ĐH Luật TP. HCM Địa chỉ: 02 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. HCM Điện thoại: 1900 5555 14 Email: tuyensinh@hcmulaw.edu.vn Website: hcmulaw.edu.vn
21.	Trường ĐH Mở TP. HCM Địa chỉ: 35 – 37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: 028-38364748 Email: ou@ou.edu.vn; Website: ou.edu.vn
22.	Trường ĐH Mỹ Thuật TP. HCM Địa chỉ: 5 Phan Đăng Lưu, P.3, Q.Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 3841 6010 Email: daotao@hcmufa.edu.vn Website: hcmufa.edu.vn
23.	Phân Hiệu Trường ĐH GTVT Tại TP. HCM Địa chỉ: 450 - 451 Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3896.6798 - (028) 7300.1155 Email: banbientap@utc2.edu.vn Website: utc2.edu.vn
24.	Trường ĐH Công Thương TP. HCM Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, P.Tây Thạnh, Q. Tân phú, TP. HCM Điện thoại: 0283 8163 318 Email: info@hufi.edu.vn; Website: hufi.edu.vn
25.	Trường ĐH Ngân Hàng TP. HCM Địa chỉ: 36 Tôn Thất Dạm, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 3821 2430 – 38 291901 Email: dhnhTPHCM@buh.edu.vn Website: buh.edu.vn
26.	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM Địa chỉ: P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3896.6780 Email: vphanhcinhh@hcmuaf.edu.vn Website: hcmuaf.edu.vn

27.	Trường ĐH Tài Chính - Marketing Địa chỉ: Số 778 Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (028) 38726789 Email: contact@ufm.edu.vn Website: ufm.edu.vn
28.	Trường ĐH Văn Hóa TP. HCM Địa chỉ: 51 Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 38992901 Email: dhvh@hcmuc.edu.vn Website: hcmuc.edu.vn
29.	Trường ĐH Kinh tế - Tài Chính TP. HCM Địa chỉ: 141 - 145 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 5422 5555 - 5422 6666 Email: tuyensinh@uef.edu.vn Website: uef.edu.vn
30.	ĐH Kinh Tế TP. HCM Địa chỉ : 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q. 3, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8295 299 Email: info@ueh.edu.vn Website: ueh.edu.vn
31.	Trường ĐH Sư Phạm Thể Dục Thể Thao TP. HCM Địa chỉ: 639 Nguyễn Trãi, P. 11, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: 028 3855 5432 Email: upes.hcmc@gmail.com Website: upes.edu.vn
32.	Trường ĐH Sư Phạm TP. HCM Địa chỉ: 280 An Dương Vương, P. 4, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (028) 3835 2020 Email: tuyensinh@hcmue.edu.vn Website: hcmue.edu.vn
33.	Trường ĐH Thể Dục Thể Thao TP. HCM Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3896 0322 Email: tuyensinhush@gmail.com Website: ush.edu.vn
34.	Phân Hiệu Trường ĐH Thủy Lợi - TP. HCM Địa chỉ: 02 Trường Sa, P.17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 3840 0532 Email: phanhiieu@tlu.edu.vn Website: tlu.edu.vn
35.	Trường ĐH Hoa Sen Địa chỉ: 08 Nguyễn Văn Tráng, P. Bến Thành, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (028) 7300 7272 - 0908 275 276 Email: tuyensinh@hoasen.edu.vn Website: hoasen.edu.vn
36.	Trường ĐH Hùng Vương TP. HCM Địa chỉ: 736 Nguyễn Trãi, P. 11. Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (028) 3855 3675 Email: info@hvuh.edu.vn Website: hvuh.edu.vn
37.	Trường ĐH Ngoại Ngữ - Tin Học TP. HCM Địa chỉ: 828 Sư Vạn Hạnh, P.13, Q.10, TP. HCM Điện thoại: (028) 38 632 052 – 38 629 232. Email: contact@hufit.edu.vn Website: hufit.edu.vn
38.	Trường ĐH Công Nghệ TP. HCM Địa chỉ : 475A Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 5445 7777 Email: hutech@hutech.edu.vn, Website: hutech.edu.vn
39.	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành Địa chỉ: 300A Nguyễn Tất Thành, P.13, Q. 4, TP. HCM Điện thoại: 1900 2039 Email: tuyensinh@ntt.edu.vn - ntt@ntt.edu.vn Website: ntt.edu.vn
40.	Trường ĐH Quốc Tế Hồng Bàng Địa chỉ: 215 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 73083.456 - 0938.69.2015 Email: huu@hiu.vn, Website: hbu.edu.vn
41.	Trường ĐH Công Nghệ Sài Gòn Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, P. 4, Q.8, TP. HCM Điện thoại: (028) 3850 5520 Email: contact@stu.edu.vn Website: stu.edu.vn

42.	Trường ĐH Văn Hiến Địa chỉ: 665 - 667 - 669 Điện Biên Phủ, P.1. Q. 3, TP. HCM Điện thoại: (028) 3832 0333 Email: info@vhu.edu.vn Website: vhu.edu.vn
43.	Trường ĐH Gia Định Địa chỉ: 185 -187 Hoàng Văn Thụ, P.8, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (028)7301.3456 – 096 1121 018 Email: tuyensinh@giadinh.edu.vn Website: giadinh.edu.vn
44.	Trường ĐH Văn Lang Địa chỉ: Cơ sở chính: 68/69 Đặng Thùy Trâm, P.13, Quận Bình Thạnh, TP. HCM Cơ sở 1: 45 Nguyễn Khắc Nhu, P. Cô Giang, Quận 1, TP. HCM Cơ sở 2: 233 Phan Văn Trị, P11, Quận Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 7105 9999 Email: info@vlu.edu.vn Website: www.vlu.edu.vn
45.	Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP. HCM Địa chỉ: 10 Đ. 3 Tháng 2, P. 12, Quận 10, TP. HCM Điện thoại: 028 3865 6054 Website: napa.vn
46.	Trường ĐH FPT Địa chỉ: Lô E2a-7, đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q. 9, TP. HCM Điện thoại: (028) 7300 1866 Email: daihoc.hcm@fpt.edu.vn Website: daihoc.fpt.edu.vn
47.	Trường ĐH Quốc Tế Sài Gòn Địa chỉ: 08C, 16 & 18 Tổng Hữu Định, P.Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 36203932 – (028) 54093929 Email: admission@siu.edu.vn Website: siu.edu.vn
48.	Trường ĐH Quốc Tế RMIT Việt Nam Địa chỉ: 702 Nguyễn Văn Linh, P. Tân Hưng, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 3776 1369 Email: enquiries@rmit.edu.vn Website: rmit.edu.vn
49.	Học Viện Hàng Không Việt Nam Địa chỉ: 104 Nguyễn Văn Trỗi, P. 8, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: 0911 959 505 – (028) 38422199 Email: info@vaa.edu.vn Website: vaa.edu.vn
50.	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông Cơ sở TP. HCM Địa chỉ: 11 Nguyễn Đình Chiểu, P. ĐaKao, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (028) 38.295.258 Email: hvbcvthcm@ptithcm.edu.vn Website: ptithcm.edu.vn
51.	Học Viện Cán Bộ Thành Phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: 324 Chu Văn An, P. 12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028)22437830 Email: hocviencanbo@TPHCM.gov.vn Website: hocviencanbo.hochiminhcity.gov.vn
52.	Nhạc Viện Thành phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: 112 Nguyễn Du, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 38 225 841 Website: hcmcons.vn
53.	Trường Đại Học Fulbright Việt Nam Địa chỉ: Tầng 2, 105 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 7303 2255 - 7303 7788 Email: info@fulbright.edu.vn Website: fulbright.edu.vn
54.	Trường Đại Học Quản Lý Và Công Nghệ TP. HCM Địa chỉ: Đường 60CL, Khu đô thị Cát Lái, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: +84 28 3636 9119 Email: info@umt.edu.vn Website: umt.edu.vn

CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Kinh tế TP. HCM Địa chỉ: 33 Vĩnh Viễn, P. 2, Q. 10, TP. HCM Điện thoại: 028. 38330731 - 38322825 Email: hce@kthcm.edu.vn Website: kthcm.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức Địa chỉ: 53 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 38970023 - 38966825, Email: tdc@mail.tdc.edu.vn - tdc@tdc.edu.vn Website: tdc.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại Địa chỉ: 287 Phan Đình Phùng, P. 15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8446 320 – 8459 971 Email: cofer@cofer.edu.vn, Website: cofer.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng Địa chỉ: 65 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8212 868 Email: ktcaothang@caothang.edu.vn Website: caothang.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Công Thương TP. HCM Địa chỉ: 20 Tầng Nhon Phú, P. Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3731 2370 - 091 5533 130 Email: daotao@hitu.edu.vn Website: hitu.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Trung Ương VI Địa chỉ: 189 Kinh Dương Vương, P. 12, Q.6, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8750 592 - 0868 245 755 Email: hcmct31976@gmail.com Website: hcmct3.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Xây Dựng TP. HCM Địa chỉ: 190 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: 028 3896 2938 Email: tuyensinh.hcc2@gmail.com Website: hcc2.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Trung Ương TP. HCM Địa chỉ: 182 Nguyễn Chí Thanh, P. 3, Q.10, TP. HCM Điện thoại: (028) 38359959 Email: tchc@ncehcm.edu.vn Website: cdsptw-TPhcm.vn
9.	Trường Cao Đẳng Điện Lực TP. HCM Địa chỉ: 554 Hà Huy Giáp, P. Thanh Lộc, Q.12, TP. HCM Điện thoại: (028) 22155661 - 028.38919462; Email: hepc@hepc.edu.vn, Website: hepc.edu.vn
10.	Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải TP. HCM Địa chỉ: Số 252 Lý Chính Thắng, P. 9, Q. 3, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8439 775 Email: info@hcmct.edu.vn Website: hcmct.edu.vn
11.	Trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM Địa chỉ: 390 Hoàng Văn Thụ, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM. Điện thoại: (0283) 8110 521 Email: tuyensinh@LTTC.edu.vn Website: ltcc.edu.vn
12.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật TP. HCM Địa chỉ: 215 Nguyễn Văn Luông, P. 11, Q. 6, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8753 773 Email: tuyensinh@hotec.edu.vn Website: ktkthcm.edu.vn
13.	Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật TP. HCM Địa chỉ: Số 5 Nam Quốc Cang, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (0283) 9250 992 - 0968 052 700 Email: dt.vnhthcm.svht@TPHcm.gov.vn Website: vnhthcm.edu.vn
14.	Trường Cao Đẳng Viễn Đông Địa chỉ: Lô 2, Công viên Phần Mềm Quang Trung ,P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP. HCM Điện thoại: (0283) 89 11 111. Email: contact@viendong.edu.vn Website: viendong.edu.vn

15.	Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Và Du Lịch Sài Gòn Địa chỉ: 70 Đường Tân Thới Nhất 8, Khu Phố 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8831 793 - 8831 796 Email: info@daihocdulich.edu.vn Website: daihocdulich.edu.vn
16.	Trường Cao Đẳng Phát Thanh Truyền Hình II Địa chỉ: 75 Trần Nhân Tôn, P.9, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: 028.37150306 - 028.37150307 Email: vovedu@vov.edu.vn Website: vov.edu.vn
17.	Trường Cao Đẳng NoVa Địa chỉ: 194 Lê Đức Thọ, P. 6, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: 0934160770 Website: novacollege.edu.vn
18.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thông Tin TP. HCM Địa chỉ: 12 Trịnh Đình Thảo, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM Điện thoại: (028) 39734983 - 3860 5003. Email: tuyensinh@itc.edu.vn, Website: itc.edu.vn
19.	Trường Cao Đẳng Bình Minh Sài Gòn Địa chỉ: 15k (số mới 424) Phan Văn Trị, P. 7, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (0283) 5888 831 – 5888 832 Email: binhminhsaigon@aurora.edu.vn Website: aurora.edu.vn
20.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Công Nghệ TP. HCM Địa chỉ: 138 Hà Huy Giáp, P. Thanh Lộc, Q.12, TP. HCM Điện thoại: (0286) 2933 744 Email: tuyensinh@hiast.edu.vn, Website: hiast.edu.vn
21.	Trường Cao Đẳng Miền Nam Địa chỉ: 416 Đường số 10, P. 9, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (0283) 989 3967 Email: cdmiennam@cdmiennam.edu.vn Website: cdmiennam.edu.vn
22.	Trường Cao Đẳng Đại Việt Sài Gòn Địa chỉ: 193 Nguyễn Xi, Phường 26, Q. Bình Thạnh. TP. HCM Điện thoại: (0282) 2122 599 - Fax: (028) 38475333 Email: daivietisaigon@daivietisaigon.edu.vn Website: daivietisaigon.edu.vn
23.	Trường Cao Đẳng BC Công Nghệ Và Quản Trị Doanh Nghiệp Địa chỉ: 15 Trần Văn Trà, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 5 4135 008 - (028) 5 4135 026 Email: daotao@ctim.edu.vn, Website: ctim.edu.vn
24.	Trường Cao Đẳng Y Dược Hồng Đức Địa chỉ: 05 Quang Trung, P. 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (0286) 255 6688. Email: info@hongduccollege.edu.vn Website: hongduccollege.edu.vn
25.	Trường Cao Đẳng Nghề TP. HCM Địa chỉ: 235 Hoàng Sa, P. Tân Định, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (028) 38 483 265 - 0924116266 Email: cdnTPHcm@vnn.vn Website: caodangnghetphcm.edu.vn
26.	Trường Cao Đẳng Hàng Hải II Địa Chỉ: Số 232 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (0286) 2818 696 Email: cdhanghai.edu.vn@gmail.com Website: cdhanghai.edu.vn
27.	Trường Cao Đẳng Sài Gòn Gia Định Địa chỉ: 514 Lê Quang Định, P. 1, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: 0971 327 840 – 0971 327 841; Email: tuyensinhsaigongiadinh@gmail.com Website: sgc.edu.vn
28.	Trường Cao Đẳng Quốc Tế TP. HCM Địa chỉ: 460 D Kinh Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP. HCM Điện thoại: (0285) 4047 799 - 0902 345 092. Email: xettuyen@gmail.com Website: ich.edu.vn
29.	Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ II Địa chỉ: 502 Đỗ Xuân Hòp, P. Phước Bình, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: 0283 7310 667 - 0395 113 839 Email: phongtuyensinh@hvct.edu.vn Website: hvct.edu.vn

30.	Trường CĐ Giao Thông Vận Tải Trung Ương III Địa chỉ: 73 Văn Cao, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8605 088 Email: cdgtvtw3@gmail.com, Website: cvct3.edu.vn
31.	Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Đường Thủy II Địa chỉ: 33 Đường Đào Trí, P. Phú Mỹ, Q.7, TP. HCM Điện thoại: (0283) 7850 278 Email: cdn.dt2@gmail.com Website: duongthuy.edu.vn
32.	Trường Cao Đẳng Sài Gòn Địa chỉ: Công viên Phần mềm Quang Trung, Toà nhà SaigonTech, Q. 12, TP. HCM Điện thoại: (028) 37 155 033 - 0968 253 307 Email: admissions@saigontech.edu.vn Website: caodangsaigon.edu.vn
33.	Trường Cao Đẳng Nghề Du Lịch Sài Gòn Địa chỉ: 347A Nguyễn Thượng Hiền, P.11, Q. 10, TP. HCM Điện thoại: (0283) 834 4856 - 6297 3210 Email: tuvantuyensinh.dlsg@gmail.com Website: dulichsaigon.edu.vn
34.	Trường Cao Đẳng Việt Mỹ Địa chỉ: 5-7-9-11 đường số 4, Khu dân cư Trung Sơn, TP. HCM Điện thoại: (028) 5433 6888 - 0938 90 5050 Email: info@caodangvietmy.edu.vn Website: caodangvietmy.edu.vn
35.	Trường Cao Đẳng An Ninh Mạng ISPACE Địa chỉ: 240 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 62 678 999 Email: lienhe@ispace.edu.vn, Website: ispace.edu.vn
36.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ Địa chỉ: 02 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8223758 - 8299 317 Email: tuyensinh@nguyentruongto.edu.vn Website: nguyentruongto.edu.vn
37.	Trường Cao Đẳng Thủ Thiêm – TP. HCM Địa chỉ: 145 Lê Văn Thịnh, P. Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (0283) 7437 537 - 7437 037 Website: caodangthuthiem-hcm.edu.vn
38.	Trường Cao Đẳng Nghề Số 7 - Bộ Quốc Phòng Địa chỉ: 51/2 Thành Thái, P. 14, Q.10. TP. HCM Điện thoại: (0283) 866 5146, Website: caodang7.edu.vn
39.	Trường CĐ Công Nghệ TP.HCM Địa chỉ: 586 Kha Vạn Cân, P. Linh Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 38966927 Email: vanphongvetc@gmail.com, Website: vetc.edu.vn
40.	Trường Cao Đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn Địa chỉ: 47 Cao Lỗ, Phường 4, Q. 8, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8503 120 - 8504 637 Email: namsaigon@namsaigon.edu.vn Website: namsaigon.edu.vn
41.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Sài Gòn Địa chỉ: 4/9 Hoàng Dư Khương, P. 12, Q. 10, TP. HCM Điện thoại: (0283) 5088 482 - 5088 483 Website: saigoncollege.edu.vn
42.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức Địa chỉ: Số 17, Đường 8, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (0283) 6029 585 Email: tuyensinh@ctd.edu.vn Website: ctd.edu.vn
43.	Trường Cao Đẳng Du lịch Sài Gòn Địa chỉ: Số 215 Nơ Trang Long P. 12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: 0968 81 6981 Email: truongcaodangduocsaigon@gmail.com Website: truongcaodangduocsaigon.edu.vn
44.	Trường Cao Đẳng FPT – POLYTECHNIC, CS TP. HCM Địa chỉ: 778/B1 Nguyễn Kiệm, P.4, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (028) 62523434 Email: caodang@fpt.edu.vn Website: caodang.fpt.edu.vn

45.	Trường Cao Đẳng Y Dược Sài Gòn Địa chỉ: PTT - Đường số 3, Lô số 07, Công viên phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP. HCM Điện thoại: (028) 71060.222 - 096.152.9898 Email: Cdyduocsaigon@gmail.com Website: caodangyduocsaigon.vn
46.	Trường Cao Đẳng Kiến Trúc – Xây Dựng TP. HCM Địa chỉ: 337 Nơ Trang Long, P. 13, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 35533 189 - (028) 35533 923 Website: ktxd.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Long An	
1.	Trường Đại Học Tân Tạo Địa chỉ: Đại lộ Đại học Tân Tạo, E.City, Xã Tân Đức, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3769 216 Email: info@ttu.edu.vn Website: ttu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Kinh Tế - Công Nghiệp Long An Địa chỉ: 938, Quốc lộ 1A, P.Khánh Hậu, TP. Tân An, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3512 826 Email: info@daihoclongan.edu.vn Website: daihoclongan.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Long An Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1, Khu phố Trường Khánh, P. Khánh Hậu, TP. Tân An, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3.511.329 Email: hieutruong.c49@moet.edu.vn Website: caodangsphamlongan.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ và Du Lịch Địa chỉ: 201 Nguyễn Văn Rảnh, P.7, TP. Tân An, Tỉnh Long An Điện thoại: 0982626111 Email: caodangcongnghedulich2005@gmail.com Website: caodangcongnghedulich.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Nghề Long An Địa chỉ: 60 Quốc lộ 1A, P. 5, TP. Tân An, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3827 694 Email: tcdnla@longan.gov.vn Website: caodangnghelongan.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Vĩnh Long	
1.	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long Địa chỉ: 73 Nguyễn Huệ, P. 2, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3822 141 Email: spkvtl@vlute.edu.vn Website: vlute.edu.vn
2.	Trường Đại Học Xây Dựng Miền Tây Địa chỉ: 20B Phó Cơ Điều, P. 3, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3 823 657 - Fax: (0270) 3827457 Email: mtu@mtu.edu.vn, Website: mtu.edu.vn
3.	Trường Đại Học Cửu Long Địa chỉ: QL 1A, Phú Quới, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3821 155 – 02703832538 Email: cuulonguniversity@mkcu.edu.vn Website: mkcu.edu.vn
4.	Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. HCM tại Vĩnh Long Địa chỉ: 1B Nguyễn Trung Trực, P. 8, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3823359 – 3823443 Email: phvl@ueh.edu.vn, Website: ueh.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Nghề Vĩnh Long Địa chỉ: QL1A, Xã Phú Quới, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3.960.566 Email: bbt@vlvc.edu.vn, Website: vlvc.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Nghề Số 9 Địa chỉ: 09 Đường Phạm Hùng, P. 9, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3502 555 – 3824 564 Website: caodangngheso9.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Tiền Giang	
1.	Trường Đại Học Tiền Giang Địa chỉ: 119 Ấp Bắc, P. 5, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3872 624 – 6250 200 Email: daihoc@tgu.edu.vn Website: tgu.edu.vn

2.	Trường Cao Đẳng Y Tế Tiền Giang Địa chỉ: 83 Thái Sanh Hạnh, P. 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3951464 – 3872 970 Website: caodangyietg.edu.vn Email: caodangyietg@tiengiang.gov.vn
3.	Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ Địa chỉ: Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3850 136 Email: info@nbac.edu.vn, Website: nbac.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Tiền Giang Địa chỉ: 11B/17 Học Lạc , P. 8, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3958 684 Email: caodangtiengiang@gmail.com Website: tgc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Đồng Tháp	
1.	Trường Đại Học Đồng Tháp Địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu, P. 6, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3881 518 Email: dhdt@dthu.edu.vn Website: dthu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Đồng Tháp Địa chỉ: 259 Thiên Hộ Dương, P. Hòa Thuận, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3851 523 Email: cdcdct@dtcc.edu.vn Website: dtcc.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Tháp Địa chỉ: 312 Nguyễn Thái Học, P. 4, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3854 133 – 3853 750 Email: cya@cdytdt.edu.vn Website: cdytdt.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại Tỉnh Bến Tre	
1.	Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre Địa chỉ: số 99A, quốc lộ 60, khu phố 1, P. Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre Điện thoại: (0275) 3818 000 - 094 3818 000 Email: phbentre@vnuhcm.edu.vn Website: vnuhcm-cbt.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Bến Tre Địa chỉ: 1H, Ấp 1, xã Sơn Đông, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre Điện thoại: (0275) 3822 294. Email: tuyensinhbtr@yahoo.com.vn Website: cdbt.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Đồng Khởi Địa chỉ: 17A4 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre Điện thoại: (0275) 3822 194 Email: tuyensinhcdk@gmail.com Website: cdndongkhoi.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Trà Vinh	
1.	Trường Đại Học Trà Vinh Địa chỉ: Số 126 Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, P. 5, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh Điện thoại: (0294) 3855 246 Email: daihoctravinh_ad@tvu.edu.vn Website: tvu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Y Tế Trà Vinh Địa chỉ: Số 7 Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, P. 5, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh Điện thoại: (0294) 3853 815 Website: tvmc.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại Sóc Trăng	
1.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng Địa chỉ: Số 139, Tỉnh lộ 934, Ấp Hòa Mỹ, TT. Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng Điện thoại: (0299) 3827028 Email: cdcdst@vnn.vn Website: stcc.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Sóc Trăng Địa chỉ: 176 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 4, P. 7, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng Điện thoại: (0299) 3614 946 – 3829 896 Website: svc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại TP. Cần Thơ	

ĐẠI HỌC	
1.	Đại Học Cần Thơ Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3832 663 Email: dhct@ctu.edu.vn; Website: ctu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Kỹ Thuật - Công Nghệ Cần Thơ Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3898 167 - 3890 765 Email: phonghanhcninh@ctuet.edu.vn Website: ctuet.edu.vn
3.	Trường Đại Học Nam Cần Thơ Địa chỉ: 168 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại : (0292) 3798222 - 3 798 668 Email: dnc@moet.edu.vn, Website: nctu.edu.vn
4.	Trường Đại Học Tây Đô Địa chỉ: 68 Lộ Huyện Thanh Mỹ (Trần Chiên), P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3840 666 – 3840222 – 3740 768 Email: admin@tdu.edu.vn; website: tdu.edu.vn
5.	Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ Địa chỉ: 179 Nguyễn Văn Cừ, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3739 730 Email: ctump@ctump.edu.vn, Website: ctump.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Cần Thơ Địa chỉ: số 413 đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3838306 Email: caodangct@cdct.edu.vn, Website: sv1.cdct.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Cần Thơ Địa chỉ: 09 Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3826072 Email: ktktct@ctec.edu.vn, Website: ctec.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Cần Thơ Địa chỉ: 340 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3 890550 Email: info@edu.com Website: cmc.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Nghề Cần Thơ Địa chỉ: 57 Cách Mạng Tháng Tám, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3821327 Email: caodangnghecantho@cantho.gov.vn Website: ctvc.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Cần Thơ Địa chỉ: 47 Đường số 1, Khu vực 3 Sông Hậu, Cồn Khương, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: 0292 3815 252 Email: tcdlct@gmail.com, Website: ctc.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Cơ Điện Và Nông Nghiệp Nam Bộ Địa chỉ: Số 184 - Tỉnh lộ 923 (Lộ Vòng Cung), P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ Điện thoại: 02923.661804 - 0907.084566 Email: tuyensinh@cea.edu.vn Website: cea.edu.vn
7.	Trường Cao đẳng văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ Địa chỉ: 188/35A Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3890.027 – (0292) 3899.028 Email: truongcdvht@cantho.gov.vn Website: vhtntcantho.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại - CS Cần Thơ Địa chỉ: Số 8 Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 2212.440 Email: cosocancho@cofer.edu.vn Website: cosocancho.cofer.edu.vn
9.	Trường cao đẳng FPT Polytechnic Cần Thơ Địa chỉ: Toà nhà FPT Polytechnic, đường số 22, P. Thường Thạnh, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ Điện thoại: 098 388 11 00 Email: caodang@fpt.edu.vn Website: caodang.fpt.edu.vn

Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Hậu Giang	
1.	Trường ĐH Võ Trường Toản Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang Điện thoại: (0293) 3953 222 - 3953 666 Email: info@vtu.edu.vn Website: vtu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hậu Giang Địa chỉ: Đường 19/8, Xã Vị Tân, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang Điện thoại: (029) 3.3581.212 – 3870 190 Email: hgcc@hgcc.edu.vn Website: hgcc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh An Giang	
1.	Trường Đại Học An Giang Địa chỉ: 18 Ung Văn Khiêm, P. Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang Điện thoại: (0296) 6256 565 Email: webmaster@agu.edu.vn Website: agu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề An Giang. Địa chỉ: 841 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang Điện thoại: (0296) 3.953.739 Website: agvc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Kiên Giang	
1.	Trường Đại Học Kiên Giang Địa chỉ: 320A Quốc lộ 61, TT. Minh Lương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3926 714 Email: qlgt@vnkgu.edu.vn Website: vnkgu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Kiên Giang Địa chỉ: 425 Mạc Cửu, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3863 530 - 3872 086 Email: kgc@kgc.edu.vn Website: kgc.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kiên Giang Địa chỉ: 449 Nguyễn Chí Thanh, Khu Phố 6, P. Rạch Sỏi, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3911071 – 3865 498 Email: phongdaotao@cdspkg.edu.vn Website: cdspkg.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Y Tế Kiên Giang Địa chỉ: 14 Phạm Ngọc Thạch, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: 0773.86.34.31 Email: cdytkg@kgmc.edu.vn, Website: kgmc.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Nghề Kiên Giang Địa chỉ: 1022 Nguyễn Trung Trực, P. An Hòa, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3814 946 – 3814 947 Website: caodangnghekg.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Bạc Liêu	
1.	Trường Đại Học Bạc Liêu Địa chỉ: 178 Võ Thị Sáu, P.8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu Điện thoại: 02913822653 Email: mail@blu.edu.vn Website: blu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Bạc Liêu Địa chỉ: 10 Tôn Đức Thắng, khóm 10, P.1, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu Điện thoại : (0291) 3822 589 - 825 619 Website: ktktbl.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Bạc Liêu Địa chỉ: 01 Đoàn Thị Điểm, P. 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu Điện thoại: (0291) 3826 265 – 3822 222 Email: truong@cdytbacieu.edu.vn Website: cdytbacieu.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Nghề Bạc Liêu Địa chỉ: 68 Tôn Đức Thắng, Khóm 7, P. 1, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu Điện thoại: (0291) 3822 358. Email: caodangnghelb@gmail.com Website: cdnbl.edu.vn

Danh sách các trường ĐH, CĐ tại Tỉnh Cà Mau	
1.	Trường ĐH Bình Dương – Phân Hiệu Cà Mau Địa chỉ: Số 03 Lê Thị Riêng, P. 5, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3997 777 – 3552 177 Email: tuyensinh.cm@bdu.edu.vn Website: camau.bdu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Cà Mau Địa chỉ: 126 Đường 3/2, P. 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3 825 262 – 828 234 Email: cdc.d61@moet.edu.vn Website: caodangcongdong.camau.gov.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Cà Mau Địa chỉ: 01 Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3828 575 Email: caodangytecamau@gmail.com Website: caodangyte.camau.gov.vn
4.	Trường CĐN Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau Địa chỉ: Số 8 Đường Mậu Thân, P. 9, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3592 101– 3832 835 Email: camau.vkc@gmail.com Website: daotao.camauvkc.edu.vn
Các Học viện, Trường ĐH, CĐ Quân đội và Công an	
TRƯỜNG QUÂN ĐỘI	
1.	Học Viện Quân Y Địa chỉ: 160 Phùng Hưng, P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội Điện thoại: 069.698910, Fax: 0436883994 Email: hvqy@vmmu.edu.vn, Website: hocvienquany.vn
2.	Học Viện Kỹ Thuật Quân Sự Địa chỉ: 236 Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội Điện thoại 069.515200 Email: info@mta.edu.vn Website: mta.edu.vn
3.	Học Viện Kỹ Thuật Quân Sự Cơ Sở TP. HCM Địa chỉ: Số 71 Cộng Hoà, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM Điện thoại: 098 222 94 66 Website: mta.edu.vn
4.	Học Viện Kỹ Thuật Mật Mã Địa chỉ: 141 đường Chiến Thắng, Tân Triều, Thanh Trì, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 38544244 – 0986 622 772 Email: contact@actvn.edu.vn Website: actvn.edu.vn
5.	Phân Hiệu Học Viện Kỹ Thuật Mật Mã Tại TP. HCM Địa chỉ: 17A Cộng Hòa, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM Điện thoại: 0903.458.774 Email: admin@actvn.edu.vn, Website: hcmact.edu.vn
6.	Học Viện Khoa Học Quân Sự Địa chỉ: 322e Lê Trọng Tấn, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 35659449 Email: hvkhqs.edu.vn@gmail.com Website: hvkhqs.edu.vn
7.	Học Viện Phòng Không - Không Quân Địa chỉ: Xã Kim Sơn, TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 069592892 Email: tuyensinhquansu@hocvienpkq.com Website: Hocvienpkq.com
8.	Học Viện Hải Quân Điện thoại: Số 30 Trần Phú, P. Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà Điện thoại: (0258) 3881102 Email: hocvienhaiquan@hocvienhaiquan.edu.vn Website: hocvienhaiquan.edu.vn
9.	Học Viện Biên Phòng Địa chỉ: Thanh Vị, Xã Sơn Lộc, TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 0693. 596004 Email: bbt@hvbp.edu.vn, Website: hvbp.edu.vn
10.	Học Viện Hậu Cản Địa chỉ: Ngọc Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội Điện thoại: 069.577.681 - 0376.293.783 Website: hocvienhaucan.edu.vn
11.	Trường ĐH Chính Trị (Trường Sĩ Quan Chính Trị) Địa chỉ: Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội Điện thoại: (069).597.654 Email: banbtxb@gmail.com Website: daihocchinhtri.edu.vn

12.	Trường ĐH Trần Quốc Tuấn (Sĩ quan Lục quân 1) Địa chỉ: Xã Cổ Đông, TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 33686102 Email: daihoctranquocluan@gmail.com Website: sqq1.edu.vn
13.	Trường ĐH Nguyễn Huệ (Sĩ Quan Lục Quân 2) Địa chỉ: Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 352 9100 Website: daihocnguyenhue.edu.vn Email: tuyensinhq2@gmail.com
14.	Trường Sĩ Quan Pháo binh Địa chỉ: Xã Thanh Mỹ, TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 33930.194 - 069.595.831 Email: tsqpbvn@gmail.com, Website: tsqpb.edu.vn
15.	Trường Sĩ Quan Tăng - Thiết Giáp Địa chỉ: Xã Kim Long, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại: (0211) 353 9021 - 0974.177.246 Email: info@tsqtg@gmail.com tuyensinhstqtg@gmail.com Website: siquangtangthietgiap.vn
16.	Trường Sĩ Quan Đặc Công Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 3384 0625 Email: tsqdc.edu.vn@gmail.com Website: tsqdc.edu.vn
17.	Trường Sĩ Quan Phòng Hóa Địa chỉ: Xã Sơn Đông, TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 0693 591115 Email: info@siquanphonghoa.edu.vn Website: siquanphonghoa.edu.vn
18.	Trường Đại Học Ngô Quyền (Sĩ quan Công binh) Địa chỉ: 229B Bạch Đằng, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3859632, 3829434 Email: khcn.tsqcb@gmail.com, Website: tsqcb.edu.vn
19.	Trường Sĩ Quan Thông Tin Địa chỉ: 101 Mai Xuân Thưởng, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: 02583832055 Email: info@mitechcenter.vn, Website: tcu.edu.vn
20.	Trường Sĩ Quan Không Quân Địa chỉ: Cổng 3 đường Biệt Thự, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: 069 751 351, Website: tsqkq.edu.vn
21.	Trường Đại Học Văn hóa - Nghệ Thuật Quân Đội CS1 Địa chỉ: 101 Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 62663068 - 069522450 Email: vnq.edu@gmail.com, Website: vnq.edu.vn
22.	Trường Đại Học Văn hóa - Nghệ Thuật Quân Đội CS2 Địa chỉ: 140 Đường Cộng Hòa, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM Điện thoại: 069.667350 Email: nhahatquandophianam@gmail.com Website: nhahatquandophianam.vnq.edu.vn
23.	Trường Đại Học Trần Đại Nghĩa (Sĩ quan Kỹ Thuật QS Vinhempich) Địa chỉ: 189 Đường Nguyễn Oanh, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (028) 3894 0535 Email: lienhe@tdnu.edu.vn, Website: tdnu.edu.vn
24.	Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Quốc Phòng Địa chỉ: P. Thanh Vinh, TX. Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ Cơ sở 2: Số 22/103 đường Lý Sơn, P. Ngọc Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội Điện thoại: 024. 38 27 32 64 Website: cdcnqp.edu.vn
25.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Và Kỹ Thuật Ôtô Địa chỉ: P. Xuân Khanh, TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 0463258761 Website: caodangoto.edu.vn
TRƯỜNG CÔNG AN	
1.	Học Viện Chính Trị Công An Nhân Dân Địa chỉ: Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội Điện thoại: 0243. 2052086 Email: webmaster@hvctcand.edu.vn Website: hvctcand.edu.vn
2.	Học Viện Cảnh Sát Nhân Dân Địa chỉ: P. Cổ Nhuê 2, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Điện thoại: 069 3836 2811 – 069 2346002 Email: ctttd@hvcsnd.edu.vn Website: hvcsnd.edu.vn
3.	Học Viện An Ninh Nhân Dân Địa chỉ: 125 Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội Điện thoại: 069 2345 898 Email: congtdtd.c500@gmail.com Website: hvannd.edu.vn
4.	Trường Đại Học An Ninh Nhân Dân Địa chỉ: Km18 Xa Lộ, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: 0283.896.3883 - Fax: 0283.896.3883 Email: info@dhan.edu.vn Website: dhannd.edu.vn
5.	Trường Đại Học Cảnh Sát Nhân Dân Địa chỉ: 36 Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM Địa điểm đào tạo số 2: 179A Kha Vạn Cân, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, TP. Thủ Đức, TP. HCM Địa điểm đào tạo số 3: P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ Điện thoại: (028) 6686 0550 Website: pup.edu.vn
6.	Trường Đại Học Phòng Cháy Chữa Cháy Địa chỉ: 243 Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội Cơ sở 2: Xã Hoà Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hoà Bình Cơ sở 3: Xã An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0243) 553 3006 Website: daihocpccc.edu.vn Website: daihocpccc@gmail.com Email: daihocpccc@gmail.com
7.	Trường ĐH Kỹ Thuật - Hậu Cần Công An Nhân Dân Địa chỉ: Ngõ 4 Đồng Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 069.2324.285 Email: admin@dhkthc.edu.vn Website: dhkthc.bocongan.gov.vn
8.	Trường Cao Đẳng An Ninh Nhân Dân I Địa chỉ: Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 38850517
9.	Trường Cao Đẳng An Ninh Nhân Dân II Địa chỉ: Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3511642
10.	Trường Cao Đẳng Cảnh Sát Nhân Dân I Địa chỉ: Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội Email: cdcsnd@gmail.com Website: cdcsnd1.edu.vn
11.	Trường Cao Đẳng Cảnh Sát Nhân Dân II Địa chỉ: 247 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3896 6665 Website: caodangcsnd2.edu.vn

Danh bạ ĐH, CĐ mang tính tham khảo, để biết thêm chi tiết về trường các bạn vào Website của các trường để có thông tin (cập nhật tháng 2/2024)



NAM CAN THO UNIVERSITY

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

Sông Thọ - Tôn Điện - Khai Phóng - Hội Nhập

BẠC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NHÓM NGÀNH SỨC KHỎE

01. Y khoa (Bác sĩ đa khoa)
02. Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ RHM)
03. Y học dự phòng (Bác sĩ YHDP)
04. Dược học
05. Kỹ thuật xét nghiệm Y học
06. Kỹ thuật hình ảnh Y học
07. Quản lý bệnh viện
08. Kỹ thuật Y sinh
(Khoa học và công nghệ y khoa)
09. Điều dưỡng
10. Y học cổ truyền (dự kiến)

NHÓM NGÀNH XÃ HỘI NHÂN VĂN

11. Quan hệ công chúng (PR)
12. Truyền thông đa phương tiện
13. Luật
14. Luật kinh tế
15. Ngôn ngữ Anh

NHÓM NGÀNH KINH TẾ - QUẢN TRỊ

- 16.1 Quản trị kinh doanh
- 16.2 Quản lý và Kinh doanh thể thao
17. Tài chính - Ngân hàng
18. Kế toán
19. Marketing
20. Bất động sản
21. Kinh doanh quốc tế
22. Logistics và QL chuỗi cung ứng
23. Kinh tế số
24. Thương mại điện tử
25. Quản lý công nghiệp

NHÓM NGÀNH DU LỊCH, NHÀ HÀNG VÀ KHÁCH SẠN

26. Quản trị khách sạn
27. QT Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
28. Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành

NHÓM NGÀNH KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ

29. Công nghệ kỹ thuật ô tô
30. Công nghệ kỹ thuật ô tô điện
31. Kỹ thuật cơ khí động lực
32. Công nghệ thông tin
33. Kỹ thuật phần mềm
34. Khoa học máy tính
35. Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu
36. Công nghệ thực phẩm
37. Công nghệ kỹ thuật hóa học
38. Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử
39. Công nghệ kỹ thuật bán dẫn

NHÓM NGÀNH XÂY DỰNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

40. Kiến trúc
41. Kỹ thuật xây dựng
42. QL Tài nguyên và Môi trường
43. Quản lý đất đai

BẠC TIẾN SĨ NGÀNH

Quản trị kinh doanh

BẠC THẠC SĨ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH

01. Quản trị kinh doanh
02. QT DV du lịch và Lữ hành
03. Luật kinh tế
04. Luật
05. Dược lý và Dược lâm sàng
06. Công nghệ thông tin
07. Kỹ thuật ô tô

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN BẠC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT
2. Xét tuyển theo kết quả thi Hội nhập THPT 2024
3. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ

► Trường Đại học Nam Cần Thơ liên kết với Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, bằng cấp có giá trị quốc tế (Sinh viên có thể học tại Việt Nam và Malaysia).

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ: 168 Nguyễn Văn Cừ nối dài, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 3798 168 - 3798 222

Hotline/Zalo: 0939 257 838

Website: www.nctu.edu.vn

Facebook: Nam Can Tho University



BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

Bệnh viện Đại học Nam Cần Thơ là một trong những công trình nổi bật của Trường Đại học Nam Cần Thơ. Bệnh viện được định hướng xây dựng là bệnh viện hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân, góp phần giảm tải số lượng bệnh nhân tuyến trên, người dân có điều kiện khám và điều trị tại chỗ, giảm chi phí cho bệnh nhân, tiết kiệm chi phí y tế, chi phí xã hội, tạo điều kiện và cơ hội tốt nhất cho người dân thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe...

Bệnh viện được khánh thành đưa vào hoạt động từ ngày 18/6/2022 với tổng vốn đầu tư giai đoạn 01 là 860 tỷ đồng với 10 tầng nổi, 1 tầng hầm, diện tích xây dựng trên 25.000 m², quy mô 300 giường bệnh. Đến năm 2027, Bệnh viện Đại học Nam Cần Thơ sẽ đầu tư xây dựng hoàn thiện giai đoạn 02 thêm 500 giường bệnh với kinh phí đầu tư xây dựng tòa nhà 20 tầng và các trang thiết bị khoảng 1.200 tỷ đồng.

BỆNH VIỆN GỒM CÁC CHUYÊN KHOA

- ✦ Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực, chống độc
- ✦ Khoa Khám bệnh
- ✦ Khoa Nội tổng quát
- ✦ Khoa Ngoại tổng hợp và Tạo hình thẩm mỹ
- ✦ Khoa Ngoại ung bướu
- ✦ Khoa Sản phụ khoa

- ✦ Khoa Nội soi và Thăm dò chức năng
- ✦ Khoa Tim mạch - Can thiệp tim mạch
- ✦ Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
- ✦ Khoa Chẩn đoán hình ảnh
- ✦ Khoa Mắt - Tai Mũi Họng và Răng Hàm Mặt
- ✦ Trung tâm nha khoa BV ĐH Nam Cần Thơ - Răng Hàm Mặt Sài Gòn

- ✦ Khoa Dược
- ✦ Khoa Lọc thận nhân tạo
- ✦ Trung tâm tiêm chủng

Khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế thống tuyến toàn quốc

Đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng giỏi chuyên môn

Đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm

Chăm sóc khách hàng thân thiện, tận tâm

Cơ sở vật chất khang trang

Trang thiết bị y tế hiện đại

Không gian sạch sẽ, thoáng mát

Chi phí hợp lý, nhiều chính sách ưu đãi



Địa chỉ: 168 đường song hành Quốc lộ 1A, Khu dân cư Hồng Loan, P. Hưng Thạnh, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

Tổng đài cấp cứu: 02923.686.115

Điện thoại: 0907.365.115

Website: www.benhviendhnc.com.vn



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG CÔNG LẬP

MÃ TRƯỜNG

MBS

5,300

CHỈ TIÊU

TUYỂN SINH DỰ KIẾN

CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT
• Kinh tế	7310101	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Anh	• Quản trị nhân lực	7340404	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, Sử, Văn
• Quản trị kinh doanh	7340101		• Du lịch	7810101	
• Marketing	7340115		• Công nghệ sinh học	7420201	Toán, Lý, Sinh; Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Hóa; Toán, Hóa, Sinh
• Kinh doanh quốc tế	7340120		• Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán, Lý, Hóa; Toán, Hóa, Anh Toán, Hóa, Sinh; Toán, Lý, Anh
• Tài chính – Ngân hàng	7340201		• Luật	7380101	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, Sử, Địa
• Công nghệ Tài chính (FINTECH) (Mới)	7340205		• Luật kinh tế	7380107	Toán, Văn, Ngoại ngữ (2)
• Bảo hiểm (Mới)	7340204		• Đồng Nam Á học	7310620	Toán, Lý, Anh
• Kế toán	7340301		• Xã hội học	7310301	Toán, Văn, Ngoại ngữ (4)
• Kiểm toán	7340302		• Công tác xã hội	7760101	Văn, Sử, Địa
• Quản lý công	7340403		• Tâm lý học	7310401	Văn, KHXH, Ngoại ngữ (4)
• Hệ thống thông tin quản lý	7340405		• Ngôn ngữ Anh (3)	7220201	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh; Văn, KHXH, Anh
• Khoa học máy tính (1)	7480101		• Ngôn ngữ Trung Quốc (3)	7220204	Văn, Toán, Ngoại ngữ (4)
• Công nghệ thông tin (1)	7480201		• Ngôn ngữ Nhật (3)	7220209	Văn, KHXH, Ngoại ngữ (4)
• Trí tuệ nhân tạo (AI) (Mới) (1)	7480107		• Ngôn ngữ Hàn Quốc (3)	7220210	
• CNKT công trình xây dựng (1)	7510102				
• Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605				
• Quản lý xây dựng (1)	7580302				
• Khoa học dữ liệu (1)	7460108				

CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT
• Luật kinh tế	7380107C	Toán, Hóa, Anh; Toán, Lý, Anh Văn, Sử, Anh; Toán, Văn, Anh	• Quản trị kinh doanh	7340101C	Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, KHXH, Anh
• Ngôn ngữ Anh	7220201C	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh; Văn, KHXH, Anh	• Tài chính – Ngân hàng	7340201C	
• Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204C	Văn, Toán, Ngoại ngữ (4)	• Kế toán	7340301C	
• Ngôn ngữ Nhật	7220209C	Văn, KHXH, Ngoại ngữ (4)	• Kinh tế	7310101C	
• CNKT công trình xây dựng (1)	7510102C	Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, Lý, Hóa	• Kiểm toán (Mới)	7340302C	
• Khoa học máy tính (1)	7480101C		• Công nghệ sinh học	7420201C	Toán, Sinh, Anh; Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Sinh

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ

NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT
Đại học Flinders – Úc cấp bằng			Đại học Bond – Úc cấp bằng		
• Kinh doanh quốc tế (1.5+2)	7340120FL	Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, KHXH, Anh	• Quản trị kinh doanh (1.5+1)	7340101BD	Toán, Hóa, Anh; Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, KHXH, Anh
• Quản trị nguồn nhân lực (1.5+2)	7340404FL		• Quản trị du lịch (1.5+1.5)	7810103BD	
• Quản trị và đổi mới (1.5+2)	7340410FL		• Big data (1.5+1.5)	7480103BD	
• Marketing (1.5+2)	7340115FL		Đại học Rouen – Pháp cấp bằng		
• Quản trị kinh doanh (1.5+2)	7340101FL		• Ngành Thương mại quốc tế (Kinh doanh quốc tế)	7340120RO	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, Hóa, Anh
• Tài chính (1.5+2)	7340201FL	Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, KHXH, Anh	Đại học Southern Queensland – Úc cấp bằng		
• Kế toán (1.5+2)	7340301FL		• Cử nhân kinh doanh (Mới)	7340101SQ	Toán, Hóa, Anh; Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, KHXH, Anh
• Kinh tế kinh doanh (1.5+2)	7310109FL				
• Ngôn ngữ Anh (2+1)	7220201FL	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh; Văn, KHXH, Anh			

(1): Môn Toán hệ số 2. (2): Ngoại ngữ: Anh, Pháp, Đức, Nhật. (3): Ngoại ngữ hệ số 2. (4): Ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật, Trung và Hàn Quốc.
Các ngành tuyển sinh chương trình Chất lượng cao môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2 từ CNKT công trình xây dựng, Công nghệ sinh học và Khoa học máy tính.

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Nhóm các phương thức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT:

1 Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế TS của Trường và Bộ GD&ĐT.

2 Xét tuyển theo Kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Nhóm các phương thức theo kế hoạch xét tuyển riêng của Trường, được ưu tiên theo thứ tự như sau:

1 Ưu tiên xét tuyển bằng tài liệu quốc tế (IB), chứng chỉ A-Level và chứng chỉ SAT.

3 Ưu tiên xét tuyển Học bạ có CCNG.

2 Ưu tiên xét tuyển HSG THPT.

4 Xét tuyển Học bạ THPT.

Đăng ký trực tuyến <https://tuyensinh.ou.edu.vn/> Từ ngày 15/04 đến 31/05/2024

Nhóm phương thức xét tuyển điểm thi đánh giá năng lực.

1 Kỳ thi ĐGNL của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

2 Kỳ thi ĐGNL vào đại học trên máy tính của Trường có ký kết cùng Trường ĐH Mỏ TP. Hồ Chí Minh.





Trường ĐH Mở TP. HCM - chú trọng chất lượng đào tạo, đa dạng về loại hình đào tạo và phương thức xét tuyển:

Trường ĐH Mở TP. HCM (MBS) là trường ĐH Công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), trải qua 34 năm phát triển bền vững, lâu dài cả về quy mô đến chất lượng đào tạo. Với triết lý giáo dục Nhân bản - Rộng mở - Thực tiễn - Hội nhập, hướng đến tính phục vụ cộng đồng, gắn kết thực tiễn, nâng cao tri thức và năng lực nghề nghiệp, với định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu được tiếp cận kiến thức ĐH và Sau ĐH cho người học; chú trọng nhu cầu học tập suốt đời và cung cấp các chương trình theo nhu cầu người học.

Phấn đấu trở thành ĐH thực hiện giáo dục mở, định hướng ứng dụng với chất lượng cao:

- Thực hiện giáo dục mở, tạo bình đẳng cho mọi người trong giáo dục ĐH; góp phần xây dựng xã hội học tập, nâng cao tri thức và năng lực nghề nghiệp cho người học bằng các phương thức linh hoạt, thuận tiện và hiệu quả.
- Đa dạng về loại hình đào tạo (Chính quy, Từ xa, Vừa học Vừa làm, Trục tuyến), nhiều bậc đào tạo từ ĐH đến Sau ĐH (Thạc sỹ và Tiến sỹ).
- Đa dạng về Lĩnh vực (Kinh tế, Kinh doanh quản lý, Ngoại ngữ, Xã hội, Kỹ thuật, CNTT...), với 32 ngành đào tạo đại trà (ba ngành mới: Công nghệ Tài chính-Fintech, Bảo hiểm, Trí tuệ nhân tạo - AI), 12 ngành đào tạo Chất lượng cao (ngành mới: Kiểm toán).
- Đa dạng chương trình học: Đại trà, Chất lượng cao và nhiều chương trình Liên kết quốc tế với ĐH Flinders - Úc, Bond - Úc, Suothern Queensland - Úc, Rouen - Pháp: những chương trình đào tạo bằng cấp Quốc tế, tiết kiệm với những chuyên ngành hấp dẫn, mở ra nhiều cơ hội cho người học như Big data, Kinh doanh quốc tế, Quản trị và đổi mới, Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Ngôn ngữ Anh, Thương mại quốc tế, Lãnh đạo đổi mới, Quản trị hệ thống (ISM),....

Chú trọng chất lượng đào tạo:

- Các chương trình đào tạo (CTĐT) của Trường luôn được cải tiến, cập nhật theo định hướng ứng dụng.

- Nhiều CTĐT đã được đánh giá và kiểm định bởi các tổ chức quốc tế và trong nước (FIBAA - Châu Âu, AUN-QA - Đông Nam Á và của Bộ GD&ĐT).

- Trường đã đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chu kỳ 2 vào năm 2023.

Một số thành tích nổi bật:

- Năm 2023, trường là 1 trong 9 cơ sở giáo dục ĐH ở Việt Nam có mặt trong bảng xếp hạng tầm ảnh hưởng về phát triển bền vững (Impact Raking) của THE (Time Higher Education) và xếp hạng 100-200 thế giới về hành động vì khí hậu (năm 2023).
- Năm 2022, theo bảng xếp hạng Scimago Institutions Rankings, Trường ĐH Mở TP. HCM hạng 325 Châu Á (tăng 24 bậc so với năm 2021 - hạng 349), trong đó lĩnh vực Kinh tế, Kinh tế lượng và Tài chính xếp thứ 2 tại Việt Nam, thứ 38 Châu Á; lĩnh vực Giáo dục xếp thứ 2 Việt Nam, thứ 80 Châu Á; Lĩnh vực Kinh doanh, Quản trị và Kế toán xếp thứ 4 Việt Nam; Lĩnh vực Khoa học xã hội xếp thứ 6 Việt Nam.
- Năm 2022, theo bảng xếp hạng Webometrics, Trường ĐH Mở TP. HCM xếp hạng 119 Đông Nam Á (tăng 2 bậc so với năm 2021 - hạng 121).
- Năm 2021, Trường nằm trong top 8 các trường đại học trực thuộc Bộ GD&ĐT được khen thưởng có nhiều bài báo quốc tế (ISI, SCI, SCIE).
- Năm 2020, nằm trong danh sách 8 trường của Châu Á về Chiến lược giảng dạy và Học tập (THE).
- Nhiều đóng góp thiết thực trong công tác phục vụ cộng đồng về lĩnh vực giáo dục và đồng tham gia tổ chức các hội thảo, góp ý các chính sách có ảnh hưởng đến xã hội, đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của đời sống KT-XH, thiết lập cầu nối giữa các nhà hoạch định chính sách với giới học thuật và doanh nghiệp.
- Chất lượng đào tạo luôn được chú trọng, quan tâm: Thể hiện cụ thể ở hơn 93% SV tốt nghiệp có việc làm trong năm 2023.
- Là trường công lập, học phí không cao, không tăng vượt khung quy định của Bộ GD&ĐT.

Phương thức xét tuyển năm 2024

Nhiều phương thức, linh hoạt, phù hợp với người học:

* PT xét tuyển theo Kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT:

1. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của Bộ GD&ĐT.
2. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

* PT xét tuyển theo kế hoạch của Trường:

1. Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có:
 - Bằng tú tài quốc tế IB, Chứng chỉ Quốc tế A-level, kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT.
2. Ưu tiên xét tuyển Học sinh giỏi THPT:
 - HSG các trường THPT nhóm 1, có chứng chỉ Ngoại ngữ Quốc tế theo quy định.
 - HSG các trường THPT nhóm 2, có chứng chỉ Ngoại ngữ

Quốc tế theo quy định.

- HSG các trường THPT nhóm 1.
- HSG các trường THPT nhóm 2.

3. Ưu tiên xét tuyển Kết quả học bạ THPT có chứng chỉ Ngoại ngữ Quốc tế.

4. Xét tuyển học bạ THPT.

- Các PT Ưu tiên xét tuyển/Xét tuyển sử dụng học bạ THPT cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12.
- Ngưỡng điểm nhận hồ sơ các phương thức tham khảo các thông báo trên trang tuyensinh.ou.edu.vn.

* PT xét tuyển theo điểm thi đánh giá năng lực (tham khảo tại website tuyển sinh)

Thời gian xét tuyển các phương thức theo đề án xét tuyển riêng của trường (dự kiến): Từ 15/04 đến 31/05/2024

theo hình thức trực tuyến tại website <https://tuyensinh.ou.edu.vn> (không có lệ phí xét tuyển)

(Thời gian xét tuyển Điểm thi TN THPT 2024: Theo khung thời gian quy định của Bộ GD&ĐT).

Thí sinh xem thông tin chi tiết tại website: <https://tuyensinh.ou.edu.vn>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Hotline: 1800585884 - Email: tuyensinh@ou.edu.vn - Website: <https://tuyensinh.ou.edu.vn>

Fanpage tuyển sinh: Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh – Tư vấn tuyển sinh





**TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Đạo Đức - Trí Tuệ - Trách Nhiệm



Kết nối HCMCC trên ZALO

TUYỂN SINH 2024

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TPHCM MÃ TRƯỜNG
TỔ HỢP XÉT TUYỂN A00, A01, D01, D07 DCT0213**



CAO ĐẲNG

(Tốt nghiệp THPT)

- | | |
|--|----|
| 01. Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng** | 🔧 |
| 02. Công nghệ kỹ thuật kiến trúc | 🏠 |
| 03. Cấp, Thoát nước* | 💧 |
| 04. Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng | 🏗️ |

(🔧) Ngành có đào tạo buổi tối

(*) Ngành được nhà nước hỗ trợ 100% HỌC PHÍ

(**) Ngành được nhà nước hỗ trợ 70% HỌC PHÍ

(🏠) Ngành đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

05. Công nghệ kỹ thuật giao thông

06. Quản lý xây dựng

07. Quản lý tòa nhà

08. Trắc địa công trình**

09. Điện công nghiệp**

10. Thiết kế nội thất

11. Kế toán

12. Quản trị kinh doanh

13. Quản trị kinh doanh bất động sản

14. Logistics

15. Thiết kế đồ họa

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Xây dựng TP. HCM được xét tuyển học liên thông lên đại học với các trường đã ký kết hợp tác như: Trường ĐH Bách khoa TP. HCM, ĐH Kiến trúc TP. HCM, ĐH Giao thông vận tải TP. HCM, ĐH Sư phạm kỹ thuật TP. HCM, ĐH Tài chính Marketing, ĐH Xây dựng Hà Nội, ĐH Tài Nguyên Môi Trường,...
- (Thời gian đào tạo từ 1.5 năm - 2 năm)



TRUNG CẤP

(Tốt nghiệp THCS)

Thí sinh tốt nghiệp THCS học trung cấp

được **MIỄN HỌC PHÍ 100%** theo quy định

- | |
|--------------------------------------|
| 01. Xây dựng dân dụng và công nghiệp |
| 02. Cấp, thoát nước |
| 03. Kế toán doanh nghiệp |

04. Thiết kế nội thất

05. Họa viên kiến trúc



📍 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
☎ 028 3896 0087 (giờ hành chính) - 0869 585 989 - 📠 0981 800 636
✉ tuyensinh@hcmcc.edu.vn 🌐 hcmcc.edu.vn 📘 Tuyensinh.hcmcc.edu.vn

*Xây mơ ước
Đựng tương lai*

Quét mã để chọn ngành phù hợp



HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HO CHI MINH CITY CADRE ACADEMY

Cơ sở chính: 324 Chu Văn An, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh



Mã trường **HVC**

600 TỔNG CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Số lượng viên chức có học hàm học vị
CAO NHẤT trong 63 Trường Chính trị
Gần **60 năm** hoạt động
169 VIÊN CHỨC trong đó có:
02 Phó Giáo sư - Tiến sĩ , **28** Tiến sĩ , **95** Thạc sĩ

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng

Xét ưu tiên từ đối tượng 1 đến đối tượng 4, trong đó:

- Đối tượng 1: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đối tượng 2: Thí sinh đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh thành trên toàn quốc và tốt nghiệp THPT năm 2024;
- Đối tượng 3: Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức quốc tế cấp đạt từ chuẩn tương đương bậc 3 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên, trong thời hạn 02 năm tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển;
- Đối tượng 4: Thí sinh có học lực giỏi tại các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học và trực thuộc Tỉnh/Thành phố.

5%

Xét điểm thi THPT 2024

- Thí sinh có tổng điểm trung bình của 3 môn xét tuyển bằng ngưỡng tối thiểu đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định trở lên;
- Điểm trúng tuyển được xét theo ngành, xét kết quả từ cao cho đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm xét tuyển là tổng điểm 3 môn của tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển, không nhân hệ số;
- Không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả dưới 1.0 điểm.

45%

Xét tuyển theo kết quả học tập

- Điểm trung bình học tập đạt từ 6.0 trở lên
- + Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024: dựa vào kết quả học tập trung bình cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (05 học kỳ);
- + Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT các năm 2023 trở về trước: dựa vào kết quả học tập trung bình cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (06 học kỳ);
- Điểm trung bình 3 môn xét tuyển của tổ hợp môn đạt từ 18.0 trở lên (chưa tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng)
- + Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024: dựa vào kết quả học tập trung bình cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (05 học kỳ);
- + Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT các năm 2023 trở về trước: dựa vào kết quả học tập trung bình cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (06 học kỳ).

50%

Website: tuyensinh.hcmca.edu.vn

Tel: 028.22437830

	Ngành học	Tổ hợp môn ĐKXT (Mã tổ hợp)	Tuyển thăng, Ưu tiên xét tuyển	Xét học bà THPT	Xét điểm thi THPT
1	Luật (7380101)	- Toán, Lý, Hoá (A00) - Toán, Lý, Anh (A01) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Anh (D01)	8	75	67
2	Quản lý Nhà nước (7310205)	- Toán, Lý, Hoá (A00) - Toán, Lý, Anh (A01) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Anh (D01)	8	75	67
3	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước (7310202)	- Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, GDCC (C14)	5	50	45
4	Chính trị học (7310201)	- Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, GDCC (C14)	5	50	45
5	Công tác xã hội (7760101)	- Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, GDCC (C14) - Văn, Toán, Anh (D01) - Văn, Sử, Anh (D14)	5	50	45



Học đại học **TOP 1%** thế giới ngay tại Việt Nam

- Chuyển tiếp học tại Swinburne Australia
- Cơ hội nhận học bổng đến 250 triệu (*)
- Các ngành đào tạo:
 - Công nghệ thông tin • Kinh doanh • Truyền thông đa phương tiện

Thông tin liên hệ

Swinburne Vietnam Alliance Program (HCMC)

☎ 0387148555

📍 swinburne-vn.edu.vn

🌐 A35 Bạch Đằng, P. 2, Tân Bình, TP.HCM



SỔ TAY HƯỚNG NGHIỆP
NHỮNG THÔNG TIN CẦN BIẾT VỀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2024
KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT CORP (VHV) VÀ STUDENT ASSISTANCE CENTER (SAC)

Chịu trách nhiệm xuất bản
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
TRẦN ĐÌNH BA

Biên tập: ĐÀO THỊ THÚY NGÂN
Sửa bản in: BẢO TRANG
Trình bày & Bìa : MAI ĐỨC SANG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225 - Fax: (028) 38 222 726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn - Website: www.nxbhcm.com.vn - Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1 62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (028) 38 256 804	NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3 88 - 90 Kỳ Con, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, ĐT: (028) 38 216 009 GIAN HÀNG M01 - ĐƯỜNG SÁCH TP. HỒ CHÍ MINH Đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, ĐT: (028) 38 238 191
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2 86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (028) 39 433 868	GIAN HÀNG 13 - ĐƯỜNG SÁCH THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Đường Hồ Thị Tú, P. Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (028) 35 356 804

Thực hiện liên kết:

Công ty Cổ phần Kết Nối Văn Hóa Việt

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

In số lượng 5.000 cuốn, khổ 16 x 23 cm

Tại: Công Ty Cổ Phần In Gia Định

Số 9D Nơ Trang Long, P.7 Quận Bình Thạnh TP.HCM

XNĐKXB số: 1070-2024/CXBIPH/09-58/THTPHCM

QĐXB số: 194/QĐ-THTPHCM-2024 ngày 09/4/2024

ISBN: 978-604-483-393-4

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024



GIỚI THIỆU CHUNG

- Tổ chức các hoạt động chăm lo và hỗ trợ học sinh, sinh viên về vật chất, tinh thần và học tập.
- Phối hợp với các tổ chức, đơn vị triển khai các hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên.

CÁC HOẠT ĐỘNG

01

SẼ CHIA HỌC BỔNG

Tim kiếm và trao học bổng cho học sinh, sinh viên.

02

HỌC TẬP KỸ NĂNG

Trau dồi kỹ năng thực hành xã hội.

03

HỖ TRỢ SINH VIÊN

Giới thiệu nhà trọ, việc làm, kiên tập....

04

HOẠT ĐỘNG TÌNH NGUYỆN

Các hoạt động:
Tiếp sức mùa thi, Gia Sư Áo Xanh,...



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

 33 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

 028.3827.4706 028.3827.7981 028.3827.4709

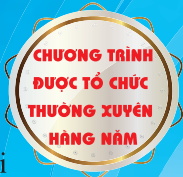
 trungtam@hotrosinhvien.vn

 www.sac.vn - www.hotrosinhvien.vn

 /hotrohssv

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM VÀ HƯỚNG NGHIỆP TẠI TP.HCM

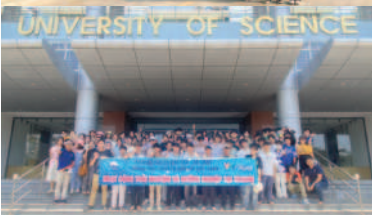
"MỘT NGÀY LÀM SINH VIÊN"



Mục đích: Chương trình là dịp để các em có cơ hội đến trực tiếp tại các trường Đại học, Cao đẳng để trải nghiệm các chương trình đào tạo, học tập, sinh hoạt và cuộc sống tại trường, giao lưu với các anh chị sinh viên. Đồng thời chương trình cũng kết hợp tham quan những địa điểm nổi tiếng và hấp dẫn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình giúp các em học sinh tự tin hơn trước khi chọn ngành và chọn trường.

Nội dung chương trình:

Thời gian	Hoạt động ngày 1
5:00	Đi Thành phố Hồ Chí Minh
8:30	Đến ĐHQG-HCM tham quan, tìm hiểu các chương trình đào tạo Đại học và tham gia giao lưu với Sinh Viên.
11:45 - 12:30	Cơm trưa sinh viên
12:30 - 14:30	Tham quan khu công nghệ cao, nhà máy....
15:00 - 17:00	Trải nghiệm các lớp học một giờ làm sinh viên tại các trường Đại học
17:00 - 18:00	Di chuyển về điểm nghỉ ngơi
18:00 - 19:30	Tham gia chương trình âm thực Sài Gòn
19:40 - 21:40	Chương trình Talkshow “Chọn Nghề Trong Thời Kỳ Nguyên Sốt”, giao lưu cùng các chuyên gia tư vấn hàng đầu trong công tác hướng nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh, gặp gỡ doanh nhân..., giao lưu văn nghệ.
22:00	Nghỉ ngơi
Thời gian	Hoạt động ngày 2
7:00 - 11:30	Đến các trường Đại học tham quan và tham gia các chương trình đào tạo Đại học, giao lưu cùng sinh viên của trường.
11:45 - 12:30	Cơm trưa sinh viên
13:00 - 17:00	Tham quan Thành phố Hồ Chí Minh - những địa điểm nổi tiếng và hấp dẫn. Chụp ảnh lưu niệm, kết thúc chương trình.
Ghi chú: Kế hoạch chương trình mang tính tham khảo. Đơn vị tổ chức sẽ có kế hoạch chi tiết theo yêu cầu của từng trường	



CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT

☛ Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
VP1: Phòng 16, Số 3 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
VP2: 9A Linh Đông, Phường Linh Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM
☎ 0907 474 317 ✉ huongnghiep.tuyensinh@gmail.com

Số tay Hướng nghiệp
Những thông tin cần biết về tuyển sinh
Đại học, Cao đẳng năm 2024
ISBN: 978-604-483-393-4



SÁCH CHUYÊN VỀ QUẢNG CÁO